

CỎ THƠM

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO



NĂM THỨ 22 – SỐ 78 – 2017



CỎ THƠM

XUÂN HẠ 2017

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

<littleisaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.

ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.

PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

VŨ NAM. ĐĂNG NGUYỄN.

NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. HỒ CÔNG TÂM.

NGUYỄN VĂN THÀNH.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIỀN.

PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: California

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

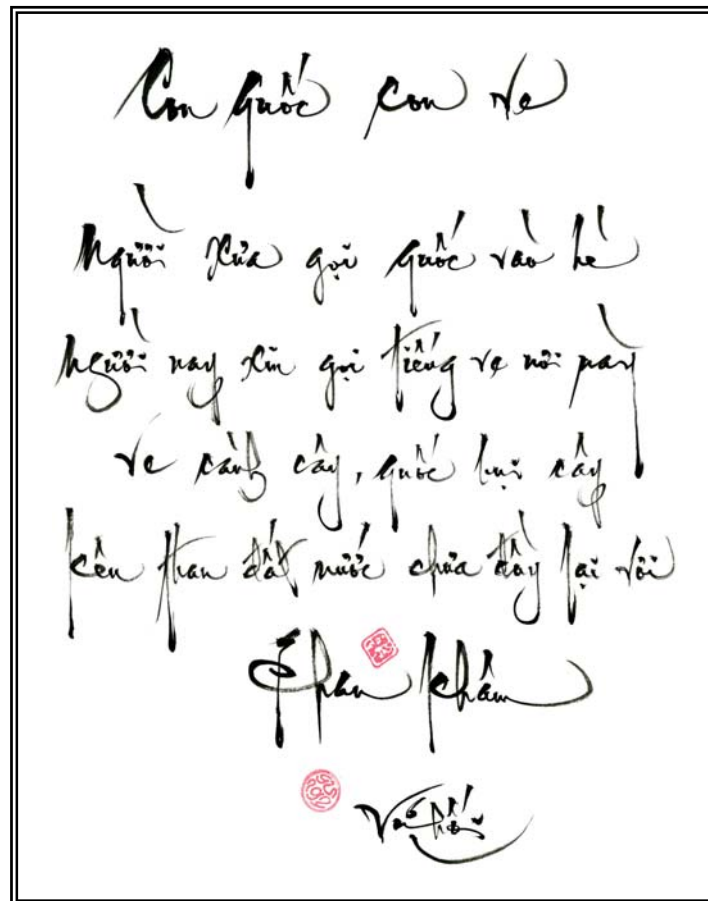
NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

BIÊN KHẢO	Trang		
TRẦN BÍCH SAN: Thơ văn yêu nước	08	DIỄM CHÂU: Bằng lòng là	148
TRƯƠNG ANH THUY: Thử Nhìn	21	PHONG THU: Lỗi hẹn	156
Lại Một số Bài Thơ Vịnh Hai Bà		MÂY THU: Courmonterral	167
NGUYỄN VĂN THÀNH:	26	và ngày lễ hội Paillasse	
Vua Solomon Xứ Ấn		TIỂU THU: Dầu lia ngó ý	177
TÂM MINH NTG: CHU VĂN AN	30	HỒNG THỦY: Bé Mười	184
Thơ ngát hương thiên		LÊ ĐỨC: Giáng Kiều	187
PHẠM TRỌNG LỆ:	35	NGUYỄN THI NGỌC DUNG:	193
Liễu Tông Nguyên - Giang Tuyết		Thư viết cho người tình	
PHẠM VĂN TUẤN:	47	THƠ	
Johann Wolfgang Von Goethe		NGUYỄN THÙY: Đứng lên nhanh	19
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	58	TUỆ NGA: tháng tư vạn cổ sầu	29
Đời sống có đạo đức qua ca dao		HỒ CÔNG TÂM: Tiếc thời VNCH	29
PHẠM THỊ NHUNG: Bài kệ	89	Niềm tin và tuổi trẻ	
TRẦN NHẬT KIM: Ca trù	128	LÝ HIẾU: Mùa xuân núi quê. Cổ thành	34
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	173	NGUYỄN KINH BẮC: Đẹp bóng cờ	34
Chợ Bến Thành		ĐẶNG NGUYỄN: Ý nhị xuân	30
VĂN		HỒ TRƯỜNG AN: Vườn cau...	46
NGUYỄN THI NGỌC DUNG:	06	NGUYỄN VÔ CÙNG:	46
Cỏ Thom chưa ủa nắng hè		Rượu hương mùa cũ	
KIM VŨ: Tâm & Thức	56	KIM VŨ: Mừng em màu nhiệm	54
ĐỖ BÌNH: Chặng đời	70	BÙI THANH TIỀN:	
Ý NGUYỄN: Dòng đời	78	Nha Trang và Em.	63
NGUYỄN LÂN: Ngỏ	86	PHAN KHÂM: Thiên thu rót mật	108
HB HOÀNG DÂN BÌNH:	94	HẠ THÁI TQP: Tháng tư ghi lại	114
Vũ Hối: Nghệ thuật thư họa		NGUYỄN PHÚ LONG:	122
PHẠM BÁ: Thân cư thế	101	Nhớ quên quên nhớ	
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Giác mơ	110	N.T. NGỌC DUNG: Hoang sơ	136
VŨ NAM: Bà Rịa Phước Tuy	115	ĐỖ THỊ MINH GIANG: Nắng hạ	162
TÂM VIỆT: Buổi sinh hoạt văn hóa	118	NHẠC	
TÔN NỮ MẶC GIAO: Cô Ba chè	121	PHAN KHÂM: Thiên thu rót mật	109
TRƯỜNG THY: Hoài niệm	137	GIAO ĐIỂM	
DIỆM TRẦN: Bà Vi	140	THANH THANH: Tuổi già của tôi.	45
NGUYỄN PHÚ LONG:	145	JACQUES PREVERT:	
Nhân đọc Hoa Tương Tư		Chanson du Geôlier	69
		TÂM MINH Ngô Tăng Giao:	69
		Bài ca của chàng cai tù	

DIỄM HOA: Le lac d'amour	88	QUÊ NGƯỜI NHỚ QUÊ NHÀ	117
HÌNH ẢNH TRANH HỌA		WASHINGTON MUSIC	166
LIÊN PHƯƠNG: Soleil Levant, bìa trước.		BS NGUYỄN KIM DUNG	172
Imaginaire, bìa sau		BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	176
VŨ HỒI: Thư họa	005	SOVEREIGN REALTY, INC.	202
PHẠM BÁ: Phát hành báo số 77	203	Tác Phẩm TÔN NỮ MẶC GIAO	207
GIỚI THIỆU		HARVEST MOON RESTAURANT	208
HA NGUYEN & ASSOCIATES, CPA	002	DANH SÁCH HỘI VIÊN	209
HÀNH TRÌNH NHÂN ÁI:	44	TỦ SÁCH CỎ THƠM	210
MÁY NÓT PHÙ HOA:	44	Văn Phòng Luật Sư: IVAN	211
TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC:	87	WALDMAN & ASSOCIATES	
NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN HÓA	77		
Việt Nam Paris 1995-2015			



Cỏ Thơm Chưa Úa Nắng Hè

Thưa quý vị độc giả, văn thi nhạc họa sĩ thân hữu,

Đầu đề trên đây gọi quý vị, nhất là quý vị nghiền *ciné* ở tuổi 15 hay lớn hơn, gọi nhớ đến một phim Thụy Điển nổi tiếng thập niên 50 và được chiếu ở Việt Nam. Phim có đầu đề Pháp ngữ và nói tiếng Pháp, *Elle n'a dansé qu'un seul été*. Phim được phụ đề Việt ngữ và có cái tên Việt rất đẹp và lãng mạn: "Tóc Em chưa úa nắng hè".

Chủ nhiệm Cỏ Thơm đang đi tìm tiêu đề cho lá thư mùa hè thì chợt nhớ đến cái tên phim kia, nên mới có đầu đề văn vẻ hơn, "Cỏ Thơm Chưa Úa Nắng Hè". Tuy nhiên trước khi viết, chúng tôi đã hội ý Nhà thơ Hoàng Song Liêm cho đúng chi tiết trên. Sau đó chúng tôi lại vào Google tra cứu và mở xem phim thì thấy phim đen trắng, sản xuất năm 1951, nói tiếng Thụy Điển nghe chẳng lãng mạn tí nào tuy có phụ đề Anh ngữ. Phim cũ kỹ nên các tài tử Thụy Điển trông cũng không hấp dẫn.

Đến đây xin vào đề Tạp Chí Cỏ Thơm mùa hè số 78. Sau bốn tháng dài nghỉ ngơi, vườn Cỏ Thơm đang chan hòa nắng vàng, hoa thơm cỏ lạ. Bỏ công chờ đợi của quý vị. Hình thức Cỏ Thơm vẫn xinh xắn như bao giờ. Bìa trước là tranh sơn dầu "Soleil Levant" và bìa sau "Imaginaire" của Họa sĩ Liên Phương ở Thụy Sĩ. Họa sĩ là ái nữ của

Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành, tác giả bài viết Vua Solomon Xử Án, trang 26 trong số báo này.

Và, đặc biệt Nhà văn Trương Anh Thụy có bài viết: "Thử nhìn lại một số bài thơ vịnh Hai Bà", trang 21, bàn về những bài thơ của các tác giả tiền bối nhưng đã có những lời thơ khiếm nhã đối với hai vị nữ anh hùng của dân tộc ta. Nhà văn Trương Anh Thụy chờ đón ý kiến của quý vị độc giả.

Cỏ Thơm cũng xin giới thiệu tác giả Lê Đức lần đầu tiên gửi truyện ngắn "Giáng Kiều", đến Cỏ Thơm, trang 187, nhưng là một bài viết xuất sắc, đáng chú ý.

Chúng tôi xin cảm ơn quý văn thi sĩ đã gửi tặng sách: Nhà văn Đinh Hùng Cường tặng tác phẩm "Vì Ngọn Cờ Vàng". Nhà văn Tôn Nữ Mặc Giao San Jose tặng một bộ sách bầy quyền. Nhà thơ Hoa Văn tặng "Mấy Nốt Phù Hoa". Thi sĩ Cao Nguyên tặng tập thơ "Hành Trình Nhân Ái". Văn thi nhạc sĩ Đỗ Bình tặng "Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris, 1985-2015". Thi sĩ Mạc Phương Đình tặng hai tập thơ "Những Dòng Ký Niệm" và "Ru Người Ru Đời".

Tạp chí Cỏ Thơm xin chúc mừng Nhà văn Hồng Thủy đã cho ra mắt tập truyện thứ hai, "Hoa Tương Tư". Thi sĩ Lưu Nguyễn Đạt ra mắt tác phẩm "Thời Luận – Văn Luận". Và còn nhiều chương trình ra mắt sách, giới thiệu

sách trong vùng Hoa Thịnh Đốn và khắp nơi.

Cơ Sở Cỏ Thơm đang rộn ràng lo tổ chức buổi phát hành tập báo mùa hè số 78 này vào ngày Thứ bảy 17 Tháng sáu tại Hội Cao Niên Virginia và giới thiệu tác phẩm đầu tay "Từ Một Vùng Ký Ức" của Tác giả Ý Nguyên. Nhà văn Ý Nguyên mới cộng tác với Cỏ Thơm từ số mùa hè 2011. Nhưng Ý Nguyên viết rất vững và hấp dẫn. Cỏ Thơm nói không ngoa. Xin quý vị xem bài viết Dòng Đời của Ý Nguyên trang 78 và xem bài giới thiệu của Nhà văn Nguyễn Lân về tác phẩm TMVKU' trang 86. Quý vị hãy tìm mua và đọc TMVKU, quý vị sẽ không thất vọng.

Xem như vậy, chúng ta biết rằng văn chương Việt Nam hải ngoại vẫn tung bừng nở hoa bốn mùa. Bởi vì, từ một phần tư thế kỷ nay, văn thi sĩ không cầm bút nữa mà gõ chữ rất dễ dàng hứng thú trên máy vi tính để phát biểu suy tư, bộc lộ tâm tình và sáng tác. Nhiều tác giả tự trình bày thành sách và gửi thẳng tới nhà in rất chính xác. Nghĩ tới nhà báo, nhà in ngày xưa phải sắp chữ và in bằng bản kẽm mà tội nghiệp. Nếu không có *computer*, có thể bản nữ cũng không viết nổi một tác phẩm nào. Ngày nay, hầu như nhà nào cũng có máy điện tính và máy in giấy, in ảnh màu trong nhà. Chúng ta thật may mắn được sống trong thế giới văn minh hiện đại.

Người Việt hải ngoại cũng như các dân tộc lưu vong khác khắp nơi trên thế giới, thế hệ trước, thế hệ sau sẽ tiếp tục viết ngôn ngữ giống nòi, không bao giờ

cạn kiệt. Người già hết nguồn cảm hứng và muốn tâm hồn, trí óc nghỉ ngơi, không suy nghĩ, không viết nữa, đã có lớp con cháu thay thế. Báo này ngưng, có báo khác khởi sắc hơn hay có báo mới ra đời cũng như đời người và vạn vật sinh sản, nảy nở không ngừng.

Khi tập báo số 78, mùa hè thứ 22 của Cỏ Thơm này tới tay quý vị, thì chủ nhiệm cũng xin phép được đi nghỉ hè. Năm nay đại gia đình chúng tôi sẽ có một cuộc họp mặt lớn với chị em con cháu, chất cùng bạn của chúng tại ba căn nhà nghỉ mát gần Hồ Arrowhead, trong vùng núi San Bernardino, cách Los Angeles, một giờ ruổi xe hơi. Thuê được The Bracken Fern Manor với 10 phòng cũng không đủ chỗ cho 65 nhân mạng. Các cháu chúng tôi bên Cali phải thuê thêm hai căn nhà nhỏ hơn gần bên mới tạm đủ. Gia đình nhỏ 11 người sẽ bay từ Virginia, từ Texas và Florida tới California. Số còn lại đều là dân Cali. Chúng tôi đều rất náo nức chờ đợi cuộc họp mặt đầu tiên lớn nhất này của đại gia đình và hứa hẹn một mùa hè vui vẻ.

Cỏ Thơm cũng kính mong quý đọc giả, văn thi nhạc họa sĩ, quý vị mạnh thường quân sẽ có một mùa hè du lịch, nghỉ mát an vui, hào hứng bên gia đình và thân hữu. Rồi chúng ta sẽ gặp lại nhau trong vườn Cỏ Thơm vào mùa thu. Và, nắng hè sẽ không bao giờ làm héo úa tâm hồn chúng ta.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

THƠ VĂN YÊU NƯỚC

TRẦN BÍCH SAN

Lịch sử Việt Nam là một chuỗi dài chiến đấu không ngừng để sống còn trước họa xâm lăng. Từ ngày lập quốc đến hiện đại luôn luôn người dân Việt phải chống ngoại xâm bảo vệ nền độc lập quốc gia. Trong giai đoạn đất nước ngửa nghiêng hoặc lúc giang sơn rơi vào tay ngoại bang, thơ văn yêu nước được kẻ sĩ sáng tác với chủ đích khơi dậy, khích động, nuôi dưỡng, hâm nóng lòng yêu nước của quần chúng, hỗ trợ các lực lượng đấu tranh đánh đuổi ngoại bang giành lại độc lập cho quê hương.

Trước khi tiếp xúc với Tây Phương, nước ta theo đạo Khổng. Khổng giáo hay Nho giáo chủ trương nhập thế tích cực. Lý tưởng của Nho gia là đem tài trí ra gánh vác việc đời, dùng sở học thực hiện những điều ích quốc lợi dân [01]. Từ ngày Nho giáo du nhập vào Việt Nam, giới sĩ phu được coi trọng, luôn luôn đứng đầu tứ dân gồm sĩ, nông, công, thương. Sau này, tuy Nho học bị suy tàn nhưng người có học vẫn trực tiếp tham gia vào việc nước, đóng vai trò lãnh đạo, dẫn dắt quần chúng. Tất nhiên, khi nước bị xâm lăng thành phần này là nòng cốt cho công cuộc đấu tranh giành lại nền tự chủ mà thơ văn yêu

nước đóng một vai trò trọng yếu về mặt tinh thần.

Thơ văn ái quốc thúc đẩy tinh thần yêu nước gián tiếp đưa đến các cuộc khởi nghĩa của Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân, Nguyễn Thiện Thuật, Cao Thắng, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học, v.v. Lòng ái quốc được nung nấu, nuôi dưỡng trong công cuộc chiến đấu là nhờ phần đóng góp lớn lao về tư tưởng của các tác giả thơ văn yêu nước.

Danh tướng Lý Thường Kiệt 李常傑 [02] được coi là người đầu tiên của dòng thi ca ái quốc trong lịch sử văn học Việt Nam với bài thơ *Nam Quốc Sơn Hà* khẳng định chủ quyền đất nước.

Năm 1076 tại trận chiến ở sông Như Nguyệt bài thơ được sử dụng như vũ khí chiến tranh tâm lý khích lệ tinh thần quân Nam chiến đấu. Trong đêm thanh vắng từ trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát bên sông Lý Thường Kiệt cho người đọc lớn bằng loa bài thơ nhiều lần như lời cảnh báo của thần linh khiến quân ta phấn khởi, đồng thời làm cho tướng sĩ quân nhà Tống hoang mang, tinh thần rung động thất kinh hồn vía, sợ hãi chưa đánh đã tan:

南國山河

南國山河南帝居
截然定分在天書
如何逆虜來侵犯
汝等行看取敗虛

NAM QUỐC SƠN HÀ

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay chuốc lấy thảm bại thôi

CÁC ĐẶC TÍNH CỦA THƠ VĂN YÊU NƯỚC

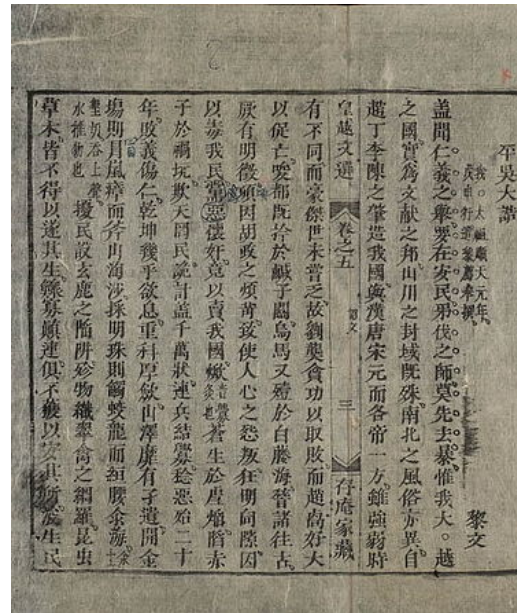
01. SỰ TÀN ÁC CỦA GIẶC

Một trong những trọng điểm của thơ văn ái quốc là làm nổi bật sự tàn ác của kẻ xâm lược bằng những ngôn từ mạnh mẽ cốt hăm nóng lòng căm thù kẻ cướp nước và nhắc nhở người dân đừng quên nỗi khổ ải nhục nhằn dưới ách thống trị bạo ngược của quân giặc:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ
Chước dối đủ muôn nghìn khoe
ác chứa ngót hai mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả cần khôn
Nặng khoa liềm vết không sơn trạch
Nào lên rừng đào mả

SỐ 78

nào xuống bể mò châu
nào hồ bầy hươu đen
nào lưới dò chim sả
Tàn hại cả côn trùng thảo mộc
nheo nhóc thay quan quả điền liên
Kẻ há miệng đưa nhe răng
Máu mỡ bấy no nê chưa chán
Nay xây nhà mai đắp đất
Chân tay nào phục dịch cho vừa?
Nặng nề về những nỗi phu phen
bắt bớ mất cả nghề canh cửi
Độc ác thay! trúc rừng không ghi hết tội
Dơ bẩn thay! nước bể không rửa sạch mùi
Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần nhân nhịn được?
Nguyễn Trãi 抑齋
Bình Ngô Đại Cáo 平吳大誥 [03]



Trang đầu Bình Ngô Đại Cáo 平吳大誥
(từ Hoàng Việt Văn Tuyển 1825)

■

*Chợt lũ quỉ mắt xanh tròng trợn
khua giày đinh đập đổ quán gầy teo
Xi xô cướp bóc
tan phiên chợ nghèo
Lá đa lác đác trước lầu
vài ba vết máu loang chiều mùa Đông*
Hoàng Cầm

■

*Mẹ tôi Em có gặp đâu không
Những xác già nua ngập cánh đồng
Tôi nhớ một thằng con bé nhỏ
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông*

*Từ độ Thu về hoang bóng giặc
Điều tàn ôi lại nổi điều tàn
Đất đá ong khô nhiều suối lệ
Em đã bao ngày lệ chữ chan?*
Quang Dũng
(Đôi Mắt Người Sơn Tây)

02. LÊN ÁN KÈ THEO GIẶC

Những người ngu muội cam tâm theo
giặc bị coi khinh như loài tôm tép. Danh
vọng của kẻ làm tay sai cho ngoại bang bị
miệt thị thối tha như chó chết trôi sông:
*Chẳng phải vương công, chẳng phải hầu
Cũng đòi đãi kiếm lại mang râu
Khoe khoang mắt đỏ trong dòng bích
Chẳng biết mình va cút lộn đầu*
(Vịnh Con Tôm)

■

*Vần vẹn sắc còn phơi lằn dấn
Thối tha danh hồi nổi lên bêu*
(Chó Chết Trôi)
Học Lạc [04]

03. NỖI NHỤC BỊ TRỊ

Trong các nỗi nhục, cái nhục mất nước
lớn lao hơn cả. Dân tộc Việt đã kinh qua
các lần bị Bắc phương nham hiểm thâm
độc đô hộ. Khơi lại đau thương cũ để
quyết tâm, bền chí chống giặc hiện tại:



Phan Sào Nam 潘巢南

*Nó coi mình như trâu như chó
nó coi mình như cỏ như rom.
Trâu nuôi béo, cỏ bỏ rơm,
cỏ moi rễ cỏ, trâu làm thịt trâu*
Phan Sào Nam 潘巢南
(Hài Ngoại Huyết Thư)

04. ĐẢ PHÁ HƯ DANH

Hoà ước năm Giáp Thân ngày
06/06/1884 do Jules Patenôtre, lãnh sự
Pháp tại Bắc Kinh khi ghé Sài Gòn
được chính phủ Pháp phái ra Huế ký
kết, do đó hoà ước này còn có tên là
Hoà Ước Patenôtre. Đây là một mốc

quan trọng của sử Việt, từ đó nước ta hoàn toàn mất về tay người Pháp, địa vị kẻ sĩ trước quốc dân tuy không thay đổi nhưng sĩ phu chân chính phải thích ứng với hoàn cảnh mới. Không hợp tác với kẻ thù là lẽ tất nhiên, nhưng cũng không ra làm quan với triều Nguyễn vô quyền. Ngay cả những người tham chính sau một thời gian thấy rõ sự bất lực của triều đình Huế cũng rũ áo từ quan. Năm 1885, tam nguyên Nguyễn Khuyến đang làm tổng đốc Sơn Hưng Tuyên lấy cớ đau mắt lui về ở ẩn tại làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Phản đối tiêu cực có Phan Văn Trị, sau khi đỗ cử nhân năm 1849 trở lại Phong Điền (Cần Thơ) làm nghề dạy học. Những người tích cực thì hi sinh hạnh phúc gia đình, danh lợi cá nhân, làm đủ thứ nghề để sinh sống nhưng vẫn tìm đường giành lại độc lập cho nước nhà. Tiến sĩ năm Giáp Thìn 1904 Huỳnh Thúc Kháng mở hãng nấu nước mắm Liên Thành, phó bảng năm Tân Sửu 1901 Phan Chu Trinh mở Quảng Nam Thương Hội dệt vải, giải nguyên năm Canh Tý 1900 Phan Bội Châu lặn lội ra nước ngoài tìm cách khôi phục lại đất nước. Lại có những người bỏ cái học khoa cử không thèm đi thi như Lê Đại chỉ đọc sách thánh hiền và dạy ở Đông Kinh Nghĩa Thục. Nghe tin người cháu thi đỗ, ông mừng câu đối:

Có mây không gió, lơ lửng giữa chiều trời, một đôi khi nhẩn một đôi lời, thường hỏi thăm cả làng cả xóm, cả

thân thích họ hàng, gắng sức đưa tài, còn vẫn mơ hồ trong cựu giới
Chẳng lợn thì gà, qua loa xong buổi chợ, mười lăm tuổi học mười lăm chữ, nếu biết nghĩ đến nước đến nhà, đến ông cha chú bác, gióng tai giương mắt, thôi đừng tập tễnh cái hư danh

05. ĐỀ CAO KHÍ TIẾT

Nêu cao vinh dự cho khí tiết của đẳng cấp Nho gia:



Phan Chu Trinh 潘周楨

Thế cục hồi đầu dĩ nhất không
Giang sơn vô lệ khắp anh hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ
Bất cổ văn chương túy mộng trung
Trường thử bách niên cam thoả mạ
Bất tri hà nhật xuất lao lung
Chữ quân vị tất vô tâm huyết
Bằng hương tư văn nhất khán thông
 Phan Chu Trinh 潘周楨 (1872-1926)

Chế giễu khi ngâm ngùi, khi cay đắng
những người có học mà mất hết khí tiết
quên cả cái nhục mất nước vì bả lợi danh:

Hạch triều Hàm Nghi

Thi đời Đồng Khánh

Bái mệnh Toàn Quyền

Bà đầm ngồi giữa

Quan lớn ngồi bên

Các ông lạy xuống trông lên

Vinh hoa áo mào nhục quên mất rồi!

■

Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt

Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng

Tú Xương

(*Giễu Người Thi Đồ*)

06. CHÊ CUỒI HÈN NHÁT

Chê các sĩ phu nhát nhúa *sĩ khí* rụt rè *gà
phái cáo*, cười những quan văn võ tham
sinh úy tử địch quân chưa đánh đã bỏ
thành chạy lấy người:

*Kìa như tổng đốc, bố chánh, án sát,
lãnh binh*

Tiền bổng, gạo lương bao tá?

*Sao thấy thẳng đầu trọc răng trắng, gỏi
run như chùng phong kinh?*

*Sao thấy thẳng mũi lỗ tóc quăn, mặt
xám như hình lôi đã?*

*Nghe cửa tiền rầm pháo nổ, ngọn cờ
theo gió phất xuôi*

*Mở nẻo hậu cho quân lui, bỏ giáo rơi
đường tơi tả*

Phạm Văn Nghị 范文誼

Phủ Pháp Đánh Thành Hà Nội [05]

Hài hước hóa tâm trạng của những kẻ
không dám chiến đấu giữ nước, chết
vì nước.

Thất cổ, tay còn bưng lấy chạc

Trảm mình, đầu lại gói lên cao

Rờ lưng tìm thuốc, rơi đầu mất

Tuốt vỏ gươm ra, cắt chẳng vào

■

Kèn Tây vừa thổi tò te

Đốc Binh đốc chiến xuống khe mà ngồi

Ông nghè ông cống nực cười

Mới nghe tiếng súng rưng rọi cả người

Khuyết Danh

07. COI THƯỜNG MẠNG SỐNG

Thái độ coi cái chết nhẹ tựa lông hồng
của Nguyễn Biểu 阮表 đời hậu Trần
không những làm cho Trương Phụ nể sợ
mà còn là tấm gương thúc đẩy tướng sĩ
của Lê Lợi sau này xả thân vì nước
đánh đuổi giặc Minh:

Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi

Gia hào thêm có cổ đầu người

Nem công chả phượng còn thua béo

Thịt gụ gan lân cũng kém tươi

Ca lồi lộc mình so cũng một

Độ bề vàng sắt bội hơn mười

Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn

Tráng sĩ như Phàn tiếng để đời

Nguyễn Biểu 阮表 [06]

(*Cổ Đầu Người*)

Tinh thần không sợ, thà chết vinh
hơn sống nhục của Trần Cao Vân sau
cuộc khởi nghĩa quang phục với vua
Duy Tân thất bại thể hiện trong bài thơ
ông làm trước khi bị hành hình:

Đứa nào muốn chết chết như chơi
 Chết vị non sông chết vị trời
 Chết thảo bao nài xương thịt nát
 Chết ngay há ngại cổ đầu rơi
 Chết trung tiếng để ngoài muôn dặm
 Chết nghĩa danh lưu đến vạn đời
 Chết được như vậy là hả lắm
 Ta không sợ chết hỡi ai ơi!
 Trần Cao Vân 陳高雲 (1866–1916)

08. KHINH BỈ QUÂN THÙ

Khinh mạn giặc qua hình thức nhạo báng:
 Nhớ ông xưa:
 Mắt ông xanh, da ông đỏ
 Tóc ông quăn, mũi ông lõ
 Ông ở bên Tây ngang tàng, ông sang
 bên Nam bảo hộ
 Quan ông to, ông có lon vàng đeo tay
 Công ông cao, ông có mề đay đeo cổ
 Mắt ông chiếu kính thiên lý, đít ông
 cưỡi lừa
 Vai ông đeo súng lục liên, miệng ông
 huýt gió
 Tháng...ngày hai...ông ở huyện Thụy Anh



Francis Garnier bị quân Cờ Đen phục
 kích ở Ô Cầu Giấy gần Hà Nội

Tháng...ngày mồng...ông sang Thiên
 Bình Phủ
 Ông định giết thằng Đen để yên con đở
 Nào ngờ:
 Nó bắt được ông, nó chặt mất sỏ
 Cái đầu ông kia, cái mình ông đỏ
 Khốn nạn thân ông, dù mẹ cha nó
 Nay tôi:
 Vâng lệnh quan trên, cúng ông một cỗ
 này chuối một buồng, này rượu một hũ
 này xôi một mâm, này trứng một rổ
 Ông có linh thiêng, mời ông xơi hộ
 Ăn uống no say, nằm cho yên chỗ
 Ông ơi là ông, nói càng thêm hổ
 Nguyễn Khuyến [07]
 (Văn tế Francis Garnier)

09. HÂM NÓNG LÒNG YÊU NƯỚC

Đề cao vai trò người chiến sĩ không nề
 nguy nan, khổ ải chiến đấu để bảo vệ
 người thương yêu, quê hương làng xóm:
 Họ là kẻ khi quê hương chuyển động
 Dưới gót giày của những kẻ xâm lăng
 Đã xông vào khói lửa quyết liều thân
 Để bảo vệ tự do cho tổ quốc
 Đặng Phương
 (Anh Hùng Vô Danh)

Đêm nay tôi trở về lành lạnh
 Sông sâu mờ lấp lánh sao lưa thưa
 Ông quần nâu đã vá vụn giang hồ
 Nâng tay súng tôi mơ về Nguyễn Huệ
 Hỡi anh đồng đội
 Người bạn pháo binh
 Anh rút cho khéo nhé
 kéo nhảm nhà tôi
 Nhà tôi ở cuối thôn Đoài

có giàn hoa lý có người tôi thương
Yên Thao

Chiến tranh Việt-Pháp 1946-1954 bùng nổ vào ngày 20 tháng 12, 1946, cả một thế hệ thanh niên nhiệt huyết yêu nước lao vào cuộc chiến chống Pháp mà về sau mới đau đớn nhận ra là bị lừa gạt thì quá muộn, xương máu đổ xuống cho quê hương bị lợi dụng bởi một nhóm người phục vụ cho chủ nghĩa ngoại lai phi dân tộc. Trong 9 năm chiến tranh những vần thơ chiến đấu được sử dụng như một vũ khí tuyên truyền sắc bén và hữu hiệu, ảnh hưởng sâu đậm tinh thần quân dân, đưa đến sự thành công cho Việt Minh:

*Rách tả tôi rồi đôi giày vạn dặm
bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa
Mái đầu xanh thê mãi đến khi già
phơi nắng gió và hoa ngàn cỏ dại
nghe tiếng hẹn của những người Hà Nội
Trở về! trở về! chiếm lại quê hương*
Chính Hữu

10. NUNG NẤU TINH THẦN Ý CHÍ
Thời tiền chiến từ khi *Tự Lực Văn Đoàn* ra đời thổi một làn sinh khí mới vào không khí văn chương ủy mị *Tố Tâm*, *Giọt Lệ Thu* than mây khóc gió, văn chương ái quốc được các nhà văn nhà thơ lồng trong lãng mạn. *Đoạn Tuyệt* (1935), tác phẩm của Nhất Linh là một tiêu biểu. Nhân vật Dũng cuối cùng bỏ lại sau lưng tất cả đi theo tiếng gọi của núi sông:

*Ta hãy cười lên đón ánh dương
Ngày mai sẽ chói rạng quê hương*

*Lòng ta đã thoáng nghe vắng vắng
Tiếng khải hoàn ca dậy phố phường*
Đăng Phương
(*Giã Bạn Lên Đường*)

Bài hát *Quốc Dân Hành Khúc* của Lưu Hữu Phước sáng tác vào tháng 05, 1941 lời ca bừng bừng hào khí đấu tranh nung nấu tinh thần thanh niên (tiền thân của bài *Tiếng Gọi Thanh Niên*, sau này trở thành quốc ca của VNCH ở Miền Nam với chút sửa đổi về lời):

*Nào dân Việt Nam tiến lên đến ngày
giải phóng*

*Đồng lòng cùng đi! đi! đi! sá gì thân sống
Nhìn non sông nát tan, thù nung tâm
chí cao*

*nhìn muôn dân khóc than, hờn sôi trong
máu đào*

*Liều thân xông pha ta tranh đấu
Cờ nghĩa phát phới vàng pha máu
Cùng tiến quét nát những loài dã man
hầu đem quê hương thoát vòng u ám
Thề quyết lấy máu nóng mà rửa
oán chung*

*muôn thuở vì núi sông lưu tiếng anh hùng
Anh em ơi! mau tiến theo bóng cờ
Anh em ơi! quật cường nay đến giờ
Tiến lên! đồng tiến! sá chi đời sống
chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng*

Ngoài những bản nhạc cùng loại như *Đi Hội Đền Hùng*, *Bạch Đằng Giang*, *Hội Nghị Diên Hồng*, *Xếp Bút Nghiên*, *Lên Đàng*, còn những vở kịch như *Thế Chiến Quốc*, *Nửa Đêm Truyền Hịch* (của Trần Tử Anh) mượn lời các nhân vật để thúc dục thanh niên hành động, say

men chiến đấu chờ cơ hội lên đường tranh đấu dành lại độc lập tự do cho dân tộc.

GIÁ TRỊ CỦA THƠ VĂN YÊU NƯỚC

Có tư tưởng rồi mới có phong trào. Phong trào yêu nước chống ngoại xâm không thể không cần tới văn nghệ vì chỉ có hình thức này mới truyền cảm được tinh thần ái quốc vào tâm não con người, mới có thể phát động, lôi cuốn được nhiều người. Chính vì thế mà đối tượng sáng tạo của thơ văn yêu nước không đặt trọng tâm vào việc làm văn chương, thơ văn ái quốc nặng về tư tưởng, nhẹ về nghệ thuật.

Người sáng tác thơ văn yêu nước là những kẻ sĩ đương thời chỉ mượn văn chương như một phương tiện chuyên chở tấm lòng yêu nước thương nòi, dùng thơ văn để hun đúc, khơi dậy ý chí quật cường của dân tộc chống lại cường quyền, bạo lực. Do đó, giá trị thơ văn ái quốc không nằm trên phương diện văn chương mà chính là ở tính cách phổ quát và ảnh hưởng tạo được nơi lòng người đối với quê hương dân tộc.

KẾT LUẬN

Thơ văn yêu nước là một đặc tính nổi bật và độc đáo của văn học Việt Nam so với các nền văn học khác trên thế giới. Sở dĩ có hiện tượng này vì nước ta ở vào hoàn cảnh bị ngoại xâm nhiều lần. Tình trạng bị Tàu đô hộ trên 1000 năm và sau đó dưới ách thống trị của Pháp hơn 80 năm tạo nên một nền thơ văn yêu nước khích động lòng

người trong việc khôi phục lại nền độc lập cho xứ sở.

Trong giai đoạn bị ngoại nhân xâm chiếm thơ văn chống đối bị liệt vào hàng quốc cấm chỉ có thể được lưu truyền trong dân gian một cách lén lút hoặc bằng truyền miệng, nếu sao chép hay in ấn thì cũng chỉ phổ biến kín đáo và hạn chế nên phần lớn bị thất truyền hoặc sai lạc. Thêm vào đó sức hủy hoại lớn lao của binh lửa và thời gian khiến cho gia tài loại thơ văn này bị mất mát rất nhiều. Tuy nhiên, theo định luật tất yếu, những tác phẩm còn lại hẳn phải bao gồm những tiêu biểu, tinh túy nên mới có thể sống mãi trong lòng người và tồn tại với thời gian.

Các tác phẩm thơ văn yêu nước là những nhịp đập đầy máu nóng của những trái tim ái quốc, tác giả là những chiến sĩ ở đầu sóng ngọn gió, dám liều mình cho đại nghĩa, cho dân, cho nước. Người cầm bút là chiến sĩ, cây viết là súng đạn, gươm giáo *đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*. Văn thơ ái quốc kích động một cách có ý thức vào lòng căm thù của người dân đối với kẻ xâm lược tàn ác, vạch mặt chỉ tên đám người bán nước cầu vinh, hàng giặc, làm tay sai cho kẻ thù.

Văn chương từ ngàn xưa vốn không thể tách rời khỏi thời đại, thơ văn ái quốc lại càng phản ánh thời đại nhiều hơn. Khuynh hướng này là một biểu hiện đặc biệt của nền văn học Việt Nam đã phát triển rục rờ trong các thời kỳ nước ta bị ngoại xâm. Bị áp bức bóc lột

càng nhiều thì cảm hứng sáng tạo càng cao, ảnh hưởng chính trị càng thêm mạnh mẽ. Thơ văn yêu nước đem lại vinh dự cho dân tộc, làm đẹp và phong phú cho nền văn học Việt Nam.

TRẦN BÍCH SAN



CHÚ THÍCH

[01] Sách *Luận Ngữ* (một trong *Tứ Thư* của Nho giáo gồm *Đại Học*, *Trung Dung*, *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử*) có câu:

Bất sĩ vô nghĩa, quân tử chi giả, hàng kỳ nghĩa giả

nghĩa là:

Không ra làm quan là không có nghĩa, người quân tử ra làm quan tức là làm việc nghĩa vậy.

[02] **Lý Thường Kiệt 李常傑 (1019 - 1105)**: nhà quân sự kiệt xuất, tài thao lược lỗi lạc, có công phá Tống bình Chiêm, tên thật là Ngô Tuấn (吳俊), tự Thường Kiệt (常傑), sau được ban **quốc tính** nên đổi ra họ Lý, có tên là Lý Thường Kiệt, con của Sùng Tiết tướng quân **Ngô An Ngữ**, cháu của sứ quân **Ngô Xương Xí** và cháu 5 đời của Thiên

Sách Vương **Ngô Xương Ngập** (hoàng tử trưởng của **Ngô Quyền**), người phường Thái Hòa, thành **Thăng Long (Hà Nội)**. Từ nhỏ Lý Thường Kiệt đã tỏ ra có chí hướng và nghị lực, chăm học tập, rèn luyện cả văn lẫn võ, để tâm nghiên cứu binh pháp.

Năm **1061**, người Mường ở biên giới quấy rối, vua Lý Thánh Tông sai ông làm kinh phòng sứ vào thanh tra vùng **Thanh Hóa, Nghệ An**, được toàn quyền hành sự. Ông phủ dụ dân chúng thu phục nhân tâm, tất cả 5 châu, 6 huyện, 3 nguồn, 24 động đều quy thuận. Tháng 02, **1069** ông theo vua Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, làm tiên phong truy bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ chịu hàng dâng 3 châu để được tha về. Nhà Tống 2 lần sang xâm chiếm nước ta đều bị Lý Thường Kiệt không những phá tan mà còn đem quân đánh qua 3 châu của Tàu nữa.

[03] *Bình Ngô Đại Cáo* 平吳大誥 được Nguyễn Trãi 抑齋 làm ra sau khi Lê Lợi đánh đuổi quân nhà Minh giành lại được nền tự chủ cho nước nhà. Tuy sáng tác bằng Hán văn nhưng là kiệt tác văn chương bất hủ, dạt dào cả một linh hồn dân tộc. Bản dịch của Trần Trọng Kim (*Việt Nam Sử Lược* quyển I, trang 242-245)

[04] **Học Lạc (1842-1915)**: tên thật là Nguyễn Văn Lạc người làng Mỹ Chánh, tỉnh Mỹ Tho, xuất thân nhà nghèo nhờ học giỏi nên được tuyển vào ngạch học sinh (ngạch dưới triều

Nguyễn được cấp lương và học tại trường nhà nước địa phương). Vì vậy người ta gọi ông là "học sinh Lạc", dần dần bỏ mất chữ "sinh" còn lại hai chữ "Học Lạc".

Tuy học giỏi, nhưng ông thi mãi không đậu. Sau khi triều đình Huế ký hòa ước năm Nhâm Tuất 1862 nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp, ông không còn thiết tha đến việc thi cử nữa. Ông rời làng Mỹ Chánh về chợ Thuộc Nhiêu, Mỹ Tho dạy học và bốc thuốc mưu sinh. Ông làm thơ trào phúng giễu cợt những kẻ làm tay sai cho Pháp.

[05] **Phạm Văn Nghị 范文誼 (1805-1880)** hiệu Nghĩa Trai, người làng Tam Đăng, xã Yên Thắng, huyện Đại An (Ý Yên), tỉnh Nam Định, đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ năm 1838 nên thường được gọi là Hoàng Giáp Tam Đăng, bổ chức Hàn Lâm Tu Soạn, rồi thăng tri phủ Lý Nhân, sau sung Sử Quán Biên Tu nhưng ông cáo ốm về quê chữa bệnh. Học trò các nơi nghe tin kéo đến xin học rất đông trong đó có Trần Bích San và Nguyễn Khuyến sau này đều đỗ tam nguyên.

Ông chiêu tập người cùng quê đi khai khẩn vùng đất hoang ở cửa bể Đại An lập thành ấp Sĩ Lâm gồm ba xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Hùng và Nghĩa Hải. Năm 1858 làm đốc học Nam Định, nghe tin quân Pháp đánh Đà Nẵng ông xin đưa 400 nghĩa quân chiêu mộ được theo quân triều đình đi đánh giặc,

nhưng khi đến Huế thì quân Pháp đã rút đi. Năm 1866 sung chức thương biện hải phòng sứ trông coi vùng cửa biển Hà Cát. Năm 1873 thăng thị độc học sĩ.

Cuối năm đó Pháp đánh thành Hà Nội và 4 tỉnh Bắc Kỳ. Ông đem nghĩa quân chặn đánh quân Pháp ở ngã ba Độc Bộ nhưng thể yếu nên lui về lập căn cứ ở Ý Yên. Thành Nam Định thất thủ, triều đình Huế ký hòa ước năm Giáp Tuất 1874. Ông thuộc phe chủ chiến bị buộc giải tán nghĩa quân và thu hết quan tước. Chán nản, ông lui về ẩn cư ở động Liên Hoa (trong khu động Hoa Lư, Ninh Bình) và qua đời tại đó.

Ông để lại tập *Tự Ký, Tùng Viên Văn Tập, Nghĩa Trai Thi Văn Tập* bằng chữ Hán, và bài phú Nôm kể lại việc quân Pháp chiếm thành Hà Nội (Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất).

[06] **Nguyễn Biểu 阮表 (1350-1413)**: người Nghệ An, đỗ thái học sinh (tiến sĩ) cuối đời nhà Trần, làm quan đến chức điện tiền thái sử (ngự sử). Khi quân nhà Minh xâm lược nước ta ông phò vua Trần Trùng Quang (1409-1413) tổ chức kháng chiến. Năm 1413, quân Minh đem quân đánh vào **Nghệ An**, vua **Trùng Quang** chạy vào Hóa Châu sai ông đi sứ xin hoà, cốt thực hiện kế hoãn binh, kéo dài thời gian cho Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị xây dựng binh lực.

Tướng Minh là Trương Phụ tiếp ông rất khinh bạc, ngạo mạn, sai dọn ra mâm cỗ chỉ có một cái đầu người luộc chín để thị oai. Nguyễn Biểu ung dung

ngồi vào mâm, nói rằng *mấy thuở được ăn thịt người phương Bắc!* xong thần nhiên lấy đũa gắp mắt của đầu lâu chấm muối ăn. Vừa ăn, vừa ngâm bài thơ *Cổ Đầu Người*. Trương Phụ phải kính phục toan để cho ông về. Hàng tướng là Phan Liêu lúc ấy ton hót với Trương Phụ rằng Nguyễn Biểu nói:

Năng sấm nhân đầu, năng sấm Phụ (nghĩa là ăn được đầu người, tất cũng ăn được Trương Phụ).

Trương Phụ nổi giận đưa câu ấy ra bắt ông phải đổi lại, nếu đổi được mới cho về, không thì chém. Nguyễn Biểu ứng khẩu đổi lại rằng:

Hựu tồn ngô thiệt, hựu tồn Trần (có nghĩa là còn ba tác lưởi của ta, nhà Trần vẫn còn)

Trương Phụ giận lắm đổi ý không để cho ông về nữa, sai thủ hạ cắt lưởi rồi trói ông vào chân cầu cho nước thủy triều dìm chết. Tương truyền ở dưới chân cầu ông dùng móng tay vạch vào thân cầu tám chữ: *Thất nguyệt, thập nhất nhật Nguyễn Biểu tử* (Nguyễn Biểu tử tiết ngày 11 tháng 07).

[07] Đại úy Pháp Francis Garnier bị quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích giết chết ở Ô Cầu Giấy, tổng đốc Hà Nội Trần ĐìnhTúc làm lễ truy điệu cử Nguyễn Khuyến làm bài văn tế.

Nhưng theo Nguyễn Đông Thành (*Giai Thoại Văn Chương*, trang 7-24) tác giả là một nhà Nho ở Thái Bình té mã viên thiếu uý Crivier đồn Phụ Dực bị quân khởi nghĩa của Đốc Đen giết

chết tại Yên Lũ, huyện Thanh Quan ngày 10/09/1889.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Bách Khoa* số 244 & 245, Sài Gòn, 3/1967.
- Chu Thiên, Đặng Huy Vận, Nguyễn Bình Khôi, *Thơ Văn Yêu Nước Nửa Sau Thế Kỷ XIX (1858-1900)*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1970.
- Lãng Nhân, *Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập*, nxb Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn, 1966.
- Lê Văn Siêu, *Văn Học Sử Thời Pháp Thuộc*, nxb Trí Đăng, Sài Gòn, 1974.
- Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi, *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam 1075-1919*, nxb Văn Học, Hà Nội, 08/2006.
- Nguyễn Đông Thành, *Giai Thoại Văn Chương*, nxb Văn Hoá, Houston, Texas, Hoa. Kỳ, 1997.
- Nguyễn Hiến Lê, *Đông Kinh Nghĩa Thục*, nxb La Bối, Sài Gòn, 1970.
 - Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-1965.
- Thái Bạch, *Thi Văn Quốc Cấm*, tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1968.
- Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, 1932, nxb Tân Việt, tái bản lần thứ tư, Sài Gòn, 1950.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược Quyển I*, Tân Việt, tái bản lần thứ năm, Sài Gòn, 1954.
- Uyên Thao, *Thơ Văn Hiện Đại*, nxb Hồng Lĩnh, Sài Gòn 1969.

ĐỨNG LÊN NHANH, GIỜ ĐÃ ĐIỂM!

Nghe chẳng ?

'Toàn dân nghe chẳng' Sơn hà nguy biến'!'

Hỡi những Chị, những Anh

Hỡi Ông Bà, Cô Bác

Hỡi Trí thức, Sinh viên

Hỡi Thanh niên, Học sinh nam nữ

Hỡi Công nhân, Nông dân, Doanh nghiệp

Hỡi Quân nhân, Thương nhân

Hỡi Nhà báo, Phóng viên, Văn Nghệ sĩ

Hỡi toàn dân bên trong, bên ngoài, cả nước

Giờ đã điểm !

Vận nước đang xoay chiều, đổi hướng

Sử sang trang đang dậy dàng âm hưởng

Thúc hối bước ta đi !

« Tổ Quốc lục trảm nhân hữu trách

Phong trần bốn tẩu ngã hà bi ?

Tuệ tâm thiên địa thù nan cộng

Cử mục sơn hà chí bất di !» (I)

Đứng lên !

Đồng loạt đứng lên !

Đồng tâm nhất trí

Quét sạch lũ độc tài, độc trị

Loại ngạ quỷ, ma vương

Đang bán nước, buôn dân

Bán Tổ Quốc, giảng sơn cho giặc Bắc.

Quyết giữ vững sơn hà xã tắc

Cứu muôn dân thoát vòng ô nhục

Thoát gọng kềm đảng trị độc tôn !

Quyết đứng lên !

Mỗi người là ngọn đuốc

Đốt bừng lên

Bá Linh, Luân Đôn, Ba Lê, Sydney, Nữ Ớc

Trước tòa nhà Liên Hiệp Quốc

Cả Sài-Gòn, Hà-Nội

Khắp nơi nơi

Lửa chính khí bừng lên nơi ánh đuốc

Quét sạch lũ gian tà

Cứu nguy Dân Tộc.

Quyết đứng lên !

Thấp muôn nghìn triệu triệu ngọn nến

Nến thiêng liêng, nến của tâm linh

Của Công lý, Tự do, hòa bình, nhân ái

Ánh nến thần linh

Sáng soi lòng mình

Sáng soi dân tộc

Cả thế giới văn minh

Xóa tan thù hận

Đốt cháy tan tành những tà thuyết mị dân

Đem lương tri thay cho tà ý

Đem công lý thay cho cường quyền

Đem tình thương thay cho thù hận

Để tình người sống mãi với thiên thu.

Anh Chị là nhà thơ

Xin làm thơ chiến đấu

Anh Chị là nhạc sĩ

Hãy viết những hùng ca

Anh Chị là nhà họa

Xin vẽ những bức tranh

Nói lên thảm cảnh nước dân mình

Anh Chị là nhà văn

Truyện dài, truyện ngắn

Miêu tả lầm than dân tộc

Cùng thói giả hình, độc ác, gian manh

Anh Chị là nhà báo, phóng viên

Hãy trình bày sự thật

Không bẻ cong ngòi bút

Ca tụng lũ cường quyền

Anh Chị là người tôn giáo

Không về hòa với lũ giáo gian

Để phá hoại lương tri, chánh pháp

Tất cả, tất cả

Mỗi lời là gan, là thép

Đâm ngay vào tim lũ giặc

Nhạc họa, thơ văn, lương giáo

Quyết cùng một lẽ đấu tranh

Chống bạo tàn Cộng sản

Xây dựng nước non mình

Dựng xây trang sử mới
 Ngày Hội Non Sông đang mời, đang đợi
 Bước ta về
 Lộng lẫy sơn khê
 Tưng bừng phố thị
 Đẹp muôn màu muôn vẻ
 Cảnh nước tình dân
 Ngày Hội Non Sông hào hùng tráng lệ
 Ngày Hội Non Sông huy hoàng trọng thể
 Ngày Hội Non Sông náo nức Khải Hoàn ca
 «Núi Rồng Tiên : Nam Quốc Sơn Hà»(2)

Giờ đã điểm

Tất cả, tất cả
 Trong, ngoài, toàn nước, toàn dân
 Đứng lên !
Tay trong tay thề 'sát đất'
 Thề chặn đứng bàn tay mộng đồ xâm lược
 Thu hồi lại Hoàng Sa, Trường Sa, Nam
 Quan, Bán Giốc
 Những phần lãnh thổ đã mất
 Bồi cường đồ phương Bắc
 Bồi chính lũ người theo giặc
 Đã bán buôn, sang nhượng, hiến dâng
 Thề sống lại Đống Đa, Bạch Đằng,
 Chương Dương, Hàm Tử, Chi Lăng
 Máu bất khuất hùng anh bao thưở trước
 Sục sôi lên ngàn độ
'Nghiến răng lay cho đến kỳ sụp đổ
Lũ bạo tàn đang hút máu nhân dân
Mác, Lê, Xít, Mao, Hồ giẫm nát dưới gót chân
Quăng trả lại cho côn đồ mọi rợ' (thơ
 Phương Hà)
 Đốt cờ máu ra tro ra bụi
 Đẻ Cờ Vàng rực rỡ tung bay
 Cờ Vàng bay là tàn đời quân giặc đồ.

Giờ đã điểm

Đứng lên mau !
 Đồng loạt, đồng lòng
 Quyết tâm, quyết chí
 Chính danh, thành ý
 Đào huyết chôn sâu
 Lá cờ đỏ sao vàng

Lá cờ máu đang phủ tạng dân tộc.
 Xua tan đêm tối hải hùng
 Để Việt Nam sau trường dạ mê cung
 Huy hoàng sống lại
 'Thiên Nam vạn cổ hà sơn tại' (3)
'Vạn lý hà sơn chính khí đồng' (4)
 Lá Cờ Vàng rực sáng khắp non sông
 Reo reo vang dòng sống mới anh hùng
 Trải tình người khắp Bắc, Nam, Trung
 Dựng lại Việt Nam giữa trời Đông Á
 Một Việt Nam anh hùng chí cả
 Một Việt Nam sắt son vàng đá
 'Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
 Sơn hà thiên cổ điện kim âu' (5)
 Ngày Hội Non Sông triều dâng lên vơi vơi
 Ngày lịch sử sang trang
 Ngày Quê Hương đổi mới
 Cùng đất trời hợp tấu khúc sinh ca
 'Núi Rồng Tiên : Nam Quốc Sơn Hà' (2)

Chú Thích:

- 1) Thơ cụ Phan Bội Châu, trích trong tập *'Phan Bội Châu thi tuyển'* của Huyền Thanh Lữ (Thư Xã Nhượng Tổng xuất bản, in tại Hoa Kỳ, CA 2002). Huyền Thanh Lữ (đã qua đời tại Đức) dịch :
 Nói Chí của mình
 Tổ Quốc đắm chìm người có phận
 Ngược xuôi gió bụi có sao buồn
 Kẻ thù trời đất không chung đội
 Nhìn ngấm non sông chí chẳng mòn.
- 2) Mượn ý thơ của Lý Thường Kiệt : 'Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư'
- 3) Lời vua Lê Thánh Tôn ở buổi Hội Lược Đầu Giang năm 1470, có nghĩa 'Sông núi trời Nam vạn thưở vẫn tồn tại'
- 4) Lời thơ Nguyễn Du : *'Vạn lý hà sơn chính khí đồng'*, tạm dịch : *'vạn dặm sơn hà chính khí chung'*
- 5) Hai câu thơ của vua Trần Nhân Tôn sau ngày đánh tan quân Nguyên xâm lược. Có người đã dịch : *'Xã tắc hai phen bon ngựa đá, Sơn hà nghìn thưở vững âu vàng'*.

Nguyễn Thùy

Câu Chuyện Văn Học

THỬ NHÌN LẠI MỘT SỐ BÀI THƠ VỊNH HẢI BÀ

TRƯƠNG ANH THỤY

I- “*Bà Trưng quê ở Châu Phong,
“Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.”*
(Câu 331-332 - Đại Nam Quốc Sử
Diễn Ca - Hoàng Xuân Hãn soạn)

Hai câu thơ trên cứ ám ảnh tôi từ
thuở bé đến giờ...

Năm tôi đáng lẽ phải được cấp sách
đến trường thì gia đình lại phải tản cư
về quê ngoại thuộc phủ Thường Tín,
tỉnh Hà Đông. Nhà không có sách gì để
học ngoại trừ cuốn Đại Nam Quốc Sử
Diễn Ca (ĐNQSDC) của ông Lê Ngô
Cát, một cuốn sử thi viết bằng chữ nôm
do vua Tự Đức thứ 23 giao phó. Thế là
tôi vừa tập đọc, vừa học sử theo cách
thức này.

Bên cạnh cuốn ĐNQSDC, thân phụ
tôi còn giảng thêm là Hai Bà thuộc con
nhà võ. Phụ thân là quan lạc tướng, từ
thuở nhỏ đã được huấn luyện kiếm
cung, bày binh, bố trận... Cha tôi còn
dựa theo cuốn Thiên Nam Ngũ Lục
(thiên trường sử viết vào cuối thế kỷ 17-
dài hơn 8 ngàn câu thơ) trích đọc những
câu mô tả hai bà Trưng Trắc và Trưng
Nhị như sau:

“... *Gồm no văn vũ mọi tài, / Bề trong
thao lược, bề ngoài cung tên...*”

Tại sao Hai Bà lại chịu khó tôi
luyện binh mã, cung tên... từ thuở nhỏ
để làm gì, nếu không phải là để nuôi chí
lớn, đánh đuổi giặc Tàu xâm lăng, cứu
dân, cứu nước? Lúc đó bà Trưng Trắc
đâu đã biết ông Thi Sách là ai? Rõ ràng
việc ông Thi Sách sau này bị Tô Định
ám hại chỉ là cái cớ, là “giọt nước tràn
ly” khiến Bà cùng em là bà Trưng Nhị
dấy binh khởi nghĩa. Việc cứu nước cứu
dân thoát đời nô lệ là lý tưởng ban đầu
của Hai Bà. Bất cứ văn thơ nào viết về
Hai Bà mà chỉ nói đến “thù nhà, “thù
chồng” đều là khiếm khuyết, đều làm
giảm bớt đi lòng yêu nước nồng nàn, hạ
thấp cái nhân cách cao vời vợi ở Hai Bà.
Còn ông Thi Sách: “*Bắc Biên ngoài cõi
Chu Diên, / Vũ Giang huyện ấy sinh nên
một người. / Tên là Thi Sách có tài, /
Dòng dõi nhà đời, con cháu Hùng
Vương...*” Và sau khi ông Thi Sách và
bà Trưng Trắc đã thành hôn thì: “*Vợ
chồng mừng thăm nhân duyên, / Toan
đường mở nước, dựng nên nghiệp nhà.*”
Bà Trưng Trắc lập gia đình với ông Thi
Sách, cũng dòng dõi quan Lạc tướng,
lại cùng chí hướng thì cái lý tưởng phục
quốc lại càng như điều gặp gió, lực

lượng quân sự lại được tăng cường gấp bội. Tình hình đã chín muồi (“*Nước sao bĩ ối bấy ôi! Để người răng trắng hiếp người răng đen.*” [TNNL]). Mọi mưu toan đã sẵn sàng..., việc bà Trưng Trắc cùng em nổi lên đánh đuổi giặc Tàu ngay sau khi ông Thi Sách bị giết hại là đương nhiên, là hợp tình, hợp lý, là gặp “thiên thời, địa lợi, nhân hoà...” Xin hỏi, Hai Bà không khởi nghĩa vào lúc này thì còn đợi lúc nào?

Không chỉ có thế. Ba năm sau khi vua Hán không chịu được cái nhục thua trận bèn sai Mã Viện sang nước ta với 20 ngàn quân cướp chuyên nghiệp để trả thù, ông Lê Ngô Cát lại viết:

“*Hồ tây đưa sức vẫy vùng,*

***Nữ nhi** chống với **anh hùng** được nao?”*
(Câu 345-346)

Gọi giặc là “anh hùng”, gọi Hai Bà là “nữ nhi” thì chỉ có người Tàu viết sử Việt mới viết như thế chứ làm gì có người Việt viết sử Việt như thế bao giờ?

Tới một lúc tôi không nhịn nổi nữa, bèn đem sự bất bình thưa với thân phụ thì được ông đồng tình ngay. Ông nói: Tuy cuốn sách sau này được người đời ca tụng nhiều nhưng khuyết điểm cũng không phải là hiếm, có lẽ vì thế mà vua Tự Đức cũng không lấy gì làm đắc ý cho lắm, viết xong ông Lê Ngô Cát chỉ được vua thưởng cho một tấm lụa với hai đồng tiền. Tôi ngâm thơ hỏi: “Có thể ở thời đó một tấm lụa với 2 đồng tiền là to lắm rồi?” Bố tôi trả lời: Nhưng ông Lê Ngô Cát không cho là to nên ông làm hai câu thơ: “*Vua cho thặng Cát có tài,/ Ban*

cho cái khó với hai đồng tiền.” Có chỗ sử chép rằng câu thơ này đến tai vua Tự Đức, ngài bèn nổi giận đây ông đi xa...

Tôi phá lên cười đắc chí!

Rồi khi hết di cư về thành (Hà Nội) tôi được đi học, có trường, có lớp hẳn hoi, tôi lại gặp chuyện “bất bình” trong một bài vịnh Hai Bà Trưng khác :

Tượng đá trời Nam trái tuyết sương,

Ngàn năm công đức nhớ Trưng Vương.

Tham tàn trách bởi quân gây biến,

*Oanh liệt **khen thay gái di thường.***

Liều với non sông hai má phấn,

Giành nhau nòi giống một da vàng.

Cột đồng Đông Hán tìm đâu thấy,

Chỉ thấy Tây Hồ bóng nước gương.

Tác giả : Hoàng Cao Khải (1850-1933)

Thiết tưởng ta cũng nên nhắc sơ qua về ông Hoàng Cao Khải. Theo Wikipedia, ông là “nhà sử học và là đại thần thân Pháp dưới triều vua Thành Thái trong lịch sử Việt Nam.” Vẫn theo Wikipedia, ông: “...quê ở làng Đông Thái, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ cử nhân khóa 1868, năm Tự Đức thứ 21. Năm 1884, Pháp chiếm Bắc Kỳ, trong khi các phong trào chống Pháp nổi dậy thì ông lại hợp tác với Pháp để đàn áp các phong trào nghĩa quân chống Pháp...”

Tới ngày hôm nay người ta vẫn còn nhắc đến ông, cả ở trong lẫn ngoài nước. Người kết tội ông về việc làm tay sai cho Pháp, nhất là các sĩ phu cùng thời với ông dựa trên sự kiện ông đem quân đi diệt trừ các văn thân khởi nghĩa, tàn khốc nhất là cuộc khởi nghĩa vùng

Bãi Sậy. Người bệnh vực ông cho rằng ông có văn tài, để lại nhiều tác phẩm chữ Hán cũng như chữ nôm trên nhiều lĩnh vực. Nhiều nhất là các tác phẩm về lịch sử...vv...

Ông Hoàng Cao Khải là ai? Ông phải, ông trái... không thuộc phạm vi phân xét của chúng tôi trong bài này, thế nhưng chúng tôi vẫn thấy cần phải đặt câu hỏi ở đây là, ông có nên và có quyền “dán nhãn hiệu” và “khen” hai vị cân quốc Anh Thục của dân tộc (14-43 sau công nguyên), sống 19 thế kỷ trước ông bằng những ngôn từ trịch thượng, bất kính... như vậy hay không?

Một trường hợp khác: Tôi không còn nhớ là được đọc ở đâu bài thơ dưới đây có ghi tên tác giả là Đinh Hùng. Sau đó tôi tra cứu ở vài tài liệu thơ của nhà thơ Đinh Hùng thì không thấy có bài này. Dù sao, dù bài thơ này của ai thì tôi cũng thấy không ổn chút nào hết. Và nếu không phải là của nhà thơ Đinh Hùng mà chỉ là của một người nào trùng tên thì tôi lại mừng vì nhà thơ nổi tiếng, có nhiều người hâm mộ của chúng ta đã không làm một việc khinh xuất như vậy. Bài thơ như sau:

*Thủa đó, non sông bừng chính khí,
Có **nàng** thực nữ khoác nhung y.
Vàng trắng Lãng Bạc còn in bóng,
Phảng phất hồn theo theo gió Cẩm Khê.
Nàng đã trao hồn cho núi sông,
Ánh trắng vàng, mái tóc phiêu bông.
Mấy lần gươm báu trao tay đẹp,
Trung dũng lòng hoa thấm sử hồng.*

Chữ “nàng” nói chung, người ta thường dùng để gọi người đàn bà, con gái như “nàng hầu”, “nàng dâu”, “cô nàng”...vv... đặc biệt hay dùng trong văn thơ như “nàng Kiều”, “nàng Ban, ả Tạ”, hay trong tiểu thuyết dùng thay cho “cô ấy”, “bà ấy” “chị ấy...” Chữ “nàng” nghe có cái vẻ xách mé nếu dùng cho một người lớn tuổi hay nhất lại là một người đang được tôn thờ. Chữ “nàng” dùng để gọi Hai Bà trong bài thơ này vì thế không tương xứng với vị thế của một nữ anh hùng dân tộc!

Cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, một nhà thơ lớn của nước ta, làm bài thơ vịnh Hai Bà khiến tôi không biết phải nói thế nào (!) đành chép toàn bài ra đây, dám mong quý độc giả tùy nghi thẩm định:

HAI BÀ TRUNG

(Dùng lời văn rất phần-uất kích-hiệt để cực kỳ ca tụng khen ngợi Hai Bà.):

*Sáu năm thành quách đã tan rồi,
Trắc, Nhị đâu mà nẩy một đôi.
Cả nước bấy lâu toàn mẹ hăm (1)
Hai bà chắc hẳn có con bồi (2)
Một đàn em bé theo sau dít
Mấy chú quân Tàu chạy đứt đuôi.
Hồn đã lên tiên còn tiếc nước,
Ngàn thu sông Cẩm (3) bóng trăng soi.*

Tản Đà

Chú thích:

(1) Từ trước cả nước là đàn bà cả, cho nên thu phục ở dưới ách đô-hộ của Tàu mãi.

(2) Hai Bà chắc hẳn là đàn ông, chứ đàn bà sao lại có sự nghiệp oanh liệt như thế.

(3) Cầm là Cầm Khê (*Cầm Khê đến bước hiềm nghèo/ Chị em thất thế cũng liêu với sông.*)

Nguồn:

Tản-Đà Vận-Văn - toàn tập (trang 126), NXB Hương Sơn

Tất cả các chú thích cho bài thơ, kể cả câu đề dưới cái τίτ, theo thiên ý là của người soạn sách chứ không phải là của thi sĩ Tản Đà.

Đưa ra ý kiến về mấy bài thơ trên, người viết bài này chỉ muốn làm công việc trả lại sự thật cho lịch sử... đồng thời nêu lên quan điểm là phạm đã làm thơ làm văn ca ngợi, tôn vinh các danh nhân lịch sử, thì dù mình có đang ở địa vị cao sang quyền quý đến mức nào thì mình cũng vẫn chưa được người đời phong cho làm “người của lịch sử,” hơn thế nữa mình vẫn còn là hậu sinh của đối tượng, do đó lời lẽ phải nghiêm trang, tôn kính, văn phong phải trang nhã lịch sự, bằng không thì đúng là “kính chẳng bỏ phiến!”

Chúng ta là hậu thế không nên bị choáng ngợp trước những sáng tác, tư tưởng, triết lý... của các bậc tiền bối hay những người đi trước để rồi cứ nhắm mắt chấp nhận, nghe theo, làm theo, dậy lại, trích dẫn... Hãy đọc các tác phẩm ấy với một tâm hồn đón nhận, cởi mở... nhưng phải suy nghĩ, nhận xét... Có thể chúng ta mới mong học được cái gì hữu ích, và có thể chúng ta mới mong không phạm lỗi đối với thế hệ mai sau...

II- Tôi đây đề tài: “Thử Nhìn Lại Một Số Bài Thơ Vịnh Hai Bà” mới chỉ nói được có một nửa. Nửa sau đây, xin “nhìn lại” các tuyệt tác ca ngợi Hai Bà, không thôi bài này sẽ vô cùng thiếu sót.

Vào khoảng thập niên 30 của thế kỷ trước, tờ báo Trung Bắc Tân Văn mở một cuộc thi thơ Vịnh Hai Bà nhân dịp đền thờ Hai Bà được trùng tu. Ban giám khảo gồm có các vị trong Ban Biên Tập của tờ TBTV: Các cụ Phan Kế Bính (chủ khảo), Nguyễn Đỗ Mục, Dương Bá Trạc. Số bài dự thi có hàng 100. Bài của cụ cử Hoàng Thúc Hội(*) được giải nhất và được cung tiến vào đền thờ Hai Bà tại làng Đồng Nhân (Hà Nội). Theo Wikipedia thì bài thơ này được khắc vào bia đá tại đây. Bài thơ như sau:

*Ngựa Gióng đã lên không,
Rừng Thanh voi chứa lòng.
Nảy chồi hoa nụ Lạc,
Mở mặt nước non Hồng.
Trăng dọi gương hồ Bạc,
Mây tan dấu cột đồng
Nén hương lòng cố quốc,
Xin khấn một lời chung*
Hoàng Thúc Hội

(*) **Tác giả Hoàng Thúc Hội** (1870 - 1938), hiệu **Cúc Hương**, tự **Gia Phủ**; là một nhà thơ, nhà văn Việt Nam thời Pháp thuộc. Cụ đậu cử nhân năm Bính Ngọ (1906) nhưng không ra làm quan. Cụ mất năm Mậu Dần (1938), hưởng thọ 68 tuổi. Sinh thời, đạo đức và tài văn chương của cụ được nhiều sĩ phu kính trọng. (Theo Wikipedia.)

Cụ Đào Hữu Khôi, cử nhân năm Canh tý, làm án sát tỉnh Hà Đông rồi tuần phủ Quảng Yên, cụ làm một bài thơ chữ Hán vịnh Hai Bà. Nghe nói bài này được khắc vào chiếc đỉnh đồng để cung tiến đền thờ Hai Bà, không biết có đúng hay không và nếu đúng thì liệu tại đền thờ có còn chiếc đỉnh đồng đó không ?

*Tả khước yên chi sự kiếm cung,
Lĩnh Nam lục thập nhị thành không.
Khởi binh thệ bất dong thù cộng,
Tạo quốc chung tu hữu muội hùng.
Tượng quận sơn hà dư cố lũy,
Long-biên hoàn bội diếu Tiên-cung.
Bá Vương miếu mạo thiên thu tại,
Nhật lạc tây phong chiến cổ từng.*

Bài này được lược dịch ra văn xuôi như sau: “Vứt bỏ phần sơn để theo việc kiếm cung/ Thu được 62 thành trì của đất Lĩnh Nam/ Khởi binh thề quyết không dung giặc xâm lăng/ Trong việc dựng nước lại được em cũng là bậc anh hùng giúp sức/ Nước Tượng quận (tên nước ta cũ) vẫn còn lại nền lũy xưa/ Bên thành Long Biên (Hà Nội) có cất đền thờ/ Đền thờ hai vị Bá Vương ngàn năm vẫn hương khói/ Ngày lặn mặt trời gió Tây đập vào những ngọn thông cổ.

Các cụ túc nho cùng thời với cụ Đào Hữu Khôi đánh giá cao bài thơ này, cho rằng câu cuối cùng “*Nhật lạc tây phong chiến cổ từng*” khiến người đọc như nhập cảnh... vẫn còn nghe trong gió tiếng hò hét của thiên binh vạn mã, tiếng gươm giáo, tiếng ngựa hí... quanh nơi thờ phượng Hai Bà vào mỗi buổi chiều tà...

Một bài thơ vịnh Hai Bà của cụ Trương Hữu Tùng cũng được khen là lời ý trang nhã, đầy vẻ trang trọng túc kính:

*Binh mã Châu Phong động,
Tham tàn bến Nhị Thanh.
Ẩn sâu tình một gốc,
Thù nặng nghĩa liền cành.
Vương Bá hai vàng nguyệt,
Giang sơn sáu chục thành.
Ba năm chia Hán Việt,
Muôn thuở ngưỡng uy linh.*

III- Như tựa đề giới hạn bên trên, chúng tôi chỉ có thể nêu lên một số bài thơ vịnh Hai Bà tiêu biểu, dám mong các nhà văn, nhà thơ, các học giả, thức giả bổ khuyết và góp ý với ý kiến thô thiển của chúng tôi. Các câu đối đã được khắc cung tiến tại các đền thờ Hai Bà thì có rất nhiều nhưng không thuộc phạm vi bài này. Cũng có nhiều bài thơ ca ngợi hay vịnh Hai Bà rất giá trị của một số tác giả thời nay, nhưng trang giấy có hạn, chúng tôi không thể ôm đồm hơn được.

Một sự “ám ảnh,” một sự “bất bình” mà giữ trong lòng từ thuở bé đến tận tuổi về chiều mới nói ra thì kể cũng là một việc làm muộn màng, nhưng thiết tưởng muộn còn hơn không! Đây cũng là một món nợ quá hạn của chúng tôi đối với Hai Bà, hai bậc cân quốc Anh Thục mà tôi từng ngưỡng mộ từ thuở bắt đầu biết đến lịch sử nước nhà./.

TRƯƠNG ANH THỤY
(Virginia)

VUA SOLOMON XỬ ÁN

Vua Solomon đang ngồi ở phòng xử án, bỗng có hai con bọm vào phòng xử và đứng trước mặt vua khai, “Chúa tôi ơi! Người đàn bà này ở chung một nhà với tôi và tôi sinh đứa con trai. Sau ba ngày, người đàn bà này cũng đẻ đứa con trai. Chỉ có hai chúng tôi ở chung với nhau, không có kẻ lạ nào ở với chúng tôi. Đứa con của bà này chết bởi vì bà ta đã nằm đè lên nó. Khoảng nửa đêm, bà ta thức dậy ôm đứa con của tôi vào lòng rồi đặt đứa bé chết vào lòng tôi. Sáng sớm khi thức dậy để cho con bú, tôi thấy nó đã chết. Tôi nhìn kỹ càng nhận thấy nó không phải là con của tôi.”

Rồi người đàn bà kia trả lời, “Đứa sống là con trai tao, đứa chết là con trai mày.”

Người đàn bà này nói, “Đứa chết là con trai mày, đứa sống là con trai tao.” Họ khai như thế trước mặt vua Solomon.

Với các sự kiện như vậy, hai bên tranh chấp đứa bé trai còn sống thỉnh nguyện vua phán xét. Chỉ có lời khai trái ngược của hai bên tranh tụng. Không có nhân chứng, chồng, bạn hữu và thân nhân ra khai trước Tòa.

Phương pháp điều tra thời đó phần nhiều dựa vào sự sáng suốt và uyên bác của pháp quan. Nếu có đủ nhân chứng để ra Tòa đối chất, vua Solomon có thể tìm ra được sự thật cho thấy ai là kẻ khai gian.



(Tác phẩm của Gustave Doré.
Vua Solomon xử án. In từ bản khắc
trong Thánh Thư. 1866)



(Tác phẩm của Họa Sĩ Peter Paul Rubens. Vua Solomon xử án. 1615.1617. Tranh sơn dầu trên vải bố. Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hoàng Gia, Copenhagen, Đan Mạch)

Trước khi tuyên án, vua Solomon làm theo đúng thủ tục của luật Talmud, luật tôn giáo của Do Thái. Vua nhắc lại công khai lời khai của hai bên tranh tụng trước Tòa. Người này nói, “Đứa bé sống là con trai tao, đứa chết là con trai mày.” Người kia nói, “Đứa chết là con trai mày, đứa sống là con trai tao.” Nhắc xong lời khai trái ngược đó, bất thần vua Solomon ra lệnh, “Vây, hãy đem cho ta một cây gươm.”

Vua đã làm đúng thủ tục phần đầu nhắc lại lời khai của hai bên tranh tụng nhưng phần sau ra lệnh cho đem cây gươm ra đã vi phạm luật Talmud, bị một số người chịu ảnh hưởng của luật Talmud chỉ trích. Luật tôn giáo của Do Thái cấm sự đe dọa để lấy lời khai của hai bên trước Tòa. Tuy nhiên, theo ý nghĩ của dân gian, một pháp quan lỗi lạc cần phải có những phương pháp trực

tiếp, nhanh chóng và đặc biệt để tìm ra sự thật trong những vụ án khó khăn.

Khi vua Solomon ra lệnh cho đem cây gươm chỉ có mục đích quan sát hai người đàn bà để xem phản ứng của họ ra sao. Nếu là kẻ gian chắc người đàn bà giả đó sẽ tỏ ra có dấu hiệu sợ hãi; chỉ cần hỏi cung một hay hai câu, người đó sẽ thú nhận. Sự việc diễn ra không theo ý muốn của vua Solomon. Người đàn bà giả mạo rất ương ngạnh, gan lì và rất khôn ngoan, không hề tỏ ra sợ hãi gì cả.

Vua Solomon bèn ra lệnh, “Hãy chia đứa trẻ sống làm hai; phân nửa cho người này, phân nửa cho người kia.”

Sự đe dọa của vua đã có hiệu quả mong muốn. Người mẹ đích thực của đứa bé vì xúc cảm và thương yêu con mình vội quỳ xuống tâu với vua, “Ôi, Chúa tôi! Xin hãy cho người kia đứa trẻ sống, chớ giết nó.”

Người đàn bà giả mạo kia nói, “Nó sẽ chẳng thuộc về tao mà cũng chẳng thuộc về mày; hãy chia nó đi.”

Nghe xong lời thỉnh nguyện của hai bên tranh chấp đứa bé trai còn sống, vua Solomon phán: “Người đàn bà xin cho đứa trẻ sống mới đích thực là mẹ nó. Chớ giết nó. Hãy giao đứa bé sống cho người đàn bà này.”

Lệnh, “Hãy đem cho ta một cây gươm.” (*Fetch me a sword*) nổi tiếng dưới triều đại vua Solomon của nước Do Thái (975- 933 trước Công Nguyên) được ghi trong Sách Thứ Nhất về các Vua, chương 3: đoạn 16 đến 28 (*First Book of Kings, 3: 16- 28*).

Vua Solomon không những nổi tiếng về vụ án đề cập ở trên mà còn được

lịch sử tôn giáo nhắc nhở khá nhiều về vị vua thông thái này đã xây dựng Ngôi đền đầu tiên tại thành phố Jerusalem.

Ngôi đền Solomon hoàn tất vào năm 922 trước Công nguyên cho đến năm 586 trước Công Nguyên thì bị vua Babylon, Nebuchadnezzar, tàn phá và lưu đầy người Do Thái về Babylon. Tiếp đến, Nehemish xây dựng lại những bức tường của cổ thành Jerusalem về hướng Tây vào năm 44 trước Công Nguyên. Sau này, quân La Mã xâm chiếm và phá hủy ngôi đền, nay chỉ còn sót lại những viên đá nằm ở bức “Tường Khóc Than” (*Le mur des Lamentations*) tại cổ thành Jerusalem (năm 70 sau Công Nguyên).



(Bức “Tường Khóc Than”)

Người Do Thái bị lưu đầy và phải đợi 1897 năm mới trở về cầu nguyện tại bức “Tường Khóc Than” trong trận chiến Sáu Ngày tháng 6 năm 1967. Người đầu tiên vào cổ thành Jerusalem cầm ngọn cờ Do Thái vào ngày thứ Tư mùng 7 tháng 6 năm 1967, trên trụ bức “Tường Khóc Than” là Trung úy Dư Yoram, theo sau binh sĩ Dư dưới quyền

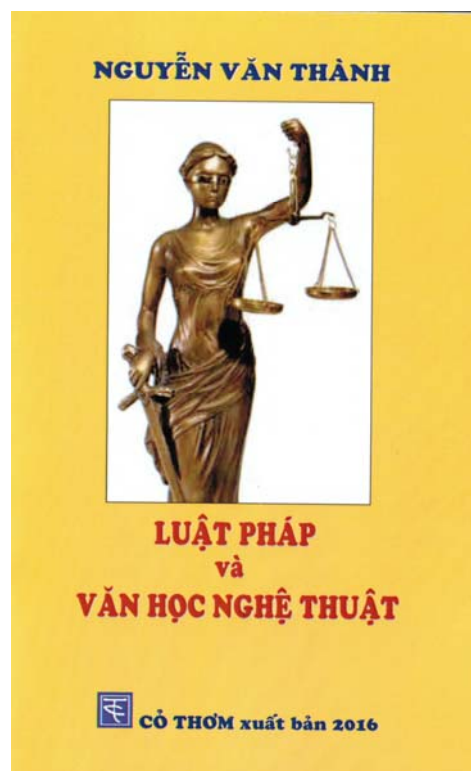
sĩ quan này đứng sau cầu nguyện và thề “*Sẽ không bao giờ để mất Jerusalem nữa. Không bao giờ. Không bao giờ.*”

Do Thái đã sát nhập Jerusalem và đặt thủ đô tại đây kể từ năm 1981.

Chú thích:

-David Werner Amram- From Leading cases in The Bible- “*The Murder of Babel*” & “*The Judgment of Solomon*”

-*The Complete Bible Handbook* by John Bowker-*Lightning out of Israel- The Arab-Israel Conflict* by the Associated Press- Commemorative Edition)



THÁNG TƯ KHÚC VẠN CỔ SÀU

Nhớ sao là nhớ chao ôi !
Hoàng hôn bằng lăng đất trời mệnh mông
Gió bay mây nhánh cỏ bông
Sầu tư đem thả mấy sông cho vừa
Thuở bình minh óng mượt tơ
Hương Lan thơm ngát đến giờ còn thơm
Bao nhiêu nước chảy về nguồn
Bao nhiêu thương nhớ vấn vương
Quê mình
Đồi xanh Mây trắng tự tình
Có nghe bão nổi bất bình vẫn đang !
Nhấn người qua chuyến phà ngang
Tâm tình khách lữ đăm trang Tuyết sầu
Ơi, hồn luân lạc về đâu ?
Tháng Tư, Khúc Vạn Cổ Sầu âm vang
Phím buồn rưng rưng trường giang
Thơ đau ! bút nhỏ hàng hàng lệ sương,
Quê Hương đành gọi Cố Hương !
Vẫn nghe gió nổi bốn phương u hoài ...
Sầu mình hay nỗi sầu ai
Gió lên, kia gió lên rồi, gió bay !
Trăm năm thế sự vui đầy ...
Hẹn Em, mình sẽ có ngày đoàn viên
Mưa chiều từng sợi nghiêng nghiêng
Thơ ai thả gió trắng triền hư không
Thơ theo gió, Thơ bèo bồng ...
Gửi Trăng, ai gửi tấm lòng hoài hương
Mây đầy trời, Mây tha phương ...

TUỆ NGÀ

TIẾC THỜI VNCH

Miền Nam thuở ấy sống hài hòa
Nuối tiếc một thời hạnh phúc qua
Liềm Búa đập đầu đăm ngọng ngịu
Mác Lê nhồi sọ thét mù lòa
Sông ngòi xả thải tiêu tôm cá
Vườn tược khô rang trụi lá hoa
Ruộng đất Đảng ta về cướp sạch
Lửa thù nung nấu khó phai nhòa

2017

Hồ Công Tâm

NIỀM TIN & TUỔI TRẺ

(Thân mến gửi tặng Trần Kiều Ngọc)

Phong Trào Giới Trẻ Vì Nhân Quyền
Hiệp lực đồng tâm quyết đứng lên...
Tận hiến trọn đời cùng quốc tổ
Dấn thân mẫn cuộc với gia tiên
Gieo mầm ý thức về nguồn cội
Thắp sáng Tin Yêu tới mọi miền
Hành động vị tha không mệt mỏi
Con tim chân chính nhịp trung kiên

April 2017

Hồ Công Tâm



CHU VĂN AN

thơ ngát hương Thiền

Ngay từ hồi còn trẻ cụ Chu Văn An (1292-1370) đã nổi tiếng là một người cương trực, giữ tiết tháo, không cầu danh lợi, chỉ ở nhà đọc sách. Sau khi thi đậu Thái học sinh (Tiến sĩ) cụ không ra làm quan, chỉ ở nhà mở trường dạy học. Học trò theo học rất đông. Trong số môn đệ cụ có nhiều người thành đạt, thi đỗ ra làm quan to trong triều.

Năm Khai Thái đời vua Trần Minh Tông (1314-1329) cụ mới nhận chức Quốc tử giám tư nghiệp, dạy cho thái tử học. Đến đời Trần Dụ Tông (1341-1369), vì nhà vua mãi mê chơi bời, tình cảnh xã hội nhiều nhượng, chính sự thối nát, dân tình đói khổ, cụ đã dũng cảm dâng “*Thất trăm sớ*” xin chém bảy tên nịnh thần nhưng vua không nghe. Cụ bèn treo mũ, cởi áo từ quan lui về ở ẩn. Cụ tính ưa đọc sách nên dựng một ngôi nhà ở sườn đồi, cạnh bờ đầm tại núi Phụng Hoàng (Chí Linh), vừa làm

thư viện, vừa làm trường và là nơi soạn sách. Cụ lấy hiệu là Tiều Ẩn (có nghĩa là người đi hái củi ẩn dật). Cụ dạy học và viết sách cho tới khi qua đời tại đây. Khi cụ mất, vua Trần đã dành cho cụ một vinh dự lớn bậc nhất đối với một trí thức là được thờ ở Văn Miếu. Sự nghiệp của cụ được ghi lại trong văn bia ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Cụ được tôn kính là người Thầy vĩ đại, được coi là “*Vạn thế sư biểu*”. Các tác phẩm của cụ phần lớn đã bị giặc Minh thu góp và tiêu hủy. Hiện chỉ còn lưu truyền lại mười hai bài thơ.

Cụ Chu Văn An tìm về với cuộc sống ẩn dật để di dưỡng tâm thần, để xa lánh cõi đời trần tục thoát khỏi trò đùa chen chón quan quyền và nêu cao khí tiết của bậc chính nhân quân tử.

Bài thơ “*Xuân Đán*” (Sáng mùa Xuân) cụ làm khi về ở ẩn:

春旦

寂寞山家鎮日閒，
竹扉斜擁護輕寒。
碧迷草色天如醉，
紅濕花梢露未乾。
身與孤雲長戀岫，
心同古井不生瀾。
柏薰半冷茶煙歇，
溪鳥一聲春夢殘

XUÂN ĐÁN

*Tịch tịch sơn gia trấn nhật nhàn.
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn*

*Bích mê thảo sắc thiên như túy,
Hồng thấp hoa sao lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyến tụ,
Tâm đồng cỏ tỉnh bất sinh lan.
Bách huân bán lãnh trà yên yết,
Khê điều nhất thanh xuân mộng tàn.*

(Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thoi. Cánh cửa phen che nghiêng ngả cái rét nhẹ. Màu biếc át cả sắc cỏ, trời như say. Ánh hồng thấm nhành hoa sương sớm chưa khô. Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi. Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng. Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt. Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân).

SÁNG MÙA XUÂN

*Nhà trên núi vắng cảnh an nhàn
Phen cửa nghiêng che tiết lạnh sang
Cỏ biếc trời cao say chất ngất,
Hoa hồng sương sớm đượm miên man.
Thân như mây lẽ vương non thẳm
Lòng tựa giếng xưa lặng sóng vàng
Hương gỗ thông tan, trà cạn khói,
Chim bên suối hót mộng xuân tàn.*
(Tâm Minh dịch thơ)

Đây là ngôi nhà tranh cửa trúc nhỏ bé hoang vắng nơi cụ Chu Văn An ở ẩn tại làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, một vùng sơn thủy hữu tình với núi Côn Sơn, ngọn Phượng Hoàng, sông Thanh Lương và ao Miết Trì...

Cánh cửa phen chỉ che nghiêng ngả cái rét nhẹ nhẹ, có lẽ vì cụ vẫn còn muốn đón nhận cái khí lành lạnh của trời đất ban cho. Cụ không tâm niệm là với một thời thế nhiễu nhương

như thế, kẻ sĩ không còn cách gì để cống hiến cho đời. Về ở ẩn không phải là một sự thất bại, một nỗi khổ đau. Ẩn dật chính là môi trường sống lý tưởng. Dạy học cũng là một cách phục vụ nước nhà một cách hữu ích.

Cụ sống giản dị và thư thái an nhàn, xa lánh cõi đời trần tục hòa đồng với cảnh thiên nhiên đơn sơ, đạm bạc thanh lặng, vắng vẻ. Cụ thích ngắm hoa thơm cỏ lạ. Đất trời đang vào Xuân, cụ cảm nhận thấy vạn vật phô sắc với các loại kỳ hoa dị thảo, trong đó có làn cỏ xanh biếc tốt tươi. Màu biếc át cả sắc cỏ. Trời trên cao như say chất ngất. Những ánh hồng thấm vào các nhành hoa đượm miên man trong sương sớm.

Cảnh giới thanh u như gột sạch hết phiền não, thoát vòng tục lụy chẳng còn vương vấn chút bụi trần thời khác chi Phật giới. Và chỉ có một tâm hồn đã đạt đạo được trọn vẹn mới có thể cảm nhận thiên nhiên được như thế.

Thân như đám mây lẽ loi cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi, vẫn vương với non thẳm. Non thẳm tượng trưng cho đạo lý hay lẽ phải muôn đời mà sĩ phu yêu nước không thể nào ly khai. Khi trong đời trần tục bao kẻ tiểu nhân đắc chí lộng hành, thời người quân tử thường bị thất thế, tựa ví thân mình như cụm mây gần núi, thoái lui, ẩn khuất, tránh đời, xa lánh tiểu nhân, cứ giữ vẻ uy nghiêm mà lui về ở ẩn, ứng với quẻ “Thiên Sơn Độn”, còn gọi là quẻ Độn là quẻ thứ 33 trong [Kinh Dịch](#).

Lòng tựa giếng xưa, giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng, luôn dâng hiến dòng nước tươi mát, không hề pha lẫn với các dòng đời ô tạp rác

rười khác, luôn làm ích lợi cho đời, cho muôn người đang khát khao đạo lý và kiến giải nhưng vẫn lặng sóng vàng. Tương tự như ý trong quẻ “Thủy Phong Tỉnh” (còn gọi là quẻ Tỉnh) là quẻ thứ 48 trong Kinh Dịch. Theo đó thì làng xóm có khi thay đổi, còn giếng nước vốn cố định, không dời chỗ. Đổi làng xóm, đổi ấp chứ không đổi giếng. Nước giếng không kiệt mà cũng không thêm, ở chỗ nào cứ ở yên chỗ đó. Người có tài, muốn giúp đời, nhưng không được dùng, ví như cái giếng nước trong mà không ai múc. Nếu được ông vua sáng suốt dùng, thì người đó sẽ giúp cho mọi người được nhờ.

Cụ muốn bộc lộ tấm lòng mình là dù cho phải dời chỗ ở về núi Phượng Hoàng nhưng tấm lòng son của người quân tử vẫn chẳng hề phai. Hình ảnh này đã nói lên cái tâm như nhất đầy ấp chính khí của kẻ sĩ hết lòng phù dân giúp nước. Cụ nhân thân nhưng không nhân tâm. Làm ích lợi cho đời nhưng lòng tĩnh lặng không sinh ra sóng. Nơi đây gọi ra hình ảnh của cái tâm được đề cập tới trong Thiên Tông đó là “chân tâm”, “diệu tâm”.

Mùi khói thông thoát tiên hình thành, rồi hương gỗ tồn tại tỏa rộng ra, sau biến dần đi và cuối cùng là tan hết. Làn khói trà tỏa ra rồi cũng tương tự theo những giai đoạn như trên mà tan biến. Một tiếng chim bên suối hót vang lên làm tỉnh giấc mộng trong buổi sáng mùa Xuân. Phải chăng cụ thấy được sự vận hành của Đạo cùng với lẽ “vô thường”, đặc tính chung của mọi sự sinh ra có điều kiện, qua các giai đoạn “*thành, trụ, hoại, không*” hay “*sinh, trụ,*

dị, diệt” là bốn quy luật chi phối mọi hiện tượng giới. Đạo Phật gọi Thế gian là vô thường nghĩa là “không chắc chắn”, “không trường tồn”.

Từ giữa đời Trần về sau, Nho giáo thịnh dần, Phật giáo suy yếu. Tuy thế nhiều nhà Nho trước đây đã từng lên án chỉ trích Phật giáo gay gắt vậy mà cuối đời lại vào chùa sống cuộc đời thanh đạm và viết những vần thơ ca ngợi cảnh đẹp già lam như Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh...

Cụ Chu Văn An cũng không trực tiếp bài bác Phật giáo mà trái lại cụ còn sáng tác những vần thơ ca ngợi thiên nhiên, bộc lộ tâm tình tiêu dao, phóng khoáng tự tại, mang cốt cách của thiền sư, của đạo sĩ với một tâm hồn đạt đạo. Thơ của cụ được Phan Huy Chú nhận xét là: “lời thơ trong sáng u nhân”. Thơ cụ chịu ảnh hưởng của đạo Phật trong giai đoạn về ở ẩn này như nhiều nhà thơ thời ấy. Nói chung thơ các ẩn sỹ thường có phong vị u nhân, nhưng với cụ u nhân chỉ là ở cái giọng thơ

*

Sự ngưỡng mộ Phật giới thanh u (trong sạch và tĩnh lặng), thoát vòng tục lụy của cụ Chu Văn An cũng tỏ lộ ra vào một lần cụ dừng chân tạm nghỉ ở núi thôn Nam. Cảm thấy thân nhân nhả như đám mây lẻ loi trên bầu trời, tự do phân tán, nhẹ bay khắp Nam, Bắc. Gió mát thổi bên gối, tâm tình dễ ngoài cuộc đời, xúc cảnh sinh tình Cụ làm bài thơ “*Thôn Nam Sơn Tiểu Khế*” (Tạm nghỉ núi thôn nam):

村南山小憩
閑身南北片雲輕，
半枕清風世外情。
佛界清幽塵界遠，
庭前噴血一鶯鳴。

THÔN NAM SƠN TIỂU KHẾ
Nhân thân nam bắc phiến vân khinh,
Bán chẩm thanh phong thế ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Đình tiền phún huyết nhất oanh minh.

(Thân nhân như đám mây nhẹ bay khắp Nam, Bắc. Gió mát thổi bên gối, tâm tình dễ ngoài cuộc đời. Cõi Phật thanh u, cõi trần xa vời. Trước sân, hoa đỏ như máu, một chiếc oanh kêu).

TẠM NGHỈ NÚI THÔN NAM
*Thân nhân Nam Bắc áng mây trôi,
Bên gối gió qua, nhẹ việc đời.
Cõi Phật thanh u, xa cõi tục
Trước sân hoa đỏ, tiếng oanh vui.*
(Tâm Minh dịch thơ)

*

Một lần vân du cụ dừng chân bên sông đứng một mình đếm thuyền về bến. Trước ghềnh, gió gấp, một tiếng sáo gọi cảnh thu. Thơ đã tàn, mặt trời xế bóng, ánh hồng nhàn nhạt. Màu biếc mênh mông. Cụ làm bài thơ “*Giang Đình Tác*” (Làm thơ ở Giang Đình). Trong thơ cụ có sự cô độc nhưng vắng bật hẳn sự tiếc nuối thờ than. Quả thật đây vẫn là Phật giới thanh u, xa lánh cõi trần tục. Bốn câu cuối bài thơ:

功名已落荒唐夢，
湖海聊為汗漫遊。
自去自來渾不管，
滄波萬頃羨飛鷗。

Công danh dĩ lạc hoang đường mộng,
Hồ hải liêu vi hãn mạn du.
Tự khứ tự lai hồn bất quản,
Thương ba vạn khoảnh tiện phi âu.

(Công danh đã rơi vào giấc mộng hoang đường. Tạm dạo chơi miền hồ hải. Đi lại tự mình, chẳng gì trói buộc. Thèm cảnh chim âu bay liệng trên muôn khoảnh sóng xanh).

*Công danh chót lạc vùng mơ ảo
Hồ biển tạm chơi thú nẻo xa
Đây đó lang thang đời tự tại,
Ước như chim lướt sóng bao la.*
(Tâm Minh dịch thơ)

*

Trong một bài thơ khác cụ lại đã ca ngợi một vị sư đạo cao đức trọng. Cụ tán dương tư cách thanh cao của các nhà sư như tư cách của một nhà Nho quân tử sống ẩn dật chịu ảnh hưởng Lão–Trang trong bài “*Đề Dương công Thủy Hoa đình*”.

*

Như vậy ta thấy ý thơ của Chu Văn An luôn ngát hương thiền. Chính vì đã chịu nhiều ảnh hưởng của đạo Phật mà khi về ở ẩn tiên sinh bình tĩnh dạy học, viết sách và sống yên vui đến cuối đời.

TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO
(Virginia, 12-2016)

MÙA XUÂN NÚI QUẾ

Bom cây chân Đá Tịnh
Pháo dập đỉnh Dương Kiều
Bão lửa hú kinh dị
Lũng mù xác hòa thiêu
Chiều buồn nghe tiếng quạ
Xuân đến trong tiêu điều
Cạn kiệt dòng sông chết
Cây tàn, bóng đổ xiêu

LÝ HIẾU

03/75

CỔ THÀNH

Lệnh truyền xuống lũ người điên
Một bầy dã thú dựng miên hồn mang
Ầm ầm pháo dập thành hoang
Ngút ngàn khói lửa tang thương kiếp người
Đạn bom khuấy động đỉnh trời
Nhỏ nhoi sinh mệnh gọi mời hư vô
Núi rừng rung chuyển nhấp nhô
Ta còn lạc mãi trong vô cùng này
Vượt đồi độ dốc khoanh tay
Vây trong pháo trận mắt cay khói thù
Mơ người từ cõi thiên thu
Trùng sinh trở lại hát ru Cổ thành
Anh hồn tử sĩ ngồi quanh
Binh hùng tướng mạnh sao đành bỏ đi !

LÝ HIẾU

Hè 1972

ĐẸP BÓNG CỜ BAY

Những ngày nắng đẹp chốn tha phương
Phát phối cờ bay khắp nẻo đường
Ba sọc đỏ tươi bầu nhiệt huyết
Một nền vàng thắm đất quê hương
Đã nghe ầm lại hồn vong quốc
Mà ngỡ bùng lên lửa chiến trường
Nhớ thuở giày sô cùng áo trận
Nhạc lòng như trỗi khúc yêu thương

NGUYỄN KINH BẮC

Ý NHỊ XUÂN

Lặng lẽ hồn Xuân ý nhị đầy
Theo mùa hương mới gió vờn xoay
Tình Xuân trang trọng từng trang giấy
Chữ nghĩa mơ màng nhịp điệu say.

Nhẹ nhàng Xuân đến bên thềm cửa
Nghe nắng xôn xao ầm lại ngày
Bánh mứt rượu trà chưng dọn Tết
Quê hương xa cách ngoại tầm tay.

Như ai nhắc nhở tình thân thuộc
Chén rượu chung trà cũng đủ thay
Chợ Tết rộn ràng nghe tiếng pháo
Không hề nao nức cũng vui lây.

Thì ra Xuân chẳng làm chi lạ
Cũng lắm phô trương lắm tiệc bày
Ước vọng Xuân nào về đất mẹ
Mừng mùa dân tộc được cơ may.

ĐĂNG NGUYỄN

LIÊU TÔNG NGUYÊN: GIANG TUYẾT

Và Nhận Xét Về Những Bản Dịch Sang Thơ Việt Và Thơ Anh

PHẠM TRỌNG LỆ sưu khảo

Bài thơ tứ tuyệt Giang Tuyết (Jiang xue) của thi sĩ đời Đường Liễu Tông Nguyên (773-819) là một trong những bài thơ Đường nổi tiếng đã được các học giả và nhà thơ Việt Nam từ Tản Đà (1937) đến Trần Trọng Kim, Trần Trọng San, và từ phía thi sĩ Tây phương, từ Witter Bynner (1929), đến Burton Watson, Kenneth Rexroth, Gary Snyder, David Hinton, và J. P. Seaton, và nhiều nhà thơ khác dịch sang thơ Anh. Hàng chục nhà thơ hay học giả dịch thành thơ, với những mức độ thành công khác nhau. Bài thơ cũng gây cảm hứng cho nhiều bức tranh (en.m.wikipedia.org/liu_zongyuan) tả một ngư ông câu trên sông phủ tuyết.

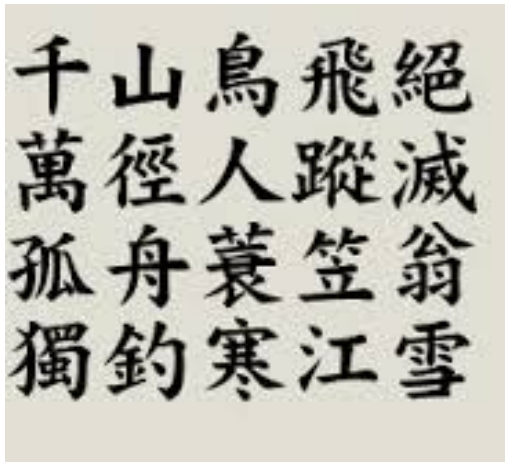
Bài này ôn lại một số bản dịch sang thơ Việt và thơ Anh và nhấn mạnh đến những yếu tố quan trọng trong tiến trình dịch, từ thể thơ đến chữ dùng khi chuyển dịch bài thơ tiếng Trung Hoa sang thơ Việt, và thơ Anh với vài nhận xét để người dịch thơ lưu ý hầu rút tĩa kinh nghiệm. Cũng nhấn mạnh về sự cô đọng của từ ngữ, và hình ảnh (images) trong thơ và sự dùng, hay bớt dùng văn phạm như liên từ (conjunctions) hay giới từ (prepositions) trong khi chuyển dịch câu thơ Trung Hoa sang câu thơ Anh. Cũng đề ý đến những cách xếp đặt chữ, dùng những chỗ trống (space), dấu gạch dài dash hay dấu chấm (period) để tạo

khoảng thời gian ngưng lại để gây ấn tượng khi độc giả đọc bài thơ.

Tiểu sử Liễu Tông Nguyên – Lyou Dzung-Ywan (773-819), hay cũng viết là Liu Zongyuan. Ông tự là Tử Hậu (courtesy name Zihou), người đất Hà Đông, tỉnh Sơn Tây (Yongji, Shanxi), sống ở Trảng An (Ch'ang an), kinh đô của nhà Đường thời bấy giờ. Đời Đường Đức Tông, ông thi đậu tiến sĩ, làm đến chức huyện úy (prefectural Governor) tại Lam Điền, sau thăng chức làm giám sát ngự sử, rất được biệt đãi, nhưng khi vua Đường Thuận Tông thoái vị năm 805, ông bị thất sủng, sau bị biếm về Hồ Nam. Ông còn là một đại gia về tản văn đời Đường (Classical Prose Movement) (Lược theo Trần Trọng San, p. 230).

Bài thơ Giang Tuyết Phiên chữ Hán
webs.bcp.org/sites/lxu/Mandarin%203/su-mmer%20readings/jiangx)

Giang Tuyết
*Thiên sơn điều phi tuyết,
Vạn kính nhân tung diệt.
Cô chu thoa lập ông,
Độc điệu hàn giang tuyết.*



Nghĩa (dịch xuôi):

Tuyết trên sông
 Trên ngàn ngọn núi, chim bay đi hết;
 Muôn con đường nhỏ nhạt hết vết chân người đi.
 Trong con thuyền cô đơn, ông già mặc áo tơi, đội nón lá
 Một mình ngồi câu trên tuyết sông lạnh.
 (theo Trần Trọng San, p. 230).

Dịch nghĩa từng chữ

Thiên (ngàn) **sơn** (núi) **điều** (chim) **phi** (bay) **tuyệt** (chấm dứt)

Vạn (muôn) **kính** (đường nhỏ) **nhân** (người) **tung** (vết) **diệt** (xóa)

Cô (đơn côi) **chu** (thuyền) **thoa** (áo tơi) **lạp** (nón) **ông** (ông lão)

Độc (một mình) **điều** (câu) **hàn** (lạnh) **giang** (sông) **tuyết** (tuyết)

Phát âm từng chữ

/chyen shăn nyău fêi jywé/
 Thousand – mountain/s – bird – fly/flying
 - ended

/wàn jìng rén dzùng myè/
 Ten thousand – path/s – man/people's –
 tracks - obliterated

/gù jòu swò lì wèng/

Solitary - boat - reed cloak - bamboo hat - old man

/dú dyàu hán jyàng sywè/

Alone - fishes - cold - river – snow

(Source: Greg Whincup. The Heart of Chinese Poetry. New York: Anchor Books Doubleday, 1987, pp. 163-164).

<http://www.google.com/search?q=liu+zongyuan's+river+snow+images&ie=UTF-8&oe=UTF-8&hl=en&client=safari>

Phần A. Các bài dịch sang thơ Việt và nhận xét

1. Tản Đà (1938)

Tuyết Trên Sông

Nghìn non mất bóng chim bay,
 Muôn con đường cũ dấu giày tuyết không.
 Kia ai câu tuyết bên sông,
 Áo tơi, nón lá, một ông thuyền chài.

(Ngày Nay, số 92 (2-Jan-1938))

(Nguyễn Quang Tuân. Thơ Đường Tản Đà)



Dịch. TPHCM: nxb Trẻ, 1989, p.106.)

2. Trần Trọng Kim (1945)

Sông đầy tuyết

Nghìn non chim hết vẫy-vùng,
Vắng tanh muôn nẻo tuyết không dấu người.
Áo rơi, nón lá, ông chài,
Con thuyền giữa tuyết ngồi hoài buông câu.

(Trần Trọng Kim, Đường Thi: Dịch Ra Thơ Việt Văn (336 bài). In lại tại Taiwan, Rep. of China từ bản của nxb Tân Việt năm 1945, p. 338.)

3. Trần Trọng San (1957)

Tuyết Trên Sông

Nghìn ngọn núi chim bay đi hết;
Muôn con đường nhạt vết chân người.
Ông già nón lá áo rơi,
Đậu thuyền sông tuyết, riêng ngồi buông câu.

(Trần Trọng San, Thơ Đường. Bắc Đẩu, in lần thứ 5, (Lần thứ nhất in tại Saigon 1957), lần thứ 5 tại Scarborough, Ont., Canada, 1993, p. 230-231.)

4. Bùi Khánh Đan (1958, 2006)

Tuyết Phủ Trên Sông

(I)

Nghìn núi chim bay hết
Vắng tanh khắp ngã đường
Thuyền đơn lão nón lá
Câu tuyết giữa Hàn giang

(II)

Đường chim dãy núi chắn rồi
Cả muôn nghìn lối dấu người cũng không
Áo rơi nón lá ngư ông
Một mình câu tuyết trên dòng Hàn giang.

(Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đan, Đường Thi Trích Dịch. Bản quay ronéo Saigon, 1958. In lại và sửa chữa Saigon: TT Nghiên cứu Văn Học: NXB Văn Học, 2006, p. 1104-1105.)

5. Tương Như (1987)

Tuyết Trên Sông

Nghìn non, bóng chim tắt,
Muôn nẻo, dấu người không.
Thuyền đơn, ông rơi nón,
Một mình câu tuyết sông.

(Hoa Bằng, Tảo Trang, Hoàng Tạo, Thơ Đường. Hanoi: nxb Văn Học, tập I, 1987, p. 249.)

6. Nguyễn Hà, (1996)

Nghìn núi chim bay hết

Muôn nẻo không dấu người

Thuyền ông rơi nón lá

Sông tuyết thả câu hoài...

(Nguyễn Hà, Đường Thi Tứ Tuyệt, Hanoi: nxb Văn Hóa Thông Tin, 1996, p. 310.)

7. Lê Nguyễn Lưu (1997)

Tuyết Trên Sông

Nghìn non chim vắng hết,
Muôn dặm người không vết.
Nón lá chiếc thuyền con,
Buông câu dòng nước tuyết.

(Lê Nguyễn Lưu, Đường Thi Tuyển Dịch. Huế: Nxb Thuận Hóa, Tập Hai, 1997, p. 1029.)

8. Hà Bình Trung (2005)

Tuyết trên Sông

Rặng núi trùng trùng bật cánh chim

Bóng người vạn dặm cũng im lìm

Thuyền đơn một mảnh riêng ông lão

Ngồi thả cần câu mặt tuyết im.

(Hà Bình Trung, Thơ Lý Bạch. (Phụ Lục: Thơ của các nhà thơ khác). Reston, VA: Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật, 2005, p. 171.)

9. Phạm Doanh (2015). TỪ ỜNG BÓNG

AI: TUYẾN TẬP THƠ TÌNH ĐỜI

ĐƯỜNG. Leesburg, VA: Đạm Ninh,

2015. Email communication w/ translator 2/23/2017.

(9a)

Tuyết Trên Sông
Ngàn non chim bay tít,
Vạn nẻo người vắng bật.
Thuyền con ông áo tôi,
Ngồi câu trên sông tuyết.

(9b)

Ngàn non chim tít mù khơi,
Đường đi vạn nẻo, bóng người vắng im.
Áo tôi ông lão ngồi thuyền,
Giữa sông tuyết lạnh, ôm cần thả câu!

10. Trúc Cư, Nguyễn Dương Tịnh (2015)

Tuyết Trên Sông
Ngàn non chim vắng bóng
Vạn nẻo cũng không người
Chài, lão, tôi, nón lá
Ngồi câu sông tuyết phơi.

(Trúc cư Nguyễn Dương Tịnh, Đường Thi: Phiên Âm, Dịch Nghĩa, Minh Hoa. Mua qua Amazon.com, 2015, \$25, p. 214.)

11. Trần Nhất Lang - Hoa Sơn, Đường Thi Hồn Việt. San Jose, CA: Hoa Sơn Trang.

Website: <http://www.hoasontrang.us/tangpoems/>

=> Dưới tiêu đề “Giang Tuyết” có in trên 10 bài dịch của các dịch giả người Việt và hai bản dịch sang tiếng Anh. Các bài dịch không ghi năm dịch. Sau đây chọn một số bài tiêu biểu:

11a. Trường Tương Như

Thiên sơn hùng vĩ núi mây ngàn
Đông rét lạnh lùng tuyết lập sang
Ngõ vắng, người không, chim khuất bóng
Sông sâu, thuyền một, sóng dờn loang
Áo tôi, câu thả, dòng xuôi mái
Tuyết rử, nước cuộn, gió thoảng ngang
Muôn nẻo trời thình ôi cảnh vật
Gợi buồn cho khách lúc chiều tàn.

=>không được chỉnh: nước “cuồn”;
“sóng dờn loang” không sát thực tế vì mặt sông lúc đó phủ tuyết. Bài thơ bảy chữ đọc lên nghe nhịp nhàng, nhưng đọc kỹ lại thì thấy dịch giả chỉ dựa vào bài thơ gốc để sáng tác thành một bài thơ riêng.

11b. Nguyễn Phước Hậu

Ngàn non mất dấu bóng chim bay
Muôn lối còn đâu vết gót hài
Thuyền vắng, áo tôi, đầu nón lá
Giăng câu sông tuyết một ông chài
=>có lẽ nên đổi “gót hài” thành “gót giày” vì khi nghe chữ “hài”, độc giả có thể hiểu là giày của giới nho nhã hay của phụ nữ, tuy rằng chữ “giày” do chữ “hài” mà ra.
Td: Chàng rong ngựa dậm trường mây phủ/Thiếp dạo hài lâu cũ rêu in. Chinh Phụ Ngâm, c. 321-322; Hài văn lần bước dậm xanh/Một vùng như thể cây quỳnh cành giao, Kiều, c. 143-144; Thêm hoa khách mới trở hài, Kiều, c. 211.

11c. Song Nguyễn Hàn Tú

Chim ngàn rời núi bay đi
Trên đường khắp nẻo chẳng ghi dấu người
Lênh đênh thuyền chiếc lẻ loi
Áo tôi che tuyết, lão ngồi buông câu.

11d. Vô Tình

(1)

Rừng núi quanh đây – chim trốn mất
Đường đi muôn nẻo vắng tanh người
Áo tôi – nón lá – thuyền lơ lửng
Lão vẫn ngồi câu – tuyết vẫn rơi.

(2) Núi non trùng điệp chim đâu mất

Vạn nẻo giao lưu chẳng bóng người
Tuyết trắng thuyền câu sông nước lạnh
Áo tôi nón lá – lão chờ thôi..!

=>hai nhóm chữ “giao lưu” và “lão chờ thôi..!” không thích hợp với ngữ cảnh bài thơ.

11e. Phụng Hà

Ngàn non chim vắng mát trời,
Quạnh hiu muôn nẻo không người vắng lại.
Áo tôi nón lá, ông chài,

Một thuyền, dầm tuyết, câu hoài trên sông.

11f. Nguyễn Minh

Trên ngàn núi chim bay đi hết

Vạn nẻo đường không một vết chân người

Một ông già nón lá với áo tôi

Trên sông tuyết, lẻ loi, ngồi câu cá.

=> dùng thơ 8 chữ khiến dư chữ. Hai câu đầu mỗi câu có thể bỏ bớt một chữ mà không hại ý:

Trên ngàn núi chim bay đi hết

Vạn nẻo đường không vết chân người

11g. Kiều Vân

Nghìn non chim bay hết,

Muôn nẻo, bất bóng người.

Thuyền lẻ, câu trên tuyết,

Một ông già áo tôi.

11h. Anh Nguyễn

Nghìn non vắng bóng chim rồi,

Đường đi vạn nẻo, bóng người cũng không.

Thuyền con, tôi, nón, một ông,

Một mình câu cá trên sông tuyết đầy!...

11i. Trần Tân Mỹ

Ngàn non nào thấy bóng chim trời,

Muôn lối đường không dấu vết người.

Ông lão trên thuyền, tôi với nón,

Buồng câu sông tuyết một mình thôi.

11j. Mai Lộc

(1)

Trên non khuất dạng dấu chim bay,

Vạn dặm đường dài chẳng bóng ai.

Nón lá áo tôi, thuyền một chiếc,

Ôm cần, sông lạnh, tuyết rơi đầy.

(2)

Dấu chim bay ngàn non khuất hẳn,

Vạn dặm đường hoang vắng bóng người.

Lão già nón lá áo tôi,

Thuyền đơn sông lạnh, tuyết rơi ôm cần.

(3)

Trên non chim khuất dạng,

Dặm đường chẳng bóng người

Thuyền đơn áo tôi nón,

Ngồi câu sông tuyết rơi.

11k. Trần Minh Tú

Chim bay khuất giữa ngàn non

Trên đường muôn ngã chẳng còn dấu chân

Áo tôi, nón lá, thả cần

Ông chài giữa tuyết đơn thân trên thuyền.

Nhận Xét Về Những Bài Dịch Sang Thơ Việt.

Về thể thơ, trong 26 bài dịch sang thơ Việt, 8 bài dùng thể lục bát, 2 bài dùng thể thơ song thất lục bát (bài 3, 11j (2)); 7 bài dùng thể thơ 7 chữ (bài 8, 11a, 11b, 11d (1), 11d (2), 11i, 11j(1)); 8 bài dùng thể thơ ngũ ngôn năm chữ như nguyên bản (bài 1, 5, 6, 7, 9(1), 10, 11g, 11j (3); và một bài dùng thể thơ 8 chữ (bài 11f).

Chữ dùng: Tản Đà dùng chữ thuần Việt. Ưu điểm: nhóm chữ “Kìa ai” gây cho người đọc một cảm giác ngạc nhiên, đem cảnh vật hiện ra trước mắt (immediacy). Về nghĩa, nhóm chữ “hết vầy vùng” của TTKim hơi xa nghĩa trong bài (“điều phi tuyết”) khi tả nghĩa chim bay đi hết; nhưng câu “vắng tanh muôn nẻo tuyết không dấu người” rất khéo. BKĐản dùng “dấu người cũng không” cũng tả cùng một ý rất hay. TTSan dùng “nhặt vết chân người” cũng khéo lắm.

Thơ Năm chữ. Một số bài dùng thơ 5 chữ rất hay, nhưng có thể vì chữ quá ít và bị vắn bó buộc, nên trong một hai bài, cách xếp chữ làm câu tối nghĩa:

Thí dụ: bài số 5, của Tương Như: Thuyền đơn ông tôi nón, một mình câu tuyết sông. Hai nhóm chữ “ông tôi nón” và “câu tuyết sông” tiếng Việt nghe không xuôi.

Trái lại, bài dịch số 6 của Lê Nguyễn Lưu cũng dùng thể thơ 5 chữ một cách tài tình, vắn khít khao, và dùng đúng 20 chữ như nguyên bản :

Nghìn non chim vắng hết,
Muôn dặm người không vết.
Nón lá chiếc thuyền con,
Buông câu dòng nước tuyết.

Tóm lại, chủ đích của bài dịch sang thơ Việt, là nhắm vào người đọc bài thơ rành tiếng Việt nên những thể thơ thuần Việt như lục bát, song thất lục bát dễ hiểu hơn vì những âm bằng trắc, vần điệu du dương hơn thơ 7 chữ hay 5 chữ, trong đó câu 1, 2 và 4, có vần nằm ở cuối câu.

Phần B. Nhận Xét Về Những Bài Dịch Sang Thơ Anh.

14 bài dịch sang thơ Anh dưới đây cho thấy xu hướng dịch của các học giả và thi sĩ người Anh, Mỹ hay Gia Nã Đại, hay Trung Hoa, lúc khởi đầu, chú ý đến nghĩa và văn phạm để người biết Anh dễ hiểu nên những bài dịch dùng câu đầy đủ văn phạm, nhiều khi câu dịch dài hơn nguyên bản. Thí dụ: bài 2, 3. Nhưng những nhà thơ chịu ảnh hưởng của phái Ảnh Tượng Imagism của Ezra Pound như Wai-Lim Yip, lại chủ trương *bớt văn phạm*, duy trì hình ảnh cụ thể và cô đọng, không xen ý riêng, không thêm thắt ý thừa: đó là những bản dịch của Gary Snyder, Wai-Lim Yip, Kenneth Rexroth hay J.P. Seaton. Những dịch giả này lại dùng những khoảng trống hay dấu dash hay dấu period—ngay cả giữa câu—để người đọc ngưng. Greg Whincup, người Canadian có bằng Hán học, dùng lối dịch này. Đa số dịch giả ngoại quốc nhờ sự cộng tác của một học giả Trung Hoa để giải thích những ý nghĩa và tiểu sử tác giả, hay điển cố, hay dịch nguyên văn bài thơ. Thí dụ nhà thơ Mỹ Witter Bynner (1881-1968), trong 11 năm, có sự cộng tác của học giả Kiang Kang-hu giúp dịch cuốn Đường Thi Tam Bách Thủ sau in

thành sách nhan đề tiếng Anh là The Jade Mountain (1929). Ezra Pound dùng những ghi chú của Ernest Fenollosa (1853-1908), giáo sư đại học Harvard sang Tokyo dạy môn kinh tế chính trị (political economy), đã được một số học giả và giáo sư Nhật giỏi chữ Hán phiên âm và chú thích một số bài thơ Đường. Trong khi Pound đọc những cuốn notebooks của Fenollosa, Ông đã dịch bài Trường Can Hành của Lý Bạch (Li Bai đổi thành Rihaku) và bài thơ thành bài “The River-Merchant’s Wife: A Letter,” tự nó đã trở thành một bài thơ nổi tiếng được in trong 15 bài thơ Đường trong tập Cathay của ông, tuy rằng ông bị chỉ trích là thiếu trung thành với nguyên bản bài thơ. Rất ít thi sĩ Mỹ học tiếng Trung Hoa tới mức thâm hậu, ngoại trừ một số như nhà truyền đạo. Hay một học giả như Arthur Waley (1889-1966), người Anh, nhà Đông phương học và Hán học uyên thâm, Orientalist and sinologist, được khen là “the greatest translator of all” (Greg Whincup, p. 175). Trong 14 bản dịch bên dưới, có bản dịch của Xu Yuan Zhong (số 9) dùng *văn* khi dịch sang thơ Anh.
<http://www.google.com/search?q=liu+zongyuan's+river+snow+images&ie=UTF-8&oe=UTF-8&hl=en&client=safari>
1. Witter Bynner, 1928
Liu-Tsungyuan
River-Snow
A hundred mountains and no bird,
A thousand paths without a footprint;
A little boat, a bamboo cloak,
An old man fishing in the cold river-snow.
(Witter Bynner. The Jade Mountain. A Chinese Anthology. Being Three Hundred Poems of the T'ang Dynasty 618-906. New York: Vintage Books, 1972; Alfred A. Knopf, 1929, renewed 1957, p. 97.)

Robert Payne, 1947.

Robert Payne, ed. and trans, *The White Pony: An Anthology of Chinese Poetry from the Earliest Times to the Present Day*. New York: John Day, 1947.)

Ice in a Stream

Across thousands of mountains no birds fly.
Across thousands of paths there are no footprints.

On a lonely boat lies an old fisherman
Fishing solitarily in the ice of a frozen stream.

1. Burton Watson, 1987

River Snow

From a thousand hills, birds flights have
vanished,

On ten thousand paths, human traces
wiped out.

Lone boat, an old man in straw cape and hat,
Fishing alone in the cold river snow.

(Burton Watson, The Columbia Book of Chinese Poetry, New York: Columbia University Press, 1987, p. 282.)

**English Translations by Rexroth,
Snyder and Hinton (Weinberger, ed.)**



SỐ 78

2. Kenneth Rexroth, 1956

Liu Tsung-Yuan

River Snow

A thousand mountains without a bird.
Ten thousand miles without no trace
of man.

A boat. An old man in a straw raincoat,
Alone in the snow, fishing in the freezing river.

(Kenneth Rexroth, One Hundred Poems from the Chinese, New York: New Directions, 1956.)

3. Gary Snyder.

River Snow

These thousand peaks cut off the flight of birds
On all the trails, human tracks are gone.

A single boat--coat--hat--an old man!
Alone fishing chill river snow.

(The Gary Snyder Reader, 1999, p. 543)

4. David Hinton.

River Snow

A thousand peaks: no more birds in flight.

Ten thousand paths: all trace of
people gone.

In a lone boat, rain cloak and hat of reeds,
An old man's fishing in the cold river snow.

(Eliot Weinberger, ed. w/ trans. by Ezra Pound, Kenneth Rexroth, Gary Snyder, and David Hinton, The New Directions Anthology of Classical Chinese Poetry, New York: New Directions, 2003, p. 139.)

5. Wai-Lim Yip, 1976

River Snow

A thousand mountains—no bird's flight.

A million paths—no man's trace.

Single boat. Bamboo-leaved cape. An old
man

Fishing by himself: ice-river. Snow.

(Wai-Lim Yip. ed. & trans., Chinese Poetry: An Anthology of Major Modes and Genres, University of California Berkeley, 1976; Durham, NC: Duke University Press, 1997, p. 234.)

41

6. John Knoepfle (1985)

Liu zongyuan

Snow on the river

No singing of birds in the mountain ranges

No footprints of men on a thousand trails

There is only one boat on the water

With an old man in a straw rain cape

Who stands on deck and fishes by himself

Where the snow falls on the cold river.

(John Knoepfle, and Wang Shouyi, trans., T'ang Dynasty Poems. Spoon River Poetry Press, 1985, p. 43.)

7. Greg Whincup (1987)

Snowy River

A thousand mountains

Where birds have ceased to fly.

Ten thousand pathways

Where tracks of men are gone.

A solitary boat,

An old man in reed cloak, bamboo hat—

Fishing alone

On the cold river in the snow.

(Greg Whincup, The Heart of Chinese Poetry. New York: Anchor Books, DoubleDay, 1987, p. 163.)

8. Xu Yuan Zhong, (1994)

Liu Zong-Yuan (773-619)

Fishing in Snow

From hill to hill no bird in flight,

From path to path no man in sight.

A straw-cloak'd man a float, behold!

Is fishing snow on river cold.

(Xu Yuan Zhong, Songs of the Immortals. London and New York: Penguin Books, 1994, p. 86.)

9. J. P. Seaton, (2006)

River Snow

A thousand mountains, no birds fly.

Ten thousand paths, no footprints.

Lone skill, rush-cloaked old man,

Fishing alone, cold river snow.

(J. P. Seaton. trans. & ed., The Shambhala Anthology of Chinese Poetry. Boston: Shambhala, 2006, p. 120.)

10. Innes Herdan (d. 2008, author of 300 Tang Poems. The Far Easter Book Co., isbn 9576124719, pbk 1999.)

River Snow

(1)

A hundred mountains and no bird,

A thousand paths without a footprints;

A little boat, a bamboo cloak,

An old man fishing in the cold river-snow.

(2)

In a thousand hills

Birds have ceased to fly;

On countless tracks

Footprints have disappeared.

A solitary boatman

In bamboo cape and hat

Is fishing the icy river

In the snow.

Source:

<http://www.hoasontrang.us/tangpoems/>

11. Peter Harris, (2009)

River Snow

The flights of birds are cut short in

hundred of hills;

On thousands of paths people's footprints

are wiped out.

In a solitary boat an old man in a cape

and a hat

Fishes on his own in the cold river snow.

(Peter Harris, Three Hundred Tang Poems. New York: Everyman's Library Pocket Poetry, 2009, p. 184.)

12. Dongbo

River Snow

Thousand mountains birds flown away,

Ten thousand paths men's traces
extinguished.

Lone boat old man in straw hat,
Fishing alone in cold river snow.

Liu Zongyuan, 773-819

Dongbo, trans.

(Source: http://www.mountainongs.net/poems_.php?id=150)

Tổng kết. Giang Tuyết là một bài thơ nổi tiếng nhất của Liễu Tông Nguyên. Bài thơ chỉ vồn vẹn 20 chữ, như một bức họa, và như Greg Whincup chú thích (p. 164), đã là nguồn cảm hứng cho nhiều bài thơ và bức họa. Chữ quan trọng nhất trong bài thơ là chữ TUYẾT, nhưng hai câu đầu không nói gì về tuyết. Như vậy lại làm cho chủ đề tuyết càng lan khắp bài. Cứ qua mỗi câu thơ lại lộ thêm một chi tiết: ngàn núi tuyết nhiên không một bóng chim, muôn con đường nhỏ không một vết chân người, dưới thuyền một ông già áo toi nón lá ngồi buông câu, trên dòng sông đầy tuyết lạnh. Ấn trong bài thơ là tâm sự của tác giả: nỗi cô đơn, của một người bị thất sủng, a lonely outcast, bài thơ này ông viết khi bị mất chức cũ (Whincup, p. 164).

Nhưng hiểu theo một nghĩa khác, ông già ngồi trên thuyền câu cô đơn là hình ảnh con người yên lặng hòa mình với thiên nhiên, và như không quan tâm đến cái lạnh giá của thiên nhiên. Đây không phải thuyền trưởng Ahab chống chọi với thiên nhiên và cố tìm cách khắc phục thiên nhiên qua hình ảnh tượng trưng là con cá voi khổng lồ Moby Dick như trong cuốn truyện của Herman Melville. Nhưng bài thơ cũng có một ý nghĩa con người hòa đồng với thiên nhiên như ông lão ngồi câu trong ao thu trong bài Thu Điều của Nguyễn Khuyến.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Tham khảo:

-"The Method of Translation," Arthur Waley. A Hundred and Seventy Chinese Poems. New York: Alfred Knopf, 1919; Sandwich, MA: Chapman Billies, 1997, p.33-34.

(Tóm tắt ý của Waley): Literal translation, not paraphrase; imagery as of poetry, avoiding either images of my own or suppressing those of the original, keep rhythms of the original; try to produce regular rhythmic effects similar to those of the original; do not pad out the line with unnecessary verbiage. I have not used rhyme because the restrictions of rhyme necessarily injure the vigour of one's language or the literalness of one's version. What is known as blank verse is the worst medium for translating Chinese poetry...whereas in Chinese the stop always comes at the end of the couplet.

-But see Burton Watson below:

"At the present time, some translators of Chinese poetry into English continue to press in the direction of even greater freedom, while others experiment in the *reintroduction of rhyme* and other formal elements that were earlier jettisoned. My own belief is that all types of innovation and experiment are to be welcomed, for from them hopefully will evolve even more effective methods for bringing the beauties of Chinese poetry over into English."--The Columbia Book of Chinese Poetry, trans. & ed. Burton Watson. New York: Columbia University Press, 1984, p.13.)

-"The translation of Chinese Poetry," in A.C. Graham. Poems Of The Late

T'ang. Penguin Books, 1965, reprint 1977, pp. 13-35.

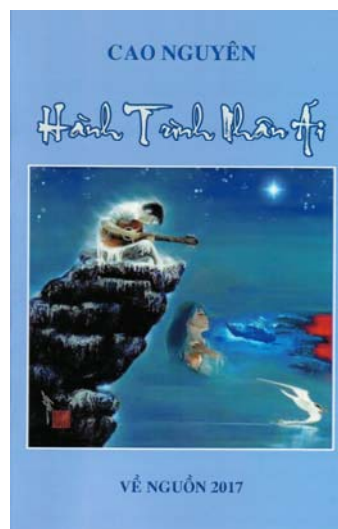
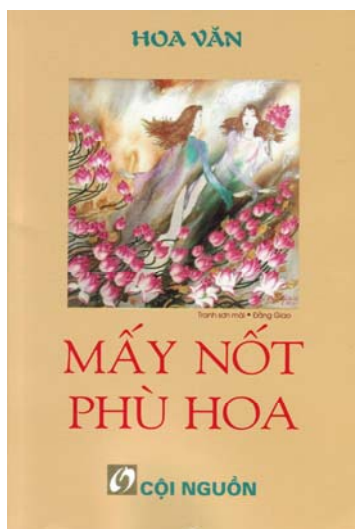
-Phần ôn lại trong bài viết này về phong trào Ảnh Tượng Imagism của Pound tóm tắt vài ý chính trong bài tựa của Eliot Weinberger, ed. The New Directions Anthology of Classical Chinese Poetry. New York: New Directions, 2003, xvii-xxvii.)

-“Translating Chinese Poetry, the Convergence of Languages and Poetics—A Radical* Introduction,” in Wai-Lim Yip, ed. & trans. Chinese Poetry. An Anthology Of Major Modes and Genres. Durham and London: Duke University Press, 1997, Earlier edition by Univ. of California at Berkeley, 1976. * By “radical” I mean “root” (author’s footnote, p.1.)

. (Tóm tắt ý của Wai-Lim Yip): I’ve organized the Chinese poem in this book into a three-part structure. Given first is the poem in the original Chinese. It is

followed by my word-for-word annotations, and, finally, my translation with minimal but workable syntax....to open up an aesthetic space where readers can move back and forth between classical Chinese and modern American perceptual-expressive dimensions...a sparseness, if not absence, of connective elements (prepositions or conjunctions)...and no tense declensions in verbs...(p. xiii).
. Insists on capturing the visual events as they emerge and act themselves out before us, releasing them from the restrictive concept of time and space...instead of standing between the reader and the events explaining them, analyzing them (p. 7).

--**Viết xong tại Virginia March, 2004; bổ chính Feb.-March 2017**
PTLệ.



TUỔI GIÀ CỦA TÔI MY OLD AGE

Tôi có thấy một bà già thiếu-não;
Con rể dâu không rảnh để chăm lo.
Cùng đồng-cảnh sống trong nhà dưỡng-lão;
Héo-hắt hồn trong thể-xác còm+xo.

Tôi có gặp một ông già độc chiết;
Cháu+chất xì-xò, bồ-bịch nghênh+nghê.
Ra siêu-thị chơi cờ cùng bạn thiết,
Hơn ở nhà thừa lẽ bóng dưng quê.

Tôi vẫn sợ đến khi mình lụ-khụ,
Hoặc ốm đau, nghễnh-ngãng, cần người chăm,
Tôi cũng sẽ nói theo chân các cụ,
Vào Viện nằm chôn nỗi khổ trăm năm.

Nhưng Trời Đất đoái thương đời thiện hảo,
Cho sống lâu và sức khỏe chưa vơi;
Con+cháu+chất quây-quần vui tuổi lão;
Chưa bằng ai nhưng đã vượt bao người.

Cảm-tạ Đời, cảm-tạ Người, Cuộc Thế;
Và các con, các cháu, rất chân-tình,
Đã săn-sóc cha, ông trong lão-tuế,
Cho lòng già trẻ khỏe như thư-sinh.

Rồi mai một khi già-từ tất cả,
Sẽ mỉm cười thoả dạ nơi hư-không;
Và con, cháu cũng thành-thời, hể-hả
Vì đã tận-tình đối với cha, ông...

I have seen an old woman weebegone to bare:
Her children and their beds have no time
to care.
She lived with co-sufferers in the home for the aged;
Gaunt, for relationship pined, about condition ragged.

I have met an old man alone, sometimes staggering;
His grandchildren clatter with lemans swaggering.
He got to the mart playing with pals of same range
Rather than staying home as a disregarded, strange.

I have feared that when decrepit, doting to deliver,
Or ailing, hard of hearing, needing some caregiver,
I would also have to follow certain so pitiable soul,
Entering the retreat to inurn such distress and dole.

But Nature has deigned to mercy the fair and square,
Allowing me to live long and my health not to wear;
Offspring, grand/great kindred unite, delight shows;
Not yet equal to these, but already ahead of those.

Thank you all, Life, Humanity, and the World dear,
And my children, their seed, for being so sincere
In loving, minding, visiting me during my old age:
I may feel younger, stronger, each day a new page.

Then, when comes the day I depart, end this journal,
I be will smiling satisfied to travel to the eternal;
My descendants will be content with their chutzpah,
Nowadays to pamper such way their Dad, Grandpa.

THANH-THANH THANH-THANH

English version by
on his 87th birthday

VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI

Tặng Lê Quang Xuân

Đêm qua vườn ngoại tàu cau rụng
Vàng ố loang từng bẹ lá khô
Mơ xám quắt queo bao cũ nắng
Hồn xanh phai lạt giữa mơ hồ.

Thềm vắng, xế nay ngồi vót chổi
Ngoại đưa cần mẫn chiếc dao dâu
Chừng nghe tiếng chổi khua sàn sạt
Quét rụng niềm vui tự thuở đầu.

Sống lá từng tàu cau chuốt mỏng
Dẻo mềm lạt buộc chổi tinh khôi
Ngoại từ xanh tóc nay đầu bạc
Vót chổi bao năm một chỗ ngồi.

Đêm qua bão rớt, bông cau rụng
Mai một buồng cau thừa trái non
Vững mạnh nọc trầu bên mé nước
Dài giấy, tựa rễ, lá xanh rờn.

Nắng tắt, hiên ngoài se sắt lạnh
Gió chiều quét sạch lớp mây giăng
Ngoại đưa đẩy chổi trên sân vắng
Quét lá, làm sao quét ánh trăng?

Làm sao quét nỗi buồn giăng mắc?
Đèn lửa đêm dài chong hắt hiu
Cau sẩy ba canh, than cháy đỏ
Làm sao hong ráo lệ bao chiều?

Vườn cau quê ngoại thời niên thiếu
Ươm giữa hồn thơ nét đẹp buồn
Ký ức tháng ngày rung bóng lá
Thơm hương cau tỏa dưới trăng sương.

Vườn cau hòa tiếng tim châu thổ
Dựng mộ bia sau mái miếu đường
Có bóng ma người bao thuở trước
Suốt đời bám riết đất quê hương.

*Trích trong thi phẩm
Vườn Cau Quê Ngoại
do Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản 2003*

Hồ Trường An
(France)



RƯỢU HƯƠNG MÙA CŨ

Chiều nay pha rượu hương mùa cũ
Đem uống nghe buồn thấm tận đầu
Men ủ bao năm vàng nỗi nhớ
Khói dòn mây ngả trắng niềm đau
Nước non đã rẽ đôi bờ nhục
Cơm áo còn vương một chén sầu
Say khướt quên mình nơi quán trọ
Nẻo về cứ hẹn để ngày sau

Nguyễn Vô Cùng
(Virginia)

JOHANN WOLFGANG VON GOETHE

(1749 - 1832)

**Danh Nhân về Văn Chương và Triết Học
của Nước Đức**

Phạm Văn Tuấn

Johann Wolfgang von Goethe là một trong các vĩ nhân của nền Văn Chương của Thế Giới, ông là một nhân vật đa diện: nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch, nhà báo, nhà phê bình, họa sĩ, nhà điều khiển sân khấu, chính khách, nhà giáo dục, nhà khoa học, nhà triết học thiên nhiên (natural philosopher)...



Sự đa dạng và khối lượng của các tác phẩm của Goethe thì rất lớn lao, gồm có thơ anh hùng ca và thơ trữ tình, các vở kịch viết bằng văn xuôi và bằng lời thơ, các hồi tưởng, một cuốn tự thuật, các bài phê bình văn chương và thẩm mỹ, các khám phá về thực vật, cơ thể học và màu sắc, và 4 cuốn tiểu

thuyết. Riêng phần ông viết về khoa học đã chiếm hết 14 quyển sách.

Goethe đã diễn tả thơ phú theo nhiều đề tài và thể văn (styles). Về các truyện hư cấu, ông đã từng viết ra các truyện thần tiên tới các truyện liên quan tới ngành phân tâm học (psychoanalysis), xuất bản nhiều cuốn tiểu thuyết loại ngắn (novellas), ông cũng viết ra nhiều vở kịch với đề tài từ lịch sử, chính trị tới tâm lý, và Faust là một tuyệt tác phẩm của nền Văn Chương Tân Tiến (modern literature). Ngoài các bài viết về văn chương và khoa học, Goethe còn để lại hơn 10,000 bức thư và gần 3,000 bức vẽ do ông thực hiện.

Ảnh hưởng của các sáng tác của Goethe đã lan rộng khắp châu Âu rồi trong thế kỷ kế tiếp, các tác phẩm của ông đã là các nguồn cảm hứng về âm nhạc, kịch nghệ, thơ văn và cả triết học.

1/ Cuộc đời của Johann Wolfgang von Goethe.

Johann Wolfgang von Goethe xuất thân từ giai cấp trung lưu Bergertum. Cha của Goethe là ông Johann Kaspar Goethe có gốc gác thuộc về miền bắc của nước Đức. Khi là một luật sư hồi hưu, ông Johann Kaspar đã hưởng thụ một cuộc sống nhàn nhã với văn học, đã đi du lịch qua nước Ý và thiết lập

được một thư viện đầy đủ trong một tòa nhà sang trọng.

Mẹ của Goethe là bà Katharine Elizabeth Textor, là con gái của vị Thị Trưởng (Bürgermeister) của thành phố Frankfurt nên nhờ mẹ, Goethe có được các liên hệ quý báu với giới quý tộc của thành phố. Rồi chính Goethe lại là con người biết kết hợp cả hai khuynh hướng: trí thức và đạo đức của miền Bắc với tình cảm và tính nghệ sĩ của miền Nam nước Đức.

Ông bà Johann Kaspar Goethe có 8 người con, chỉ có Goethe là con trưởng và người em gái tên là Cornelia Friederike Christiana sống thọ tới sau này. Goethe sinh ngày 28 tháng 8 năm 1749 tại Frankfurt am Main, thời đó nơi này thuộc về Đế Quốc Thần Thánh La Mã (the Holy Roman Empire). Khi còn nhỏ, Goethe được cha và các thầy giáo dạy cho các môn học phổ thông của thời đại đó, đặc biệt là các ngôn ngữ: La Tinh, Hy Lạp, Pháp, Ý, Anh, Cổ Do Thái (Hebrew). Goethe cũng được học hỏi về khiêu vũ và đánh kiếm (fencing) nhưng Goethe ưa thích môn vẽ và sớm đam mê môn văn học với các tác giả đầu tiên là Homer và Friedrich Gottlieb Klopstock. Goethe cũng đã có các cơ hội đi coi kịch nghệ và bộ môn múa rối (puppet).

Trong cuốn hồi ký tự thuật *Dichtung und Wahrheit* (Poetry and Truth = Thơ Phú và Sự Thật), Goethe đã mô tả thời niên thiếu của mình rất hạnh phúc, sự liên hệ với người em gái Cornelia, sự vương mắc tình cảm với cô gái của quán rượu (barmaid) tên là Gretchen, sự việc quân đội Pháp chiếm đóng trong cuộc chiến tranh 7 năm (the

Seven Years' War), lễ đăng quang của Vua Joseph II tại Frankfurt...

Vào tháng 10 năm 1765, ông Johann Kaspar đã gửi cậu con trai tới Đại Học Leipzig từ năm 1765 tới năm 1768 dù cho Goethe thực tâm ưa thích đọc các tác phẩm văn chương đang thịnh hành tại Đại Học Göttingen, đây cũng là nơi mà ảnh hưởng văn học tiếng Anh lan rộng.

Leipzig, nơi mà Goethe gọi là "thành phố Paris nhỏ" (little Paris) trong tác phẩm *Faust*, là một thế giới lịch sử và thời trang. Cũng tại nơi này thấy có ảnh hưởng của nền kịch nghệ Pháp Quốc cùng với các tác phẩm hay nhất của châu Âu được trình diễn trên sân khấu của nơi đây. Christian Furchtegott Gellert là nhà thơ và tác giả của các truyện ngụ ngôn, đang ở vào thời hoàng kim, đã trình bày các thơ văn của Edward Young, Laurence Sterne và Samuel Richardson. Goethe đã học hỏi được rất nhiều từ các bài diễn thuyết của Gellert. Goethe còn yêu thích nghệ thuật Cổ Hy Lạp do ảnh hưởng của A.F. Oeser, Johann Gottfried Herder... trong khi đó nhạc sĩ kiêm nhà soạn nhạc J. A. Hiller đã trình diễn các tác phẩm âm nhạc rực rỡ bằng các buổi hòa nhạc *Gewandhaus*.

Tại Leipzig, Goethe đam mê cô Anna Katharina Schonkopf nên đã viết ra nhiều bài thơ ca ngợi người đẹp theo thể loại *rocco*. Vào năm 1770, Goethe đã ẩn danh cho xuất bản một tuyển tập thơ đầu tiên có tên là *Annette* và đặc biệt quan tâm tới hai nhà thơ Gotthold Ephraim Lessing và Christoph Martin Wieland.

Goethe cũng viết văn rất nhiều nhưng đã vứt bỏ đi hết, chỉ trừ kịch bản *Die Mitschuldigen*. Tại Leipzig, Goethe đã ưa thích nhà hàng Auerbachs Keller khiến cho nơi này còn được ghi lại trong vở kịch *Faust*, Phần Một. Công việc học hành của Goethe không tiến bộ nên ông phải quay lại Frankfurt vào tháng 8 năm 1768.

Tại Frankfurt, Goethe bị bệnh nặng rồi bệnh tái phát nhiều lần nên thời gian điều trị đã kéo dài tới 1 năm rưỡi, trong khi đó sự liên hệ của Goethe với người cha của ông trở nên xấu đi. Trong thời gian dưỡng bệnh, Goethe đã được mẹ và em gái chăm sóc.

Vào tháng 4 năm 1770, Goethe rời Frankfurt để theo học tại Strasbourg. Tại miền Alsace này, Goethe đã vui sống, đã mô tả một cách âu yếm miền đất ẩm áp, rộng lớn của bờ sông Rhine. Chính tại Strasbourg, Goethe đã gặp ông Johann Gottfried Herder. Hai người trở nên đôi bạn thân thiết rồi nhờ vậy trí thức của Goethe đã phát triển. Herder đã ưa thích văn chương của Shakespeare, Ossian và loại thơ dân gian (*Volks poesie* = folk poetry).

Trong một chuyến du lịch tới làng Sessenheim vào tháng 10 năm 1770, Goethe đã say mê cô Friedericke Brion nhưng tới tháng 8 năm 1771 thì chấm dứt mối tình lãng mạn này. Nhiều bài thơ của Goethe đã được sáng tác vào giai đoạn này, chẳng hạn như các bài thơ *Willkommen und Abschied*, *Sesenheimer Lieder* và *Heidenroslein*.

Vào cuối tháng 8 năm 1771, Goethe đậu xong văn bằng *Lizenziat* tại Frankfurt và bắt đầu làm luật sư nhưng

chỉ sau vài tháng, ông đã từ bỏ nghề nghiệp này. Vào thời gian này, Goethe làm quen với Johann Georg Schlosser, người mà sau này trở nên em rể, và Johann Heinrich Merck, đồng thời Goethe cũng theo đuổi con đường văn chương mà cha là ông Johann Kaspar không cản trở mà còn giúp đỡ con trai nữa. Goethe bắt đầu viết ra vở kịch nhiều màu sắc có tên là *Goetz von Berlichingen*, tác phẩm này đã đi thẳng vào tâm hồn của các độc giả thời đó.

Vào tháng 5 năm 1772, Goethe lại tham gia công việc luật sư tại Wetzlar rồi qua năm 1774, ông đã viết ra tác phẩm nhờ đó danh tiếng của ông đã vang lừng trên thế giới, đó là cuốn truyện "Các Nỗi Buồn của Chàng Trẻ Werther" (*The Sorrows of Young Werther*). Cốt truyện của tác phẩm này là do Goethe đã rút ra các kinh nghiệm trong thời gian sinh sống tại Wetzlar với Charlotte Buff và người hôn phu của cô ta, với Johann Christian Kestner (1741-1800) cũng như do sự tự vẫn của một người bạn của tác giả là Karl Wilhelm Jerusalem (1747-1772). Mặc dù cuốn truyện Werther thành công rực rỡ nhưng Goethe đã không nhận được nhiều lợi tức bởi vì vào thời gian đó, đã không có các luật bản quyền (copyright laws).

Vào năm 1775, do danh tiếng của tác phẩm "Các Nỗi Buồn của Chàng Trẻ Werther", Goethe được mời tới triều đình của Công Tước Carl August (Duke of Carl August) của miền Saxe Weimar Eisenach, lúc này vị Công Tước ở tuổi 18 còn Goethe đã 26 tuổi. Goethe đã sinh sống tại Weimar cho tới cuối đời và nhận lãnh nhiều chức vụ, là

cổ vấn chính và là người bạn của Công Tước Carl August.

Năm 1776, Goethe quen thân với bà Charlotte von Stein, mối tình thân hữu này đã kéo dài tới 10 năm, cho tới khi Goethe bắt ngờ bỏ đi, qua nước Ý Đại Lợi. Goethe được phong quý tộc vào năm 1782 và vì vậy tên của ông mang chữ "von".

Từ năm 1786 tới năm 1788 là thời gian Goethe đã thực hiện cuộc hành trình trên xứ sở Ý Đại Lợi, đã phát triển về thẩm mỹ học và triết học. Cuộc viếng thăm nước Ý trước kia của ông Johann Kaspar đã là một động lực khiến cho Goethe thực hiện cuộc du lịch này. Ngoài ra, tác phẩm của ông Johann Joachim Winckelmann đã khiến cho Goethe quan tâm tới nghệ thuật cổ xưa của hai xứ Hy Lạp và La Mã. Trong cuộc hành trình này, Goethe đã làm quen với các nghệ sĩ Angelica Kauffman và Johann Heinrich Wilhelm Tischbein cũng như với các người danh giá như Lady Hamilton và Alessandro Cagliostro. Cũng trong dịp đi thăm hòn đảo Sicily, Goethe đã nhận ra rằng kiến trúc gốc của Hy Lạp khác với kiến trúc của La Mã.

Cuối năm 1792, Goethe đã lập công với Công Tước Carl August trong trận chiến Valmy chống lại quân đội cách mạng Pháp khi đoàn quân này xâm lăng nước Đức. Goethe cũng là nhà quan sát quân sự giúp Công Tước Carl August trong cuộc vây hãm thành Mainz, tất cả các công lao này đã được Goethe ghi lại trong tác phẩm Complete Works (Các Công Tác Hoàn Thành).

Trước kia vào năm 1788, Goethe đã quen sơ nhà thơ Friedrich Schiller nhưng từ năm 1794, hai người trở nên đôi bạn thân và tình cảm này kéo dài cho tới khi Schiller qua đời vào năm 1805.

Vào năm 1806, khi Goethe đang sinh sống với người tình là bà Christiane Vulpius thì vào ngày 13 tháng 10 năm đó, đạo quân của Tướng Napoleon đã tràn vào thành phố Weimar. Nhóm quân lính Pháp thiếu kỷ luật này đã chiếm đóng căn nhà của Goethe, họ đã lấy rượu uống, làm huyên náo và gọi tên chủ nhà. Tối đêm tới, bọn lính này còn xông vào phòng của Goethe với súng ống có gắn lưỡi lê. Chính vào lúc này, bà Christiane đã điều khiển công việc chống cự toán quân Pháp vô kỷ luật bằng cách ngăn chặn cửa bếp và cửa tầng hầm, không cho bọn chúng cướp phá trong nhà. Ngày hôm sau, Goethe chính thức làm lễ cưới một cách đơn giản tại một ngôi nhà thờ nhỏ với bà Christiane sau 18 năm chung sống, họ đã có chung nhiều người con. Bà Christiane von Goethe qua đời vào năm 1816.

Từ năm 1793, Goethe dành hết thời giờ cho văn chương nhưng vẫn có các mối tình khác. Năm 1820, Goethe liên hệ tình cảm với bà Kaspar Maria von Sternberg, rồi tới năm 1823, lại say đắm bà Ulrike von Levetzow, muốn lập gia đình với bà này nhưng bị bà mẹ ngăn cản. Ngày 5 tháng 9 năm 1823 là lần gặp gỡ cuối cùng với bà Ulrike, cuộc tương phùng này đã gây cảm hứng cho Goethe để viết ra tập thơ bi ai danh tiếng Marienbad Elegy, tác phẩm mà ông cho là một trong các

công trình xuất sắc. Cũng vào thời gian này, Goethe còn có cảm tình sâu đậm với nữ nhạc sĩ dương cầm người Ba Lan tên là Maria Agata Szymanovsky.

Vào ngày 22 tháng 3 năm 1832, Johann Wolfgang von Goethe qua đời tại Weimar vì bị liệt tim, ông được chôn cất trong Nghĩa Trang Lịch Sử (Historical Cemetery) tại Weimar, nước Đức.

2/ Các Công Trình của Johann Wolfgang von Goethe.

Vào thời kỳ trước khi di chuyển tới Weimar, các tác phẩm quan trọng nhất của Goethe là bi kịch Goetz von Berlichingen (1773), đây là sáng tác đầu tiên đã mang lại danh tiếng cho ông, rồi tới cuốn tiểu thuyết "Các Nỗi Buồn của Chàng Trẻ Werther" (The Sorrows of Young Werther - 1774), tác phẩm này đã được phổ biến rộng rãi trong phong trào "Bão Tố và Xung Kích" (the Sturm und Drang movement).

Vào thế kỷ 18, viết thư là hình thức liên lạc quan trọng nhất của nhiều người tại châu Âu. Vì vậy Goethe đã sáng tác vào năm 1774 cuốn tiểu thuyết ngắn thuộc dạng thư từ (a short epistolary novel) có tên là "Các Nỗi Buồn của Chàng Trẻ Werther" (Die Leiden des jungen Werthers = The Sorrows of Young Werther), cuốn tiểu thuyết này kể lại một cuộc tình không hạnh phúc mà kết quả là vụ tự sát. Nhân vật chính trong cuốn truyện, giống như Romeo, đã tự tử và đám tang không có vị linh mục nào tham dự, đây là điều đáng gây tranh luận bởi vì việc tự vẫn này đã đi trái với các giáo điều của đạo Thiên Chúa.

Sang thời kỳ thứ hai, trong khi cư ngụ tại Rome và trước khi gặp Schiller, Goethe bắt đầu viết các kịch Iphigenia in Tauris (1787), Egmont (1789), Torquato Tasso (1790) và Reineke Fuchs. Khi đã là bạn với Schiller rồi, Goethe tiếp tục viết truyện Wilhelm Meister, viết thơ văn đồng quê Herman and Dorothea và các khúc bi ai Roman Elegies.

Iphigenia in Tauris là phần thuật lại mới của truyện thần thoại Hy Lạp, căn cứ vào một vở kịch của Euripides. Vở kịch này diễn tả niềm tin của Goethe rằng mọi người sinh ra đều tốt lành và tội lỗi, cùng với sự thất bại của con người có thể chuộc lại bằng các hành động cao thượng.

Egmont là vở kịch xảy ra khi có sự tranh chấp giữa hai nước Tây Ban Nha và Hòa Lan vào các năm 1500. Đây là câu chuyện bi thương của một nhà quý tộc trẻ tuổi, tự tin và yêu tự do, chàng ta là nạn nhân của các âm mưu chính trị do các kẻ thù độc ác.

Sau khi trở về Weimar, Goethe hoàn thành bi kịch Torquato Tasso, nói về một chàng thi sĩ đã không hành xử tốt đẹp với các người chung quanh bởi vì chàng ta thiếu đi đức tính kỷ luật tự giác.

Cuốn tiểu thuyết Wilhelm Meister's Apprenticeship (1795-96) kể lại một chàng thanh niên yêu thích nghệ thuật đã đạt được sự trưởng thành, sự tự hiểu biết mình và biết trách nhiệm xã hội. Đây là loại tiểu thuyết nói về sự phát triển giáo dục của một cá nhân.

Năm sau, 1797, Goethe đã nhấn mạnh về các giá trị của giai cấp trung lưu trong tập thơ anh hùng ca và đồng quê có tên là Hermann and Dorothea.

Vào thời kỳ cuối cùng, từ giữa năm 1805 khi Schiller qua đời, tới năm tác giả viên tịch, Goethe đã xuất bản tác phẩm Faust, cuốn truyện Elective Affinities. Đây là một trong các công trình văn xuôi hay nhất. Cuốn tiểu thuyết này là một khảo sát về sự liên hệ bi thương giữa một cặp vợ chồng với hai người bạn của họ.

Từ năm 1811 tới năm 1814, đã thấy xuất hiện 3 phần của cuốn sách bán tự thuật *Aus meinen Leben: Dichtung und Wahrheit* (From my Life: Poetry and Truth = Từ Cuộc Đời của Tôi: Thơ Phú và Sự Thật), phần thứ 4 được xuất bản vào năm 1833 sau khi tác giả qua đời. Tiếp theo là cuốn sách "Hành Trình qua Nước Ý" (the Italian Journey), các khảo sát khoa học và một loạt các sách nói về nghệ thuật của nước Đức (German Art). Các tác phẩm của Goethe đã ngay lập tức ảnh hưởng tới các giới văn học và nghệ thuật.

Bi kịch anh hùng ca Faust (epic drama) của Goethe chỉ được xuất bản đầy đủ sau khi tác giả đã qua đời. Phần đầu được phổ biến vào năm 1808, đã tạo nên sự náo động. Ấn bản nhạc kịch đầu tiên với chủ đề Faust do nhạc sĩ Spohr viết ra vào năm 1814 rồi về sau, tác phẩm Faust đã là nguồn gây cảm hứng cho các nhạc sĩ khác như Gounod, Boito, Busoni cũng như nhờ đó, Liszt, Wagner và Mahler đã viết ra các bản nhạc giao hưởng (symphonies).

Bi kịch Faust gồm hai phần, xuất bản cách nhau hơn hai thập niên, đã trở nên một thứ huyền thoại trong thế kỷ 19. Bán linh hồn cho Quỷ (selling one's soul to the devil) để có sức mạnh

trong thế gian vật chất, đã trở thành một đề tài trong văn chương.

Các bài thơ của Goethe đã trở thành một mẫu mực cho bộ môn Thơ Phú của nước Đức, được gọi là "khuyh hướng hướng nội" (introversion = Innerlichkeit) mà đại biểu là nhà thơ Đức Heinrich Heine (1797-1856). Các lời thơ của Goethe đã gợi hứng cho một số sáng tác âm nhạc trong số này có Mozart, Beethoven, Schubert, Berlioz và Wolf. Có lẽ một bài thơ đơn độc gây ảnh hưởng nhất là bài thơ "Bài Hát của Mignon" (Mignon's Song), mở đầu bằng một trong các câu thơ danh tiếng nhất của bộ môn Thơ Phú Đức, và đây là câu ám chỉ xứ Ý Đại Lợi: "Em có biết miền đất mà các trái chanh nở hoa không?" (Do you know the land where the lemons bloom? = Kennst du das Land, wo die Zitronen bluhn?).

Ngoài các công trình về Văn Thơ, Goethe cũng đã đóng góp đáng kể vào phạm vi Khoa Học. Về Sinh Học, ông đã đề cập tới lý thuyết của sự biến dạng của cây cối (plant metamorphosis). Năm 1784, Goethe đã khám phá về xương hàm của loài người (the inter-maxillary bone in humans) giống như các tìm thấy của Broussonet (1779) và Vícq d'Azyr (1780). Trong các công trình nghiên cứu về Khoa Học, Goethe coi thứ đóng góp quan trọng nhất của ông là tác phẩm "Lý Thuyết về Màu Sắc" (The Theory of Colors) rồi về sau, cuốn sách này đã ảnh hưởng tới nhà triết học Ludwig Wittingen khi ông này viết ra

cuốn sách "Các Ghi Chú về Màu Sắc" (Remarks on Colours).

Goethe còn tìm kiếm và nghiên cứu về các truyền thống dân gian, ông đã tạo nên các tiêu chuẩn về tổ chức Lễ Giáng Sinh và đã biện hộ rằng bản chất hữu cơ (organic nature) của đất đai đã tạo nên dân tộc và các tập quán, và rằng luật pháp không nên được tạo ra bởi lý thuyết thuần lý (pure rationalism), bởi vì địa dư và lịch sử đã tạo thành các thói quen và các mẫu mực của xã hội, điều này tương phản lớn với quan điểm "khai sáng" (Enlightenment view), theo đó lý trí (reason) đủ để tạo nên một xã hội khéo tổ chức và các luật lệ tốt đẹp./.

6/ Bài Thơ "Found" của Johann Wolfgang von Goethe.

A/ Phần tiếng Anh. FOUND

I walked in the forest
So all by myself,
And to search for nothing
That was my intent.
In the shadow I saw
A small flower standing,
Shining like stars,
Beautiful as tender eyes.
I wanted to pluck it,
When it delicately said:
Shall I to wither
Be broken off?
I dug it up with all
Its small roots,
To the garden I brought it
By the pretty house.
And once more did plant it
At a quiet nook;
Now it branches forever
And continues to bloom.

JOHANN WOLFGANG von GOETHE
(1749-1832)
(Translated by Gustave Mathieu
and Guy Stern in "Introduction To
German Poetry).

B/ Phần Chuyển Ngữ của Nhà Thơ Ngô Tăng Giao.

TÌM THẤY HOA.

*Lang thang dạo bước trong rừng
Một mình một bóng ngập ngừng bên khe,
Lòng riêng chẳng kiếm tìm chi
Mặc cho lối cổ dẫn đi xa gần.*

*Ô kia thấp thoáng bóng râm
Một bông hoa nhỏ muôn phần thắm tươi,
Long lanh tựa ánh sao trời,
Đẹp xinh như khỏe mắt ai dịu dàng.*

*Đưa tay định hái hoa vàng
Chợt nghe trong gió hoa than phận mình:
Chao ôi người nữ bẻ cành
Thân này tàn héo sao đành lòng đây?*

*Thôi ta đào cả bụi cây
Cùng muôn rễ nhỏ bám đầy thân thương,
Nâng niu mang trở về vườn
Bên căn nhà đẹp nắng vương sớm chiều.*

*Vườn nhà trồng lại hoa yêu
Ềm đêm góc vắng, mỹ miều thắm xanh;
Giờ cây tươi tốt vươn cành
Hoa phô sắc thắm nở quanh bốn mùa./.*

Tâm Minh NGÔ TĂNG GIAO
chuyển ngữ.

(Bông hoa xinh đẹp mà thi sĩ mang từ rừng về
chính là nàng CHRISTIANE, vợ của
GOETHE).

Phạm Văn Tuấn./.

TÂM & THỨC

(Tổng Đồ Diễn Dịch)

Kim-Vũ

Chương 1

LOÀI NGƯỜI PHÁT XUẤT TỪ ĐÂU?

Năm 1974, 40% của một bộ xương nữ thuộc chủng loại **Hominin** đã được tìm thấy ở nước Ethiopia thuộc Phi châu, sống cách nay khoảng 3,2 triệu năm. Những người **Homo erectus** tiếp nối chủng loại này đã bắt đầu di chuyển ra khỏi châu Phi đến tận những vùng xa xôi như Caucasus và Indonesia cách nay khoảng 1,8 triệu năm. Sau đó, đến **homo sapiens**, tiền thân của tất cả mọi người chúng ta hiện đang sống ở các châu Âu, Á, Úc và Mỹ, với nhiều thuộc tính cơ thể đa dạng như màu da, màu mắt... do đột biến gen và ảnh hưởng của môi trường.

Con người là vượt trội so với tất cả các loài sinh vật khác do có bộ óc phi thường, khiến họ có thể truyền thông qua ngôn ngữ, và cũng do khả năng ghi nhớ và tư duy sáng tạo, từ đó dẫn đến văn minh, lúc đầu qua tiếng nói, rồi sau đó là qua chữ viết.

Từ ngôn ngữ khác nhau dẫn đến sự phân chia nhân loại thành nhiều dân tộc và chủng tộc: Người Hán, người Aryan, người Gaul, người Goth, vv ... mỗi nhóm nói cùng một ngôn ngữ và chia sẻ những phong tục tập quán chung. Từ

đó mà có quần thể, đầu tiên là những bộ tộc, sau đó là thị quốc, rồi quốc gia, và cuối cùng là đế quốc, bành trướng chủ yếu dựa vào sức mạnh quân sự, nhưng đôi khi cũng do sức thuyết phục và đồng hoá.

Nhưng cũng như mọi thứ khác trên đời, do **luật vô thường** mà các thực thể đến rồi lại đi, hợp để mà tan. Những thay đổi gì sắp xảy ra cho nhân loại trong thời gian sắp tới đây, rồi cuối cùng cũng sẽ hiện bày.

Chương 2

TÔN GIÁO ĐẾN TỪ ĐÂU?

Cuộc sống đối với con người, động vật duy nhất có ý thức phát triển đầy đủ trên trái đất, đầy bất ổn và cực nhọc, nhất là đối với tổ tiên của chúng ta. Lúc nào cũng sống trong lo âu sợ hãi, do thiên nhiên thay đổi bất thường, do các loài thú dữ luôn luôn đe dọa, và nhất là do chính những con người không cùng loại với mình âm mưu sát hại. Để xoa tan những nguy hiểm, mà điểm chính là nơi tâm linh, con người tìm đến một sức mạnh huyền bí cao hơn bản thân mình để cầu mong được che chở và cứu vớt. Từ đó dẫn đến khấn cầu, khấn nguyện, thề thốt, vv... Đổi lại, người ta cũng có thể hy sinh mạng sống của chính mình hoặc của người khác để xoa dịu hay làm hài lòng quyền lực thiêng liêng đó.

Chúng ta hãy tạm giả thuyết như vậy để giải thích cho sự khởi đầu của tôn giáo. Một trong những tôn giáo đầu tiên

là đạo Bà La Môn, phổ biến ở các khu vực xung quanh Ấn Độ ngày nay, được minh chứng trong kinh **Rigveda**, đã hiện diện hơn một nghìn năm trước Công Nguyên.

Người Hy Lạp cổ đại cho thấy niềm tin của họ trong thần thoại, với các vị thần khá giống như chính những con người bình thường chúng ta.

Ở Trung Hoa, thì là niềm tin vào Ngọc Hoàng Thượng Đế, mà người con, hay Thiên Tử, chính là vua trên trần thế, được sắc chỉ cai trị bách tính nhân dân.

Trong nhiều xã hội nguyên thủy, tôn giáo đa thần và phiếm thần là hình thức tín ngưỡng phổ biến.

Kitô giáo và Hồi giáo, hai tôn giáo với số tín đồ đông nhất hiện nay, là những tín ngưỡng đến sau cùng, đều khởi nguồn từ Kinh Cựu Ước, nhưng chỉ xuất hiện từ sau cái chết của Chúa Giêsu đối với Kitô giáo, và sau sự ra đời của kinh Qu'ran vào thế kỷ thứ bảy Công Nguyên đối với đạo Hồi.

Chương 3 TRIẾT LÝ ĐẾN TỪ ĐÂU?

Việc tìm đến và lòng yêu thích hiểu biết, hoặc minh triết, bắt đầu ở Ấn Độ thời cổ đại vào thiên niên kỷ đầu tiên trước Công Nguyên, với nhiều trường phái đưa ra những luận điểm triết học đa dạng và phong phú, tranh luận kịch liệt với nhau hầu dành quyền bá chủ. Vào thời điểm Đức Phật Thích Ca, khoảng năm trăm năm trước Công

Nguyên, đã có sáu trường phái tư tưởng chủ yếu ngoài Phật giáo, nhưng chỉ có **triết học của Phật** mới thật sự là quan tâm sâu sắc đến vận mệnh con người trên trần thế, dù không hề bỏ qua những mặt khác không thể thiếu của một nền triết học toàn diện như bản thể luận, vũ trụ luận và nhận thức luận. Bậc Toàn Giác đã đạt đến minh triết hoàn toàn từ **nội quán do thiên định**, chứ không do **nhận xét** và **suy luận** từ những hiện tượng bên ngoài như những triết gia phương Tây.

Ở Trung Hoa thời cổ đại, minh triết ngay từ đầu đã tham gia tích cực vào việc trị quốc, khi **Kinh Dịch**, một cuốn sách bói toán xuất hiện khoảng một nghìn năm trước Công Nguyên, sau đó được Văn Vương sắp xếp theo thứ tự, đã được sử dụng bởi giới vua quan để đoán quẻ với mục đích thực tiễn là cai trị.

Và trong Hy Lạp thời cổ đại, chúng ta có các triết gia **Tiền Socrates**, sống khoảng năm trăm năm trước Công Nguyên, bàn cãi sôi nổi về câu hỏi trung tâm là do đâu bắt đầu sự sống, hay chính xác hơn là sự hình thành muôn vật. Rồi thì đến **Socrates**, một triết gia nhiệt tình quan tâm đến cuộc sống của chính con người. Tiếp theo sau ông là **Plato**, một đệ tử đã ghi lại những suy nghĩ của thầy mình trên giấy, và sau đó cũng thêm vào một số những suy tư riêng của mình để trở thành trụ cột đầu tiên của nền triết học phương Tây.

(Còn tiếp)

GIỚI THIỆU NỘI DUNG

“TÂM & THỨC (Tổng Đồ Diễn Dịch)”

của Kim-Vũ

Cuốn sách tập trung vào vấn đề trung tâm là sự đối kháng mâu thuẫn giữa lòng tin và tri thức, giữa tôn giáo và triết học. Nó nhằm mục đích thu hút giới trẻ vào việc tìm kiếm và giúp chúng tự đề ra một phương cách hữu hiệu để có thể tự mình chống chọi đối phó với cuộc đời trong một thế giới đầy bạo lực và tai hoạ mà dường như càng ngày lại càng trở nên tồi tệ hơn.

Cuốn sách mở đầu với Chương 1, nói về nơi nhân loại khởi đầu, vốn chỉ là một bộ tộc nhỏ ở Châu Phi, nhưng sau đó đã di cư thật xa khỏi nơi cội nguồn và phát triển mãi ra khắp nơi trong bốn lục địa Âu Á Mỹ Úc, và những hậu duệ đi sau ngày càng bị chia cắt bởi môi trường, ngôn ngữ và văn hoá. Sau đó, khi con người bắt đầu tìm ra các phương tiện giao tiếp tốt hơn thông qua ngôn ngữ và sự sáng tạo, tôn giáo và triết học đã xuất hiện như thế nào. Tiếp tới là một cuộc hành trình suốt dọc lịch sử triết học phương Tây, cho thấy tổ tiên chúng ta đã cố gắng như thế nào để tìm cách giải thích vũ trụ, thế giới hiện tượng và cội nhân sinh, cũng như làm thế nào để con người có thể sống một cuộc đời có ý nghĩa. Rồi sách giải thích do đâu mà khoa học đã nảy sinh từ triết

học tự nhiên, và giúp nhân loại thực hiện những bước tiến khổng lồ đã dẫn dắt con người tới những thành tựu vĩ đại của ngày hôm nay, chỉ sau hơn năm trăm năm ngắn ngủi.

Sau khi cho thấy ý thức đã nghiêm nhiên trở thành mối quan tâm hàng đầu và là lĩnh vực nghiên cứu chủ đạo trong triết học phương Tây trong thời đại hiện nay, sách đưa người đọc vào nền tư tưởng mà Phật giáo đã đạt đến chỉ thông qua một phương pháp độc nhất là thiền quán mà thôi, và giải thích là tâm thức đã luôn là trọng tâm tìm hiểu trong truyền thống trí tuệ này.

Sau đó, sách cho thấy đức Phật Thích Ca và đệ tử của Ngài là Thế Thân, vị Tổ thứ 21 của Thiên tông, đã dạy con người về những thứ bao trùm tất cả các lĩnh vực tri thức của con người, từ những quy luật cơ bản của thiên nhiên và ứng xử của con người cho đến nền vũ trụ học bao gồm những thành tựu mới nhất, hiện đại nhất của Khoa học: vật lý lượng tử và lý thuyết dây. Nhưng nó thậm chí còn đi xa hơn nữa, vào những lĩnh vực mà vẫn thường được coi là mê tín dị đoan nhưng thực sự tồn tại song hành với thế giới chúng ta đối với những người đã đạt đến một

mức độ nhận thức nào đó vượt qua sự nhận thức trần tục thô thiển của con người bình thường chúng ta.

Sách khẳng định lời nói của Stephen Hawking trong cuốn sách "The Grand Design": "Lý thuyết M dự đoán rằng rất nhiều vũ trụ đã được tạo ra từ không có gì." Nhưng trên cả Hawking, có một cái gì đó vượt trội ra ngoài khoa Vật lý hoặc thế giới của "vật chất" như chúng ta quan niệm vào thời điểm hiện tại, nếu chúng ta thực sự muốn đạt đến một sự hiểu biết tổng quát và đầy đủ về "mọi thứ ở trên đời," hay nội dung của một "LÝ THUYẾT BAO TRÙM." (The Theory of Everything hay TOE.)

Cuốn sách nhắm vào giới trẻ sinh ra và lớn lên giữa hai thiên niên kỷ, thông minh, năng động, tò mò, nhưng cũng vô cùng nôn nóng. Ước vọng của sách là cung cấp cho những thanh niên này một sự dẫn giải súc tích, dễ hiểu, nhưng đồng thời cũng khơi gợi sự hiếu kỳ hầu khuyến khích chúng tìm đến thế giới diệu kỳ của tò mò quan tâm trí tuệ, đề cập tới câu hỏi quan yếu nhất đối với con người là ý nghĩa cuộc sống. Đây chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc giáo dục tuổi trẻ của thời đại chúng ta. Tất nhiên, sách cũng rất có thể thu hút sự chú ý của nhiều tầng lớp độc giả thuộc mọi lứa tuổi, những người luôn thao thức kiếm tìm về ý nghĩa cuộc sống của chính cá nhân mình cũng như của tập thể mà họ đang là một phần tử. Đồng thời, cuốn sách cũng đề xuất một khung sườn tuyệt hảo cho một phương

cách tiếp cận hiện đại cho khoa tâm lý học, vì nó liệt kê tất cả các khía cạnh quan trọng nhất của tâm bệnh con người, và phương thức tối ưu không độc hại để chữa cho lành bệnh. Nó thậm chí còn đề cập đến các phạm trù trừu tượng thường thấy trong sự tìm hiểu triết học và khoa học: thời gian, không gian, số lượng, thứ tự, v.v ..

Với mục tiêu đề cập như trên, dạng thức phù hợp nhất được chọn là một cuốn sách gồm 108 chương, gói gọn trong 108 trang khổ nhỏ. Nói cách khác, sách đã cô đọng và chuyển đạt rất nhiều thông tin khô khan và tẻ nhạt qua một văn phong linh hoạt thú vị để một sinh viên trẻ vừa bước vào ngưỡng cửa đại học sẽ không cảm thấy bị mất hứng mà trái lại còn bị quyến rũ và ít nhất là đọc hết một trang giấy nhỏ với nội dung dàn trải trong vón vện trên dưới 200 chữ, mang tâm sự của một ông già trên bảy mươi lăm tuổi tha thiết với việc hiến tặng cho thế hệ hậu sinh một món quà ý nghĩa, và rất muốn chia sẻ với chúng những tìm kiếm liên tục trong suốt cuộc đời của mình, điều đã mang lại cho ông già ý nghĩa của chính cuộc đời ông.

Với cuốn sách rất mỏng này, tác giả không dám có tham vọng nói lời cuối cùng về bất cứ điều gì, nhưng chỉ hy vọng có thể khơi lên một cuộc trò chuyện nhiều ý nghĩa về những câu hỏi căn cốt của cuộc sống nhân sinh trong thời đại hào hứng chứa đầy khám phá, với nhiều khả năng vô tận đang mở ra trước mắt chúng ta.

Đời sống có đạo lý qua ca dao

Vợ chồng, tình nghĩa, hòa thuận, tình duyên, hiếu tình, hôn nhân

NGUYỄN VĂN NHIỆM

(Tiếp theo)

Vợ chồng

Ở sách Dịch, hệ từ thượng viết: “*Nhất âm nhất dương chi vị đạo...*” Một âm một dương biến hóa không ngừng, sinh thành, tạo tác ra vạn vật, biểu thị ra cái Đạo dựa trên nguyên lý âm dương hòa hợp, mà ở vào trường hợp của con người là Đạo vợ chồng.

Ca dao diễn tả cô đọng sự kết hợp âm dương qua cặp thực thể đàn ông đàn bà: “*Bà phải có ông, chồng phải có vợ.*”

Chữ *phải* nói lên tính tất yếu của qui luật tự nhiên, âm dương kết hợp, bổ túc cho nhau:

“*Vợ có chồng như rồng có mây
Chồng có vợ như cây có rừng.*”

Gái không chồng, trai không vợ đều trái với nguyên lý âm dương, trái với Đạo lưỡng hợp thái hòa, nên rất long đong, chông chênh, lẻ loi:

“*Chồng chảnh như nón không quai
Như thuyền không lái như ai không chồng
Gái có chồng như gong đeo cổ
Gái không chồng như phảng gổ long đanh*

*Phảng long đanh anh còn chưa được
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi
Không chồng khổ lắm em ơi.”*

“*Người ta con trước con sau
Thân anh không vợ như cau không buồng
Cau không buồng ra tuồng cau đực
Trai không vợ cực lắm anh ơi
Người ta đi đâu có đôi
Thân anh đi lẻ về loi một mình.”*

Cứ quan sát các hiện tượng trong thế giới tự nhiên thì rõ lẽ Đạo:

“*Nước còn quện cát làm doi
Cớ sao ta chẳng tài bồi lấy nhau.*”

Một mình thì lẻ loi, cô đơn, trái với Đạo; kết tình làm đôi, thành vợ chồng là thuận theo Đạo:

“*Cô kia cắt cỏ một mình
Cho anh cắt với chung tình làm đôi
Cô còn cắt nữa hay thôi?
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.”*

Cho nên ý hướng, nguyện vọng muôn đời của trai gái lớn lên là kết nghĩa vợ chồng, thành lập gia đình. Nguyện vọng đó rất thành khẩn, được bày tỏ qua sự cầu nguyện Trời, Phật: “*Lạy Trời, lạy Phật cho tóc mau dài
Bao giờ tóc chắm ngang vai*

Thì ta kết nghĩa thành hai vợ chồng.”

Bên cạnh sự nguyện cầu còn có nỗ lực tạo điều kiện, cơ duyên để nên nghĩa vợ chồng:

*“Anh về đắp đất trồng cau
Cho em trồng ké dây trầu một bên
Chùng nào cao nọ lớn lên
Trầu kia ra lá, ta nên vợ chồng.”*

Khi đã nên nghĩa vợ chồng rồi, nghĩa là đã thuận theo Đạo thì mọi sự đều hanh thông, thăng hoa:

*“Ngày nào nên nghĩa vợ chồng
Đôi ta như cá hóa rồng lên mây.”*

Âm dương tuy khác nhau, nhưng không phải chỉ có phản ứng chống đối nhau (mâu thuẫn) mà còn có tác dụng hòa hợp, tạo tác, sinh thành. Ở kinh Dịch, quẻ Ly:

*“Thiên địa khuê nhi kỳ sự đồng dã
Nam nữ khuê nhi kỳ chí thông dã
Vạn vật khuê nhi kỳ sự loại dã.”*
(Trời đất sai khác mà công việc cùng chung vậy)

*Nam nữ sai khác mà ý muốn thông suốt vậy
Vạn vật sai khác mà công việc giống nhau vậy)*

(Lịch sử Triết học Đông phương, Nguyễn Đăng Thục, tr.144)

Về ý này ca dao đã ví von qua những hình ảnh quen thuộc, thân thương của quê hương để nói lên cái lý lẽ gần bó trai gái thành vợ chồng:

*“Bầu ơi, thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”*

(Thường thì ca dao này được hiểu theo nghĩa đoàn kết các dân tộc cùng sống trong

một nước. Nhưng ca dao do dùng biểu tượng, cô đọng nên lại có tính đa nghĩa)

Trai gái khi bắt đầu làm quen với nhau, nếu có tình ý muốn tiến tới xây dựng hạnh phúc gia đình, thường không quên nhắc nhở nhau rằng Đạo vợ chồng rất nặng nên phải đắn đo, lo liệu:

*“Ai chèo ghe bí qua sông
Đạo nghĩa vợ chồng nặng lắm anh ơi.”
“Quạ kêu nam đáo nữ phòng
Người đừng khác họ đem lòng nhớ thương.”
“Chim quỳên ăn trái nhãn lồng
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.”*

Tình nghĩa

Ca dao nói về tình nghĩa vợ chồng cũng có căn cứ vào sách xưa:

*“Chữ rằng quân tử tạo đoan
Vợ chồng là nghĩa đá vàng trăm năm.”*

Theo sách Trung Dung: “*Quân tử chi Đạo, tạo đoan hồ phu phụ, cập kỳ chí giã, sát hồ thiên địa*”: Đạo quân tử, chỗ phát khởi thì tầm thường như ở vợ chồng, mà chỗ chí cực thì cho thấy rõ cả trời đất.

Đạo vợ chồng được xây dựng trên cặp lưỡng hợp tình- nghĩa. Nghĩa thì nặng và tình lại sâu, cho nên Đạo vợ chồng rất bền vững:

*“Vợ chồng nghĩa nặng, tình sâu
Thương nhau đến thuở bạc đầu vẫn thương.”*

Xét nền tảng giá trị theo Đạo vợ chồng thì bên cạnh tình yêu, nhân nghĩa là điều đáng chú ý nhất: “*Đưa ở xét công, vợ chồng xét nhân nghĩa.*”

Bởi vậy, nếu tình nghĩa, nhân nghĩa không có thì người vợ làm dâu nhà

chồng thời xưa chẳng khác nào đứa ở.

Trong Đạo vợ chồng, chữ tình đến trước, chữ nghĩa đến sau. Thế rồi tình-nghĩa bỏ tức cho nhau tạo ra sự bền vững trăm năm:

*“Thương nhau tạc một chữ tình
Trăm năm thề quyết bạn mình có nhau.”
“Đã rằng là nghĩa vợ chồng
Dẫu cho nghiêng núi, cạn sông chẳng dời.”*

Tình nghĩa vợ chồng đã là Đạo rồi thì siêu vượt thời gian, là Đạo hằng:

*“Vợ chồng Đạo cả lẽ hằng
Một dây một buộc ai chẳng cho ra.”*

Bởi vậy người đàn bà trong xã hội xưa suốt đời chung thủy với chồng:

*“Trăm năm trăm tuổi, may rủi một chồng
Dù ai thù phượng vẽ rồng mặc ai.”*

Mặc dầu trước khi lấy chồng, người con gái cũng có cân nhắc, nhưng làm sao biết chắc mình sẽ về đến bến nào?

*“Lênh một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước biết gởi mình về đâu?”*

*“Con gái mười hai bến nước
Bến đục thì chịu, bến trong thì nhờ.”*

Do tập quán trọng nam khinh nữ:

*“Trai năm thê, bảy thiếp
Gái chính chuyên một chồng.”*

Do luân lý phong kiến:

*“Gương đời sáng tợ sử kinh
Trai ngay thờ chúa, gái trinh thờ chồng.”*

Người đàn bà bỏ chồng hay bị chồng bỏ đều bị chê cười:

*“Thay quần đổi áo thì xinh
Thay chồng đổi vợ kẻ khinh người cười.”*

Người xưa quan niệm, con gái có chồng phải theo chồng gọi là *xuất giá tòng phu* :

*“Con quốc kêu khắc khoải mùa hè
Làm thân con gái phải nghe lời chồng
Sách có chữ phu xướng phụ tòng
Làm thân con gái lấy chồng xuất gia.”*

Tuy tập quán, luân lý hẹp hòi cho phụ nữ như vậy, nhưng về phương diện tình nghĩa thì Đạo vợ chồng quả thật có tình sâu, nghĩa nặng. Con trai, con gái khi yêu nhau, muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì phải đồng tâm, hiệp lực vượt qua mọi trở lực:

*“Cây kiềng vàng đeo lâu còn đỏ
Đôi lứa mình còn nhỏ còn thương
Dẫu cho cha mẹ không thương
Đôi ta trái chiếu ngoài đường lạy vô.”*

Tình yêu và hôn nhân của trai gái trong xã hội Việt Nam xưa có quan hệ với gia tộc, chữ tình hài hòa với chữ hiếu. Về phần người con trai, anh ta quyết tâm làm sao cho hiển vinh cha mẹ, rồi mới tới nàng:

*“Anh bứng cây trúc, anh trồng cây trắc
Chẳng may chỗ đất xấu
Sùng đục, trúc mục, trắc tàn
Anh ở sao cho đá nọ thành vàng
Trước hiển vinh cha mẹ, sau đến nàng mới ưng.”*

Mặc dầu kính thương cha mẹ hết lòng, nhưng với chữ tình sâu đậm cùng nàng thì chàng không thể từ bỏ:

*“Cha mẹ anh có đánh quắn đánh quại
Bắt anh ra treo tại nhàn dương
Biểu từ ai anh từ đặt
Chứ biểu anh từ người thương anh không từ.”*

Người con gái cũng muốn chia sẻ cùng chàng:

*“Em đi ngang cửa ngõ nhà chàng
Thấy cha mẹ chàng đánh chàng
Hai bên cửa đóng tàn hoang
Em biết làm sao vô được để chịu đòn
oan cho chàng.”*

Người con gái còn dám quả quyết rằng nàng yêu chàng còn hơn cả cha mẹ chàng thương chàng qua bài ca dao có liên hệ duyên khởi dây chuyền:

*“Cha mẹ em nghèo trồng dây bí đao
Nó bò quanh bò co
Bò vô gốc mít
Bò xích gốc chanh
Nó bò lên nhành
Sinh đặng một hoa
Cha mẹ chàng sinh đặng chàng ra
Thương chàng không trượng bằng ta
thương chàng.”*

Đối với luân lý khắc khe xưa, con gái khi yêu cũng không dám phóng túng, mà phải tự chế, dè dặt, kín đáo:

*“Ra về để áo lại đây
Đêm khuya em đắp gió tây lạnh lưng
Đắp rồi em để có nơi
Kéo mẹ hay giật đòn roi tới mình.”*

Vì quá thương chàng, nên khi thấy chàng cực nhọc thì lòng xót xa, nàng muốn nghiêng vai vô gánh, chia sẻ với chàng:

*“Em ngồi cửa sổ ngó ra
Thấy anh gánh nước xót xa trong lòng
Nếu chi phải đạo vợ chồng
Nghiêng vai vô gánh, đỡ lòng anh ra.”*

Thật ra cả hai vợ chồng đều thương yêu nhau, đều phải làm lụng vất vả để chung lo ấm no, hạnh phúc cho gia đình:

*“Gái thương chồng đương đông buổi chợ
Trai thương vợ nắng quai chiều hôm.”*

Khi trai gái thật tình yêu nhau, họ tin tưởng vào lẽ Đạo trôi chảy như dòng nước thì cha mẹ lẽ nào cản ngăn:

*“Rạch Đông con nước chảy
Con cá nhảy, con tôm nhào
Hai đứa mình kết nghĩa
Cha mẹ lẽ nào không thương.”*

Trong xã hội phong kiến, mặc dầu với quan niệm *xuất giá tòng phu*, nhưng người con gái cũng tích cực tranh thủ lấy hạnh phúc cho mình:

*“Cha mẹ bên chồng như trời như biển
Chị em bên chồng nhóm kiến đàn ong
Bây giờ dập dặng tổ ong
Phá tan nhóm kiến trong lòng mới yên.”*

Thật ra, trong Đạo vợ chồng, điều quan trọng có tính cách quyết định cũng do nơi tình nghĩa của vợ chồng như thế nào mà thôi. Chính vợ chồng tự mình xác định quan hệ của họ có phải là Đạo hằng hay không:

*“Bạn nghèo thuở trước chớ quên
Vợ chồng kham khổ chớ nên phụ tình.”
“Đã rằng nên nghĩa vợ chồng
Sang không bạc nghĩa, hèn không phụ tình.”
“Đói no có thiếp có chàng
Còn hơn chung đỉnh giàu sang một mình.”*

Một mình là lẻ loi, là cô đơn, là hình ảnh ốc đảo giữa sa mạc, là trái Đạo:

*“Con quốc (cuộc) xa đôi, nó còn than khóc
Huống chi vợ chồng phân tóc lìa tơ.”*

Hòa thuận

Bí quyết của cái *lẽ hằng* trong Đạo vợ chồng là sự hòa thuận:

*“Tu cầu gia đạo vương tròn
Chồng hòa vợ thuận, cháu con thảo hiền.”*

Đạo Việt đặt nền tảng trên cặp phạm trù vuông tròn: vuông chỉ đời sống vật chất, tròn chỉ đời sống tâm linh. Hai lãnh vực vuông tròn không thể tách rời nhau, mà hòa quyện với nhau, cho nên Đạo Việt xét về lý lẽ là Đạo có triết lý lưỡng hợp thái hòa. Cho nên việc *tu cầu gia đạo* để mưu cầu hạnh phúc thì không gì bằng học và hành chữ hòa thuận. Nếu được như thế thì cả gia đình từ vợ chồng cho đến con cháu đều cảm thấy thực sự có tổ ấm êm về vật chất lẫn tinh thần:

*“Một nhà vui sống chữ hòa
Một đời vui sống chẳng qua chữ cần.”*

Nếu xét đến sự phân công thì đàn ông nghiêng về chữ *cần*, chăm lo đời sống vật chất *ấm no* cho gia đình (*vuông*), còn đàn bà thiên về chữ *hòa*, chăm lo cho gia đình được *ấm êm* (*tròn*):

“Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm.”

Phân tách là để rõ cái lý, nhưng trong thật tế lý tình tương dung, tương tác, cô đọng vào chữ hòa: *“Chữ trung, chữ hiếu, chữ hòa*

Hỏi trong ba chữ, thờ cha chữ nào?

- Chữ trung thì để thờ cha

Chữ hiếu thờ mẹ, chữ hòa thờ anh.”

Nói là *chữ hòa thờ anh*, nhưng thực tế hòa giữa vợ chồng với nhau.

Mấy câu ca dao mộc mạc sau đây cho thấy chữ hòa trong Đạo vợ chồng, là Đạo có triết lý lưỡng hợp thái hòa, biểu hiện qua từng cặp sự vật đối tượng miêu tả:

“Đề huê chồng vợ

Như bí rợ nấu kèm với khoai lang

Như tép rang ăn cặp với canh khoai mỡ.”

Hòa thuận tạo thành sức mạnh trong mọi đối tác không riêng gì ở trường hợp vợ chồng, cho nên tránh căng thẳng quá độ. Đó là ý nghĩa của hòa thuận nằm ngay trong qui luật quân bình:

“Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn

Đông bè đông bạn tát cạn biển Đông

Bên căng thì bên phải chùng

Hai bên cùng cứng dễ dàng đứt dây.”

“Chồng giận thì vợ bớt lời

Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê.”

“Vợ chồng chớ cãi nhau hoai

Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.”

Phương pháp đấu tranh, nhứt là đấu tranh cực đoan đem áp dụng vào quan hệ vợ chồng không phải là đường lối của Đạo. Đạo chủ trương hòa hợp giữa tròn-vuông, vợ- chồng, tâm- vật, trong- ngoài, sao cho *trong ấm thì ngoài mới êm*.

Tế nhị trong cư xử:

“Mực văng vô giấy khó chùi

Vô vòng chồng vợ rứt rùi sao nên.”

Cũng như mực văng vô giấy rất khó tẩy, nên vợ chồng phải giữ lễ, trọng nhau, cẩn thận từng lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ, không nên lỗ măng mà mất hết tình nghĩa:

“Khoai lang Đồng Phó

Đậu phộng Hà Nhung

Chàng bòn thiếp mót để chung một gùi

Chẳng qua duyên nợ sứt sùi

Chàng giận chàng đá cái gùi thiếp đi

Chim kêu dưới suối Từ Bi

Nhân nghĩa còn bỏ, huống chi cái gùi.”

Mọi sự vật, mọi biến cố đều không diễn biến theo đường thẳng, mà theo đường uốn éo quanh co như lòng sông, nói theo toán học thì có dạng hình “sin”:

“Sông có khúc, người có lúc.”

*“Cây khô nghe sâm nức chồi
Tình chồng nghĩa vợ giận rồi lại thương.”*

Sâm nở ồn ào như vậy, nhưng sâm báo hiệu mùa xuân đang đến, cây khô vào mùa đông nay bắt đầu đâm chồi nảy lộc. Tình nghĩa vợ chồng cũng tương tự như thế.

Sau đây là hình ảnh gia đình cần cù làm ăn, tuy cực nhọc, nhưng chung một lòng:

*“Cha chài, mẹ lưới, con câu
Thằng rể đi xúc, con dâu đi mò.”*

*“Cha chài, mẹ lưới, con đặng
Rể rể làm ruộng, dâu hăng làm vườn.”*

Và đây là hình ảnh đôi vợ chồng tuy nghèo nhưng hài hòa, hạnh phúc:

*“Cá tre nấu với canh bầu
Chồng chen, vợ húp gật đầu khen ngon.”*

Tình duyên

Chữ tình còn đi đôi với chữ duyên:

*“Chữ tình cùng với chữ duyên
Xin đừng thay áo mà quên lời nguyện.”*

Gái trai khi đến tuổi yêu nhau, muốn lập gia đình thì ngoài tình yêu ra còn quan tâm đến duyên vợ chồng, đều thắc mắc không biết cái duyên đó như thế nào, đã đến đâu:

*“Anh hùng đoái đến thuyền duyên
Trăm năm biết có nên duyên vợ chồng.”*

Cùng một chữ duyên, khi thì được hiểu là *duyên phận*, khi là *duyên nợ*, là cái quyền lực chi đó ở bên ngoài con

NHA TRANG và EM..

(Tặng M.V)

*Gởi khúc nhạc tình đến tặng em
Mộng chiều hoa gắm rất êm đêm
Hơn một năm rồi, hoa vẫn nở
Đóa hồng tươi thắm tỏa hương thêm..*

*Giây phút ban đầu thoáng băng khuâng
Vòng tay hò hẹn.. ám vô ngần
Màu xanh biển mặn, Nha trang đó
Dưới ánh trăng mờ.. quỵt gối chăn..*

*Thời gian trôi mãi, vẫn nhớ nhau
Bao âu yếm gọi những ngọt ngào
Tuy có xa, nhưng tình nồng ấm
Vội nổi mong chờ.. duyên đã trao...*

VA, đêm 30- 6- 08

BÙI THANH TIỀN

người, là cái duyên tiền định:

*“Bâng khuâng bát ngát, câu hát hữu tình
Căn duyên tiền định, hai đứa mình gặp nhau.”*

Duyên phận:

*“Trách vì một nỗi lệ làng
Cho nên duyên phận nhờ nhàng đôi ta.”
“Ta yêu nhau xa cũng như gần
Tham bên phú quý, phụ bản khó coi
Ta yêu nhau duyên phận mà thôi
Của thì như nước hết đầy lại vơi.”*

Hết đầy lại vơi biểu thị cái lẽ biến dịch tuần hoàn.

So với duyên phận, ca dao nói đến
duyên nợ nhiều hơn:
*“Thương chàng từng lóng ngón tay
Chẳng qua duyên nợ ông Trời biểu thương.”*

Như vậy duyên nợ được hiểu là do
ông Trời. Duyên nợ cũng thường được
hiểu là do ông Tơ, bà Nguyệt xe chỉ
hồng trói buộc:

*“Ai về Bà Điểm, Hóc Môn
Hỏi thăm người ấy có còn hay không?
Để tôi kiếm sợi chỉ hồng
Nhờ ông Tơ, bà Nguyệt kết vợ chồng
đôi ta.”*

Nếu tình duyên không thành thì ông
Tơ, bà Nguyệt bị trách móc:

*“Bởi ai cho thiếp xa chàng
Bởi ông Nguyệt Lão nhờ nhàn xe duyên.”*

Xe duyên mà nhầm lại càng chết:
*“Chợ Sài Gòn còn đương buôn bán
Chợ Vĩnh Long lập quán cầu hiền
Gặp ông Tơ, lột nón xá liền
Biểu chỉ giùm chỗ khác, chỗ có chồng
rồi sao ông lại xe.”*

Đạo đức, luân lý đã dạy:
*“Xin đừng ghẹo gái có chồng
Cũng đừng phá hoại vợ chồng người ta.”*
Sách vở cũng đã ghi rõ rành rành:
*“Hò khoan với nậu có chồng
Trong sách có chữ thượng gông hạ cùm.”*

Lần hồi, người ta mới biết rằng
chuyện tình duyên không đơn giản, mà
liên hệ đến nhiều thế lực, trong đó yếu tố
quyết định sau cùng vẫn là nàng và chàng:
*“Ông Tơ đành vắn, bà Nguyệt đành vương
Phụ mẫu đành gả, hỏi nàng thương
không nàng?”*

Cũng có khi người ta ngỡ rằng chẳng

có ông Tơ, bà Nguyệt nào ở đây cả,
muốn cưới vợ thì phải cậy đến mai mối
mà chủ động tiến tới:

*“Ông Tơ Hồng, bà Nguyệt Lão về
Tây Còn ai ở lại xe dây hai đũa mình
Tiếc công tôi súc ống lau bình
Cậy mai tới nói phụ mẫu nàng cùng bà con.”*

Cũng có người hoài nghi, trở nên có
tư tưởng quá khích:

*“Bắt ông Tơ đánh ba hèo
Duyên người xe cả
Phận em đói nghèo không xe.”*

Từ hiểu lầm về duyên tiền định, con
người còn bày đặt ra tục coi tuổi có hợp
hay không:

*“Đọt mía lao khô bớ cô chèo mũi
Phải cô ở gần, anh coi tuổi cưới cô.”*

Rồi những cái mặt nạ giả dối của các
thầy địa, thầy bói cũng bị rớt xuống:

*“Cọp mà vật mấy ông thầy địa
Voi mà giày mấy lão coi ngày
Trớ trêu họ khéo đặt bày
Đôi ta thương nhau thiệt, lẽ nào Trời
không định đôi.”*

Ngoài ra, cái duyên trong thực tế còn
được hiểu qua nét đẹp duyên dáng của
con người:

*“Mù u bông trắng, lá ngấn, nhụy vàng
Khá khen phụ mẫu sanh nàng có duyên.”*

*“Chân mày vòng nguyệt có duyên
Tóc mai gợn sóng đẹp duyên tơ hồng.”*

*“Ai đi trên bộ, giống bộ cô Mười
Hàm răng khít rít, miệng cười có duyên.”*

*“Một thương ăn nói mặn mà
Hai thương mái tóc đuôi gà có duyên.”*

*“Thuốc rê Cao Lãnh thơm nồng
Con gái Cao Lãnh má hồng có duyên.”*

Cái duyên nó hiển hiện qua sắc đẹp, khi thì ở nét chân mày vòng nguyệt, tóc mai gọn sóng, khi thì ở đôi má hồng, mái tóc đuôi gà, ăn nói mặn mà, nụ cười...nhưng đôi khi cũng còn có cái duyên ngầm nữa:

*“Thấy em nhỏ thó, mà có duyên ngầm
Anh đây để bụng thương thầm ba bốn
tháng nay.”*

Cái duyên không chỉ do sắc đẹp, mà còn do tính nết nữa:

*“Chèo lên Mang Thít, chèo xuống Phú Liêm
Thấy em đẹp nết có duyên
Anh đây ưng ý, cha mẹ đôi bên thế nào?”*

Trong xã hội xưa trọng đạo đức, luân lý thì cái nết na được đánh giá cao hơn sắc đẹp:

“Cái nết đánh chết cái đẹp.”

*“Cha mẹ sinh sao em để vậy
Em đừng lấy dao cạo bậy hư chân mày
Anh thương em bằng lời ăn tiếng nói
Chớ đâu phải cạo chân mày mà anh
thương.”*

Cái duyên cũng còn được hỗ trợ do tài năng qua câu hò:

*“Sông sâu sóng bủa lảng cò
Thương em vì bởi câu hò có duyên.”*

Trong thế gian tương đối này, nếu đã có hữu duyên thì cũng có vô duyên:

*“Chưa nói đã cười
Chưa đi đã chạy là người vô duyên.”*

Người bình dân xưa kia nhận xét hữu duyên hay vô duyên do căn cứ vào sắc đẹp, tác phong của con người, ngoài ra còn kết hợp với việc xem tướng mạo nữa:

*“Đàn ông ít tóc: an toàn
Đàn bà ít tóc: dở dang duyên tình.”*

Thật ra, tương quan duyên với tướng mạo cũng là liên hệ với nét hài hòa thẩm mỹ nơi từng con người.

Duyên đi với tình. Tình yêu không nệ vào chỗ gần hay xa, mà quan trọng ở chỗ có duyên hay không:

*“Có duyên mấy dặm cũng gần
Vô duyên dầu gặp mấy lần cũng xa.”*

Tình duyên xét cho cùng là mối quan hệ chằng chịt trong Đạo vợ chồng bao gồm tình yêu, cái vẻ duyên dáng của sắc đẹp, nết na, ảnh hưởng của dòng họ, nhất là cha mẹ:

*“Thương thương, nhớ nhớ, thương thương
Nước kia muốn chảy mà mương
không đào.”*

*“Bí lên ba lá
Trách ba với má chưa chịu thả giàn
Tức mình bò dọc bò ngang
Trách hồng nhan vô duyên bạc phận
Duyên nợ ở gần sao chẳng dặng xứng đôi.”*

Tình duyên, nhân duyên đôi khi không toan tính được, nó đến bất ngờ, tình cờ vượt khỏi phạm vi ý thức:

*“Chốn ước mơ lắc lơ mà hồng
Nơi tình cờ lại đóng nhân duyên.”*

Một khi nhận ra duyên nợ không có, hay đã hết thì mau dứt khoát để khỏi phiền lòng nhau:

*“Bàn gie bàn liệt, diệc đang chờ mời
Anh với em duyên nợ hết rồi
Đi tìm chỗ khác, đừng ngồi với em.”
“Đắt xấu vất chẳng nên nôi
Anh đi lấy vợ, em đi lấy chồng.”*

Cái duyên, nhất là cái duyên theo nghĩa sắc đẹp không phải còn hoài, cho nên đàn bà, con gái rất lo lắng:

*“Đêm nằm lo bảy lo ba
Lo cau trở muộn, lo già hết duyên
Còn duyên kẻ đón người đưa
Hết duyên đi sớm về trưa một mình.”*

Chữ Hiếu- chữ Tình

Cái thú vị khi khảo sát ca dao là sự xuất hiện những cặp phạm trù và mối quan hệ tương tác của chúng theo triết lý lưỡng hợp thái hòa, khác xa với nhị nguyên:

*“Trên đời chữ hiếu, chữ tình
Cả hai đều trọng, khó gìn vẹn hai.”
“Ai đưa em xuống giữa sông
Bên này cha mẹ, còn chồng bên kia.”*

Hình ảnh hai bờ sông cách biệt là tượng trưng cho nhị nguyên, chọn bên này thì bỏ bên kia:

*“Đặng chữ trung bắt tòng chữ hiếu
Đặng chữ tam tòng thất hiếu mẹ cha.”*

Người ta có thể chọn lựa bên bờ tùy hoàn cảnh, nhưng cũng có thể tạo nhịp cầu mà không dứt khoát đoạn lìa.

Ai ở giữa sông cũng đều mang tâm trạng lưỡng lự, phân vân, chọn lựa sao cho trọn tình, trọn nghĩa:

*“Chẳng lo thân bận, thân qua
Lo chút mẹ già đầu bạc tuổi cao.”*

Người ta đắn đo, cân nhắc:
*“Đạo mẹ cha mất đà khó kiếm
Nghĩa can thường chẳng hiếm chi nơi.”*

Nhận thức và thái độ của người con trai:
*“Ai ơi, muốn hưởng lộc trời
Trước thờ cha mẹ, sau thờ vợ con.”*

Chàng trai còn đem quan điểm của mình chia sẻ với người con gái:
“Ăn cha nghĩa mẹ chưa đền

Bậu mong ôm gói cuốn mền theo ai?”

Người con gái cũng chọn lựa quyết định cho mình:

*“Cẩn ngón tay trở lấy máu đẻ thơ
Gởi thơ lên kêu anh kiếm vợ đừng chờ
Em đây còn nhỏ tuổi để cha mẹ nhờ
đôi năm.”*

*“Cha mẹ sanh thành tạo hóa
Nhai cơm lừa cá, nhai cá lừa cơm
Ơn chưa đền, nghĩa chưa trả
Biểu thương anh sao đành.”*

*“Áo gài năm nút hờ bầu
Em còn cha mẹ, dám đâu tự tình.”
“Đèn hết dầu tìm lại nhấp nhem
Em muốn về giữ niềm trung hiếu để
mấy đứa em đặng nhờ.”*

Em đã quyết, dầu anh có khệ nệ mang bao nhiêu lễ vật đến cũng xin chịu khó quay về:

*“Ai bụng bầu rệu đến đó chịu khó
mang về
Em đang ở hầu thầy mẹ cho trọn bề
hiếu trung.”*

Thấy không thể chịu đựng nổi lối nhị nguyên, chọn một bên, bỏ một bên, chàng trai đề nghị:

*“Chiếc xuống giăng câu
Đậu ngang còn cát
Đậu sát mé nhà
Anh thấy em có một mẹ già
Muốn vô phụng dưỡng biết là đặng không?”*

Đây là tấm lòng hiếu thảo và biết ơn nghĩa của người con trai đối với cha mẹ vợ:

*“Chẳng thà tôi bận rách rưới
Lạng thang lưới thười, để cha mẹ mặc
đồ lành
Cám ơn cha mẹ sanh thành vợ tôi.”*

Trong khi người con gái nghe tiếng người con trai than cũng không cầm được giọt nước mắt:

*“Một tiếng anh than hai hàng lệ nhỏ
Có một mẹ già biết bỏ ai nuôi.”*

Nàng cũng đề nghị:
*“Đi lại đằng sau thấy ba lu nước
Đi ra đằng trước thấy bộ kỷ trà
Thấy anh có một mẹ già
Muốn vô phụng dưỡng biết mà dặng chẳng?”*

Cũng còn có giải pháp thứ ba, chứ đâu phải chỉ duy có nhị nguyên:
*“Dây bầu dây mướp cùng leo
Sớm nuôi cha mẹ, nghèo giàu sá chi.”*

Dẫu thế nào, người con gái lúc còn nhỏ thì ở với cha mẹ, lớn lên cũng phải theo chồng như sách vở còn ghi:

*“Tam tông sách hãy còn ghi
Bé nương theo mẹ, lớn thì theo anh.”*

*“Chỉ rằng: Chi tử vu quy
Làm thân con gái phải đi theo chồng.”*

Người con gái một khi đã mang chữ tình sâu đậm thì cũng không thể tự dối được lòng mình, mà phải thú thật:

*“Thương cha nhớ mẹ có hồi
Thương anh lúc đứng, lúc ngồi cũng thương.”*

Nếu có lúc dối thì lại là dối với mẹ:
*“Thương nhau để nón về đầu
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.”*

Tiếng gọi tình yêu thôi thúc rất mãnh liệt:

*“Ai kêu ai hú bên sông
Mẹ kêu con dạ, thương chồng phải theo.”*

Trước khi sang sông theo chồng, người con gái quỳ dâng cha mẹ *rượu lưu ly*:

*“Rượu lưu ly chân em quỳ tay em rót
Cha mẹ uống rồi dời gót theo anh.”*

Hôn nhân

Đối với trai gái mới lớn lên, việc tiến tới hôn nhân theo tập tục ngày xưa không phải dễ:

*“Mua trâu, cưới vợ, làm nhà
Cả ba việc ấy đều là khó thay.”*

Hôn nhân là việc hệ trọng, tuy khó nhưng không thể chần chờ:

*“Cưới vợ thì cưới liền tay
Đừng để lâu ngày lắt kẻo gièm pha.”*

Trong xã hội lễ giáo xưa, hôn nhân không phải chỉ do tình yêu đôi lứa quyết định, mà có liên hệ với cha mẹ, họ hàng, làng xã nữa:

*“Anh thương em còn sợ nỗi mẹ cha
Thuở nay áo mặc khó qua khỏi đầu.”*

*“Anh thương em thì trầu rượu đến nhà
Trước cha mẹ biết, sau bà con hay.”*

*“Anh lấy em có cheo có cưới
Đủ mặt họ hàng, xóm dưới làng trên.”*

*“Bao giờ nhẫn cưới trao tay
Tiền cheo làng lấy mới hay vợ chồng.”*

Khi xưa, muốn cưới vợ, nhà trai phải nộp cho làng của cô dâu một khoản tiền gọi là cheo:

*“Nuôi lợn thì phải vớt bèo
Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng.”*

*“Cưới vợ không cheo như cù nghèo
không mầu.”*

*“Ào ào gió thổi về đông
Có cheo có cưới, vợ chồng mới nên.”*

Đó là nếp sống có văn hóa, có cương thường đạo lý, còn ngược lại thì bị chê cười:

*“Đường Ninh Diêm cong cong, vẹo vẹo
Gái Ninh Diêm chưa ghẹo đã theo*

*Thò tay ngắt ngọn dưa leo
Để anh lo lễ cưới, đừng theo họ cười.”*

Thật ra con gái thường khôn ngoan:

*“Thò tay ngắt ngọn đỗ cò
Thấy em má đỏ anh mà muốn hôn
Trai thường dại, gái thường khôn
Muốn hôn trầu rượu đến hôn ở nhà.”*

*“Trời cao hơn trán
Trắng sáng hơn đèn
Kèn kêu hơn quỳnh (ống sáo)
Biển rộng hơn sông
Anh đừng thương trước uống công
Chờ cho thiệt vợ, thiệt chồng hãy thương.”*

Người con gái nhắc nhở người con trai:

*“Anh thương em cha mẹ không hay
Cũng như ngọn đèn treo trước gió biết
lay hướng nào?”*

*“Anh thương em chỉ nói bên ngoài
Sao mà không nói tận tai mẹ thầy?”*

Thật ra cái gì cũng có lý do, mà ngại nói ra thôi:

*“Anh về đừng dựa bìa mương
Thừa cha thừa mẹ ghét thương trả lời
Dậm chân cái thạch, mở cuốn lịch coi liền
Ngẫm trong ông Thánh, ông Hiền
chưa cho.”*

Chần chờ không tiến tới vì bất cứ lý do nào cũng là điều đáng tiếc:

*“Ai bảo thương mà anh không nói
Để bây giờ trách lỗi cho nhau
Hai nhà có cách xa đâu
An Vĩnh, An Thái còn câu hẹn hò
Dòng sông chung một con đò
Sao anh tiếc của, chẳng đưa đồ hỏi xin?”*

Thời trước ai cũng quan niệm vợ theo không bền:

*“Khuyên ai chớ tiếc đầu heo
Người ta thường nói: vợ theo không bền.”*

Nhưng cũng có khi do làm ăn thất bại, vì nghèo quá nên phải bắt đắc dĩ theo không:

*“Anh về cho em về theo
Tiền cưới mặc họ, tiền cheo mặc làng.”
“Người ta giàu người ta nên giá thú
Hai đứa mình nghèo dụ dỗ dắt đi
Năm nay anh kẹt chữ gia bản
Đồng quê hết lúa, tiền nào cưới em.”*

Đó là trường hợp ngoại lệ, còn thông thường tùy theo hoàn cảnh kinh tế, cũng phải có chút lễ vật để làm vui lòng cha mẹ:

*“Hai đứa người ta giàu thì đầu heo mâm
thịt Hai đứa mình nghèo thì cặp vịt, đôi bông
Làm cho cha mẹ vui lòng
Đền lên đôi ngọn bá từng xứng đôi.”*

Có mối, có mai, có lẽ là điều mong muốn của người con gái:

*“Em cũng có mẹ có cha
Xin anh đến nhà thưa lại
Riêng tình ân ái
Nhân ngãi chẳng phai
Song hiềm trắc trở duyên hài
Phải cho có mối có mai lẽ trầu.”*

Khi hai bên trai gái đã đồng tâm hiệp ý thì hôn lễ sẽ được tiến hành đúng giao ước:

*“Em về thưa mẹ cùng thầy
Có cho anh cưới, tháng này anh ra
- Anh về thưa mẹ cùng cha
Bắt lợn sang cưới, bắt gà sang sêu
Chắc như lời ấy không sai
Tháng giêng dẫn gố, tháng hai làm nhà
Tháng ba ăn cưới đôi ta.”*

(còn tiếp)

Nguyễn Văn Nhiệm (Germany)

CHANSON DU GEÔLIER

Où vas-tu beau geôlier
Avec cette clé tachée de sang
Je vais délivrer celle que j'aime
S'il en est encore temps
Et que j'ai enfermée
Tendrement cruellement
Au plus secret de mon désir
Au plus profond de mon tourment
Dans les mensonges de l'avenir
Dans les bêtises des serments
Je veux la délivrer
Je veux qu'elle soit libre
Et même de m'oublier
Et même de s'en aller
Et même de revenir
Et encore de m'aimer
Ou d'en aimer un autre
Si un autre lui plaît
Et si je reste seul
Et elle en allée
Je garderai seulement
Je garderai toujours
Dans mes deux mains en creux
Jusqu'à la fin des jours
La douceur de ses seins
modelés par l'amour.



by Jacques Prévert

BÀI CA CỦA CHÀNG CAI TÙ

*Cai tù đẹp mã đi đâu
Mà mang chìa khóa máu đào còn vương
Tôi đi phóng thích cô nàng
Người tôi yêu, nếu thời gian hãy còn
Người tôi giam giữ mỗi mòn
Mến thương tàn bạo cõi lòng khắc sâu
Trong nơi thâm kín hàng đầu
Của niềm dục vọng rạng màu trong tôi
Trong nơi sâu thẳm nhất đời
Của niềm dẫn dắt trong tôi còn hoài
Trong bao gian dối tương lai
Trong câu thề thốt với lời ngu si
Tôi thời muốn thả nàng đi
Tự do nàng hưởng trọn bề an vui
Và dù nàng chẳng nhớ tôi
Dù nàng đi khỏi hay rồi trở lui
Dù nàng còn vẫn yêu tôi
Hay yêu người khác, hoặc ai yêu nàng
Và tôi lẻ bóng bề bàng
Vì nàng khuất bóng, chẳng màng xa tôi
Thời tôi chỉ giữ lại hoài
Giữ luôn cho tới cuối đời này đây
Giữ trong lòng hai bàn tay
Đôi gò bồng đảo nàng đầy dịu êm
Mà tình yêu tạo dáng lên.*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(chuyển ngữ)



CHẶNG ĐỜI

Đỗ Bình

Thời gian như gió thoảng mới ngày nào tóc còn xanh hồn mộng mơ đầy hoa bướm, chớp mắt tóc đã phai màu! Chiều trên phố Paris nắng nhuộm vàng không gian làm rực rỡ cảnh sắc, những cánh hoa vàng thắm, những chiếc lá non ửng hồng lóng lánh. Trời xanh ngát, nhìn áng mây chiều lơ lững tôi chợt thấy cô đơn lòng dâng cảm một nỗi buồn xa vắng!

Từ ngàn xưa cho đến nay ít có dân tộc nào lại không có một lần chiến chinh? Khi đất có chiến tranh người dân phải chịu nhiều đau khổ, vì nó như một cơn hồng thủy tàn phá thiên nhiên huỷ diệt con người và mầm sống! Lịch sử của mỗi dân tộc tuy khác nhau, nhưng mỗi dân tộc đều có những trang thiên hùng ca ghi dấu những chiến công hiển hách, những trận đánh lẫy lừng, và những cuộc chém giết thật hãi hùng. Ngày nay khoa học tiến bộ những vũ khí sử dụng càng tối tân thì sinh mạng con người càng dễ bị đe dọa. Những ai đã từng trải qua trong khói lửa chiến chinh chắc không khỏi tự hào xen lẫn ngậm ngùi mỗi khi nhắc đến? Cuộc chiến ý thức hệ Quốc Cộng xảy ra trên quê hương kéo dài trên hai mươi năm, dù đã qua lâu nhưng vết thương chiến tranh vẫn để lại trong lòng quê hương những nét hằn sâu đậm, những rạn nứt tình người mà thời gian chưa hàn gắn được! Làm sao có thể đếm hết được những giọt nước mắt của mẹ già vợ hiền con dại đã khóc vì những người thân đã hy sinh! Tôi lớn nên trong thời chiến làm sao tránh khỏi

dấu binh lửa? Bằng hữu và thân nhân của tôi cũng nằm trong số ấy, người thì chết, kẻ bị tàn phế, may lắm vài người còn lành lặn! Chiến tranh quái ác thế nhưng các bạn tôi sau khi học xong rời ghế nhà trường đều theo tiếng gọi lên đường vào quân đội, và tình nguyện phục vụ ở những binh chủng oai hùng. Họ không sợ chết, nói đúng hơn họ xem nhẹ cái chết nhưng lại sợ tiếng đời cho là hèn yếu, trốn tránh nghĩa vụ thiêng liêng khi tổ quốc lâm nguy. Họ là những anh hùng vô danh nguyện đem xương máu bảo vệ quê hương. Ôi thật là cao cả!

*

Tôi được đưa vào Quân Y Viện Cộng Hoà trong giờ phút sinh tử của Sài Gòn và để lại nơi đó một phần ánh sáng. Thê thảm hơn chỉ vài ngày sau khi miền Nam thất thủ lọt vào tay cộng sản miền Bắc, người ta thấy một đoàn thương binh của chế độ cũ, lớp cụt què, lớp đui mù, thân thể họ loang lổ ri máu, có những vết thương lở lói chưa kịp băng, họ lê thê thết diu nhau lê bước trông giống như đám hồn ma bóng quế, từ khu nhà mồ chui ra vì vừa bị đuổi ra khỏi bệnh viện, và trong đám người khốn cùng này có tôi!

Biến cố ngày 20 tháng bảy năm 1954 đã chia đôi đất nước, không chỉ bằng đường ranh giới là con sông Bến Hải, mà bằng lần ranh ý thức hệ hai nửa đối chọi nhau. Sự chia cắt đất nước làm người dân hai miền đau lòng nhưng vẫn quyết liệt triệt hạ nhau! Cuộc chiến kéo dài quá lâu, quê hương bị tàn phá bởi bom đạn, mìn bẫy, khủng bố...vv... những thứ ấy đã cướp đi biết bao sinh mạng người con đất Việt, khiến núi sông chất ngất xương máu! Có người Việt Nam nào mà không mong ngày Hòa Bình? Nhưng điều đó chỉ là ước mơ, vì

Hòa Bình đúng nghĩa thì vẫn chưa đến! Biển có 30 tháng tư năm 1975 ngừng tiếng súng, dòng sông Bến Hải được nối liền, mẹ con , vợ chồng, anh em gặp lại nhau trong tình nghĩa *ruột thịt* sau nhiều năm bị phân chia trong ranh giới *thù nghịch*. Những tưởng chẳng có một chủ thuyết nào chủ trương cắt chia tình người mà tồn tại? Vậy sao người dân miền Nam lại ngậm ngùi , lại sợ hãi sau khi ngừng tiếng súng?! Phải chăng phe chiến thắng vẫn dùng bạo lực để đối xử nhau? Kể từ sau ngày «giải phóng» dân tộc triền miên trong đói khổ, *người dân miền Nam sống trong phập phồng lo âu khi đã nhìn rõ bộ mặt thật của CS*. Để duy trì quyền lực nhà cầm quyền Hà Nội đã bắt chập mọi thủ đoạn: trấn áp, cướp nhà, cướp cửa, đốt sách báo, cấm văn hóa «đòi truy», kiểm soát chặt chẽ thông tin báo chí và đuổi người miền Nam đi vùng kinh tế mới với muôn ngàn khổ ải...*đã khiến người dân sợ hãi tìm đường vượt biên. Ở trong các thành phố thì CS kủng bố tinh thần người dân bằng cách cấm hội họp tụ tập. Không khí trấn áp đè nặng lên từng khu xóm, con hẻm, góc phố... Cứ ba người tụ lại với nhau đều bị công an kêu lên tra vấn, nếu tất cả cùng trả lời ăn khớp không liên quan đến những điều quốc cấm ,nghĩa là bàn đến chính trị thì được thả về, nếu một trong ba người nói khác thì cả ba phải đi cải tạo tư tưởng vì bị khép tội có tư tưởng chống đối nhà nước!*

*

Từ khi bị đuổi ra khỏi Tổng Quân Y Viện Cộng Hòa tôi trở về nhà tiếp tục điều dưỡng và mới được một tháng, vết thương của tôi chưa đóng vảy thì đám «xu thời» đeo băng đỏ trong khu phố kéo đến nhà hạch hỏi; trong số quen mặt đó có kẻ tự nhận là chủ tịch phường. Hắn lớn tuổi hơn

chúng tôi, là một kẻ nhiều năm trốn lính, bị bắt quân dịch đưa ra đơn vị tác chiến, sau đó được người bạn của tôi thương tình cùng lối xóm, đưa về ở hậu cứ tiểu đoàn làm việc vất tránh lửa đạn chiến trường. Ân tình đó nếu không mang ơn thì cũng không nên trở mặt đối xử nhau tàn tệ thế! Hắn vì muốn lập công với chế độ mới nên đã đến nhà bắt tôi và người bạn tôi đi tù. Bạn tôi, anh ấy vì kiệt sức đã chết ở trại tù Thanh Hóa!. Khi vừa đến nhà tôi mồm hăn oang oang kết tội, bảo tôi là thành phần phản động «nguy hiểm» trước ở đơn vị tác chiến, làm Chiến Tranh Chính Trị nên thường tuyên truyền xuyên tạc «cách mạng» , do đó phải đi học tập cải tạo gấp! Nếu nghe câu đó do bộ đội nói tôi, tôi chỉ mỉm cười ; đảng này lại là hăn nên tôi giận rung người, muốn nhảy xuống giường đập vỡ mặt hăn ra ! Không phải vì đám người này đến bắt tôi đi tù trong tình trạng giờ sống giờ chết mà tôi thù. Không! Tôi không thù vật , nhưng rất ghét và khinh những con người hai mặt đốn gió trở cò, thích CS nhưng không dám bỏ thành phố vào bưng biển hay tập kết ra Bắc. Họ càng không dám cầm súng bắn lại chúng tôi mà chỉ nấp sau lưng, lén lút chờ cơ hội trà trộn, luồn lách trong hàng ngũ quốc gia để nghe ngóng, lấy tin tức báo cáo! Họ là những tên chỉ điểm hại người để tiến thân, nên lòng dạ hiểm độc tráo trở biến dạng như loài kỳ nhông! Sau ngày 30/04/1975 đám đầu mặt nằm vùng đó cũng bị đám CS Hà Nội loại bỏ!

Như ngọn đèn leo lét , tôi vẫn sống qua ngày, chống cặp nặng lê lét trong các trại tù như trái cây dập! Hơn một năm sau tôi mới bỏ được cặp nặng nhưng chân vẫn còn đi khập khểnh, mãi đến nhiều năm sau đó tôi mới đi đứng bình thường. Thời gian một

ngày ở trong tù dài lê thê , đối với người bệnh mắt không thuốc men lại còn thê thảm hơn! Ngày tháng cứ lặng trôi mà tình trạng sức khoẻ của tôi ngày càng kém , con mắt bị nhiễm độc càng nặng nên mắt dần ánh sáng! Tôi đâm tuyệt vọng, nghĩ mình sẽ bỏ xác trong tù nên đứng đưng với hiện tại và quay mặt với tương lai; nghĩa là chẳng nghĩ ngày về, nghĩ chỉ thêm buồn! Cái cao quý nhất là sinh mạng thể mà chưa chắc đã giữ được nên tôi chẳng còn gì để sợ; do đó tôi thường hay chỉ trích, điều cợt những điểm yếu của chế độ. Họ quy tội cho tôi là hay phát biểu «linh tinh» nên nhiều lần bị cùm vì kỷ luật! Hồi đó tôi chỉ muốn họ bắn một viên đạn cho đời giải thoát , nhưng họ chẳng bắn, không phải họ thương tình, hay tiếc một viên đạn , mà họ sợ tiếng đồn ầm ĩ trong trại tù sẽ ảnh hưởng đến tù nhân gây bất lợi cho cái gọi là «chính sách nhân đạo» của họ! Nếu tôi mà bị xử bắn thì trong trại tù này còn ai được thả? Họ không muốn giết ngay, họ muốn tôi chết lần mòn vì bệnh tật! Đã thế tôi lại cần phải sống để làm chứng nhân về những trại tù CS. Cuối cùng tôi cũng được đưa lên bệnh xá điều trị. Tôi nghĩ:

- *«Họ có thể kéo dài sự sống của một thân xác bệnh tật , nhưng lại không thể chữa được sự bất mãn trong tâm hồn tôi » .*

Bệnh xá là khu nhà kho xập xệ của thời chiến tranh sót lại . Giường bệnh là những tấm ván ghép lấy từ những kết đọng đạn, kê cách mặt đất một gang tay được bắc trên bốn cục gạch . Giữa nhà treo một ngọn đèn tù mù không chiếu rõ nổi trần nhà. Bệnh xá được chia làm ba khu được ngăn bởi những tấm vách bằng carton cao hơn đầu người. Khu dành cho những người mắc bệnh lây nhiễm , khu tổng quát gồm đủ thứ bệnh và khu đặc biệt dành cho cứu cấp và những

người bệnh thật nặng, tôi ở khu này. Vật dụng của bệnh nhân chỉ vài chiếc lon guigoz dùng đựng nước, chứa đồ linh tinh mà tù nhân mang theo bên mình, cùng với một tấm vải lính khổ 2 mét được cấp khi vào trại dùng làm chăn đắp và cũng là tấm vải tắm niệm tù nhân khi lìa đời. Tuy vật chất thiếu thốn nhưng những y sĩ của bệnh xá lại có tình người. Họ không dám biểu lộ ra mặt nhưng được thể hiện qua sự tận tâm chạy chữa cho bệnh nhân. Tiếc thay cơm còn không có mà ăn huống chi đến thuốc! Họ chỉ biết dùng lời trấn an và cho ít thuốc lá cây, còn thuốc tây chỉ dành cho «những ca hấp hối»!

Ở bệnh xá, tôi gặp lại người bạn học thời niên thiếu, trước kia nó viết văn làm báo. Nó tình nguyện vào binh chủng Dù, và đã để lại chiến trường Thường Đức năm xưa một chân nên già từ vũ khí đã lâu, thế mà hôm nay nó vẫn đi tù! Gặp nhau trong cảnh ngộ này mừng ra nước mắt , nên hai chúng tôi thường đi nhau ra góc hè tâm sự. Nó bảo:

- *«Tao chán sống lắm rồi , chẳng còn tương lai ... sống thêm thừa ... chỉ khổ cho gia đình !» .*

Tôi so vai :

- *«Tao tưởng mình chết đã lâu rồi chứ?!» .*

Chúng tôi hàn huyên về những kỷ niệm êm đềm thuở đi học , xen lẫn những bài ngùi về ký ức chiến trường năm xưa, mà hai đứa ghen ngào cho hôm nay, để rồi hồi tiếc không được chết trên chiến trường!

Nó trầm giọng nói:

- *«Tao tiếc là bị thương tật nên không cùng anh em cầm súng chiến đấu với Việt Cộng đến cùng !» .*

Tôi bảo :

- «Mày đã làm xong bốn phận với đất nước».

Nó lắc đầu:

- «Chưa đâu! Đất nước bây giờ bị Cộng Sản nhuộm đỏ, dân chúng bị kìm kẹp mất tự do, dù chúng ta ở tù cũng không hết trách nhiệm!».

Tôi thờ dài :

- « Biết làm sao bây giờ?! Càng nghĩ tao càng hận bọn phản chiến Mỹ và lũ con buôn chính trị quốc tế, chúng lừa đảo, nhân danh tự do rồi phản bội chúng ta!».

Nó chưa chát nói:

- «Bọn con buôn chính trị thì chỉ biết đến tư lợi thôi!».

Nói đến thời cuộc mà lòng tôi ngao ngán buồn rười rượi ! Bỗng một ý nghĩ táo bạo chợt lóe trong đầu, tôi đặt tay trên vai bạn và khẽ nói:

- «Nếu sống chỉ thêm hại cỏ cây kéo lê kiếp sống thừa thì, thà chết quách đi cho đỡ khó xác?! Mày và tao nếu mình tự tử chung biết đâu sẽ gây được tiếng vang, đánh động sự trỗi dậy của anh em tù?» .

Nó đang trầm ngâm hướng mắt về một cõi xa bỗng quay phắc lại , mặt tươi ra, mắt sáng quắc:

- «Mày có lý! Mình phải làm cái gì đó để phản đối chính sách phi nhân của CS».

Nó nói tiếp:

- «Tao muốn tượng sau khi mình chết , anh em tù sẽ giao động , từ trại này đồn sang trại khác anh em tù sẽ vùng lên đòi quy chế của tù nhân theo tiêu chuẩn quốc tế» .

Tôi cười :

- « Được như thế là may !» .

Một thoáng suy tư kéo chúng tôi vào yên lặng, nó cúi nhặt một viên gạch nhỏ ném ra xa, tôi không thấy tầm đi của viên gạch, nhưng chợt nhớ lại kỷ niệm đẹp thời đi học

chúng tôi thỉnh thoảng cuối tuần từ Sài Gòn ra Vũng Tàu tắm biển, trong lúc đùa vui thường nhặt những viên sỏi phóng trên mặt nước như muốn tâm hồn mình theo viên sỏi bay xa vượt đại dương tới cuối chân trời. Ở trong hoàn cảnh này, nỗi buồn vấy tóa, trong vô thức nó nhặt viên gạch quăng xa nhưng làm sao bay ra khỏi những hàng rào kẽm gai của trại tù! Hay nó đang nghĩ cuộc đời như viên gạch vỡ cần vứt bỏ? Tôi thờ dài, nó bỗng hỏi:

-«Mày có định viết thư để lại cho gia đình không?» Tôi lắc đầu buồn bã:

- « Không! Tao không muốn để lại gì, chỉ làm gia đình buồn thêm!».

- «Còn mày? Có định viết thư không?».

- « Không! Tao cũng nghĩ như mày ».

Hai chúng tôi hẹn nhau hôm sau, tôi về giường sắp lại mớ hành trang, chọn bộ quân phục cũ được trại cấp để lao động, dùng tay vạt những nếp nhăn rồi xếp cho phẳng. Dù sao đó cũng là chút di sản cuối cùng của đời lính mang theo khi lìa trần. Sáng nay lúc gặp mặt bỗng dưng hai đứa chúng tôi chào nhau theo lối nhà binh, không bảo nhau mà cả hai cũng chọn bộ quân phục. Khám bệnh xong hai thằng kéo nhau ra ngồi góc hè cũ. Lòng tôi hớn hờ vì sắp được đi xa, trong ảo giác tôi thấy cảnh vật bay nhảy, màu sắc tươi mát, bầu trời xanh ngắt lơ lửng những áng mây hồng. Đang suy tưởng, người bạn vỗ vai kéo tôi về thực tế, dù vẫn còn tiếc nuối cảnh sắc ấy, vì đã từ lâu mắt tôi chỉ toàn là những giải mây mờ giăng không còn nhìn được xa!

Người bạn đưa cho một nắm thuốc viên Clhoraquine, tôi cầm vốc thuốc nói:

- «Sức tao chỉ cần 5 viên cũng đủ chết, nhiều quá thừa, phí đi! Hãy để lại cho anh em lỡ có sốt rét còn có thuốc».

Nó cười:

-«Hay! Mà có lý, ồm như cò ma mình chỉ cần một nửa cũng đi đứt».

Nó nhún mình phóng đi như vũ trên cây nạng gỗ về cất sổ thuốc dư và trở ra chia nhau uống. Trong thời gian chờ thuốc ngấm, hai đứa im lặng nhìn khoảng chân trời, và mỗi đứa theo một ý nghĩ riêng. Tôi chợt nghĩ đến mẹ tôi, một người dân tha thiết với quê hương bằng tấm lòng, đã theo tiếng gọi non sông vào chiến khu kháng chiến chống thực dân rất sớm. Sau khi nhìn rõ bộ mặt thật của Việt Minh mẹ tôi bỏ trốn về thành nhưng bị bắt lại, bị đánh đập rất dã man, và đòi đem xử bắn. May cho bà trong lúc bị giam đã được vài người bạn cứu thoát đồng trốn về Hà Nội. Sau đó gia đình chúng tôi đã trôi theo dòng sử mệnh thăng trầm của đất nước cùng đoàn người di cư vào Nam. Ông Bà ngoại tôi ở lại Hà Nội, về thăm quê bị đội cải cách bắt đưa ra làng đấu tố trong vụ án «Cải Cách Ruộng Đất», rồi bị đày lên Thái Nguyên, và mất ở đó! Tôi vẫn ghi khắc nét lo âu tiêu tụy trên khuôn mặt mẹ, nhất là đôi mắt buồn! Bà suốt đời đã hy sinh vì tôi, cả một đời bà ước mơ và chờ đợi nhưng không bao giờ toại nguyện! Mẹ tôi lúc còn chiến tranh hằng cầu nguyện quê hương sớm thanh bình để con mình khỏi chết trận. Sau khi hết chiến tranh lại cầu nguyện cho con sớm thoát tù. Nghĩ đến đây dòng lệ trong tôi tự trào, suốt đời tôi làm cho mẹ buồn!

Dòng suy tưởng lại miên man đến nàng, người mà tôi muốn quên nhưng hình bóng ấy vẫn ẩn hiện trong tâm hồn, chợp chờn trong giấc ngủ! Tình yêu như một chiếc bóng bên tôi, có khi theo dấu chân lẩn trên đường, bằng bạc trong không gian, và có khi ẩn trong tiếng thở dài! Tôi muốn quên

nàng, quên những kỷ niệm đẹp của tình yêu như những chùm pháo bông rực rỡ muôn sắc, rồi tan loãng, tắt lịm vào đêm tối! Tôi sợ tình yêu làm yếu lòng, sợi giây tình ràng buộc thôi thúc lòng mong mỗi ngày về, giảm đi nhuệ khí, tính kiên trì đối kháng với CS. Tôi càng muốn quên thì hình ảnh của nàng cứ hiện ra trong trí như lời thì thầm vỗ về làm hồn tôi thêm sầu nhớ. Thuở Sài Gòn chưa đổi tên, có biết bao thiếu nữ là người yêu, vị hôn thê, vợ của lính. Nàng cũng thế nhưng đang còn đi học. Là một cô sinh viên Sư Phạm tâm hồn đầy mộng mơ, lãng mạn, nhìn đời qua ngưỡng cửa sân trường nên hình ảnh người trai thời chiến thật hào hùng qua màu áo lính trận đi dạo phố. Cũng như bao triệu người dân Miền Nam, nàng vẫn hằng mơ ước ngày đất nước hết chiến chinh, quê hương được thanh bình để những người lính được trở về dưới mái ấm gia đình, sống yên vui bên những người thân. Thế nhưng khi tàn chiến chinh, những ước mơ giản dị đó đã biến thành cơn ác mộng, những người dân chân chính đó lại càng mất mát nhiều hơn khi đất nước thay sắc màu thể chế, đổi chủ. Ánh mắt của nàng không còn nét vui tươi hồn nhiên như trước và trên môi cũng đã tắt mất nụ cười sau khi được tin tôi bị thương, tôi biết nàng chết lặng nhưng không hề hé môi than số phận. Ôi, thật cao đẹp cho ý nghĩa tình yêu, nhưng điều ấy đã khiến lòng tôi thêm buồn cho hiện tại, và tương lai mù mịt, rồi sẽ ra sao ?! Trong khoảng khắc, tôi hình dung dáng nàng mong manh tha thướt trong chiếc áo dài trắng, mái tóc dài bồng bênh mỗi khi lộng gió. Nàng có nụ cười rất tươi luôn thắm trên bờ môi mộng đỏ, làm sáng gương mặt phảng phất nét thơ trong tranh; chẳng thế, các bạn gái đều xem nàng như

đoá hoa hồng của Đại Học Sư Phạm ngày nào. Chiến tranh quả tàn nhẫn đã cướp của nàng bao mơ ước! Thôi, nghĩ đến mà ngậm ngùi, tất cả những ước mơ, hạnh phúc, đau khổ giờ cũng đành xin giã từ. Xin chào cuộc đời và những người thân yêu!

Đang triển miên trong suy tưởng, bỗng tiếng keng từ trại tù xa vọng lại làm tôi bừng mắt. Tôi vội quay sang nó hỏi:

- «*Mày đang nghĩ gì ?*» .

Nó thôn thức:

- «*Tao đang nghĩ về mẹ tao và vợ tao*».

Tôi lại thờ dài...im lặng và trân trọng phút thiêng liêng của nó. Chúng tôi lại chìm vào im lặng để sống trong cõi riêng thì bỗng có tiếng la cứu cấp, hình như có người nhập viện? Chẳng ai rủ nhưng hai đứa cùng đứng dậy mò qua xem mới biết người vừa chết là tù cải tạo. Anh ấy thời trước là Bác Sĩ Quân Y, vì lao động quá nên kiệt sức!

Tôi bảo bạn:

- «*Mày hỏi xem tên anh ấy là gì ?*».

Nó gất lên:

- «*Biết làm quái gì! Trước sau gì chẳng gặp!*».

Tôi cười đùa :

- «*Biết đâu ở chốn đó cũng có ‘biên chế’ như đây thì sao!*».

Nó bảo:

- «*Mày điên há? Hơi đâu mà lo xa!*».

Tôi lắc đầu, định trở về giường nằm đợi thuốc ngấm «chờ đi», nhưng thằng bạn bảo hãy im lặng theo dõi lớp tuồng cuối.

Người tù nhân nằm đó còm như que củi, quần áo tả tơi, anh ta chết trong cô đơn, không thân nhân, bạn bè thân thiết. Cái chết thật trảm mạc chẳng xôn xao lay động những toán tù lao động gần đó! Số anh quả hẩm hiu! Chết ở trại còn được cỗ hòm, gục trên đường lao động đưa đến bệnh xá thì chỉ

được vài miếng ván gỗ từ nhà cũ bỏ hoang ra, thêm dăm ba mảnh ván chuồng lợn ghép vội thành một chiếc hòm! Chúng tôi chứng kiến thủ tục tổng táng người tù, cuộc tẩm niệm rất sơ sài, nắp quan đây không kín vì những mảnh gỗ lệch! Mấy người khiêng là những tù nhân ở những trại khác được gọi đến, trông họ như những bộ xương biết đi! Chẳng ai còn giọt nước mắt nào để tiễn đưa người quá cố! Quan tài của người bác sĩ trẻ xấu số được vùi sâu ba thước đất một cách vội vã, những mảng đất lùa trên quan tài khuua động làm lớp bụi bay. Lớp đất ấy đã vùi theo một tài năng trí tuệ của đất nước trong âm thầm vào lòng đất!

Tôi trầm nghĩ:

- «*Dù sao anh vẫn còn may là được các bạn tù khắc tên trên tấm bia mộ! Thôi ngủ yên đi anh, chẳng ai có thể đẩy đoạ anh được nữa ... anh vẫn còn được hai đứa chúng tôi đưa tiễn. Đến lúc chúng tôi ra đi, ai sẽ tiễn đưa chúng tôi đây?!*».

Chúng kiến cảnh đau lòng ấy tôi thờ dài nói với bạn:

- «*Đời người thế là xong, tất cả rồi cũng trở về với cát bụi! Lúc sống mọi thứ mới đáng cần, chứ chết rồi tang lễ có to hay nhỏ nào cần thiết phải không?!*».

Lòng tôi ngậm ngùi, cười chua chát nói thêm:

- «*Tao cứ tưởng một người tù sống chẳng làm gì được trước họng súng, thì cái chết trong lúc lao động sẽ gây âm ỉ, xôn xao, ai ngờ cũng chỉ là chiếc lá rụng, chẳng có đám tù nhân nào nổi dậy! Cái đói và tiếng keng còm tù đã làm nhụt chí tù nhân! Chết thảm lặng như thế này, nào khác cục đất, chỉ rảnh tay bọn cai tù?! Thà là chúng ta gắng cấn ráng chịu khổ sở mà sống, thì bọn đầu não CS vẫn phải phải người xuống*

trông coi, canh giữ mình vẫn khoẻ hơn phải không?».

Nó cười thích thú:

- «Mày có lý ... đâm tù mình chết hết ai làm nhân chứng về tội ác Cộng Sản?!».

Hai đứa tôi nắm chặt tay nhau, cái xiết tay mang ý nghĩa : chúng tôi phải sống.

Chúng tôi gặp bác sĩ bệnh xá cho biết đã dùng thuốc quỳ sinh. Bác Sĩ Trưởng bệnh xá há hốc mồm nhìn chúng tôi vì đây là lần đầu tiên có vụ tự tử tập thể. Trong lúc tiêm thuốc giải chớ xúc ruột, chúng tôi được «lên lớp»! Mấy ngày sau một chính uỷ chẳng biết từ đâu đến cho gọi chúng tôi lên và bắt làm tờ kiểm điểm. Họ quy tội chúng tôi là chống đối, vì tự tử là hành động tiêu cực, tiêu diệt sản xuất và bắt chúng tôi xuất viện để về trại lao động ngay hôm đó.

Kể từ buổi chia tay đó chúng tôi chẳng còn gặp nhau lần nào nữa, nhưng lòng tôi vẫn khắc sâu hình bóng nó. Sau này tôi nghe một số bạn tù chính trị ở Mỹ kể, nó đã được tha về nhưng gia đình không còn ai, vợ con đã vượt biên không tin tức! Nó nộp đơn chờ đi diện HO, sự chờ đợi mỗi mòn, lâu quá nên đã vượt biên, chiếc tàu của nó chẳng may gặp cơn bão nên không bao giờ tới bến! Riêng tôi may mắn hơn, người con gái năm xưa vẫn chờ đợi tôi và cùng nhau trôi giạt xứ người đến mãi hôm nay.

Có phải người ta không thể lúc nào cũng sống với quá khứ vì tương lai mới cần thiết và quan trọng hơn? Chiến tranh và tù ngục đã qua lâu nhưng nhiều đêm những hình ảnh đó vẫn len lỏi vào trong giấc mơ làm tôi bàng hoàng thức giấc. Nhìn quanh mới biết mình đang ở xứ tự do mà lòng nghe nhẹ nhõm! Ở xứ lạnh thời tiết hay thất thường, nhiều lúc những vết thương cũ, những bầm dập nhọc nhằn trong tù năm xưa thường trở đau, nhất là

vào tuổi xế chiều. Tôi đã quen quen chịu đựng rồi nên vẫn cảm thấy yêu cuộc đời và lòng không còn oán hận.

Đất nước tôi dân số tuy đông nhưng vẫn là một nước nhược tiểu, lại nằm sát bên một nước cực lớn; vận mệnh quốc gia thì nằm trong tay một nhóm bè phái độc đảng độc quyền, thân phận người dân có khác chi những món hàng ?!

Thời gian lặng lẽ trôi, từng thế hệ trong thời chiến tranh đã lần lượt ra đi! Thế giới ngày nay có nhiều thay đổi, nhiều phát minh khoa học mới đã thay dần những cái cũ, tư duy của con người cũng đổi thay... Nhưng có những điều không thể thay đổi được kể cả những tiến bộ vượt bậc của khoa học hiện tại, dù tỏa sáng đầy hào quang và đã mang lại nhiều phúc lợi cho nhân loại . Đó là điều không thể thay đổi được lịch sử và trong kí ức dân gian. Trong đó có những kỷ niệm vui buồn về những biến cố thời đại có liên quan tới vận mệnh đất nước, dân tộc ... dù có muốn quên hay cố tình xoá đi, nó vẫn lưu tồn trong kí ức dân gian và trong những trang sách sử cùng những cuốn film làm “nhân chứng”

*

Xa quê hương đã lâu nhưng tôi vẫn chưa một lần về! Sau mấy chục năm “giải phóng(!)” xã hội Việt Nam hôm nay tha hóa, đạo đức suy đồi, bạo lực tung hoành, công an vẫn hà khắc bịt miệng người dân. Nạn quan liêu, bè phái, tham nhũng đục khoét tận xương tủy đất nước (cắt đất cho ngoại bang thuê 50 năm 90 năm , như thế có khác gì bán nước ?) chế độ làm khổ người dân! Sau bao biến cố đau thương, người dân Việt hôm nay bừng tỉnh nhận thức được cái họa mất nước gần kề vì những tài nguyên, đất đai, bờ biển đang bị

lấn chiếm, mất dần do mộng bá quyền của Trung Quốc. Người dân phần uất xuống đường phản đối chính quyền, họ không còn sợ hãi trước bạo lực mà can đảm dấn thân không sợ tù đầy. Rải rác khắp cả nước từ già, trẻ, thanh niên nam, nữ gồm đủ mọi thành phần : sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ đến người công nhân, nông dân, đảng viên ly khai, họ đứng lên đấu tranh đình công bãi thị, đòi nhà, đòi đất, đòi nhân quyền, tự do tôn giáo.

Ngày xưa lúc chúng tôi còn ở tù thường gặp những người cán bộ cuồng tín giáo điều vì mê muội tà thuyết CS nên trong lòng đầy thù hận, xem chúng tôi là kẻ thù cần phải tiêu diệt, do đó đã hành xử với chúng tôi không còn nhân tính! Ngày nay cách nhìn về đất nước đã thay đổi, bức tường Berlin bị đập bỏ, Liên Bang Xô Viết tan rã, chủ thuyết Cộng Sản bị cáo chung, và ở VN còn lại đám cầm quyền độc tài cô dưng tám bình phong Cộng Sản để dễ bề trấn áp , cầm tù những người đối kháng. Thời thế đã chuyển mình nên đã có những người đảng viên xé thẻ đảng, trả thẻ đảng đứng về phía dân tộc chống lại bạo uyền CS qua các phong trào dân chủ, dân oan không còn sợ đảng, sợ công an đàn áp, cầm tù ...

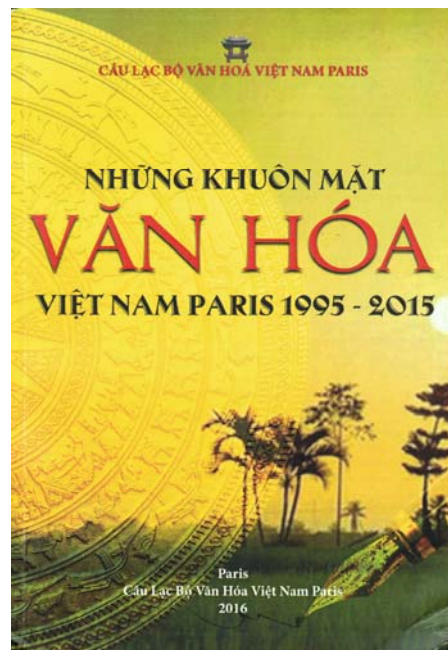
Người dân một số tỉnh miền Trung vốn đã nghèo thuộc 5 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế cùng xuống đường đòi quyền sống. Họ phản đối nhà cầm quyền đã bao che cho công ty Formosa sa thải chất độc làm nước biển bị nhiễm độc khiến biển chết, mọi sinh thái đều chết theo! Đòi sống ngư dân và những nghề liên quan đến biển như nghề làm muối, nghề làm nước mắm đều thất nghiệp, người dân càng nghèo đói hơn!

Bốn mươi hai năm sau ngày miền Nam bị nhuộm đỏ, các bằng hữu của tôi tan tác phiêu bạt muôn phương, có kẻ chết trong trại tù, có kẻ nằm sâu trong lòng đại dương trên con con đường vượt biển tìm tự do, trong đó còn biết bao người rơi vào thảm trạng thất lạc mẹ cha, vợ con, một thân bơ vơ nơi xứ người. Người ở lại thì lạc loài cô đơn trên chính quê hương mình! Cho đến ngày nay vẫn còn nhiều người sinh sau cuộc chiến muốn bỏ nước ra đi tìm tự do. Phải chăng người ta có thể chết cho quê hương, nhưng vì tự do lại dám bỏ quê hương mà đi.

Paris cuối tháng tư trời gió lạnh, tâm hồn tôi cô đơn vì nhớ bạn, nhớ quê hương, khiến lòng tôi ngậm ngùi!

Đỗ Bình

Paris 29.04.2017



DÒNG ĐỜI...

"Để vinh danh một chiến sĩ QLVNCH đã bị Cộng Sản cầm tù suốt 13 năm dài dòng dã, cũng như để tưởng niệm đến người anh chồng trân quý của tác giả nhân dịp 30 tháng 4."

Ỗ Nguyên



Chuyến bay American Airline đáp xuống phi trường John Wayne vào chiều một ngày tháng 8 năm 2009. Sau khi thuê xe xong, tôi và ông xã đi thẳng về khách sạn để

cất hành lý, sau đó quay lại phi trường để đón Bích - cô em gái nhà tôi bay đến từ Denver, Colorado.

Từ phi trường, cả ba chúng tôi lái xe thẳng tới nhà người chị dâu của nhà tôi để rủ chị cùng đi thăm ông xã của chị và là anh chồng của tôi. Ngồi chuyện trò dăm ba câu rồi chúng tôi năm người, gồm chị, đứa con gái lớn, cô Bích và vợ chồng tôi, cùng đi chung xe đến thăm anh, hiện đang nằm điều trị tại Trung Tâm người già - French Park Care Center nằm trên đường Washington và Lincoln, Garden Grove, CA.

Chúng tôi đi thẳng vào phòng số 127 ở tầng trệt là căn phòng mà ông anh chồng tôi đang tạm thời nằm điều trị, sau khi giải phẫu tim lần thứ sáu, hôm 26 tháng 6 vừa qua.

Khi bước chân vào phòng này, điều trước tiên làm tôi không thể không quan tâm đó là mùi hăng hăng nồng nặc của thuốc tây quện vào mùi hôi ẩm mốc của thảm cũ dưới sàn nhà khiến tôi liên tưởng ngay đến câu nói hồi chiều mà cháu Trang, con gái út của anh chị, gọi điện thoại dè dặt nói với tôi: *"Chú thím ơi, phòng cậu cháu ở hôi mùi thảm, dơ dáy lắm, chú thím thông cảm nhe ..."*

Đã lâu tôi không nhìn lại cảnh nhà già kể từ ngày ông thông gia của chúng tôi qua đời. Ông ta nằm ở trung tâm dưỡng bệnh như thế có đến cả gần 7 năm trời. Trong khoảng thời gian này, thỉnh thoảng vợ chồng tôi có ghé thăm ông nên hình ảnh và không khí của nhà già nơi đây trong giờ phút này chẳng xa lạ gì đối với chúng tôi. Nói cho đúng, bệnh viện hay nhà già đều giống nhau, làm sao mà mình đòi hỏi sạch sẽ như ở nhà hay như ở khách sạn được. Cho nên chúng tôi cảm thấy thoải mái vì không phải bỏ giày dép ra khi đặt chân vào phòng này như khi vào nhà các cháu. Nhưng điều quan trọng mà tôi muốn đề cập tới ở đây không phải là sạch hay dơ mà là phòng ốc đầy đủ tiện nghi cho người thân đến trị bệnh, để được chăm lo ăn uống miễn phí, để con cái hoặc người nhà không phải bận tâm nấu nướng mỗi ngày đem đến, như vậy là quá tốt, quá tiện lợi. Ở đây, hàng ngày đã có y tá và chuyên viên vật lý trị liệu hướng dẫn tập thể dục mỗi buổi sáng và chăm nom thuốc thang cho anh. Anh còn được chăm sóc lau chùi thân thể mỗi ngày, ngay cả vấn đề vệ sinh cá nhân khi cần.

Căn phòng anh nằm cũng giống như mọi căn phòng khác của Trung Tâm. Mỗi

phòng có kê hai giường sắt đơn, có chăn nệm đầy đủ dành cho hai bệnh nhân. Tuy nhiên, số bệnh nhân không nhiều, nên anh được nằm một mình rất thoải mái. Anh cảm nhận được tư do hơn, không phiền hà đến người khác mà người nhà ra vào thăm nuôi cũng được dễ chịu hơn. Dưới chân giường có để sẵn một chiếc ghế và kế bên là chiếc xe lăn cùng một walker có bánh xe là phương tiện trợ giúp cho bệnh nhân khi cần phải đi loanh quanh trong phòng hay đi ra ngoài hành lang. Một TV màu gắn trên tường vừa tầm mắt có thể nhìn được màn hình rõ ràng. Điện thoại và nút bấm khẩn cấp cũng được trang bị sẵn sàng cho bệnh nhân khi cần đến.



Hôm nay anh chưa bình phục như chúng tôi nghĩ, trái lại anh còn rất yếu. Gặp lại các em mà anh vẫn thản nhiên, không tỏ ra vui hay buồn, không mấy may xúc động hay vồn vã như hồi anh chưa trở bệnh. Tiếng nói của anh nghe không rõ ràng, lưỡi líu vào nhau và chỉ trả lời khi ai đó hỏi han. Hình như có đôi lúc anh không muốn trả lời, nhưng thái

độ của anh thực thanh thản điềm nhiên, không cau có phiền hà hoặc khó chịu. Mọi người thăm hỏi anh một lúc, sau đó, nhà tôi phụ giúp anh ngồi dậy, đứng lên và tập đi lần lần ra hành lang.

Thực là khó khăn cho anh phải tập bước những bước đi nặng nề và vất vả. Anh trông mập ra nhưng tay trái xụi lơ hầu như vô dụng; tay phải còn yếu, cho dù anh cố đến mấy cũng không sao có đà để nhún đứng lên, anh kêu đau nơi thắt lưng, không sao đứng vững. Có thể do anh đã nằm quá lâu một chỗ hay có thể do ảnh hưởng của cuộc giải phẫu tim vừa qua đã làm cho anh bị hôn mê hơn hai ngày đêm, khiến xương sống của anh bây giờ bất động. Tuy không nói ra nhưng anh nghe được và đã làm theo lời chỉ dẫn của chú em. Trong lúc anh cố lê từng bước nặng nhọc dọc theo hành lang với nhà tôi, tôi đẩy chiếc xe lăn theo sau để phòng khi anh mệt muốn ngồi xuống nghỉ. Xế chiều vợ chồng Lan-Phước, con gái thứ và rể của anh chị có mặt và rồi hai chú cháu lại tiếp tục phụ giúp anh đi lòng vòng trong sân. Lúc này trông anh thực mệt mỏi, lại thêm cái áo choàng nhà thương dài quá đầu gối mầu cháo lòng lốm đốm hoa, cũ rách của trung tâm mà hồi chiều nhà tôi mặc ngược lại và buộc giây nút sau lưng chỉ đủ che phần thân trước, để lộ cả một mảng lưng trắng bạch khi nhìn từ phía sau nên trông anh lại càng thiếu nả thêm; tóc đã bạc, da lại xanh nhợt rất bệnh hoạn. Hai tay nắm vào cái walker một cách hờ hững và khó khăn. Chăm chú theo dõi, tôi thấy xót xa làm sao! Tôi chợt nhớ lại cách đây không lâu, chúng tôi gặp anh vài lần trong một

dịp nghỉ hè thăm viếng Cali, đưa anh đi ăn đây đó hay ngồi chơi với anh hàng giờ trong căn phòng thuê tại chung cư người già trên đường Ross. Những lúc này chúng tôi thường được nghe anh kể lại nhiều mẩu chuyện của ngày xa xưa, những ngày anh là Tiểu Đoàn Trưởng một tiểu đoàn Khinh Quân thời gian trước 54... rồi đến thời VNCH oanh liệt... và về những tháng năm dài anh còn ở trong các trại cải tạo miền Bắc...

Thực chẳng giấy mực nào tả cho xiết những thời khắc kinh hoàng khổ ải mà anh và biết bao đồng đội chịu đựng ở nơi rừng thiêng nước độc sau năm 1975. Mười ba năm bị hành hình, quả là một thời gian khá dài so với một đời người... Anh kể về nhiều lần bị hành hạ tra tấn dã man đã làm thân xác anh đau đớn tột cùng, lúc đó, anh nghĩ giá mà chết được ngay, có lẽ còn sướng hơn. Đối với sự đói khát hay giá lạnh, người ta còn có thể cắn răng chịu đựng được, nhưng những cuộc tra tấn cực hình bây giờ, mỗi khi nghĩ lại, anh vẫn còn thấy run mình cảm phần... Anh kể, có lần họ xích hai chân anh vào một cùm sắt, xiết chặt đến nứt cả da thịt, máu loang bầm tím cả hai cổ chân. Anh bị nhốt trong một phòng giam nhỏ, hai chân bị xích vào nhau, thò ra phía ngoài vách tường để mặc cho mưa và muối rừng hút máu thấm canh. Nhiều ngày đêm bị cùm kẹp như vậy dưới trời đông giá lạnh nơi núi rừng Việt Bắc, đôi chân anh chẳng mấy chốc bị làm độc, lở loét, hôi thối và không còn cảm giác gì nữa, lúc ấy anh nghĩ chắc chắn chân anh sẽ bị cưa mất... Lúc này nhìn đôi cổ chân loang lở, chốc vẩy mà anh đang cố lết đi trên sàn si măng, tôi mới hiểu tại sao và

chợt hình dung đến cảnh tượng bị tù đầy tra tấn trước kia của anh mà cảm thấy buồn ngùi thương xót cho anh cùng các chiến sĩ VNCH đồng cảnh ngộ.

Trước mắt tôi lúc này anh vẫn là một vị Thiếu Tá của QLVNCH ngày nào, người anh mà nhà tôi luôn mến phục và kính yêu. Tim tôi tự nhiên thắt lại, mắt cay cay... Nhìn cảnh anh đang ráng lê đôi chân chập choạng đi bên cạnh chồng tôi, tôi vội so sánh: Cái khổ nào, cái nghiệt ngã nào hơn cái nào? Bây giờ, trong giây phút hiện tại hay ngày xưa khi anh còn bị tù đầy? Chắc anh hiểu điều này còn tôi nghĩ là hai hoàn cảnh tuy có khác biệt nhưng sự đớn đau của thân xác cũng như nhau vậy thôi. Đôi lúc anh cũng cố cười, nhưng nụ cười héo hon gượng gạo vì cái đau đớn thể xác đã làm cho anh như không còn cảm xúc. Ông trời quả thực bất công! Những người như anh đáng lẽ giờ đây phải được đền bù xứng đáng mới đúng. Nhớ lại ngày 28 tháng Tư năm ấy..., anh cũng vì thương vợ thương con, vì những mối quan tâm về gia đình bên vợ nên đã từ chối lời đề nghị của vợ chồng tôi để cùng đi di tản với chúng tôi theo Toà Đại Sứ Mỹ. Hôm ấy anh tiễn chân mọi người tại chung cư Trương Quốc Dung là điểm hẹn di tản của nhân viên TĐS. Trong giờ phút đầu sôi lửa bỏng như thế đó, sự quyết định của anh khó mà thực hiện. Sau lưng, anh còn bao nhiêu người thân thương mà anh phải quan tâm đến là vợ và con, anh không thể ích kỷ để chỉ nghĩ đến riêng mình. Giá chi anh cùng đi với vợ chồng chúng tôi ngày hôm đó thì cuộc sống của anh chắc chắn đã xoay chiều. Cũng chỉ vì tính tình cương trực và ngay thẳng,

không chịu luồn cúi, phục tùng hay quy lụy, anh khí khái như cái tên của anh nên cuộc đời binh nghiệp của anh mãi mãi lao đao, lệt đệt chẳng bằng ai. Lúc Saigon thất thủ anh vẫn chỉ mang cấp bậc Thiếu Tá trong khi đó Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Trung Tướng Đặng Văn Quang, cố vấn quân sự của ông và Trung Tướng Trần Văn Trung, Chỉ Huy Trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị QLVNCH đều là đồng môn, đồng khóa với anh - Khóa I Sĩ Quan Quân Đội Quốc Gia Việt Nam năm 1948 tại Đập Đá, Huế...gặp thời gặp thế lên như điều gặp gió ... Anh nguyên là sĩ quan từ thời quân đội Pháp-VN, vào sinh ra tử biết bao lần nhưng nhờ hồng phúc của tổ tiên mà anh đã thoát chết nhiều lần trong những trận giao chiến kịch liệt với địch quân. Cũng chính vì thương tích nơi vai trái ngày xưa trong các trận Hòa Bình, Ba Vĩ, Na Sản, mà sau này anh được chuyển về Saigon phục vụ trong ngành Chiến Tranh Chính Trị cho đến ngày Saigon thay tên đổi chủ. Bây giờ tuổi đã trên 80, đáng lẽ anh phải được hưởng nhiều ân sủng của Thượng Đế, được hạnh phúc an bình bên vợ, bên con cùng cháu chắt, anh lại phải gánh chịu một bản án tật bệnh, thực trở trêu! Ấu cũng là định mệnh của mỗi người... Sinh trưởng trong một gia đình Phật Giáo nhưng anh chưa từng qui y tam bảo và việc đi lễ chùa đối với anh không hẳn là điều cần thiết, nhưng anh rất thông hiểu về Phật pháp. Có đôi lần anh chia sẻ với chúng tôi: "Nhân sinh là khổ, vô thường là khổ", ai ai cũng đều có nỗi khổ riêng của mình; trăm ngàn cái khổ khác nhau mà đã sinh ra ở cái cõi ta bà này để ai tránh

khỏi được cái khổ não buồn phiền, nó luôn luôn rình rập và đầy vò chúng ta... Thấy chúng tôi có vẻ quá lo lắng, anh an ủi: "Giáo lý Phật Giáo thoát nghe thấy vô lý, nhưng đó là chân lý: Có là không, không là có. Sắc sắc không không...". "Sinh, Lão, Bệnh, Tử" là qui luật không thể phủ nhận, mọi người đều phải đối diện; các em chẳng nên lo lắng làm gì.



Lúc này là 5 giờ chiều, giờ cơm của bệnh nhân tại Trung Tâm nên mọi người dìu anh về phòng sẵn sàng cho bữa ăn thứ ba trong ngày...Thức ăn đã được đem đến, còn nóng hổi, mùi thơm bốc lên từ các món ăn thuần túy Á Đông như thịt heo kho, đậu ve sào, một chén súp rau và một chén cơm trắng; đồ uống có nước cam, sữa tươi và anh còn gọi thêm một ly cà phê đen, thức ăn tráng miệng có tới hai thứ bánh Pudding và thạch. Như vậy là quá đầy đủ và bổ dưỡng. Ông xã tôi và cháu Phước giúp anh ngồi vào giường, lau hai tay sạch sẽ rồi đưa khay cơm lại gần để anh ngồi ăn cho thoải mái. Anh tự xúc ăn bằng tay phải, tay anh vẫn còn run rẩy, đôi khi làm thức ăn

vương vãi rơi tung tóe ra ngoài. Cũng phải tới nửa giờ sau anh mới dùng xong bữa. Anh ăn hết, không để thừa lại nhiều, chứng tỏ anh ăn ngon miệng, như người mới ốm dậy đang ăn lại sức.

Ba ngày đầu đến thăm và phụ giúp anh tập đi, để ý không thấy anh tiến triển nhiều, từ đi đứng nằm ngồi, đến nói năng đều chậm chạp. Anh không nhớ nhiều, không hỏi han gì chúng tôi, anh lạnh nhạt như ngậy ngô nên chúng tôi thấy rất lo ngại, nếu tình trạng này cứ kéo dài có thể anh bị chớm bệnh Alzheimer không chừng? Chính cũng vì anh chưa tỉnh táo hẳn nên ngay việc làm vệ sinh cá nhân, anh cũng không tự kiểm soát được. Anh không biết là anh bị bón hay đi tiêu chảy và kết quả nhà tôi đã lãnh đủ khi đưa anh vào phòng vệ sinh. Hai anh em loay hoay trong phòng tắm khá lâu và thay vì đại tiện vào bồn cầu, anh lại phệt hết vào tay nhà tôi và đi bừa bãi lên trên bàn cầu làm nhà tôi phải lau chùi mệt mỏi. Ấu cũng là một kỷ niệm của hai anh em vào tuổi xế chiều... Thường thì ông xã tôi rất sạch sẽ và sợ dơ bẩn, nhất là trong cảnh nhà già như thế này. Trông coi mấy đứa cháu nội mà chớ khi nào anh ấy dám thay tã cho cháu, vậy mà hôm nay trong trường hợp chẳng đáng dừng này, nhà tôi không hề lúng túng, rất bình tĩnh để thu dọn "chiến trường".

Nhà tôi đã sửa soạn để đối phó với mọi tình huống rủi ro có thể xảy ra lúc này nên đã không mấy may khó chịu hoặc phiền hà. Một cử chỉ cao đẹp thật đáng trân trọng. Một công tác từ thiện cho chính người thân của mình mà nhà tôi đã đem tình máu mủ ruột thịt từ đáy

con tim để san sẻ cùng người anh trai độc nhất mà nhà tôi luôn luôn kính mến.

Và rồi chúng tôi vẫn bị ám ảnh bởi căn bệnh lãng trí nếu xảy đến cho anh. Nhưng đến ngày thứ tư, khi chúng tôi vào thăm, thấy anh đã thay đổi rất nhiều, có tiến bộ trông thấy. Trí nhớ anh đã bắt đầu phục hồi, nói chuyện bình thường hơn và đã đáp ứng các câu hỏi khá chính xác; với sự trợ giúp của xe lăn, anh đã bước đi những bước vững chãi hơn. Chúng tôi để anh tự đi dọc theo hành lang cho đến khi ra tới ngoài sân chơi của công viên. Nét mặt anh hôm nay tươi tỉnh hơn mấy bữa trước, anh vui vẻ chuyện trò với chúng tôi rất tự nhiên và cởi mở. Không khí trong lành của miền Cali nắng ấm, gió mát hiu hiu rung rinh những nhánh hoa lyly trắng muốt trồng quanh hàng rào công viên như chia sẻ niềm vui cùng anh. Ôi! quá tuyệt vời, anh ngẫm trao cho chúng tôi những ánh mắt chân tình nồng ấm và biết ơn của một người anh đối với các em từ xa đến thăm. Tuy mới giải phẫu tim hai tháng trước đây và hiện giờ đang trong thời kỳ hồi phục, vậy mà trông anh khỏe khoắn hẳn ra, da dẻ hồng hào, không có gì là bệnh hoạn, ốm đau như hôm đầu tiên khi mới gặp anh nằm trong phòng.

Trong gần 10 ngày viếng thăm anh tại Trung Tâm người già này, có bữa chúng tôi đến vào buổi sáng, có hôm buổi chiều nhằm vào những giờ giấc thuận tiện để có thể giúp anh đi bộ và ăn uống. Để ý thấy anh dùng bữa thực ngon lành, chúng tôi cũng mừng vì có khoẻ trong người anh mới ăn được như vậy, nhưng cũng lại lo nếu ăn nhiều mà

không hoạt động hay đi lại được anh sẽ sớm bị béo phì, không tốt cho bệnh tim. Các con anh, năm đứa và dâu rể thay phiên nhau vào thăm và dìu anh đi mỗi buổi chiều. Chúng tôi hy vọng anh sẽ sớm bình phục hơn để mau trở lại đời sống bình thường, để được tự do, trở về căn phòng tràn đầy kỷ niệm, để nấu những món ăn ưa thích và nhất là không còn phải tiếp cận và chứng kiến nhiều bệnh nhân tật nguyên, dở sống dở chết ngồi trên xe lăn đi lòng vòng cạnh bên.

Mỗi ngày, như thường lệ, nhà tôi đều đưa anh ngồi nghỉ mát dưới bóng cây sau khi đi khá lâu trong công viên. Anh em chuyện trò vui vẻ, ôn lại những chuyện thừa ấu thời ở Yên Cư, Vịnh Hạ Long... khi người cha thân yêu chưa bị bắt đem đi mất tích... Rồi đến những ngày ở Hà Nội, ở miền Nam sau di cư, và những ngày định cư tại Hoa Kỳ. Đôi lúc chúng tôi kể chuyện khôi hài làm anh bật cười. Tự nhiên tôi thấy lòng mình lâng lâng và hình dung đến một ngày nào đó anh sẽ bình phục và khoẻ mạnh lại như xưa. Ôi! Thực hạnh phúc biết bao nếu đó là sự thực. Thôi thì cứ nuôi hy vọng đi !

Giờ này, chung quanh chúng tôi nhìn đâu cũng thấy bệnh nhân di chuyển bằng xe lăn. Họ đều mang một căn bệnh tương tự như nhau. Chân tay co quắp, mồm miệng méo mó, da dẻ nhăn nhúm xanh xao, nét mặt rầu rĩ, buồn thiu. Bệnh nhân điều trị tại trung tâm này gồm đủ mọi sắc dân, da trắng có, da đen có, người Mỹ Tây Cơ và người Á Đông - Đại Hàn, Nhật Bản..., nhưng nhiều nhất vẫn là người Việt-Nam, do đó những chương trình từ thiện, giúp vui hay những buổi cầu nguyện có tính cách tôn giáo đều tùy

thuộc vào văn hóa khác biệt của từng nhóm bệnh nhân. Những chương trình này đã đem lại cho bệnh nhân một món ăn tinh thần hầu chia sẻ và xoa dịu phần nào những mất mát lớn lao của họ. Tại đây, chúng tôi có dịp tiếp xúc với một bệnh nhân người Việt Nam. Anh ta năm nay gần 50 tuổi. Anh đã sống tại Trung Tâm này hơn 30 năm. Anh vào đây từ hồi 16 tuổi, sau một cuộc giải phẫu cục u nơi sau gáy bị thất bại khiến anh bị liệt toàn thân. Sau đó anh đã trải qua nhiều cuộc xét nghiệm, nhưng khoa học đành chào thua và anh phải chấp nhận số phận hẩm hiu này suốt đời mình. Thực buồn! Mẹ anh, một bà cụ gần 80 cũng mang chứng bệnh như anh và hiện nay đang tá túc tại trung tâm này. Họ đều ở trên lầu hai là nơi dành cho các bệnh nhân bị tật nguyên vĩnh viễn và nhận nơi đây làm mái ấm của mình cho hết quãng đời còn lại. Những người này hàng ngày di chuyển trên chiếc xe lăn, lái đi loang quanh trong công viên để nhìn trời nhìn đất, để thở hít không khí ngoài trời trong ánh nắng chan hòa của vũ trụ thiên nhiên. Một chấp nhận miễn cưỡng lâu dần thành thói quen. Cam chịu số phận của mình vậy thôi, đâu còn cách nào để có thể lựa chọn, để thay đổi được cuộc sống buồn chán và vô vọng mà họ phải chịu đựng từ ngày này qua ngày khác. Ngoài ra Trung Tâm này còn chăm lo cho các bệnh nhân mới được chuyển từ các bệnh viện trong thành phố về đây để điều trị. Những bệnh nhân này được nằm tại tầng trệt để tiện cho các chuyên viên y tế sáng sáng đưa họ ra phòng thể dục thực tập những động tác cần thiết cho từng cá nhân có tật bệnh khác nhau.

Trung Tâm này không phải là bệnh viện nên không có Bác Sĩ thường trực mà chỉ có các chuyên viên y tế làm việc dưới sự điều hành của một ban giám đốc. Qua mấy lần tiếp xúc với họ, tôi thấy rất hài lòng về sự tận tâm, ân cần của mọi thành phần làm việc tại đây, từ y tá, chuyên viên y tế hay những nhân viên chăm sóc vệ sinh, ai ai cũng đều vui vẻ, cởi mở và đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân một cách hòa nhã và mau mắn. Cách đối đãi của họ đáng được ghi nhận mà tôi nghĩ muốn cảm ơn họ chẳng gì bằng phê điểm tốt cho họ trong tờ mẫu phê chuẩn (Evaluation Form) của Trung Tâm. Thiết nghĩ ông anh chồng tôi cũng cảm nhận được điều này và chẳng muốn đòi hỏi gì hơn. Mọi chi phí cho cuộc giải phẫu tim vừa qua cũng như tiền phòng và thuốc men tại trung tâm này đều do chương trình SSI đài thọ. Nói chung, vấn đề vật chất rất thỏa mãn đối với anh, trong cái mất mát quá lớn lao của anh thì đây là sự đền bù tương xứng mà anh lãnh nhận được trên mảnh đất tự do này.

Khoảng trưa Thứ Bảy, trên đường đến thăm anh, chúng tôi ghé chợ VN mua ít mít tươi để đãi anh. Tới nơi, thấy anh đang ngủ say sưa nên chúng tôi ra ngoài công viên ngồi đợi. Độ nửa giờ sau chúng tôi trở vào phòng đánh thức anh dậy. Nhà tôi lau tay, lau mặt cho anh tỉnh ngủ, cho anh uống một ly nước lạnh rồi sau đó giúp anh ngồi vào xe lăn đẩy ra công viên như thường lệ. Hôm nay trông anh khỏe hơn và tươi tắn hơn hôm qua, nói năng bình thường. Thịnh thoảng chúng tôi trao đổi với anh những mẫu chuyện vui vui làm anh phì cười. Thấy

anh có vẻ hồn nhiên và vô tư, tôi cảm thấy thực sung sướng. Những hy sinh, cố gắng và chia sẻ của vợ chồng tôi dành cho anh quả thực đã là một liều thuốc chữa trị nhiệm mầu mà vợ chồng tôi cảm nhận được. Ngồi dưới bóng cây mát mẻ của công viên, tôi cầm hộp mít tươi vàng chói mời anh, anh tự lấy đưa vào miệng ăn. Vừa ăn anh vừa khen ngon luôn miệng. Anh ăn hết hộp mít thực ngon lành chứng tỏ món mít Thái Lan phải là tuyệt hảo.

Sau đó, nhà tôi đưa anh đi bộ bằng xe lăn chung quanh công viên vài vòng. Đến giờ ăn chiều, chúng tôi phải đưa anh trở lại phòng ăn. Tuy vừa mới ăn hết hộp mít, vậy mà anh vẫn ăn hết phần ăn một cách ngon miệng. Hôm nay anh ăn như vậy là khá nhiều, chỉ chừa lại hộp sữa tươi. Khoẻ như chú em chắc cũng không thể nào ăn hết phần ăn mỗi bữa như thế. Có thể vì đồ ăn thức uống bổ dưỡng nên anh mau bình phục là phải. Tôi ao ước được ở gần đâu đây để mỗi ngày vào chăm nom anh, giúp anh tập đi cũng như chuyện trò cho anh vui. Dù sao chúng tôi đã về hưu, rảnh rỗi và sức khỏe tương đối tốt nên điều này không còn là vấn đề. Thực hiện được điều này chắc hẳn nhà tôi sẽ toại nguyện vô cùng, dù gì đối với các em, anh là một người cha (quyền huynh thế phụ) và còn là một ân nhân, vì nếu không có anh cứu mạng đưa vào Nam năm 1954 làm sao mọi người có được cuộc sống hạnh phúc như ngày hôm nay.

Thấy hoàn cảnh của anh, tôi lại nghĩ tới bản thân mình. Cầu mong sao để không ở trong cảnh ngộ như thế. Còn trẻ thì khác, về già, bệnh hoạn thực khó mà

lượng. Có nhiều con cháu hay không có cũng vậy thôi. Khó tính hay dễ dãi đến đâu, lúc vào bệnh viện hay nhà già vẫn phải ở chung phòng với người xa lạ. Giàu có, cao sang, chức tước đến đâu rồi cuối cùng cũng trở thành người vô gia cư, sống nương nhờ vào bệnh viện và người dưng. Con cái, cháu chắt dù có thương yêu bố mẹ, ông bà đến đâu cũng chẳng thể nào cận kề ngày đêm để phụng dưỡng đền ơn báo hiếu. Ngày xưa ở Việt Nam thì khác, giờ đây lớp trẻ hấp thụ nền văn hóa mới cộng thêm với cuộc sống máy móc do đó tình cảm gia đình cũng lợt lạt thực khó mà giữ lại được truyền thống của cha ông. Nói chung, trong thời buổi này người già phải nên chuẩn bị để tự lo lấy cho mình hơn là trông nhờ vào con cháu. Đúng là "nước mắt chảy xuôi" - *"Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể, con nuôi cha mẹ, con kể từng ngày"*. Một sự thực hiển nhiên không thể chối cãi. Các cụ cao niên bây giờ nếu được con cháu thuê người về nhà trông nom săn sóc tất hần cụ đó quả là có phước, đã tu từ chín kiếp mười đời nên mới được hưởng ơn mưa móc như thế. Nếu tin vào luật "Nhân Quả" có lẽ mình phải tu nhân tích đức nhiều thêm nữa để mong hưởng quả ngọt sau này?

Mười ngày qua đi thực nhanh. Chúng tôi đã rất hài lòng về chuyến thăm viếng vừa qua, tuy có hơi vất vả vì phương tiện di chuyển, nhưng rất mừng khi thấy được người thân của mình đã bình phục và hạnh phúc an bình. Giờ đây chúng tôi chỉ còn biết khẩn nguyện, cầu xin cho anh mau dứt

bệnh để sớm trở về căn phòng riêng, để tự chăm sóc cho mình, từ miếng ăn, giấc ngủ, để được thành thơi thoải mái, không còn phải sống bưng bít trong bốn bức tường, hít thở không khí nặng mùi bệnh viện, mùi nhà già và ngày ngày không phải chứng kiến những hình ảnh không mấy vui tại đây.

Thời gian vô tình lặng lẽ trôi mau ở tuổi cuối đời... Dư âm tiếng nói của anh hôm nào như vẫn còn chập chờn trong ký ức... "Đời là huyễn ảo như giấc mộng của Trang Chu: *"Giấc mộng Nam Kha khéo bất bình. Bỗng con mắt dậy thấy mình tay không."*

Ỗ Nguyên

Maryland – Revised April 2017

(Kể từ sau đó, mỗi năm vợ chồng tôi đều bay từ Maryland sang Cali để thăm anh. Anh phải sống trong cảnh cô quạnh tật bệnh ở nhà già có tới hơn 5 năm. Cuối cùng anh đã dứt được nợ trần gian và ra đi thanh thản vào một sáng đầu năm nơi miền nắng ấm Cali Feb. 6, 2014)



NGỎ

NGUYỄN LÂN

Từ Một Vùng Ký Ức là một tập hồi ký hấp dẫn, một tập hồi ký lôi cuốn người đọc. Sự lôi cuốn không phải vì những dữ kiện lạ lùng, éo le mà rất bình thường. Những chuyện có thể xảy ra, đang xảy ra và đã xảy ra cho bất cứ ai - kể cả người viết lời NGỎ này - cho ai đã sống, đã lớn lên trong thời ly loạn, trong thời sôi động, nóng bỏng của giải đất Việt Nam hình chữ S.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn không phải vì lối văn sáng tạo mới mẻ, độc đáo hay kỳ quái - kêu gọi thị hiếu của người đọc mà chính vì sự chân thành, giản dị với một trí nhớ những vụn vặt tỉ mỉ đến phi thường về những gì tác giả Ý Nguyên đã trải qua trong đời sống suốt từ thuở thiếu thời, tuổi hoa niên, tuổi trưởng thành, rồi chập chững bước vào tuổi hoàng hôn... suốt từ Đê Nhị Thế Chiến đến sau ngày miền nam nước Việt sụp đổ, sau tháng Tư đen - và nối tiếp là ngày tháng lưu vong nơi xứ lạ quê người - tại Mỹ, miền đất hứa.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì người đọc thấy mình trong đó - một chứng nhân hay một nạn nhân nổi trôi theo vận mệnh thăng trầm của dân tộc - đúng cho người Việt sinh ra, lớn lên của những năm 40, của những ngày Hà Nội

đổi chủ, của cuộc di cư từ Bắc vào Nam, thời gian sống hiền hòa tại Sài Gòn của thập niên 60, rồi tới khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản năm 75. Sự đổi đời phải đến với những cơ cực của những tuần, những tháng di tản, rồi đất nước để tìm Tự Do, để sống cho ra con người. Sự lo âu bờ ngõ, nỗi vất vả nơi xứ lạ gắn liền với sự nhớ thương ray rứt quê hương Việt Nam.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì người đọc xúc động mãnh liệt trước những cảnh thê lương gớm ghiếc, những cảnh khốn khổ lầm than đến rùng mình trước cái đói, cái chết. Những bi đát, quần quai đau thương trong chia ly giã biệt nhiều khi vô lý, vô nghĩa của thời chiến.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì người đọc tìm lại được khung trời kỷ niệm xa xưa mình đã ấp ủ thương yêu, không khí tươi vui mát mẻ thơ mộng đã một thời mình vùng vẫy... bốn mùa... xuân tươi thắm, hạ rực rỡ, thu úa vàng, đông buốt lạnh... Ôi! Đẹp biết mấy trong tưởng nhớ, trong cõi sâu thẳm của tâm hồn.

Từ Một Vùng Ký Ức hấp dẫn vì những món ăn, những hàng quà đặc sệt tính dân tộc. Mùi thơm kích thích khứu giác, vị chua- cay- ngọt- mặn- béo- bùi hấp dẫn vị giác, hình thù của món ăn bé xíu xinh xinh hấp dẫn thị giác. Có khi chưa ngửi, chưa nếm, chưa thấy, chỉ mới nghe thôi mà đã phát thèm! Những món ngon đó dù trong quán ăn, dù nơi gánh hàng rong, dù trong chợ, ngoài phố từ

Hà Nội đến Hải Phòng qua Thanh Hóa vào tới Sài Gòn... chạy dọc trên những đèo đất của nước Việt làm người đọc miên man nghĩ tới Hà Nội 36 Phố Phường của Thạch Lam, Miếng Ngon Hà Nội của Vũ Bằng hay câu chuyện tả các món nhậu đặc thù trong Nam của Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam.

Ỡ Nguyên với lối viết thật giản dị mà thẳng, xoáy vào tâm nhìn, tâm tư người đọc để diễn tả những sự việc xảy ra... về địa thế, về thổ sản, về xã hội, về nhân sinh quan, ngay cả trong tình trường - tuổi hoa niên lãng mạn chớm biết rung cảm, biết nhớ nhung... rồi mất hút vào biển yêu đương đề... biết tìm đối tượng, biết hò hẹn... tác giả cứ viết phăng phăng không làm dáng, không chau chuốt, không giả bộ, không che dấu.

Ỡ Nguyên rất rõ ràng, khúc chiết với người đọc và với chính bản thân. Tác giả vẽ ra một bức tranh linh hoạt, dẫn dắt như vũ bão đưa độc giả vào cuốn phim mà người đọc có thể là một diễn viên năng động.

Ỡ Nguyên viết như nói. Nói thẳng, nói thật, hóm hỉnh mà duyên dáng vì có tí khôi hài pha chút bốn cột. Từ đây, suy ra tác giả Ỡ Nguyên là một người vui tính dù trong hoàn cảnh nào, ngay cả khi va chạm tới đáy cùng thấp kém của kiếp người, tác giả vẫn lạc quan, vẫn cười đùa. Ỡ Nguyên yêu thương khấn khít với đời, với người. Thiển nghĩ, chúng ta đọc Từ Một Vùng Ký Ức để tìm một lối sống dễ thương cho gần bớt những căng thẳng, những đè nén

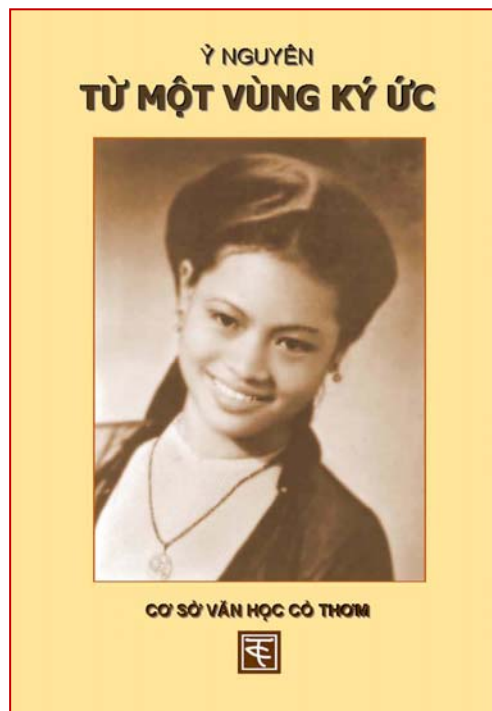
của kiếp nhân sinh trong cuộc đời đầy đắng, cay, chua, chát này cũng là điều hữu ích cho chính bản thân

Xin giới thiệu cùng quý độc giả Cỏ Thơm hồi ký Từ Một Vùng Ký Ức của nhà văn nữ Ỡ Nguyên sắp xuất bản nay mai ra mắt bạn đọc. Trên đây là đề tựa cho tập sách của một người đọc.

Trân trọng.

NGUYỄN LÂN

Tháng 3 Năm 2017



LIÊN LẠC TÁC GIẢ

Ỡ Nguyên

tuybut30439@yahoo.com

ĐT. (505) 453-9009

LE LAC D'AMOUR

Assis près du lac serein
Où reflète dans le miroir argenté
Ton image d'un soir lointain
De l'épinal, je te revois toujours.

Dans nos retrouvailles si calmes
Tu m'as parlé de nous deux
Même ces rayons roses d'automne
Sur l'eau si claire nous rappellent l'amour.

D'où viennent ces vagues incessantes
Qui effacent ton visage bien aimé
Dans la brume froide d'aisance
Où se fânent tant de sourires?

Le ciel change soudain de couleur
Guettant mes larmes inconscientes
Près du lac de tous nos espoirs
Comme je souffre de ton absence.

Je revois encore notre lac d'amour
Qui m'appelle un soir sans toi
Que reste-t-il dans les nuages tardifs
Où s'aiment tant de cigognes lassés

Où sont ces vagues d'antan
Qui nous guettent à chaque pas
Sur l'herbe du bonheur retrouvé
De toutes les feuilles fânées d'un soir.

Diễm Hoa

Vacances à Brugges 6/2014

MỪNG EM MÀU NHIỆM DIỆU KỲ

“Em mãi là hai mươi tuổi”
Anh nào quên dấu yêu xưa
Nàng Thơ, Người Tình Muôn Thuở
Trong anh mái tóc học trò.

Tóc mây vẫn còn đen nhánh
Khoẻ cười tươi vẫn như hoa
Dáng đi vẫn còn mau mắn
Bàn tay sen búp ngọc ngà.

Âm thanh cất lên trong trẻo
Tình yêu say đắm thiết tha
Cho dù Xuân đi Thu đến
Thời gian chẳng thể xoá nhoà.

“Em mãi là hai mươi tuổi”
Khi tình yêu mãi trong ta
Như búp sen vừa hé nụ
Mùa Xuân nắng toả chan hoà.

Anh thấy sao mình diễm phúc
Ngập tràn nắng ấm Paris
Xin cùng khắc ghi giờ phút
Mừng em màu nhiệm diệu kỳ.

KIM-VŨ

Viết tặng
Phạm thị Kim Đài
nhân dịp kỷ niệm
thượng thọ 80 tuổi.
9/3/2017



BÀI KỆ NGÔN HOÀI của THIỀN SƯ KHÔNG LỘ

Nguyên tác 言懷

擇得龍蛇地可居 (1)

野情終日樂無餘

有時直上孤峰頂

長叫一聲寒太虛

Phiên âm NGÔN HOÀI

Trạch đắc long xà địa khả cư

Dã tình chung nhật lạc vô dư

Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh

Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Thiền Sư Không Lộ

Thơ dịch

Kén đất rắn rồng an trú thân

Tình quê sớm tối thỏa thê lòng.

Hứng lên đỉnh núi cao vọi vọi

Hú một tiếng dài, lạnh cõi không.

Phạm Thị Nhung

Tiểu Sử Thiền Sư Không Lộ :

Thiền Sư Không Lộ sinh vào Đời Lý (Thế kỷ 11). Sư họ Dương, vốn nghề chài lưới ; người làng Giao Thủy (tên

nôm là làng Keo), phủ Hải Thanh (nay là tỉnh Nam Định).

Theo Thiền Uyển Tập Anh (soạn đời Trần, thế kỷ 14) khoảng niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059-1065) đời Lý Thánh Tông, Sư theo đạo hữu Giác Hải "vân du cõi ngoài" (đi đây đó học pháp thuật ?) 2

Sau Sư nhất tâm tu Thiền, đắc đạo, trở thành một Thiền Sư lớn thuộc hệ thứ chín dòng Thiền Kiến Sơ và hệ thứ hai dòng Thiền Thảo Đường.

Cũng như mấy vị cao tăng trước ấy, Thiền Sư Không Lộ đã góp công phò

1-Thơ nguyên tác của Thiền Sư Không Lộ được tác giả Chuyên Tôn chép lại từ bài kệ Ngôn Hoài khắc trên bức hoành phi – thư pháp, do Câu Lạc Bộ Trí Đức Thư Pháp Nam Định hoàn thành. Bức hoành phi này đã tặng cho Ban Quản Lý chùa Keo làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định, nơi thờ Thánh Tổ Không Lộ, nhân dịp Lễ Hội thường niên vào ngày 13-15 tháng 9 âm lịch (năm 2009).

2-Theo Thơ Văn Lý-Trần (Tập I, tr.41) "Sư Không Lộ là một nhà chân tu thế kỷ XI... Trước khi đi tu Phật cũng đã dày công luyện tập thuật pháp đạo học." (Nhà Xuất Bản KHXH - Hà Nội, 1977).

Lý Công Uẩn lên ngôi vua (Lý Thái Tổ), giúp vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành 1069 và giúp vua Lý Nhân Tông chữa khỏi bệnh được phong Quốc Sư. Thiên Sư Không Lộ còn được vua Lý Anh Tông cho lập đền thờ ở Thăng Long, tên gọi Đền Lý Quốc Sư, để dân chúng chiêm bái. (Nay vẫn còn, tọa lạc tại phố Lý Quốc Sư, Hà Nội). Sau khi viên tịch (1119) Thiên Sư được các đệ tử làm lễ hỏa táng, thu xá lợi xây tháp thờ trong khuôn viên chùa Nghiêm Quang, nơi Sư trụ trì và cũng là ngôi chùa do Sư thiết kế xây dựng nên tại quê nhà (1061). Đây là một công trình kiến trúc bằng gỗ độc đáo, trường tồn với thời gian. Chùa Nghiêm Quang, sau đổi tên là Thần Quang tự (1167) *3

Không Lộ là một Thiên Sư lớn, đặc biệt được từ triều đình đến đồ chúng cảm mộ sùng kính, nên đã có lắm truyền thuyết về ngài. Như sau khi đắc đạo, Thiên Sư có thể bay trên không trung hoặc đi trên mặt nước ... Vào rừng sâu, cọp thấy phải cúi đầu, rồng thấy phải nép phục...

Di tích lịch sử gác chuông Thần Quang Tự (Chùa Keo tại Giao Thủy)

Lại có phen Thái Tử nhà Tống bên Tàu bị bạo bệnh, thỉnh Sư sang chữa. Sau khi Thái Tử bình phục, nhà vua nghĩ ban thưởng; Sư chỉ xin một tay nải đồng, liền được chuẩn y. Nào ngờ Sư dùng phép thần thông gom cả kho đồng của Tàu vào đầy tay nải đem về nước;

đúc nên ‘‘tứ đại khí’’. Bốn báu vật thờ phụng đó là :Tháp Bảo Thiên, Tượng Phật Quỳnh Lâm, Đỉnh Phổ Minh và chuông Phả Lại. Từ đấy, những làng có nghề đúc đồng ở xứ ta đều thờ Sư làm Ông Tổ.

Thiên Sư Không Lộ mất đi có để lại bài thơ Ngự Nhân và bài kệ nổi tiếng Ngôn Hoài.

Bình giải bài kệ NGÔN HOÀI

Bài Ngôn Hoài của Thiên Sư Không Lộ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt,

3. Theo Sách Không lộ Thiên sư Ký Ngũ Lục, Nước sông Hồng xói mòn dần nền chùa. Năm 1611 một trận lũ lụt lớn đã cuốn trôi cả làng mạc lẫn ngôi chùa. Dân làng Keo phải rời bỏ quê cha đất tổ ra đi - Một nửa đời về đông nam hữu ngạn sông Hồng, sau dựng nên



chùa Keo Hành Thiện Nam Định.

-Một nửa vượt sông đến định cư ở phía đông bắc tả ngạn sông Hồng, sau dựng nên chùa Keo Thái Bình (Đúng theo kiểu mẫu Chùa Keo Nam Định, nhưng to và đẹp hơn), và được giới thiệu là một bài *kệ*. Vậy trước hết chúng ta tìm hiểu từ *kệ* ở đây có nghĩa gì?

Từ *kệ* trong nhà Phật thường đi liền với từ *kinh* (*kinh kệ*) để chỉ một đoạn văn vần ngắn gọn nói lên yếu nghĩa của một bài kinh, hay yếu nghĩa của một bài *pháp hệ truyền thừa*, hay một bài tự xuất pháp để khai sinh một dòng thiền mới, với mục đích truyền pháp và định hướng lộ trình tu hành cho các đệ tử trước khi đại sư viên tịch (*kệ truyền thừa pháp hệ*). Ngoài ra còn có *kệ* dùng để đặt *pháp danh*, *pháp tự* cho các thế hệ đệ tử, sau cứ theo thứ tự đó mà thi hành (*truyền pháp tự kệ*) ... Hay các bài thơ ngắn tả niềm hoan lạc trong kinh nghiệm tâm linh của các bậc thiền sư, như bài **Ngôn Hoài của Thiền Sư Không Lộ** là một **bài kệ**, biểu lộ sự cảm khái, hưng phấn của Tác giả sau bao năm trì trí tu tập thiền định, rồi tới một sát na thời gian nào đó bỗng ngộ đạo.

Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu chi tiết bài kệ Ngôn Hoài.

Như chúng ta đã biết họ Dương qua bài thơ Ngư Nhân, lúc còn sống tại gia và đang hành nghề chài lưới, tác giả đã có lối sống thật giản dị, an lạc tự tại, mang đầy phong vị thiền. Theo Thiền Uyển Tập Anh (soạn đời Trần, thế kỷ

14) Khoảng niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh (1059—1065) đời Lý Thánh Tông, Sư “theo đạo hữu Giác Hải “vân du cõi ngoài” (đi học pháp thuật chẳng ?). Sau Sư quyết định dứt hết mọi điều ham muốn viển vông, trở về quê nhà tự dựng chùa, một lòng chuyên chú tu tập thiền định cho kỳ tới đạt đạo.

Để thực hiện đại nguyện, trong thời gian này Sư đã sửa soạn cho mình những gì?

2 câu đầu :

Trạch đắc long xà địa khả cư
Dĩ tình chung nhật lạc vô dư.
(*Kén đất rắn rồng an trú thân*
Tình quê, sớm tối thỏa thuê lòng.)

Từ “*trạch*” có nghĩa là tìm kiếm, chọn lựa công phu. Vậy cả câu 1 diễn ý, Sư tỏ ra rất hài lòng đắc ý vì tự mình đã kiếm tìm được, đã kén chọn được (trạch đắc) đất *rắn rồng* (“*long xà địa*”) để có thể yên thân cư ngụ (địa khả cư) mà tu hành.

Thế nên, “*long xà địa*” ở đây không có ý giới thiệu mảnh đất có cảnh trí đồi núi như rồng rắn uốn lượn nên thơ, bao quanh khu nhà ; bởi một khi cái tâm còn ưa thích, kén chọn nơi có phong cảnh hữu tình nên thơ để vui sống, thì việc tu hành đâu có dễ hết tâm, mong gì đến chuyện đạt đạo?! Đồng thời “*long xà địa*” cũng không liên quan tới chuyện phong thủy, bởi các vị rành chuyện phong thủy cho biết, sách về phong thủy chỉ có thể đất “*tả thanh long, hữu bạch hổ*”, chứ làm gì có thể đất “*Long xà địa*”? Và đối với

nhà Phật, vấn đề phong thủy cũng chỉ là ngoại duyên, ảnh hưởng không đáng kể đến việc tu hành.

Vậy phải hiểu thế nào về mấy chữ ‘*long xà địa*’ (đất rắn rồng) ở đây?

Theo bài viết của Hồ Đức Thọ, chủ tịch của Trần Mỹ Giống (đã được nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa Lã Đăng Bật, Hội viên Hội Văn Nghệ Ninh Bình góp ý và cung cấp tư liệu) thì : “Thực ra trong 92 thuật ngữ phong thủy, không có thuật ngữ nào là *long xà địa*”. Trong khi Kinh Dịch có câu “*Long xà chi chấp, dĩ tồn thân dã*” (Rồng rắn mà ẩn nấp là cốt để giữ mình vậy). Hán Thư cũng có chép “*Quân tử đắc thời tắc đại hành, bất đắc thời tắc long xà*” (người quân tử gặp thời thì làm việc lớn, không gặp thời thì ở ẩn). Thế nên hình ảnh ‘*long xà địa*’ trong” Ngôn Hoài” đã thể hiện người quân tử (- tác giả) mang chí lớn, nhưng chưa gặp thời nên “rồng hóa rắn” còn phải ẩn mình chờ thời.”

Hai di trú (kế hoạch) để lại trong Kinh Dịch và Hán Thư xưa quả rất phù hợp với hoàn cảnh của Sư Không Lộ trong giai đoạn này. Vậy Sư đã ẩn mình nơi đâu?

Xin thưa, chữ dã 野 ở đầu câu thứ hai có nghĩa là đồng nội (Hán Việt Từ Điển, Đào Duy Anh), đã cho ta biết ngay giải đáp:

Dã tình chung nhật lạc vô dư.

Chỉ có chốn đồng quê thôn dã, nơi vắng vẻ yên ắng mới thích hợp cho

người tu thiền ? Chính tại chốn này đây Sư đã tìm được mảnh đất lý tưởng làm nơi ẩn tu, tĩnh tu cho mình. Thế nên từ đó suốt ngày hết sớm tới tối (chung nhật) trong lòng Sư lúc nào cũng cảm thấy chan hòa niềm vui, cái vui thật sự an lạc; có thể nói không có vui nào vui hơn (lạc vô dư).

(Pháp môn tu thiền và đạo Phật luôn hướng con người đến con đường an lạc. Ngày nay chính những nhà khoa học cũng đã công nhận, những người tu thiền, tu Phật, lòng luôn được an vui là có thật.)

Truyền thuyết còn cho hay, con đường tu hành của Sư cũng lắm gian nan. Nhưng Sư không vướng mắc những chuyện vật chất thường tình, sống đời giản dị, ăn cây mặc cỏ thế nào xong thôi; chỉ chủ yếu chuyên lo thiền định.

Đọc bài kệ của Sư thì rõ, tâm Sư lúc nào cũng an lạc, toát ra một niềm tự tin ở nỗ lực tu trì, phấn đấu với chính bản thân, tất sẽ có ngày đạt tới kinh nghiệm tỉnh giác?

Hai câu cuối:

Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư.
(Hứng lên đỉnh núi cao vọi vọi
Hú một tiếng dài, lạnh cõi không.)

Vậy là Sư Không Lộ đã phải trải qua nhiều năm dài tu tập, phải có sự tiệt tiến trong tinh thần để chuẩn bị cho giây phút cuối cùng là sự giác ngộ.

Thế rồi vào một sát na thời gian nào đó (*Hữu thì*) Sư đang nhiếp tâm thiền định, bỗng cảm nhận được như có một

thần lực thúc đẩy, khiến Sư chạy thẳng lên đỉnh núi cao (*trực thượng cô phong đỉnh*), hú lên một tiếng to, vang xa và kéo dài (*trường khiếu*) làm lạnh cả cõi hư không, cả đất trời (*hàn thái hư*).

Nói rõ hơn, Sư nhờ chuyên tu thiền định, khi đạo lực của Sư đã được tích tụ, hàm chứa đầy đủ rồi, thì tiếng hú to vang xa và kéo dài của Sư bật ra lúc đó là biểu hiện cho sự bùng nổ của tuệ giác. Đây chính là sự giác ngộ. Trong Thiền tông, sự giác ngộ này được gọi là trí tuệ.

Trong bài kệ Ngôn Hoài, Thiền Sư Không Lộ đã sử dụng hình tượng đỉnh núi cao đơn độc để biểu hiện cho sự giác ngộ tuyệt đối, rốt ráo của ngài. Và sự kiện Thiền Sư đột ngột vụt chạy lên núi và chỉ một thoáng đã tới đỉnh núi, để diễn tả sự hốt ngộ của Thiền Sư đã diễn ra trong một khoảnh khắc thời gian thật ngắn ngủi, tưởng như một chuyện bất ngờ!

Còn tiếng hú dài và to của Thiền Sư từ đỉnh núi cao vang xa làm lạnh cả cõi hư không, cả đất trời là ngụ ý nói đến giây phút đột nhiên ngộ đạo của ngài, con người và trời đất lúc ấy cùng rung động, giao hòa.

Tóm lại, bài kệ Ngôn Hoài đã diễn tả, đã bộc lộ niềm hoan lạc, sự phấn khích tinh thần của tác giả Thiền Sư Không Lộ, sau bao ngày trì trí tu tập thiền định, bỗng nhiên trong

một sát na thời gian nào đó ngài đã giác ngộ đạo mầu.

Bài kệ này chứng tỏ, Thiền sư Không Lộ đã thực sự đạt đạo.

Phạm Thị Nhung (Paris)

Tài liệu tham khảo

.Thích Giải Nghiêm,Thiền Sư Minh Hải và sự khai sáng Thiền phái Chúc Thánh (Khánh Anh- Bản tin tháng 10/2010).

.Chuyên Tôn, Hiệu ứng cánh bướm trong bài thơ “Ngôn Hoài” của Thiền sư Không Lộ tại chùa Keo Hành Thiện. (Báo HànhThiện Ái Hữu Hội Âu Châu, số 65, tr.18-29)

. Hương Lan - Vương Hà, Truyền kỳ về Thiền sư Không Lộ (Giác Ngộ Online)

. Hồ Đức Thọ, Tra cứu bài thơ Ngôn Hoài trong “Thơ văn Lý Trần” (chú thích Trần Mỹ Giồng . Bài viết được Lê Đăng Bật góp ý và cung cấp tư liệu).



Chùa Keo Hành Thiện (Thần Quang Tự)
thờ Thiền Sư Không Lộ.

VŨ HỐI: NGHỆ THUẬT THƯ HỌA

Tham khảo: Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối.
NXB: EM Magazine, EMMEKONG, INC. 2007

Hải Bằng.HDB

(Phần Một)

*

Vũ Hối vốn là một giáo sư hội họa kiêm thi sĩ. Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, ông được nhà cầm quyền Hà Nội phóng thích. Ông qua Mỹ năm 1992 và hiện nay (2008) là một nhà thư pháp tầm vóc thế giới.

Bằng tác phẩm "Mộng Hòa Bình", ông chiếm giải Khôi Nguyên "Kennedy's Prize" năm 1963 với sự tham dự của 32 thư pháp gia thế giới. Ông được vinh danh về "Tính SángTạo Nghệ Thuật" trong Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới năm 1994 tại Allanta, Hoa Kỳ. Ông cũng được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền.

Tên tuổi của ông được ghi trong nhiều tự điển như cuốn tự điển Thư Đạo của Nhật Bản (2006) và trong Từ Điển Tiểu Sử Quốc Tế, Cambridge, Anh Quốc - Dictionary Of International Biography (tập XXVI) của The International Biographical Centre, Cambridge, England (1998)

Vũ Hối đã từng dùng thư họa viết câu nói nổi tiếng của TT John F. Kennedy: "Ask not what your country can do for you. Ask what you can do for your country. (1963)", dịch là: "Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn. Hãy hỏi bạn có thể làm gì cho đất nước". Ông cũng đã vẽ chân dung Đại Tướng Creighton W. Abraham (1970).

Ông là người sáng lập ra trường phái Painting in Motion (Họa Động) và Thư Pháp Họa.

*

Sơ Lược Tiểu Sử và Thành Tích của Nhà Thư Họa Vũ Hối

Vũ Hối sinh ngày 22 tháng 11 năm 1932 (Nhâm Thân) tại Tam Kỳ, Quảng Nam.

Ông là họa sĩ, nhà nhiếp ảnh, và cũng là nhà thơ mang bút hiệu là Hồng Khôi.

Ông nguyên là giáo sư hội họa Trường Trung Học Thủ Đức (Hậu Giang).

Ông là Hội Trưởng Thi Văn Đoàn Cao Nguyên; hội viên Trung Tâm Văn Bút Việt Nam và Hội Nhà Văn Việt Nam.

Sau năm 1975, ông bị Cộng Sản Hà Nội bắt giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và nhà tù Chí Hòa cùng với thi sĩ Vũ Hoàng Chương; rồi bị chuyển đi nhiều trại giam khác.

Ông bị tra tấn hỏng mất một mắt và khi được thả ra thì một chân bị liệt.

Nhờ quốc tế can thiệp, năm 1989 Vũ Hối được Cộng Sản Hà Nội phóng thích.

Gia đình ông cuối cùng đến được Hoa Kỳ năm 1992.

Hiện nay (2008), toàn bộ đại gia đình con cháu 16 người sống chung dưới cùng một mái nhà tại thành phố Laurel, Maryland.

Ông đoạt Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế tại Hoa Kỳ, 1963, với sự tham dự của 32 quốc gia, qua tác phẩm "Mộng Hòa Bình" vẽ hình 3 con chim bồ câu trắng và cô gái có bộ mắt đen mở rộng đầy diễn tả về ước mơ Hòa Bình.

Ông vẽ chân dung của TT. Kennedy và Đại Tướng Creighton W. Abraham.

Triển lãm tác phẩm tại Hoa Kỳ, Pháp, Ý, Anh, Đại Hàn, Phi, và Đức.

Ông được Trung Tâm Vô Tuyến Truyền Hình Columbia mời nói chuyện về Hội Hoa và Thi Ca năm 1963.

Ông được nêu tên tuổi trong: Văn Học Tự Điển, Việt Nam Cộng Hòa; Về Vang Dân Tộc II; Tự Điển Danh Nhân Thế Giới ân hành tại Anh năm 1998; 5000 Personalities of the World của American Biographical Institute 2000; Tuyển Tập L'Art d'Écriture, Paris, 1993; Tuyển Tập Thư Đạo của Nhật Bản, 2006.

Được vinh danh về "Tính Sáng Tạo trong Nghệ Thuật" tại Atlanta, 5/11/1994.

Được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền trong Nghị Quyết 322.

Tác phẩm đã xuất bản:

- Mùa Giao Cầm (Thơ, 1958)
 - Văn Thơ Màu Trắng (Thơ, 1959)
 - Những Dấu Chân Đi (truyện ngắn, 1960 và 1963)
 - Chiêm Bao Trở Giấc (Thơ, 1997)
 - Nghìn Thương Đất Mẹ (Thơ và Thư Hoa, 1999)
 - Thơ Nhạc Trong Tranh (CD, 2000)
 - Chiêm Bao Trở Giấc (CD Thơ, 2003)
 - Mây Ngàn (Thơ & Thư Hoa, Norway 2004)
 - Nghệ Thuật Thư Hoa, 2007
- Sẽ xuất bản:
- Tác Phẩm và Tác Giả

*

Thư Pháp và Khoa Thư Hoa là Gì

Thư là chữ viết; pháp là phương pháp hay nghệ thuật. Theo định nghĩa hiện hành thì thư pháp (calligraphy) là nghệ thuật tạo hình cho các dấu một cách khéo léo, hòa điệu, và có diễn tả (calligraphy is the art of giving forms to signs in an expressive, harmonious and skillful manner).

Thư pháp được ghi nhận là đã xuất hiện khoảng 3500 năm trước Công Nguyên và

nghệ thuật viết chữ đẹp này đã được dùng viết Thánh Kinh, Kinh Phật, Kinh Koran , và các thiệp mời, v.v.

Nhìn chung, nhân loại ở đâu có chữ viết và có những người có hoa tay thì ở đó có nghệ thuật viết chữ đẹp. Thứ chữ nào cũng có thể viết cho đẹp. Nhưng viết cho có hồn thì phải tùy năng khiếu mỗi con người. Khoảng năm 1500 Trước Tây Lịch, người Trung Hoa đã biết thưởng thức nghệ thuật thư pháp. Nổi tiếng nhất về thư pháp cổ điển Trung Quốc là Vương Hy Chi.

Bản về "Hoa tay", nhà biên khảo BS. Lê Văn Lân (Texas) viết trong Nghệ Thuật Thư Hoa, tr. 11 như sau:

Các cụ Việt Nam mình ngày xưa hay dùng chữ "Hoa tay" để chỉ một người có thiên tài phú bẩm về cách xử dụng bàn tay để vẽ, để viết chữ, để nắn tượng, hay làm bất kỳ việc thủ công nào. Nếu hiểu như vậy thì Vũ Hồi rõ ràng là một người có "Hoa tay" và bút vẽ của Vũ Hồi là một thứ Bút Hoa.



Từ trái: Phan Khâm – Vũ Hồi – Đinh Ngô - Nguyễn N. Oánh, Bạch Cúc NTN - Hải BằngHDB - Ngọc Dung - Phạm V. Tuấn - Bạch Mai

Điều đáng nói hơn cả là cái "Hoa tay" này được cộng thêm với một con mắt nghệ thuật cộng với một trái tim yêu quê hương, và một trí tuệ mẫn cảm về Chân, Thiện, Mỹ. Nói ra quý vị đừng cười, tôi đã hỏi Vũ

Hồi xòe hai bàn tay ra để chính mắt tôi xem xét thì tôi đã đếm đủ 10 cái hoa văn ... từng lần chỉ tay hình tròn ốc trên 10 đầu ngón tay của anh ... Hoa tay đã hiện ra tướng của anh đó.

*

Nói về nhà thư pháp danh tiếng xưa kia của Trung Quốc, tác giả Đào Đức Chương viết trong Nghệ Thuật Thư Hoa [tr. 39] như sau:

Xưa có Vương Hy Chi (303- 361), người thời Đông Tấn, nổi tiếng viết chữ Hán theo lối Hành đẹp nhất nước Trung Hoa... Ngày 3 tháng 3 năm 353, Vương Hy Chi (Wang Xi Zhi) cùng Tạ An (Xie An, Tôn Xước, nhóm 10 người tụ tập ở Lan Đình làm thơ ngâm vịnh, gom thành Lan Đình Tập. Bài tập thơ này do Vương Hy Chi viết, gồm 28 hàng, 324 chữ, người đời gọi là Lan Đình Tự. Nguyên bản thiếp Lan Đình là báu vật của Trung Hoa được vua Đường Thái Tông (627- 649) đưa vào nội phủ. Khi Thái Tông mất, nguyên bản cũng mất.

Người Á Rập cũng nổi tiếng về lịch sử thư pháp. Tuy nhiên, các thứ chữ vốn có hình tượng sẵn như chữ Tàu, Nhật, Việt là những loại chữ rất thích hợp cho thư pháp, nghĩa là, những loại chữ đó có nhiều yếu tố giúp làm tăng vẻ đẹp nhờ những dấu giọng hay những đường nét xoắn hoặc ngang.

Nước ta thời trước, những nhân vật nổi tiếng viết chữ đẹp có Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du. Những nhân vật này viết thư pháp bằng chữ Nho hay chữ Nôm.

Vào đầu thế kỷ thứ 20, nhà thư pháp tiên phong viết chữ quốc ngữ phải kể là thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác. Ông là người đầu tiên múa ngọn bút lông viết những câu thơ, câu đối bằng chữ quốc ngữ làm cho bừng sáng những tia hy vọng đặt vào tương chữ Việt mới thuở sơ khai khi đất nước chuyển mình đoạn tuyệt với loại chữ Nho hay chữ Nôm cổ điển.

Thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác sinh ngày 16 tháng Hai năm 1906, người làng Mỹ Đức, Hà Tiên. Ông mất ngày 25 tháng 3 năm 1969 ngay tại Đại Học Văn Khoa Saigon đang lúc giảng dạy. Tiên tổ cả ông làm kỳ lục cho Mạc Cửu di cư từ Lôi Châu (Quảng Đông) sang VN khoảng 1671. Phu nhân của Đông Hồ là Mộng Tuyết nữ sĩ dòng họ Thái, họ của mẹ Mạc Cửu.

Ông tự cố gắng học để vươn lên và rất yêu quốc văn, đặc biệt là yêu chữ quốc ngữ. Ông mở Trí Đức Học Xá dạy chữ quốc ngữ tại Hà Tiên năm 1926, làm thơ đăng trong Tạp Chí Nam Phong, Trung Bắc Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Kỳ Lân Báo; xuất bản tập Lĩnh Phụng Tập Lệ Ký (1928), Thơ Đông Hồ (1932), Cô Gái Xuân (Thơ, 1935), Hoài Cảm (1933), Thăm Đào Phú Quốc (1927), Trình Trăng (tuyển thơ, 1961) ...

Ở Việt Nam hiện nay có xuất hiện nhiều nhà thư pháp tài tử như Kiều Văn Tiến (tác giả cuốn Sự Kỳ Diệu của Chữ Viết Việt Nam Hiện Đại), Lê Vũ, Tâm Trự, Trữ Vũ, Tuấn Hải, Văn Long, v.v. Nhà thư pháp Kiều Văn Tiến cho biết một nét về khoa thư pháp tại VN như sau:

Chưa có một tiêu chuẩn nào, một luật định nào để "khẩu phục, tâm phục" giữa các nhà thư pháp với nhau.

Kiến thức còn hạn chế hoặc có thành kiến trong việc thưởng thức tác phẩm nghệ thuật, các kiểu chữ viết, - giữa một bộ phận quần chúng với các tác giả thư pháp. [coi Sự Kỳ Diệu của Chữ Viết Việt Nam Hiện Đại, tr. 62]

Thư pháp Việt Nam hiện phần lớn hãy còn lệ thuộc vào tuồng chữ Hán. Các hoạt động thư pháp mới chỉ mở ra được dưới hình thức các câu lạc bộ, chưa có tiếng tăm gì với thế giới.

Các câu lạc bộ thư pháp ở Việt Nam nhìn nhận Đông Hồ là người đầu tiên dùng

thư pháp để viết chữ quốc ngữ và chọn ngày 16 tháng 2 là Ngày Truyền Thống Thư Pháp Chữ Quốc Ngữ.

Và, đây là mấy vần thơ tình cảm của nhà thơ Đông Hồ:

Mua Áo

Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi

Em đâu còn mặc để đi chơi?

Bán thơ nhân dịp anh ra chợ

Đành gởi anh mua chiếc mới thôi

Trình Trăng

Mơn mơn dòng thơm lá cỏ thơm

Hồn đêm chưa có dấu sương mòn

Ao tràn mưa ngọt, bờ hoang dại

Bèo nở xinh xinh, cánh nhỏ tròn

*

Riêng với nhà thư pháp Vũ Hối, ông đã dùng những kỹ thuật hội họa để viết chữ Việt sao cho người ngắm có cảm tưởng đó là một bức họa lý thú và vì vậy ông đã đặt tên cho phương pháp viết đó là Thư Họa, phỏng dịch sang tiếng Anh là Calligraphy by Painting.

Trả lời cho câu hỏi: "Kỹ thuật viết thư họa như thế nào?", nhà thư họa Vũ Hối cho biết:

Thật ra gọi là thư pháp. Gọi là thư họa do tôi là họa sĩ. Thư là thư pháp, họa là đưa hội họa vào thư pháp. Có thể gọi là một bức tranh thơ. Nói thật ra tôi rất dốt chữ Nho. Nét chữ của tôi không phải là nét chữ Nho. Có trường dạy viết thư pháp nhưng tôi không chịu nổi đó. Việt Nam mình có chữ quốc ngữ riêng, tôi thấy rằng tại sao mình lại không dùng chữ Việt?

Tôi không muốn ảnh hưởng chữ của nước nào hết. Việt Nam phải dùng chữ Việt Nam. Tôi không bắt chước ai, tôi không muốn lai căng. Tôi là người sáng tạo thư họa. Từ năm 1986, lúc còn ở tù, sau giờ lao động, tôi lấy than trong nhà bếp hí hoáy viết những câu ca dao trên thềm cho khuây khỏa qua ngày đoạn tháng [coi Nghệ Thuật Thư Họa, tr. 73].

Bàn về thư pháp hay thư họa, cũng cần phải nói về các dụng cụ căn bản để người nghệ sĩ múa tay bởi vì dụng cụ là thành phần thiết yếu của bất cứ một bộ môn nghệ thuật nào. Bạn đánh quần vợt giỏi ư? Nếu không có cái vợt vừa tay, ăn ý, thì bạn cũng khó lòng tạo được thành tích vượt bậc. Đời Tam Quốc, Quan Vân Trường không có thanh long đao vừa tay và không có ngựa Xích Thố chạy ngàn dặm thì làm sao có thể "vượt năm ải, trăm sáu tướng?"

Dụng cụ dùng trong Thư Pháp: Tứ Bảo Quá trình sáng chế ra loại bút viết chữ Nho như thế nào?

Người ta thường nói: "Nghề chơi cũng lắm công phu" nên trong thư pháp cũng phải có những dụng cụ nhất định để viết chữ và được mệnh danh là "văn phòng tứ bảo", đó là: giấy, bút, mực, và nghiên.

Giấy: có nhiều loại: giấy gòn, giấy báo, giấy A 4, A 3, giấy dó, xuyên chỉ, hồng điều, hoa tiên, vải, và lụa.

Bút: có bút lông Trung Quốc, Hàn Quốc đủ cỡ. Đầu bút tròn, dài, nhọn, và có tính đàn hồi, là bút tốt. Bút viết xong nên ngâm và rửa sạch, lông vuốt cho thẳng ra.

Mực: thỏi mực Tàu hình chữ nhật, hay tròn, dài, để mài trên nghiên. Dùng mực nước chứa trong chai nhựa cũng tiện. Mực đậm có mùi thơm là mực tốt.

Nghiên: thường làm bằng đá. Khi mài mực, nên thêm nước. Nước mực chứa trong ly hay lọ có nắp đậy.

Khi làm việc - viết chữ - các dụng cụ để bên tay phải. Trước khi viết, nên rửa bút cho thật sạch và vuốt đầu bút cho ráo nước.

*

Nhà biên khảo BS. Lê Văn Lân viết trong Nghệ Thuật Thư Họa (tr. 11) của Vũ Hối như sau:

Từ lâu, tôi vẫn hâm mộ và ao ước có dịp gặp anh, và cơ duyên đã làm cho niềm mơ ước của tôi được thỏa mãn. Cách đây hai năm, tôi đã đến thăm xưởng vẽ của Vũ Hồi và được anh dùng phương pháp Thư họa để viết cho tôi một câu thơ ... trước sự yên lặng ngẫm nghĩ của tôi. Cảm tưởng của tôi được cô đọng trong câu lục bát sau:

*Bấy lâu ước thỏa phút dài
Lặng yên ngắm bút nhả dài nở hoa ...*

Ngày xưa loại bút tre loại cứng để viết loại chữ Triện có thể vạch những đường đủ hình thể: tròn, hình thuẫn, ngoằn ngoèo nhưng chiều dày của những nét đều bằng nhau. Về sau, ông Trình Mạo sáng chế loại bút bằng gỗ mềm, nhưng ngòi bút lại đập thành có xơ chấm vào mực xạ, viết trên mặt giấy lụa. Do đó những hình tròn trở nên vuông, những đường cong trở nên gãy khúc.

Rồi đến ông Tướng Mông Điền, trong khi xuất chinh đánh giặc Hung Nô ở Miền Bắc đã sáng chế ra bút lông, mực và giấy. Ngòi bút lông của Mông Điền đã biến chuyển hẳn lối viết văn tự của Trung Hoa vì ngòi bút lông chỉ có thể vạch xuôi theo chiều của những sợi lông chứ không đi ngược lại vì sẽ làm xóc tóc sợi lông ra. Và lại, giấy hút mực nên có những nét dày, nét mỏng, uốn lượn, sổ xuống, đá lên, hoặc tò ra như lưỡi mác, hoặc đi vuốt như những lá tre, hoặc nằm tụ lại thành một điểm. Ngòi bút nhẩy múa, những nét liên lạc với nhau tạo thành những loại chữ gọi là Liên Bút Tự; hoặc cứ ném mình phẳng phẳng trên mặt giấy tạo thành những nét Thảo Tự.

Trong lối thư họa của Vũ Hồi, ông đã tận dụng ngòi bút lông để viết những chữ đương nhiên là khác hẳn với viết bằng ngòi bút kim loại. Do sự uốn chuyển của ngòi bút lông, phối hợp với con mắt của người

họa sĩ yêu đường nét và bút pháp Á Đông, Vũ Hồi đã tạo ra nhiều tự thể: nào là Thủy Tự, Hỏa Tự, Trúc Tự, Vân Tự ... tùy theo nội dung của câu thơ hay câu nói diễn tả trên mặt giấy.

Thư pháp của Trung Hoa đương nhiên là áp dụng vào những chữ Hán ... còn Thư Họa của Vũ Hồi lại chuyển sang áp dụng vào chữ quốc ngữ Việt Nam nên đường lối trình bày, bố cục đương nhiên là khác biệt. [tr. 13]

Ngày trước, các nhà thư pháp đã nghĩ ra các dạng chữ căn bản để viết cho thích hợp với yêu cầu của hoàn cảnh. Ngày nay, các dạng này vẫn còn được sử dụng và càng ngày càng được cải tiến và mỗi nhà thư pháp có một lối riêng để trình bày.

Các Thể Thư hay Các Dạng Chữ trong Thư Pháp

Các thể thư hay dạng chữ (fonts) căn bản hiện thông dụng trong thư pháp là: Chân, Hành, Thảo, Triện, Họa. Mỗi nhà thư pháp tự chọn lấy một hay nhiều dạng kể trên để viết tùy theo sở thích. Các nhà thư pháp lành nghề có thể sáng chế thêm thể thư mới theo cảm hứng của họ.

Chân thư: là dạng chữ có tính chân phương, đơn điệu, dành cho những người mới học viết thư pháp. Đó là những dạng chữ viết đứng, dễ đọc, dễ viết, nhưng cũng rất được nhiều người chuộng vì nét sáng sủa, chữ dễ nhận ra, và bình dị.

Hành thư: là loại chữ viết liên lạc như có vẻ đang di chuyển, thích hợp với những tình ý linh hoạt, yêu đời, vững tin.

Thảo thư: đây là loại chữ viết tháu, viết thảo, viết nháp, thường khó nhận ra chữ ngay mà phải ngẫm nghĩ.

Triện thư: là dạng chữ viết dùng cho các loại con dấu (triện). Thường chữ viết được đóng khung trong một ô vuông, tròn, hay chữ nhật.

Họa thư: là dạng chữ mở rộng với các kỹ thuật của khoa hội họa, thường được dùng trong các bức tranh hay bức họa. Chẳng hạn, trong bộ Sưu Tập Thi-Thư-Ảnh-Họa có bức tranh vẽ cảnh mùa thu với những bông hoa kết tụ thành hình chữ S (hình nước Việt Nam) của Vũ Hối, nhà thư họa Vũ Hối đã viết hai câu khiến cho bức tranh tăng thêm giá trị:

*Gom lá phong vàng, thu xứ lạ
Kết vòng chữ S, nhớ quê hương*

Ngoài những dạng chữ, thư pháp và thư họa đòi hỏi phải có kỹ thuật tạo những đường nét đẹp.

Kỹ Thuật Tạo Đường Nét Đẹp trong Thư Pháp và Thư Họa (tr. 39)

Nhìn những tuồng chữ đẹp, người ta đã xuýt xoa, nhưng thứ chữ đó chưa thể gọi là thư pháp. Nhà thư pháp cần phải học và sáng tạo ra những lối viết thể nào để diễn tả hơn và lời cuốn hơn đối với cảm quan của người ngắm.

Đại cương, thư pháp có mười đường nét căn bản có tên là: “Dương, Úc, Đốn, Tỏa, Trì, Hoàn, Tốc, Khẩn, Trọng, và Khinh” mà tác giả Đào Đức Chương nêu trong Nghệ Thuật Thư Họa Vũ Hối (tr. 37) như sau:

Tôi [tức Đào Đức Chương] ở tù ra, phải đi kinh tế mới ở huyện Bình Long tỉnh Sông Bé, rồi bỏ về Saigon sinh sống. ... Dịp Tết, nhà thơ Hồng Tâm, một đồng hương ở huyện Phù Mỹ đến thăm. Anh trịnh trọng đặt cuộn giấy trên bàn rồi chậm rãi trải ra. Mắt tôi hoa lên. Bức tranh thủy mặc, đường cong sông núi? Không! Vẽ hoa? Cũng không! Ô, đó là chữ viết, viết ở dạng đặc biệt. Viết như vẽ. Đúng thế! Vẽ chữ, Hán vẫn gọi là Thư Họa.

Tôi đã đọc qua vài tài liệu về thư pháp, đã xem nét Chữ Viết của Đông Hồ. Nhưng

lần này, tôi ngây ngất trước bức hoành phi này:

*Bút rung xuân động – mùa hoa nở
Hương ngát đời say – ánh nguyệt cười*

Mãi say sưa ngắm từng nét, từng chữ; hồi lâu tôi mới hỏi đến xuất xứ. Được biết Hồng Tâm làm câu đối, nhờ Vũ Hối viết, mang đến tặng tôi trong dịp đầu Xuân. Cảm xúc tốt cùng trước tác phẩm có sự đóng góp của hai người và bái phục nét bút Vũ Hối, tôi hứng khẩu câu đối:

Tứ thơ kết tụ say thần bút

Hồng, Vũ tương phùng dậy thánh nhân

Thật vậy, ngày xưa Tô Thức (1036-1101) người tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa, mới 20 tuổi đậu Tiến Sĩ, giỏi thư pháp, nổi tiếng viết chữ đẹp. Đời Tống Thần Tông (1068 – 1085), Tể Tướng Vương An Thạch làm nhiều việc táo bạo. Tô Thức (Su Shi) thuộc nhóm Cựu đảng, phản đối chính sách cải cách. Ông bị cách chức và lưu đày ra đất Hoàng Châu (nay là Hoàng Giang, Hồ Bắc), ở sườn núi phía đông nên đặt hiệu là Đông Pha Cư Sĩ. Người đời gọi là Tô Đông Pha (Su Dong Po). Sau được tha, trên đường về từ Hoàng Châu về Bắc Kinh, mỗi trạm dừng chân nghỉ đêm, dân chúng sắp hàng từ sáng sớm để đón ông và xin ông cho được thủ bút lưu niệm. Ở mỗi trạm có hàng ngàn người chờ đợi. Ông chỉ kịp viết cho mỗi người một chữ, thế mà đêm nào cũng đến khuya mới xong. ...

Đây, xưa nay người ta quan niệm Thư Pháp (calligraphy) không chỉ đơn thuần nghệ thuật mà chính là Đạo. Người Tàu nói Thư Pháp là Giả Đạo; ở Nhật gọi là Thư Đạo. Từ Đời Hán, thư pháp được liệt vào giáo khoa với lý luận bài bản, gọi là Thư Học. Ở nước ta, các chữ Hán như Thần, Phật, ... được viết đại tự, thờ ở đình, chùa, miếu. Những người viết chữ đẹp được tôn sùng như bậc thánh nhân. ...

Nhìn bài thơ anh [Vũ Hồi] viết, tôi thấy đủ 10 hình thái trong luật thơ pháp. Từ nét Dương đá lên: bút lực anh mạnh mẽ, ngang tàng. Ưc là nét nhấn xuống: sắc cạnh như một thanh gươm. Đổn là nét dề dặt: đường bút của anh không chút ngập ngừng, rụt rè. Tỏa là nét hạ xuống: nhẹ nhàng như cánh chim sà bãi đáp. Tri là nét chậm rãi: anh biểu lộ sự khoan thai. Hoàn là nét trả: điều luyện như thân rồng uốn khúc. Tốc là nhanh: anh phóng bút nhanh như lặn chớp giữa trời không. Khẩn là nét vội vã và gấp gáp: tầm bút anh không bao giờ quá đà, đuối sức. Trọng là nét nặng: anh dùng cho dấu nặng và tận cùng của nét nhấn, tựa hồ như quả tạ ngàn cân. Khinh là nét nhẹ phớt: ở cuối chữ, anh kéo dài tầm bút nhạt dần như dải tơ trời mất hút ở cuối trời xa. Tôi biết anh dùng thư lụa viết bài thơ tôi, anh vì tình tri kỷ mà cảm xúc tốt cùng:

*Hoa tiên sống núi rồng bay lượn
Dòng chữ tâm tình gửi bạn thăm*

Anh đã đạt đến độ Tâm Bút Hợp Nhất. Khoảnh khắc đó, từ ngữ thư pháp gọi là Xuất Thần. ...

Xưa có Vương Hy Chi (303- 361) người thời Đông Tấn, nổi tiếng viết chữ Hán theo lối Hành đẹp nhất nước Trung Hoa, được người đời tôn: "Thiên hạ đệ nhất hành thư". ...

Với Vũ Hồi cũng thế, trước anh có vài người đem thư pháp vào chữ Việt như Đông Hồ, Trữ Vũ. Nhưng phải đợi đến Vũ Hồi sáng lập phái Thư Họa, mới phô bày hết cái tinh hoa vào thư pháp chữ Việt.

Hiện nay có nhiều người theo lối thư họa của anh, như Song Nguyên, Phương Nam, nhưng chỉ đạt được dạng tự; còn thần tự thì không thể so sánh bằng anh được.

Mặc dầu phong trào thư pháp chữ Việt đang lên [2001], xuất hiện nhiều cây bút tài hoa như Chính Văn, Mặc Vị Nhân, Thanh Sơn, Tuấn Hải, Y Sa, mỗi người mỗi vẻ, nhưng thư họa Vũ Hồi vẫn có giá trị lịch sử như thiếp Lan Đình Tự của Trung Hoa.

*

Nhân vì Vũ Hồi vốn xuất thân từ đất Quảng Nam, nhà thơ Đào Đức chương cũng nhắc đến sự kiện Quảng Nam nổi tiếng với 5 ngọn núi được gọi là Ngũ Hành Sơn và có tên là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Quảng Nam được tin là nơi "địa linh, nhân kiệt" sản xuất nhiều nhân tài, trong đó nổi tiếng có "Ngũ Phụng Tề Phi":

Khoa Mậu Tuất (1898), niên hiệu Thành Thái Thứ 10, tỉnh Quảng Nam có 5 người đỗ Đại Khoa được phong danh hiệu: "Ngũ Phụng Tề Phi", gồm:

Phan Liệu: người xã Trùng Giang, Diên Phước, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 26 tuổi.

Phan Quang: người xã Phước Sơn, huyện Quế Sơn, đỗ đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 26 tuổi.

Phạm Tuấn: người xã Xuân Đài, huyện Diên Phước, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 47 tuổi.

Ngô Tuấn: người xã Cẩm Sa, huyện Diên Phước, đỗ Phó Bảng lúc 26 tuổi.

Dương Hiến Tiến: người xã Cẩm Lâu, huyện Diên Phước, đậu Phó Bảng lúc 33 tuổi.

Nhà thơ Đào Đức Chương kết luận: Quảng Nam đại khoa cùng lúc đến 5 người; trường phái Thư Họa nay có Vũ Hồi khởi xướng. Xin tặng anh và xứ Quảng địa linh nhân kiệt câu đối:

Ngũ Phụng đăng khoa còn vọng tiếng
Nhất danh thư họa mãi ngời tầm

*

[Xin coi tiếp phần hai đăng kỳ tới]

THÂN CƯ THÊ

Tản mạn • **Phạm Bá**

Bàn về chuyện thất nghiệp thường đưa đến hậu quả là làm buồn lòng người này mất lòng người kia, ngay cả khi bàn về những người thân thương đang lâm vào cảnh “cơm nhà của vợ”. Do đó, sở dĩ bài này được chọn tiêu đề là “Thân Cư Thê” vì người viết có chủ đích là viết về mình bị thất nghiệp nên chắc hẳn chẳng sợ ai phiền hà. Mà nếu rủi ra trong bài này có nhắc đến tên một vài nhân vật thất nghiệp thuộc loại điển hình có bằng cấp ở tỉnh nhà, thì âu đó cũng là cái duyên tiền định của những kẻ đồng hội đồng thuyền.

Có ăn lương Tòa Bạch Ốc mới biết con người ta có số thật. Hì hục làm việc quần quật cả gần nửa đời người với chủ trên cái đất Mỹ này tưởng như cứ sống lâu lên lão cho đến ngày khụm bà chè... 62, 65 tuổi gì đó. Ai ngờ đùng một cái, như chẳng có gì được báo trước, tin lay-off loan ra nhanh như vết dầu loang. Mới đầu tuần trước chủ xưởng họp hành còn nói là cứ an tâm làm việc, nào là công ty đã ký nhiều kế ước lớn, nào là công ty đang trong thời kỳ phục hồi sản xuất... thì chỉ một tuần sau đã có tin chính thức đóng cửa hãng. Thật là chó má hết chỗ nói. Trên vùng đất hứa này, quả thực cái gì cũng đều là hứa cả. Đời lại bắt đầu đen như mồm chó... Tôi có than thở với mấy người bạn đồng cảnh ngộ là mình hết thời rồi. Thánh không

cho ăn lộc nữa thì cũng đành chịu. Nhưng Thánh gì mà ác đức quá vậy... Đợi cho người ta ở vào cái tuổi già không ra già, trẻ không ra trẻ mới cho nghỉ việc. Đi xin việc thì bị chủ nhìn từ đầu đến chân rồi lịch sự bắt tay: cứ về đi hiện chưa có opening, đơn còn được lưu giữ trong sáu tháng; mà nếu về hưu luôn thì lại chưa được hưởng tiền già. Đây... cái tuổi mà các cụ thường gọi là xuân thu nhị kỳ xui xẻo là thế đó. Nhưng chưa hết đâu, ở vào cái tuổi này rủi tấy máy, cái sảy này cái ung, tí ti có thêm một bé út hay áp út gì đó thì thật là khổ nạn. Rõ là khổ đồng lại khổ tây... Cảnh “cơm nhà của vợ” thật là quá nguy hiểm. Cứ thử nghĩ mà xem, ở vào cái tuổi mà Trần Tế Xương gọi là:

*Mái tóc chòm đen chòm lốm đốm
Hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay
mà ôm con còn đỏ hỏn trong lòng:
A à ơi...
Cái cò mà mổ cái trai
Bu ơi bu lấy vợ hai cho thầy
Có lấy thì lấy vợ già
Đừng lấy vợ béo nó đánh cả thầy lẫn bu*

thì khổ ơ là khổ. Nhưng nếu nghĩ lại câu nói của các cụ ngày xưa: “một con một của ai từ”, thì cũng tự an ủi được phần nào. Chắc Thánh lại khoái cho mình ăn lộc kiểu này vì biết “thực phẩm trần gian” mình chưa ăn hết ...

Hồi tôi chưa được thất nghiệp, thỉnh thoảng gặp nhau ngoài đường ngoài chợ, Tư-Ở-Đợ vẫn thường tâm sự với tôi. Hắn nói, “Trong suốt cuộc đời của hắn cho tới ngày hôm nay, chưa có thời gian nào đẹp như thời gian thất nghiệp... Muốn ăn lúc nào thì ăn, muốn

ngủ đến bao giờ thì ngủ. Cứ đúng mỗi tuần một lần tùy phái của Toà Bạch Ốc lại mang check nạp vào chương mục của mình. Check chẳng to tát gì, nhưng cũng thừa tiền đóng gạo ăn hàng tuần. Ở nhà làm việc vặt, nấu nướng dọn dẹp thay cho vợ. Sáng đưa con đi học, trưa đến đón con về. Sống muốn chết. Đúng là tuổi thần tiên". Nghe vậy tôi đâu có tin. Chỉ ăm ừ cho qua câu chuyện. Nghĩ bụng thất nghiệp năm nhà mà bảo là sướng nhất đời thì thật là hết chỗ nói. Trong khi đó một ông bạn gia của tôi nay đã gần sáu bó cũng vừa được hăng cho nghỉ việc thì lại thở than ngược lại: "Thất nghiệp chán bỏ mẹ... phải kiếm cái gì làm chứ, cứ ngồi ở nhà cả ngày như thế này thì có nước buồn mà sinh bệnh mất...". Thế rồi hẳn ta lại cố lò mò đi xin làm cái nghề mà hầu hết bà con cô bác ở đây ăn nên làm ra vì nó. Đó là nghề "lêu"¹. "Lêu" ở đây là nghề làm móng tay, lau chùi, rửa ráy đồ nghề cho chủ tiệm...

Đây... bạn thấy không... Thất nghiệp đối với người này là một thú hưởng nhàn mà đối với người khác lại là một cảnh khổ. Nhưng nghĩ cho cùng, tôi thấy ý kiến của Tư-Ở-Đợ quả là thực tế. Đúng là tư tưởng của một triết gia. Này nhé, sáng mình chịu khó dậy sớm một chút, gần gần như lúc trước mình dậy đi làm. Nhưng coi chừng, phải nhẹ nhàng tay nhẹ chân một chút. Đừng có đụng cái này chạm cái kia là không được đâu ạ. Để làm gì, để cho cái phần-nửa-của-mình ngủ được ngon giấc. Mình ở nhà thì ăn ngủ lúc nào mà chả được. Còn người ta phải đi làm đi ăn thì mình phải có ý có tứ, biết điều một chút, nhất là

vào cái buổi gạo châu củi quế này, như nhà thơ Vĩ Xuyên đã viết:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Ôi, thương quá! Nếu biết vậy thì việc nề vợ kính vợ là đã làm một điều thiện rồi. Và lại chiều vợ mình chứ đâu có chiều vợ người đâu mà sợ.

Mấy thằng bạn tôi cũng là thầy tử vi có hạng nói cung kê của tôi năm nay vượng. Vận là "kê du viên", có nghĩa là gà nhớn nhơ dạo chơi trong vườn cũng no bụng. Thật là Thánh lại cho mình ăn lộc. Lộc của vợ, lộc của Nhà Trắng.

Ấy quên cứ nói dài dòng văn tự rồi lại quên khuấy đi mất cái chủ đề của bài viết. Này nhé, sáng dậy sớm ra ngoài bếp sửa soạn đồ ăn cho bà xã. Thay vì như trước đây bà ấy lo cho mình, nay mình lo lại. Hồ tương mà ! Thế là hòa cả làng. Lúi húi lau cửa lau nhà, xếp bát đĩa lên ngăn tủ là tới gần giờ đánh thức vợ dậy đi làm. Thôi thì ngày xưa mình đánh thức con cái mình dậy đánh răng rửa mặt, ăn sáng rồi đi học, nay mình đánh thức vợ dậy đi làm cũng là chuyện bình thường có sao đâu. Thời gian tuy có khác nhau nhưng công việc cũng tương tự có gì mà phải tự ti mặc cảm. Đứa nào cười tùm, đứa ấy là đồ bất hiểu với vợ.

Nhưng làm việc nhà có bao giờ mà hết được. Hết việc này đến việc khác. Cứ luôn chân luôn tay. Hồi cách đây mấy năm tôi có coi phim "Mr. Mom", nay chính mình lại được tuyển làm tài tử đóng vai chánh trong cuộc đời.

Cổ nhân ta có dạy: làm thân con trai mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu, vợ đặt đâu thì mình ngồi đấy.

Nghĩ lại thế mà đúng thật. Đứa nào cười tở là hỗn với tiền nhân đấy. Rồi đến khi thằng con trai đàn ông tập tễnh đi lấy vợ, muốn được êm cửa êm nhà, các cụ thương con, thường dạy bảo ngày dạy đêm:

Đàn ông rửa bát quét nhà

Đến khi vợ gọi, thưa bà em đây

Nghĩ lại thật là chí lý. Có đàn ông nào trên cái nước Mỹ này lại không biết rửa bát quét nhà, giặt rũ quần áo. Này nhé, rửa bát bằng máy, quét nhà bằng máy hút bụi, giặt quần áo cũng lại bằng máy nữa. Anh chàng nào nói không biết làm là láo khoét. Tôi cóc chịu những thứ đàn ông lười biếng vô tích sự đó.

Ngày trước lúc còn đi làm, cứ một tuần lãnh check một lần. Bốn mươi giờ làm việc, bốn mươi giờ hưởng lương. Đôi khi có thêm chút ô-tê thì kể như cũng vui cửa vui nhà. Nay lộc Thánh ban cho thì cũng cứ một tuần lãnh một lần. Mà Thánh linh thiêng thật. Thánh cho mình biết đích xác ngày giờ nào có tiền đã được đề-pô-sít thẳng vào nhà bằng của mình. Thường thì vào sáng sớm thứ sáu hàng tuần. Thời gian sáng ngày này như ngưng đọng. Cảnh vật như lắng chìm trong cái yên tĩnh của buổi bình minh khi mình ngồi vào máy vi tính check điện thư và chương mục nhà băng. Lương hàng tuần từ toà Bạch Ốc đã lù lù xuất hiện ra đó... Thánh cho người mang tiền đến thật đúng giờ đúng giấc... Thôi nhờ cái Trời thương Phật độ, những kẻ ăn hiền ở lành như mình có lẽ còn được ăn lộc dài dài đến hơn sáu tháng nữa.

Chưa hết đâu ...

Chuyện thất nghiệp trên nước Mỹ này giống như loại truyện dài nhân dân tự vẽ của mình ngày xưa...

Hai bà bạn làm cùng hãng với tôi, lớn hơn tôi vài tuổi mà tôi vẫn thường gọi là chị Hai. Sự thực thì hai chị hai đều là hai chị cả, thấy tôi cứ ì sư cụ ra chẳng chịu đi xin việc làm, mỗi lần gặp tôi lại nói ngạo: "đàn ông con trai gì mà lười bỏ mẹ đi ấy... Chẳng chịu đi làm đi ăn gì cả, cứ ở nhà ăn bám vợ con. Thật là đồn đời đồn kiếp...". Hai chị ấy nói mà không biết nghĩ, chứ sang đến cái đất Mỹ này là một chuyện đổi đời rồi. Đàn ông phải làm những công việc của đàn bà. Đàn bà phải làm những công việc của đàn ông. Nam cũng như nữ. Bình quyền mà. Các bà luôn luôn đòi hỏi được nhiều quyền ngay cả trong gia đình. Trong cái xã hội, đàn bà là phi công chiến đấu trong quân đội, là lính chữa lửa. Đàn bà leo lên cột điện cao chót vót để nối đường dây cao thế... Ôi thôi, cái thứ đàn ông mình trở thành thứ yếu trong gia đình. Trật tự gia đình, xã hội, bị đảo lộn hết. Câu nói của các cụ con cháu Chú Sam dạy rằng: "Nhất con nít, nhì vợ, ba chó mèo, bốn mới tới đàn ông" quả thực là luân thường đạo lý xứ này bị đảo lộn. Thế thì cái cảnh "con cò lận lợi bờ sông, gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ non", có gì là lạ đâu.

Sự đảo lộn này còn lên đến cái độ trái cả luật tạo hóa nữa cơ. Viết tới đây, tôi nhớ đến hồi còn trẻ ở Việt Nam người ta kể một câu chuyện về dê đực đẻ con. Thật là vô lý. Dê đực làm sao mà đẻ con được. Ấy thế mà bên Mỹ này dê đực đẻ con là chuyện bình thường có thực. Số là trong hãng tôi làm có hai con

nhỏ lấy nhau, nghĩa là một đứa làm vợ, đứa kia làm chồng. Tôi quen cả hai đứa. Đứa là chồng thì từ vóc dáng đến giọng nói, cách ăn mặc đều mang đầy nam tính. Đứa làm vợ thì ỏn ả ỏn ẻn và trước đây em đã có một đời chồng theo đúng nghĩa của nó, rồi bỏ nhau. Tôi để ý mỗi ngày đến giờ ăn cơm trưa, con vợ đều xách lunch-box ra trước chõ con chồng lên là hai người cùng ngồi ăn. Thế rồi bỗng đi một thời gian, tôi không để ý đến cặp này thì bỗng một hôm một số bạn bè của đôi uyên ương cùng hệ này mở một babyshower party cho họ. Ngạc nhiên quá, tò mò hỏi ra, tôi mới biết con chồng đang mang bầu và sắp đến ngày khai hoa nở nhụy. Ít lâu sau con chồng bế đứa con còn đỏ hỏn vào khoe bạn bè và rất lấy làm hãnh diện là mình có con. Đấy, chuyện dẽ dẹt dẽ con là như thế. Hóa ra con chồng còn tốt nái, đi cấy tinh trùng vào... để có bầu.

Trở lại công việc hàng ngày của kẻ thất nghiệp như tôi cũng còn nhiều pha gay cấn. Ngày nhè, hết việc trong nhà là tới việc ngoài vườn. Vườn thì rộng, rau ăn chẳng thấy mọc mà chỉ thấy trồng toàn cỏ dại. Đây chính là cái nôi của thú nhàn. Ngày ngày, buổi sáng thì làm cỏ dại sân trước, buổi chiều thì nhặt rác sân sau. Thú nhàn thực sự đã đến với tôi trong thời gian thất nghiệp này.

Mỗi khi nghĩ đến chữ Nhàn thì người ta thường liên tưởng đến Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát. Ở nhà thơ họ Cao, hưởng nhàn đồng nghĩa với yếm thế, chán đời, thất chí. Thú Nhàn của Cao Bá Quát là thú uống rượu để quên đời sau những thất bại chua cay, danh không thành thân không toại để rồi phải đi làm

quân sư cho Lê Duy Cự, âm mưu lật đổ triều đình nhà Nguyễn dưới triều Vua Tự Đức 1854.

*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười
Thôi công đâu mà chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chung lếu láo...
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu
Trầm tư bách kế bất như nhàn...*

(Dứt hẳn một cuộc đời chỉ có rượu. Nghỉ trăm phương ngàn kế không gì bằng Nhàn).

Ngược lại ở Nguyễn Công Trứ:

*"Kinh luân khởi tâm thượng,
Binh giáp tàng hung trung.
Vũ trụ chi gian giai phận sự,
Nam nhi đáo thử thị hào hùng".*

(Tài sắp đặt việc nước từ trong lòng mà ra. Võ khí đánh giặc chứa sẵn ở trong bụng. Trong khoảng trời đất đều là phận sự của mình, con trai đến thế mới thật là hào hùng)

Do đó, chữ Nhàn chỉ đến với Nguyễn Công Trứ sau những cơn ba, thăng trầm của kẻ sĩ đã thành danh và thành nhân:

*"Thị tại môn tiền náo,
Nguyệt lai môn hạ nhàn"*

(Chợ họp trước nhà thì huyên náo; Trăng hiện trước cửa nhà là cảnh Nhàn).

Ở đây Nguyễn Công Trứ sử dụng lối chiết tự trong chữ Hán:

chữ Thị 市 nằm trong chữ Môn 門 là chữ Náo 鬧 chữ Nguyệt 月 nằm trong chữ Môn 門 là chữ Nhàn 閒

Cả hai quan niệm Nhàn của CBQ và NCT, tôi chẳng biết phải chọn chữ Nhàn nào. Ở CBQ, kẻ này không biết uống rượu, giỏi lắm là một phần sáu six-pack thì đâu có thấy Nhàn ở chỗ nào. Ở NCT,

thiết nghĩ mình thuộc vào loại văn dốt vĩ nhất. Giặc chưa đến đã bỏ chạy như hồi 30-4-75. Nghĩ lại mà thêm xấu hổ. Cả hai cái Nhân thấy mình chẳng hợp với cái nào cả thế thì làm cái quái gì bây giờ. Thôi thì đành theo lời dạy của các cụ chúng ta ngày xưa: cơm nhà của vợ là chắc chắn tìm được cái Nhân.

Viết về mình quá nhiều mà không nói đến cái Nhân của Tư-Ở-Đợ thì quả là một thiếu sót trong bài tản mạn này.

Nói về Tư-Ở-Đợ, một hôm sau giờ hưởng nhàn tại nhà, tôi có công chuyện phải xuống VA, tạt qua Eden mua ít con chem chép để làm cơm chiều cho bà xã, tôi ghé qua nhà hăn. Từ ngoài đi vào, đã nghe văng vẳng tiếng ai ru con:

*A à ơi ...
Cái cò mà mổ cái trai
Cái trai khếp lại...
Ớ ơ... muốn nhai cái cò...*

Tôi tự hỏi: quái lạ! nghe như tiếng Tư-Ở-Đợ ru con. Mà hăn có con hồi nào nhỉ? Đến khi vào đến nhà thì quả thật Tư-Ở-Đợ đang tay bồng tay bế, kể cả con mày con tao cả thấy là năm nhót từ ba tháng đến năm tuổi. Một tay bồng ngửa thẳng nhỏ ba tháng, một tay nâng bình sữa cho nó bú hết sức là điệu nghệ, miệng ru hết bài này đến bài khác. Tôi phục hăn sát đất. Nó nháy mắt với tôi, ý nói đó là kết quả của con trai muốn nhai con cò...

Các cụ ngày xưa thường nói:

*Đàn ông không râu bất nghi
Đàn bà không vú lấy gì nuôi con*

Nói đồ xuống sông xuống biển, xin các bà các cô đọc đến đây bỏ qua cho, chứ cái thứ nữ nhi mà thiếu cái dịu dàng

ngoại cảnh ấy, đẹp như bánh dày ngày tết, ngoài cái dụ không có đủ sữa cho con bú, trông thật là thiếu thẩm mỹ, có tội lớn với trời đất. Nhưng nghĩ cho cùng thì cũng chả sao, đâu cũng vào đấy, trời sinh voi sinh cỏ mà, ngay cả khi trời bắt tội phải đeo ba lô ngược triền miên mà còn nuôi được con khôn lớn hưởng hồ là... Vì vậy câu nói của các cụ Annam ta ngày xưa e không đúng với cái xã hội Mỹ ngày nay. Do đó, chuyện dê đực dê con, hay chuyện đàn bà không có vú cho con bú phải để đàn ông cho bú thay nghĩ cũng chẳng có gì là lạ.

Nói thế thôi. Nói đi cũng phải nói lại cho huề cả làng. Chứ nếu chỉ nói về phụ nữ không thôi thì e có mùi thiên vị nên người viết cũng phải điếm qua vài nét về những đấng mày râu vốn sinh ra đã thiếu cái chân mày và cả bộ râu của nam tử, trông nó làm sao ấy... Không phải chỉ các cụ chúng ta ngày xưa mới ít von như thế mà chính Nguyễn Du, khi tả về Từ Hải, "Râu hùm hàm én mày ngài...", và tới lượt Mã Giám Sinh, Nguyễn Du tả anh chàng họ Mã này khi đến xí gạt Kiều là cưới nàng về làm thiếp nhưng thực ra họ Mã âm mưu với Tú Bà đem Kiều về nhà chứa của hăn. Xin các đấng đàn ông nhìn tận mặt tên họ Mã qua ngòi bút của Nguyễn Du:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.
Thưa, cái bất nghi là ở chỗ đó.*

Nhiều lần họp mặt anh em tại nhà hăn để thảo luận về chương trình sinh hoạt của cộng đồng trong những dịp lễ hội, cũng như khi luận bàn về văn chương này nọ, Tư-Ở-Đợ thường tâm sự

với tôi là hẩn khoái nhất là bài Chí Nam Nhi của Nguyễn Công Trứ:

Thông minh nhất nam tử

Yếu vi thiên hạ kỳ

Đã sinh ra thì phải có cái chi chi

Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu...

(Người con trai thông minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên hạ. Đừng bỏ phí một đời người ba vạn sáu ngàn ngày.)

Mà sự thực hẩn luôn luôn làm những chuyện khác người. Lúc chưa lập gia đình, hẩn chủ trương an hưởng thú điền viên trong suốt mười mấy năm trời ăn nhờ ở đậu tại nhà một người bạn. Nên từ đó có tên là Tư-Ở-Đợ. Bây giờ sau năm lần bẫy lượt được cử làm đại diện cho Toà Bạch Ốc, cuối cùng hẩn quyết định mở lớp trông con cho vợ mình và cũng cả cho vợ người, gọi là Vườn Trẻ Center mà hẩn làm Giám Đốc. Dễ sợ thật! Tổ trông thấy lớp của hẩn, không thể không nghĩ tới lớp học thừa xưa của Cao Bá Quát:

*"Nhà trống ba gian, một thầy một cô
một chó cái.*

*Học trò dầm đũa, nửa người nửa ngợm
nửa đười ươi"*

Như vậy hỏi sao không phục hẩn cho được. Tuy làm babysit trông con cho người ta nhưng hẩn cũng chọn lựa môn đồ kỹ càng lắm. Những gia đình vợ vẫn đem con tới nhờ hẩn chỉ cho vài đường giáo huấn là hẩn từ chối liền. Hẩn chỉ thu nhận vào cửa Khổng sân Trình những con cái thuộc hàng chức sắc trong cộng đồng mà thôi.

Số là trước ngày theo chân quân đội Mỹ qua đây, hẩn cũng là một tay đầu

đội trời chân đạp đất, ngạo nghễ như Từ Hải ngày nào:

Đội trời đạp đất ở đời

Họ Tư tên Đợ vốn người Việt dân

Giang hồ quen thói vấy vùng

Gươm đàn nửa gánh "phi công bà già"

Mà quả thực, hẩn chả coi thiên hạ là cái dép gì cả vì hẩn đã có một thời làm tài xế máy bay trong quân đội miền Nam trước khi rã ngũ. Hẩn đã cưỡi mây về gió trên đầu cả nước. Hẩn có ngán ại đâu. Bây giờ như cánh chim bằng gầy cánh, hẩn đã an vui dưới mái ấm gia đình với một vợ và hai nhóc tì cùng ba đứa học trò vất mũi chưa sạch.

Tiến tới ra cửa, hẩn xiết chặt tay tôi, như bùi ngùi nhắc lại câu nói lịch sử của Ngô Thời Nhiệm:

Thế chiến quốc, thế Xuân Thu

Gặp thời thế, thế thời phải thế ²

Phải, tôi hiểu hẩn nhiều hơn ai hết...

Bàn về số kiếp cầm tinh bị gậy, thân cư thê hay "cơm nhà của vợ" thì có nhiều người cho rằng tất cả cũng cùng một nghĩa với "ông nhà báo". Tôi cũng nghĩ thế. Nếu cứ tiếp tục phóng bút viết về đề tài này thì có lẽ sẽ còn dài hơn truyện dài nhân dân tự vệ thừa xưa. Nhưng ai muốn hiểu sao thì hiểu. Riêng tôi và Tư-Ở-Đợ vẫn cho đây là thời gian nhàn tản nhất trên đời. Mặc cho thiên hạ cứ hùng hục như trâu kéo cày quên cả câu châm ngôn của người tây phương: "Không có ai tiêu đến đồng bạc cuối cùng rồi mới chết", tụi này cứ phải tuân theo lời dạy của người xưa:

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà

Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè

*Tháng Tư đông đậu nấu chè
Ăn tết Đoàn Ngộ, trở về tháng Năm...*

Bắt buộc là phải như thế... Trước để tạ ơn tiền nhân đã sớm vạch cho mình một lối sống an nhàn ngày nọ qua tháng kia, sau nữa cũng là lối sống làm gương cho con cháu sau này, là phải cố giữ cái phong tục tập quán của ông cha để lại. Như cây có cội, như nước có nguồn, như chim có tổ, như người có tông là như thế đó.

Hơn thế nữa, mình hiện nay là công dân một nước dân chủ nhất thế giới, đừng để chính mình vi phạm nhân quyền của mình. Do đó, tôi và Tư-Ở-Đợ, vì quyền làm dân ông, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, xiết chặt đội ngũ, ngửa mặt lên trời hô to: "Quyền hưởng nhân của mọi người phải được tôn trọng".

Phạm Bá. North Potomac, MD

(1) "Lê" phát âm ngọng của chữ Nail.
(2). Ngô Thời Nhiệm và Đặng Trần Thường đều là những danh sĩ Bắc Hà thời Nhà Lê. Ngô Thời Nhiệm ra làm quan phò nhà Tây Sơn Quang Trung Nguyễn Huệ. Văn võ song toàn làm đến chức Binh Bộ Thượng Thư nhưng chuyên về ngoại giao với Tàu nhiều hơn.

Đặng Trần Thường, một hôm khúm núm đến gặp Ngô Thời Nhiệm nhờ xin được tiến cử lên vua QT. Ngô Thời Nhiệm nhận thấy Đặng Trần Thường thiếu tác phong của một kẻ sĩ, liền quát lên:

*"Ở đây cần người vừa có tài vừa có
hạnh giúp vua cai trị nước, còn nếu vào
luồn ra cúi thì hãy đi nơi khác"*

Đặng Trần Thường cúi gầm mặt lùi thúi ra về, khăn gói quả mướp lên đường vào Nam phò nhà Nguyễn mang theo nỗi tủi hận. Sau này Nhà Nguyễn đánh tan quân Tây Sơn, bắt giam các quan văn quan võ, trong số này có Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích... mang về Văn Miếu Hà Nội trị tội phạt đánh roi. Nhưng cái vòng lẩn quẩn loanh quanh lại tái diễn: người chủ trì buổi đánh roi đó lại chính là Binh Bộ Thượng Thư Đặng Trần Thường.

Thấy Ngô Thời Nhiệm hiên ngang nhìn mình, Đặng Trần Thường liền ra câu đối:

*"Ai công hầu ai khanh tướng
Trên trần ai ai để biết ai"*

(Trần đây là Đặng Trần Thường)
Ngô Thời Nhiệm khí khái hất mặt lên đối lại:

*"Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu
Gặp thời thế, thế thời phải thế"*
(Thời đây là Ngô Thời Nhiệm)

Về đối của Ngô Thời Nhiệm như đổ thêm dầu vào lửa càng làm cho Đặng Trần Thường tăng phần căm giận nhớ lại chuyện ngày xưa, Đặng Trần Thường ra lệnh cho thuộc cấp đánh Ngô Thời Nhiệm bằng roi có tẩm thuốc độc. Ít lâu sau, Ngô Thời Nhiệm chết vì vết thương thấm độc. Phan Huy Ích bị đánh bằng roi thường không tẩm thuốc độc nên còn sống. Riêng Đặng Trần Thường về sau này dưới triều Vua Gia Long bị thất sủng và cuối cùng bị xử giáo.

(Tư Liệu và Nguồn Internet)

THIÊN THU RÓT MẬT

Em rót đôi môi
Rót rất lẫn lơi
Rót tràn duyên nợ
Rót ngập hồn tôi

Rót ngập hồn tôi
Rót cả trùng khơi
Rót dài vạn dặm
Rót qua đỉnh trời

Rót qua đỉnh trời
Rót vào muôn nơi
Rót tình ... điệu vơi
Rót xuống đời tôi

Rót xuống đời tôi
Rót như mưa rơi
Rót lời kinh nguyện
Chuông đổ liên hồi

Chuông đổ liên hồi
Rót quên phận người
Rót tràn nhân thế
Rót hoài không thôi

Rót hoài không thôi
Rót dừng cho vơi
Đôi bờ mộng mị
Hoa cười trên môi

Hoa cười trên môi
Rót thay nghìn lời
Rót vào vô tận
Rót nữa em ơi...

Rót nữa em ơi
Vẫn rót tuyệt vơi
Thiên thu rót mật
Môi mềm...mềm môi

PHAN KHÂM

THIÊN THU RÓT MẬT

Thơ : Phan Khâm

Nhạc : Vĩnh Điện

TANGO

Em rót đôi môi, rót rất lả lơi. Rót tràn duyên nợ, rót ngập hồn
tôi. Rót ngập hồn tôi, rót cả trùng khơi. Rót dài vạn dặm, rót qua đỉnh
trời. Rót qua đỉnh trời, rót vào muôn nơi. Rót tình diệu vợi, rót xuống đời
tôi. Rót xuống đời tôi, rót như mưa rơi. Rót lời kinh nguyện, chuông đổ liên
hồi. Chuông đổ liên hồi, rót quên phận người. Rót tràn nhân thế,
rót hoài không thôi. Rót hoài không thôi, rót dùng cho vơi.
Đôi bờ mộng mị, hoa cười trên môi. Hoa cười trên môi, rót thay nghìn
lời. Rót vào vô tận, rót nửa em ơi. Rót nửa em ơi, vẫn rót tuyệt
vời. Thiên thu rót mật, môi mềm mềm môi.

GIẤC MƠ MIẾN ĐIỆN

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Thời thập niên 1960 tạp chí Thế Giới Tự Do in trên giấy láng rất đẹp với những hình ảnh, sinh hoạt văn hóa của các nước Á Châu theo Phật Giáo như Thái Lan, Miến Điện.... nhiều chùa nguy nga tráng lệ, sư sãi mặc y vàng. Chiêm ngưỡng cảnh đẹp và ước mơ của tuổi thơ là mong lúc mình trưởng thành có tiền đi du lịch đến những địa danh, Phật tích. Thời gian đến và đi trong chiến tranh khói lửa, giấc mơ của tuổi thơ bị lãng quên. Sau biến cố lịch sử 30/4/1975, tôi vượt biên đi tìm tự do và được định cư ở nước ngoài, đi học để có nghề nghiệp, đi làm trả nợ áo cơm, lo cho hai con trưởng thành. Năm qua thực hiện giấc mơ thuở nào chúng tôi đi du lịch các quốc gia Á Châu, Từ Kulua Lumpur xin Visa đến Myanmar/ Miến Điện thăm thành phố Yangon và Mandalay. (tấm hình toàn cảnh này lấy trên Internet)

Địa lý

Myanmar / Burma/ Miến Điện tên chính thức: Cộng hòa Liên bang Myanmar ở Đông Nam Á, tây bắc bán đảo Trung-Ấn. Có 5.876 km đường biên giới với Trung Cộng (2.185 km), Ấn Độ (1.463 km), Thái Lan (1.800 km), Lào (235 km) và Bangladesh (193 km). Đường bờ biển dài

1.930 km. Diện tích 676.577 km². Dân số hơn 53 triệu người, có 99% là người Miến, người Shan và người Karen là tín đồ Phật giáo. Cả nước có khoảng 500.000 tăng ni. Đạo Phật ở Myanmar theo dòng Theravada, là Phật giáo Nguyên thủy (Phật giáo Tiểu thừa), giáo phái Nam Tông. Sự tu hành cũng giống như Phật giáo tại Thái Lan, Lào, Sri Lanka, Campuchia: các sư không ở chùa mà ở thiền viện, buổi sáng hằng ngày đi khất thực, không ăn chay và chỉ được ăn từ khi mặt trời mọc đến trước 12h trưa, sau 12h trưa đến sáng hôm sau tuyệt đối không được ăn.

Lịch sử cận đại tóm lược

Myanmar từng là một nước thuộc địa của đế quốc Anh. Tháng 1 năm 1946, ông Aung San đã diễn thuyết trong một cuộc mít tinh lớn ở chùa Vàng Schwedagon để kêu gọi nhà cầm quyền thực dân Anh phải trả độc lập cho Myanmar và đến năm 1948 được độc lập trải qua nhiều biến đổi của lịch sử thăng trầm. Ngày 26 tháng 8 năm 1988, con gái ông là bà Aung San Suu Kyi là nhà đấu tranh bất bạo động cho dân chủ Miến Điện đã diễn thuyết trong một cuộc mít tinh lớn đông tới 500 nghìn người kêu gọi dân chủ cho

Myanmar. Bà được trao giải Nobel hòa bình năm 1991... Tháng 9 năm 2007, khoảng 20 nghìn sư sãi đã xuống đường từ chùa Shwedagon để phản đối chế độ chính trị của Myanmar. Ngày 22 tháng 10 năm 2010, Myanmar tuyên bố đổi quốc hiệu thành Cộng hòa Liên bang Myanmar, thay đổi quốc kỳ và quốc ca.

Ngày 8-11-2015, hàng chục triệu người dân Myanmar đi bỏ phiếu với hy vọng vào tương lai với cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên kể từ năm 1990. Kết quả cuộc bầu cử được công bố sáng ngày 10-11-2015. Với khoảng 10.000 quan sát viên đã có mặt theo dõi tiến trình bầu cử tại Myanmar. Hơn 40.000 cảnh sát đặc nhiệm giám sát các điểm bầu cử. Chợ, nhà hàng ở Yangon đóng cửa để bảo đảm an ninh. Chiều ngày 10-11-2015, bà Aung San Suu Kyi, lãnh đạo đảng Liên đoàn Quốc gia vì dân chủ (NLD) Myanmar tuyên bố đảng của bà giành khoảng 75% trong tổng số ghế Quốc hội. Trong đó, NLD có 96 ghế, bao gồm 49 ghế hạ viện. Đảng Đoàn kết phát triển liên bang (USDP) cầm quyền chỉ có 3 ghế hạ viện. Tuy nhiên, quân đội Myanmar vẫn sẽ nắm giữ nhiều quyền lực



chính trị... Lãnh tụ dân chủ Myanmar, bà Aung San Suu Kyi, được đề cử để trở thành một thành viên trong nội các của Tổng Thống tân cử Htin Kyaw. Myanmar đã mở ra một trang sử mới trước sự ngưỡng mộ của toàn thế giới. Một đất nước muốn có tự do dân chủ và kinh tế phát triển giàu mạnh phải có đa đảng, theo thể chế CS độc tài, quân phiệt thì chỉ tập đoàn cầm quyền là giàu có còn người dân thì thêm khổ đau, nghèo đói mà thôi.



Phong tục

Y phục có tên là Longyi của người Myanmar là một loại váy cuốn quanh người, dành cho cả đàn ông và đàn bà. Đàn ông buộc miếng vải ở đằng trước bụng ngang rốn, trong khi phụ nữ gấp váy lại gấp mí ở bên hông đẹp hơn.

Phụ nữ, trẻ em trên mặt thoa những vệt trắng, thay vì dùng phấn mỹ phẩm họ sử dụng loại bột Thanakha bôi mặt để chống nắng, trang điểm, dưỡng da ngày và đêm. Thanakha là một loại cây gỗ, là đặc sản của Myanmar, người ta cắt thân cây thành các khúc và mài vào miếng đá

có thấm nước. Phần bột được mài ra này sẽ được sử dụng để bôi lên da mặt.

Ở Myanmar, già, trẻ, trai gái họ đều thích nhai trầu suốt ngày và trầu được bày bán khắp nơi. Đàn ông thích ăn trầu hơn là hút thuốc lá, trầu được gọi là Kun ja, trên khắp các nẻo đường đều có cái bàn nhỏ bán trầu. Họ gói hay tem trầu rất nhanh lá trầu có vôi còn các loại hạt cau, cau khô, hạt xoài khô thái nhỏ, thuốc lá... Ngày tết cổ truyền của người Myanmar còn gọi là Thingyan, giống như ở Thái hay Campuchia là lễ té nước vào tháng 4 hàng năm, trong 4 ngày diễn ra lễ hội các quán ăn, nhà hàng, cửa hàng đều đóng cửa. Người dân thích thú nhất là việc tát, ném nước vào nhau xua tan những xui rủi trong năm cũ và mong muốn một tương lai luôn tốt đẹp hơn. Người Myanmar họ dùng tay trái để làm vệ sinh cá nhân và tay phải để ăn bốc. Du khách nên lưu ý khi ăn hoặc trả tiền cho người khác, hãy nhớ đưa tay phải.

Dân tộc Myanmar thật sự hiền hòa, hiếu khách. Ngoài đường phố đông người qua lại hay trong chợ không sợ bị móc túi hay cướp giật, người ta cầm túi tiền đi ngoài phố bình an vô sự. Tài xế Taxi cũng thật thà xe không có đồng hồ. Từ Hotel đến Shwedagon giá 3 ngàn (1USD = 983 kyat) đồng ý thì đi, có lúc kẹt xe cả giờ họ cũng vui vẻ không đòi thêm tiền, nhờ sự thật thà đó chúng tôi luôn trả gấp đôi. Myanmar là đất Phật nên sự bác ái đã thấm nhuần vào trái tim của mỗi con người ở đây. Dù đời sống của họ còn nghèo nhưng họ có tấm lòng tốt, chân

thật, bác ái. Theo nhận xét của du khách, họ hơn người Việt Nam chúng ta nhiều.

Chùa Vàng Shwedagon

Nổi bậc nhất ở Yangon là Shwedagon (chùa vàng) chùa tháp lớn và đẹp nhất Myanmar, được hình thành từ 2500 năm trước Công nguyên và được các triều đại phong kiến Miến Điện tu bổ, mở rộng dần. Shwedagon tọa lạc trên đồi Singuttara cao 190 feet so với mực nước biển, diện tích đất của chùa 114 Arces (46 hectares), diện tích sân chùa 14 acres (6 hectares). Chùa cao 326 feet (99,36m). Từ chân đồi có bốn hướng Đông-Tây-Nam-Bắc đều có những bậc thang dài dẫn vào chùa. Du khách phải mua vé 8USD. và phải ăn mặc chỉnh tề, cởi giày, dép cả vợ chỉ được đi chân đất. Gởi giày ngoài cổng, hay bỏ vào túi mang theo, đàn bà mặc váy ngắn phải mua chiếc váy longyi dài tới gót chân. Sân chùa lát đá, cổng phía Nam chùa có đôi tượng sư tử cao tới 9m hướng ra phía trung tâm thành phố có nhiều cửa hàng bán dụng cụ thờ Phật và dụng cụ tu hành. Tại các bậc thang cuối của lối lên phía Nam có chân dung hiện thân Phật Câu Na Hàm, (Koṇāgamana Buddha).



Shwedagon để tháp bằng gạch, dát bên ngoài là những tấm vàng mỏng chia làm 3 phần (area of gold leaves) là vùng vàng mỏng (area of thinner gold leaves). Phần hình chuông của tháp là vàng nguyên chất lên tới phần trên đỉnh tháp. Tính từ đỉnh xuống, đỉnh cao 56 cms, đường kính 27 cm được gắn hạt kim cương 76 carat (15g) chung quanh với 4.351 hạt kim cương là 1.800 carat, dưới là phần cánh chim cụt (Vane) dài 130 cms rộng 76 cms nặng 419 kilo được gắn 2000 hột đá quý đủ loại, dưới là hình vương miện còn gọi là cái lọng (hti) cao 13 m, đường kính 5 m, bằng vàng nặng 500kilo; gắn 83.850 những hột hồng ngọc, bích ngọc, các loại đá quý và 4.016 cái chông vàng nặng 5 tấn. Tiếp theo hình giống như bắp chuối (banana bud) rồi những cánh sen, hoa sen luân hồi... Du khách phải dùng Telescope để xem rõ hơn. Khu vực quanh tháp chính còn nhiều tháp Phật với các sảnh cầu nguyện, tượng điêu khắc và đèn thờ. Không gian tĩnh lặng, xung quanh nhiều cây xanh, càng làm nổi bật màu vàng lộng lẫy của chùa. Đặc biệt cây bồ-đề (Bodhi tree) từ Ấn Độ thời Đức Phật ngồi thiền đã được chiết về trồng tại đây.

Trong sân chùa có 8 bức tượng mang hình dáng loài vật khác nhau và 7 bồn nước tương ứng với 7 ngày trong tuần. Là nơi những người có sinh nhật trùng vào ngày đó tới lấy nước tắm các tượng Phật. Shwedagon được lưu truyền là nơi lưu giữ 8 sợi tóc của Đức Phật. Trong khung viên rộng lớn này có 4 chùa: The Shwedagon; The Naungdawgyi Pagoda; The Htidaw Pagoda; Replica of Shwedagon Pagoda in

Gold, có 18 tượng Phật lớn khác nhau theo từng vị Phật. Hai cái chuông lớn:

-King Singu's Bell, Năm 1779, Vua Singu Min cho đúc và dâng nhà chùa một quả chuông, gọi là chuông Maha Gandha "âm thanh tuyệt diệu" nặng 25 tấn, đường kính rộng 2,13 m cao 2,01m.

-King Tharyarwady's Bell, Năm 1841 Vua Tharrawaddy sai đúc một quả chuông nặng 42 tấn bằng đồng và dát vàng (khoảng 20 kg vàng), đặt tên là chuông Maha Tissada "ba âm thanh". Chuông này treo trong lầu chuông ở phía đông bắc tòa tháp.

Vàng bao quanh tháp hay các tượng Phật là những tấm vàng dát mỏng được các thợ thủ công chế theo tiểu công nghệ, những miếng vàng nhỏ bỏ trong túi bằng da hay vải, thợ dùng búa tạ đập cho vàng bên trong thật mỏng như tờ giấy quỳn vắn thuốc lá. Các bà cất từng miếng hình vuông dán lên giấy. Tín đồ mua các tấm vàng này dâng nhà chùa để dát vào tháp hay tượng Phật. Việc dâng vàng này bắt đầu có từ thời Hoàng hậu Shin Sawbu. Shwedagon màu vàng luôn rực sáng dưới ánh nắng mặt trời, ban đêm ánh đèn làm tăng thêm vẻ đẹp huyền bí, số vàng xữ dụng ở đây có thể đến hàng mấy chục tấn. Trải qua chiến tranh và thiên tai, nhưng đến nay Shwedagon vẫn là ngôi chùa bề thế bậc nhất thế giới, là niềm kiêu hãnh của Myanmar.

Nguyễn Quý Đại

(Tham khảo tài liệu hướng dẫn du lịch)

THÁNG TƯ GHI LẠI

Tháng Tư đọc lại bài thơ cũ nét chữ bày ra nhói cả lòng, gọi thấy hùng binh vừa rã ngũ mặt trời chết lịm giữa hừng đông!

Tháng Tư cười áo buồn không nhắc, không nhắc mà sao hiển hiện hoài, hiển hiện trong lòng từng phút khắc kẻ sát bên đời chẳng nhạt phai

Tháng Tư đâu muốn quên cũng khó, cũng khó quên đi những nỗi đau, nỗi đau ray rứt trong tâm khảm nên dễ gì phai nhạt được đâu .

Tháng Tư mất tượng đài thương tiếc, bệ đá anh ngồi bỗng trống trơn, tiễn anh đời nhỏ dòng nước mắt nhỏ xuống âm thầm với núi non!

Tháng Tư chưa sáng trời đã tối, tối tăm song chắn dựng khắp nơi, vượn hò khi hát reo ngày hội, chỉ tội dân tôi khóc cạn lời

Tháng Tư nhấp nháy màu xanh đỏ người phu quét rác bỗng lầy lùnh... loa vang rang rảng rao đầu ngõ, nguội bát com voi, hạt muối vừng

Tháng Tư nhà phố dành sang chủ, đường cang tằm tối đổi thay tên, cha chài chú chớp nào ai biết, bảng dựng nghênh ngang ngáng bóng đèn

Tháng Tư sách vở ra hè phố, văn tự còn chỉ giá trị đâu, trí thức hết mùa thua cục phần, "lao động vinh quang" cuộc dẫn đầu.

Tháng Tư chiếc lá bay ngoài biển, để lại bơ vơ những cột đèn, cột đèn không thể nào đi được đành chịu thi gan với bóng đen.

Tháng Tư có những con tàu suốt, đây nhận bà con đó nhận hàng, mở mắt tìm lại con đường sáng hai mươi năm một cuộc tiêu hoang

Tháng Tư ly cách tình chồng vợ, người mỗi nơi, một tháng, một ngày... song sắt ngòi hoài trông mút chỉ, "nhất nhật... thiên thu ... ê ... âm thay!

Tháng Tư có được "kinh tế mới", chân ngọc leo đồi vượt núi xa, tay ngà cắt cỏ gieo trồng sản vải bắp ươm rau dựng cột nhà.

Tháng Tư hiểu thế nào bao cấp, biết cảnh gần sông cấm chợ là gom nhiều sản phẩm cho đầu nậu quản lý thị trường của "đảng ta"!

Tháng Tư biết bao điều để nói, mà đầu nói hoài chẳng hết đâu, rằng kẻ từ cái ngày khốn khổ quê hương dân tộc thấm niền đau!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Tháng Tư thứ 42, từ ngày ấy.

BÀ RỊA PHƯỚC TUY NGÀY THÁNG CŨ

VŨ NAM

Mấy hôm nay Quân thấy được hình ảnh cô giáo Hà trên FB, hình ảnh Hà và Bà Rịa ngày trước lại trở về.

Đó là những ngày hè nóng nung người trên con đường đất đỏ có rải đá ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trong những năm 78-80. Tiếc là ngày đó không có chuẩn bị một máy chụp hình, không phải là phỏ nhòm, nên Quân không chụp được những khoảnh khắc đẹp từ cảnh tình của quê hương, cùng hình ảnh cô giáo ở một trường trong quê cách xa phố thị bốn kí lô mét. Ngày đó Hà dạy buổi chiều, Quân dạy buổi sáng. Cứ buổi trưa sau mười hai giờ, giờ tan học, Quân đạp xe từ trường về nhà ở thị xã, thì bắt gặp ngay giữa đoạn đường này, Hà đang đạp xe từ thị xã đến trường để làm bốn phận cô giáo. Có những buổi trưa hè đứng gió, trời nắng chang chang, chắc chắn mồ hôi đã làm ướt chiếc áo bà ba trắng Hà đang mặc. Và những giọt mồ hôi hắt cũng đã thấm đẫm hai vành thái dương, vành tai của cô giáo miền quê, dù trên đầu bao giờ cũng có chiếc nón lá rộng vành che nắng. Lại có hôm trời nắng như thiêu đốt, nắng miền nam, mặt trời rực rỡ

chiều sáng trên mặt đường, may thỉnh thoảng nhờ cơn gió nhẹ thoảng qua cũng làm người đi chuyển trên đường bớt mệt. Nhưng mỗi khi cơn gió thổi ngang mạnh hơn một chút, chiếc nón lá Hà bị hất tung ra sau nên việc đi chuyển bằng xe đạp cũng bị khó khăn. Một tay ghi-đong xe đạp, một tay vịn vào vành nón lá. Hình ảnh ấy đã bao lần đi qua mắt Quân, bây giờ mỗi khi nhắm mắt, muốn tìm kiếm hình ảnh cũ của Hà ngày nào Quân vẫn có thể nhận được ngay như chuyện trước mắt.

Ngày hôm nay, nếu mượn một người mẫu ở Sài Gòn, về đóng vai cô giáo Hà ở trường quê VN của những năm 80, ngồi trên chiếc xe đạp, không cũ không mới, nón lá rộng vành, áo bà ba trắng, quần dài đen, trên đường đạp xe đến trường trong buổi trưa hè lồng gió, tay cầm nón lá che nghiêng để chụp hình, Quân đoán chắc là không thể nào đẹp bằng hình ảnh Hà của những ngày tháng cũ. Người thật cảnh thật mới xúc động lòng người!

Trong FB hiện tại, thấy Hà đã trở thành cô giáo già dặn, trang điểm đậm hoàng, áo dài đẹp. Sau gần bốn mươi năm, kể từ năm 79, 80, quả là đất nước có những đổi thay vì nhờ biết bỏ kinh tế XHCN theo Kinh Tế Thị Trường, mà

họ gọi là Đồi Mỏi, và đảng viên được phép làm kinh tế, kinh doanh như cách đây hơn mười năm vị đứng đầu nhà nước VN đã tuyên bố trong lần có đại hội. Ừ, tự do làm ăn thì ai giỏi sẽ khá thôi. Riêng việc dạy học, đâu phải kinh doanh, chắc muốn khá Hà phải dạy sáng dạy chiều, kèm thêm các em học sinh vào cuối tuần v.v... Nhưng thôi, có mồ hôi nước mắt đổ ra thì công sức sẽ được đền bù, đó là luật của đất trời.

Ngày đó nghèo quá phải không Hà? Anh em tụi mình, thỉnh thoảng gặp nhau sau lần họp chung toàn trường, tụ họp về nhà chị Hạnh để được chị hiệu phó đời sống bồi dưỡng cho một nồi chè đậu xanh. Bây giờ, dù chị Hạnh còn ở VN, hay chị đã ra nước ngoài; bây giờ dù ăn mỗi ngày, bánh ngọt, kem, Chocola... nhưng nồi chè từ tay chị Hạnh nấu để bồi dưỡng đám giáo viên nghèo tụi mình vẫn nằm hằn sâu mãi trong đầu anh. Cũng như bây giờ dầu được ăn ngon mỗi ngày, anh vẫn nhớ đến lời cô bạn gái thân yêu, đứng làm chung trên con đê ngăn nước mặn ngày nào của vùng Chu Hải Kim Hải trong những tháng ngày đi làm công tác thủy lợi: "Trưa nay anh đến ăn cơm chung với em!" Ôi, có những hình ảnh và câu nói để đời không bao giờ quên dù suốt cả đời người!

Nói đến làm thủy lợi mới nhớ, cũng không có hình ảnh nào đẹp bằng hình ảnh của các cô gái thành thị bị bắt đi làm thủy lợi trong những năm 75-76, khi hòa bình vừa lập lại trên quê

hương. Hình ảnh tay trong tay, dưới trời lồng gió, dưới ánh nắng trưa, hay chiều tà, để cùng chung sức đưa những cục sinh về nơi quy định của cán bộ Thủy Lợi. Áo có thể nhiều màu, nhưng quần các nữ sinh ngày đó mặc tất cả đều là một màu đen tuyền, và sau một ngày làm việc quần áo mặt mày đã lấm lem, phải nhờ nước dưới kinh rạch để rửa. Bây giờ nếu đưa những người ra làm mẫu để lấy những hình ảnh gian khổ ngày nào cho việc tuyên truyền ắt hẳn cũng không thể nào linh động, trong sáng, và đẹp "tuyệt vời" bằng những hình ảnh thật của những cô gái tư sản đi làm thủy lợi trong những ngày sau khi chiến tranh chấm dứt.

Câu viết dù có thể nào cũng không diễn tả nổi những hình ảnh thật đã xảy ra ngày nào trên những con đường, bờ đê của quê hương trong thời xa vắng những niềm vui, nhưng đây những nỗi buồn.

Ngày đó, tuổi đời mười tám, hai mươi, sống với đầy sự gian nan khổ cực, chúng ta cũng không vắng tiếng cười mỗi khi gặp nhau. Ngày nay, nhìn hình Hà với nụ cười mím anh Quân bắt gặp được sự an bình trong cuộc sống của Hà. Con người, tự thâm sâu, ai không muốn mưu cầu hạnh phúc và có niềm vui trong cuộc sống, thì gia đình Hà cũng vậy. Nhưng dạo qua những hình ảnh trên trang FB của Hà, anh Quân thấy thiếu vắng một điều gì! À, thì ra thiếu vắng hình ảnh ngày Hà 17, 18 tuổi. Hình ảnh cô nữ sinh buổi

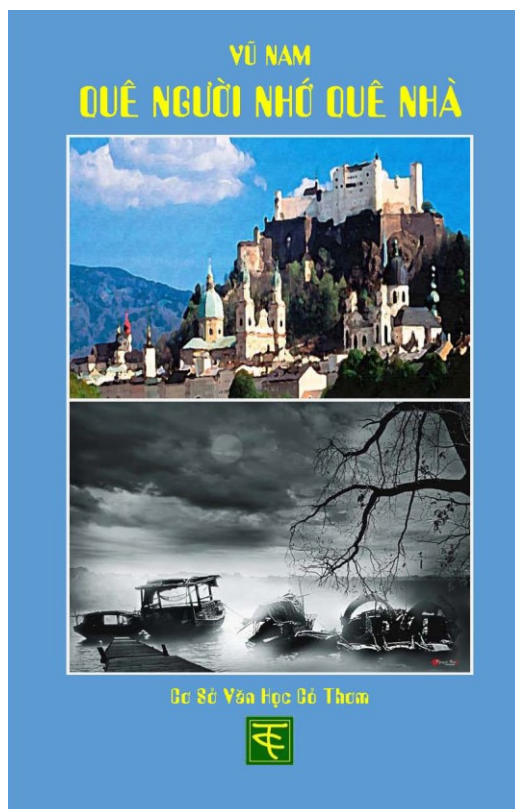
trưa hè với chiếc áo dài trắng thả bộ theo con đường từ lớp ra cổng trường sau giờ tan học. Những bước chân thông thả, hứa hẹn một buổi chiều nhàn rỗi ở nhà. Buổi chiều thời đi học, không lo toan cực khổ như những ngày làm cô giáo sau này. Hay Hà không còn giữ tấm hình nào thời làm nữ sinh Bà Rịa. Thuở Hà 17 tuổi. Ôi vậy thì tiếc thật! Tuổi thanh xuân bao giờ cũng đẹp. Hãy cố níu kéo dù thời gian có bao những đổi thay!

Ở đây, có những buổi sáng buổi chiều cuối tuần, thảnh thơi Quân nằm đọc những áng văn của các đại văn hào Nga, nhà văn Đức, lòng anh luôn luôn khâm phục sức sáng tạo trong ngôn ngữ trước cảnh tình của thiên nhiên xứ họ. Công nhận họ viết hay thật, những bình nguyên trên xứ sở xa xôi của nước Nga như hiện ra trước mắt, cảnh mùa đông với người ngựa trên những con đường bị tuyết phủ đầy, như đang vây quanh mình. Nhưng sao, lòng mình vẫn đứng đưng với những nét đẹp rạng ngời trong những khung cảnh xa xôi? Tại sao mình vẫn muốn đọc những dòng chữ từ các nhà văn VN, viết về những con đường mới ở vùng U Minh Thượng, Năm Căn, Cà Mau, Rạch giá, nơi đó có cô gái trẻ lập quán bán nước cho những người vội vã dừng chân giầy lạt trên những đoạn đường dài. Những cô gái quê, những thiếu phụ già hơn số tuổi non trẻ của mình vì trong vùng nước mặn chung quanh và quanh năm với gió biển. Dù

cổ duyên đáng bao nhiêu để làm vui lòng khách lạ qua đường, nhưng vẫn không giấu nổi nét e thẹn muôn đời của những cô gái nghèo với vùng quê quanh năm lam lũ...

Bài viết muốn viết ngắn nhưng đã đi quá xa! Xin trở lại với Hà. Anh Quân chúc Hà mãi mãi giữ nụ cười mím trên môi của cô giáo, của nghề giáo, dù có lẽ Hà cũng chỉ còn làm nghề này vài năm nữa thôi. Vì thời gian đâu có thiên vị với ai bao giờ.

Vũ Nam (Germany)



BUỔI SINH HOẠT VĂN HÓA

của Cộng đồng Việt Nam Stuttgart (VCS)

ngày 22.04.17 tại trung tâm Padua Stuttgart-Plieningen

Nhiều thân hữu và bạn mới đã đến tham dự buổi chiều sinh hoạt văn hóa của Cộng đồng Việt Nam tại Stuttgart:

- Thi sĩ Đan Hà nói về: "Tiếng Việt qua bao thăng trầm và theo vận nước"

- Nhà văn Vũ Nam giới thiệu và đọc tác phẩm mới nhất của Anh: Quê người nhớ quê nhà, 2016.

"Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi...". Nơi xứ người, hằng ngày người Việt phải phân đấu với ngôn ngữ của nước mình cư ngụ. Đi học, đi làm, hoặc thuần túy là để giao lưu thành công trong đời sống hằng ngày. Viết và nói tiếng Việt trở thành rất riêng tư như để ôm giữ một phần của quê hương. Đề tài nói chuyện của Thi sĩ Đan Hà và nhà văn Vũ Nam, vì vậy, hứa hẹn "một buổi chiều VN" trên xứ Đức.

Thi sĩ Trần Đan Hà tên thật là Trần Văn Huyền, sinh năm 1945 tại Quảng Trị. Được tàu Cap Anamur cứu vớt, anh định cư ở Đức từ 1982. Thi sĩ Trần Đan Hà đã đóng góp trong nhiều thi tập và là hội viên trong Văn bút Việt Nam hải ngoại, Biên tập viên báo Viên Giác ở Đức, sinh hoạt trong Hội Phật tử Reutlingen và là Thư ký Hội cứu trợ Thương Phế Binh VNCH tại Đức.

Thi sĩ Đan Hà nói về thời kỳ tiếng và chữ Việt đã hoàn chỉnh và phát triển tốt bậc, về Nhóm Tự lực Văn đoàn, về sự

đóng góp của nhiều văn thi sĩ trẻ vào tiền bán thế kỷ 20. Đan Hà nói về tiếng nói ở 3 Miền đất nước, thậm chí có những danh từ khác nhau để chỉ cùng một vật thể hoặc người: cha miền Bắc gọi là bố, ở Quảng Trị gọi là bọ, trong Nam gọi là ba. Nếu không thạo, buổi đầu rất bỡ ngỡ cho người ở miền này tiếp xúc với người từ miền kia. Nghe các thí dụ dẫn diễn cũng thấy lạ lùng, dí dỏm. Như cách phát âm sai ở Miền Nam: "phai tây", "cá gô", "hom goa". Yêu em mới biết đại khờ. Biết đan dối biết tình cờ chia tay. Yêu em mới biết có ngày. Ra vào than thở "lóng rày mình ên". Tuy vậy, nhưng khi chúng ta đi học thì cả 3 miền đều đọc và viết chung một thứ tiếng trong các cuốn Từ điển. Có lẽ những nhà làm Từ điển sinh trưởng ở Hà Nội là những người phát âm tiếng Việt chính nhất.

Đất nước bị chia đôi năm 1954, Miền Bắc dưới chế độ CS, ngôn ngữ Việt và sự sáng tạo văn chương Việt bị co cụm. Phong trào Nhân văn Giai phẩm bị đàn áp tàn bạo. Ở Miền nam, nhìn lại dưới chế độ VNCH, tuy ở trong một nền dân chủ non trẻ và hoàn cảnh chiến tranh, đời sống văn hóa tiếng Việt được phát triển tự do, nền giáo dục học đường khai phóng. 1 triệu đồng bào Miền Bắc di cư làm cho đời sống văn hóa ở phía Nam càng thêm phong phú, sống động. Nhà thơ Nguyễn Sa, thấy nắng Sài Gòn mà ông nhớ màu

áo lụa Hà Đông. Như đoản văn "Tôi đi học" của nhà văn Thanh Tịnh mà hầu hết học sinh Miền Nam đều thuộc nằm lòng, một thí dụ xuất sắc của lối hành văn nhẹ nhàng, diễn đạt một kỷ niệm thân thương, êm đềm với tất cả ưu điểm của tiếng Việt.

Sau 30 tháng tư 1975, tiếng Việt trên cả nước VNCS bị gò ép, méo mó, kém văn minh như "xưởng đẻ", "máy bay lên thẳng", hay "bộ đội gái". Tiếng Việt còn bị lạm dụng cho mục tiêu tuyên truyền của nhà nước. Ngôn ngữ bị dùng để truyền bá giáo điều, để phân biệt đối xử "bạn và thù" thay vì cho hòa giải dân tộc, thay vì phát biểu tự do cho niềm mơ ước thanh bình và các giá trị nhân bản. Nói về việc nhà nước CSVN cấm 5 bài hát trước 75 (rồi rút lại sau đó), Đan Hà dẫn lời của nhạc sĩ Lê Minh, "Thật ra khi cái mới không đáp ứng đủ nhu cầu, cái mới không hay hơn, không có cái gì đặc biệt hơn thì người ta quay về cái cũ. Đó là vấn đề phát triển tự nhiên theo xu hướng của xã hội vậy".

Ở hải ngoại, mặc dù phải vật lộn với cuộc sống mới, các tác phẩm truyện ngắn, truyện dài, nhớ về quê hương nở rộ khắp năm châu mà nhà thơ Đan Hà gọi là "Văn hóa lưu vong" hay "Văn hoá về nguồn". Khắp nơi xuất hiện các lớp học tiếng Việt, các Lễ hội cổ truyền, Tết Nguyên Đán... Đang có khuynh hướng chuyển sang nền "Văn hóa hội nhập". Tuy tiếng Việt không là một ngôn ngữ thế giới như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt ngày nay chẳng những còn giữ nhiều bản sắc VN, tại mỗi nơi, mỗi nước có người Việt sinh sống, tiếng

Việt cũng phát triển, có những từ ngữ mới dựa theo và lấy từ tiếng bản xứ.

Nhà thơ Đan Hà truyền cho người nghe một thông điệp lạc quan nhằm gìn giữ tiếng Việt, phát huy tiếng Việt và làm phương tiện chuyên chở cho sự cảm thông của người Việt trong nước và hải ngoại, vượt qua những khác biệt của quá khứ. Tiếng Việt giúp cho người Việt hải ngoại mãi gắn bó với quê hương, góp cho một VN tiên bộ và thịnh vượng.

Được tàu Cap Anamur cứu vớt và sau một thời gian ở Palawan, Philippine, **Nhà văn Vũ Nam** đến Tây Đức định cư từ năm 1981. Anh tên thật là Lý Văn Vãn, sinh năm 1954 tại Phước Tuy (Bà Rịa). Anh là cựu sĩ quan không quân sau "Mùa hè Đỏ lửa". Ở Đức anh theo học Trường Cao đẳng kỹ thuật Reutlingen. Sau khi ổn định đời sống phần nào, suốt từ 1985 đến nay, Vũ Nam đã sáng tác đều đặn và phong phú, gồm 6 truyện ngắn và 2 truyện dài. Ngoài ra, Vũ Nam còn cộng tác với các báo và Websites ở hải ngoại, sinh hoạt trong Hội Phật tử Reutlingen.

"Quê Người Nhớ Quê Nhà" là tuyển tập truyện ngắn mới nhất, gồm trên 30 bài bút ký của nhà văn Vũ Nam do Cơ sở văn học Cỏ Thơm xuất bản năm 2016. Họa sĩ Nguyễn Sơn sống ở Đức, trình bày trang bìa và các hình ảnh trong sách rất trang nhã. Trong các truyện, với lối hành văn dễ hiểu, nhiều tượng hình và trôi chảy, Vũ Nam cho người đọc tham dự vào những kỷ niệm êm đềm, hồn nhiên trong thời thơ ấu của anh, lớn lên ở làng Nước Ngọt, Long Hải: sông rạch, biển xanh, cát trắng. Và

còn nhiều tỉnh thành, làng xóm Miền Nam cũng như những kỷ niệm với đồng đội trong thời gian huấn luyện ở quân trường Nha Trang. Cả thời "ngăn sông cấm chợ" sau 1975. Tác giả còn chia sẻ với người đọc những ý nghĩ của mình lúc gặp lại bạn cũ, làm quen với bạn mới ở Mỹ, ở Âu châu, lúc đi thăm các danh lam thắng cảnh. Ấn tượng ở quê người làm Vũ Nam không ngớt liên tưởng tới quê nhà, như từng đoạn phim ngắn được quay lại, vượt ve an ủi tác giả nơi quê người.

Vũ Nam đọc các truyện bút ký của anh, người tham dự càng thấy gần gũi hơn với tác giả hiện thân trước mặt. Không ít người cũng nghĩ đó là kỷ niệm, ý nghĩ của chính mình, cũng được làm quen với các bạn của Vũ Nam. Thật nhiều trong quân đội và giới văn bút hải ngoại.

Từ đâu mà anh Đan Hà thích làm thơ và anh Vũ Nam thích viết văn? Có những sự việc, hoàn cảnh xảy ra, bình thường thôi đã gọi hồn thơ, làm cho nhà thơ cảm hứng gói gọn tâm trạng, tình cảm của mình trong mấy vần thơ. Tương tự, nhà văn thấy có nhu cầu viết văn và viết dễ dàng.

Tiếng nói và chữ viết giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa và phát triển văn hoá tốt của một dân tộc. Nhờ kỹ thuật in ấn, kiến thức và tư tưởng được phổ biến rộng. Ngày nay, Internet còn

đẩy mạnh sự giao lưu qua ngôn ngữ và sự phổ biến nhanh chóng trên toàn cầu.

Buổi chiều Việt Nam qua nhanh. Nhiều mặt của tiếng Việt trong nước chưa được thảo luận mà giới văn nghệ sĩ "bị lưu đầy ngay chính trên quê hương của mình" để có thể nói tự do và làm tròn vai trò của mình cho một xã hội nhân văn và khai phóng, như Đan Hà nói. Vấn đề gìn giữ tiếng Việt ở hải ngoại cho tương lai?

Khi nào thì quê người trở thành quê nhà? Có lẽ càng xa xứ lâu, cuộc sống nơi quê người chiếm phần lớn cả thể xác lẫn tinh thần của người hải ngoại. Nhưng con người Việt Nam và những kỷ niệm ở quê nhà sẽ bùng dậy mãnh liệt bất cứ lúc nào - khi bị khơi lại!

TÂM VIỆT
(Germany)



Từ trái: Nhà văn Vũ Nam, Thi sĩ Đan Hà, BS Trần Huệ (Moderation/hướng dẫn chương trình)

CÔ BA CHÈ ĐẬU XANH

Tôn Nữ Mặc Giao

Cô Ba chè đậu xanh có bốn người con tất cả. Đứa con trai đầu lòng cô sanh với một người chồng là du kích Việt cộng ở miệt quê. Chẳng biết duyên nợ ra làm sao, hay sự quen biết của hai gia đình như thế nào mà gia đình cô ở tận ngoài Vũng Tàu. Mới 16 tuổi đầu, cha mẹ lại gả cô tít tận miền Tây, miệt khi ho cò gáy vùng “xôi đậu”. Có nghĩa là ban ngày thuộc vùng Quốc Gia, tối đến cộng sản kiểm soát. Cho nên chả mấy khi cô giáp được mặt chồng, ban ngày chồng cô trốn biệt, ban đêm mới thò mặt ra. Cứ thập thò thập thò như thằng ăn trộm.

Cô cũng thuộc loại mần con, về nhà chồng ngày nào là chữa ngày nấy nên chả mấy chốc mà bụng to vượt mặt. Gần 10 tháng sau, cô cho ra đời một thằng con trai kháu khỉnh. Thằng bé mạnh cùi cùi, ăn no lại nằm, cả ngày không nghe tiếng khóc. Ai hỏi đến là cười toe toét. Nhà chồng cô kể cũng lạ, cưới dâu về mà xem cô như người ở, kẻ làm công. Sanh con ra nhà chồng giữ tít làm của riêng, chẳng bao giờ cho cô đụng đến thằng bé, trừ những lúc cần phải cho nó bú mớm. Ngoài tháng ở cữ ra, sau đó họ bắt cô đầu tắt mặt tối, lam lũ suốt ngày ở ngoài đồng. Kể ra thì cô cũng khoẻ thật, người ta làm tới đâu thì cô làm tới đó. Con gái 17 bẻ gãy sừng trâu mà lì! Mặc dù cô đã là gái một con nhưng vẫn chỉ mới 17 tuổi thôi nên cô còn khoẻ lắm! Cô làm quần quật suốt ngày, nhà chồng sai đâu thì cô đánh đó. Chẳng vui cũng chẳng buồn,

chẳng thương cũng chẳng biết nhớ thằng con. Bởi cô có được gần gũi, nựng nịu nó bao nhiêu đâu. Còn đối với chồng thì quả thật cô thấy nó xa lạ làm sao.

Gái một con trông cô lại mần mòi và duyên dáng hẳn ra. Ban ngày làm việc ngoài đồng, có đám lính Quốc Gia đóng ở gần đây tưởng cô chưa có chồng nên buông lời chòng ghẹo. Tuy cô không có gì với họ nhưng trong lòng đã bắt đầu nhen nhúm một nỗi buồn vu vơ. Cô bỗng dưng nhớ đến căn nhà thướt ầu thơ đã sống ngoài Vũng tàu, nhớ tới cha mẹ và đàn em còn ở đó. Nhớ tới gánh chè đậu xanh mà chiều chiều cô hay gánh kịu kịt trên vai dạo quanh bờ biển bán cho khách. Bây giờ vắng cô rồi đứa em nào sẽ thay thế đây? Cô nhớ da diết cái không khí của thành thị với ánh đèn điện rực rỡ. Cô không hiểu tại sao cha mẹ lại gả cô đi lấy chồng trong khi cô chưa hề “biết” gì cả. Chưa từng hẹn hò, chưa một lần được con trai theo, trái tim cô chưa hề biết rung động hay mơ mộng lứa đôi với một ai cả. Giờ đây cô phát hiện hình như cô chẳng muốn an phận nơi cái xứ tối tăm khi ho cò gáy này một chút nào nữa hết. Cô thèm được quay về mái nhà xưa, tuy gia đình nghèo khổ, cha mẹ cô vất vả vì đồng con. Cô là con gái lớn, cô có thể đi bán chè đậu xanh như trước kia để giúp đỡ thêm cho cha mẹ. Tối đến cả nhà quây quần bên mâm cơm đạm bạc nhưng rộn vang tiếng cười đùa của các chị em cô. Còn bây giờ cô cảm thấy bơ vơ và trợ trợ có một mình, có chồng có con mà cũng như không, cô chẳng thấy yêu thương một chút nào hết với người

chồng du kích. Cô bất giác thót rùng mình khi nghĩ tới. Trời ơi! Vậy mà cô cũng đã từng chung đụng và từng sống ở đây hơn một năm rồi chứ ít ỏi gì? Sao bây giờ cô mới cảm thấy ngán ngẩm và sợ sệt khi nghĩ đến sự chung đụng với người chồng du kích. Cô không biết cha mẹ cô có biết chồng của cô là người của phía “bên kia” không? Còn đứa con cô banh da xẻ thịt để ra nó mà sao cô cảm thấy không có một chút gần gũi nào hết, mà hình như thằng bé cũng chẳng tha thiết gì với cô. Ngoài trừ những lúc nó đòi bú, bú no rồi là nó cười toe toét quay đi tìm kiếm ông bà nội hoặc các cô chú khác đòi bông cho nên cô tủi thân lắm! Từ đó cô hay tìm cách né tránh để khỏi phải ăn nằm với người chồng, cô sợ nhất là phải mang bầu lần nữa cho nên cô hay giả đồ bệnh hoạn. Người chồng lúc đầu tưởng thật nên cũng ráng nhịn. Về sau thấy cô cứ hay giả làng làm ngõ, ban ngày lại hay nói chuyện với mấy anh lính Quốc Gia ngoài bờ ruộng, hẳn sinh nghi nên tối đến hằn hạc hỏi:

- Má thằng Đực nè! (tên của đứa con trai cô), lúc này “qua” thấy em lạ lắm đó à nghe!

Cô cũng làm bộ hỏi:

- Là cái gì?

- Có phải em thay lòng đổi dạ “muốn” mấy thằng “nguy” ngoài bờ ruộng hỏi sáng nay phải không?

Cô nổi nóng bênh vực:

- Cái gì mà “nguy”? Người ta là lính Quốc Gia đang hoàng mà kêu cái gì kỳ cục vậy?

Người chồng vội vàng lên lớp:

- Em về làm dâu miệt này thì em phải theo luật lệ ở đây. Không được tiếp xúc nhiều

với bọn “nguy”, phải cẩn thận lời ăn tiếng nói của mình.

Cô cũng không vừa:

- Anh lấy tôi có hôn thê hôn thú gì không mà bắt tôi phải làm dâu theo luật lệ này, luật lệ nọ?

Hai vợ chồng cãi cọ đến đây thì súng nổ râm rân tứ phía, người chồng vội vớ lấy cái khăn rằn đeo vào cổ, xách khẩu “AK” chạy mất dạng. Người cha chồng cũng lẹ làng tắt phụt cái đèn dầu đi, lùa mấy đứa con xuống hầm trú ẩn, bà già chồng vội ôm lấy “cục cưng” (thằng cháu nội con cô Ba) vừa chui xuống hầm vừa hét:

- Con Ba mày còn đứng đó làm gì? Bộ muốn ăn đạn hả?

Cô già điếc lì lợm ngồi lại trên chiếc ghế đầu nơi bàn ăn, một lát thấy cũng hơi ớn, rùi trúng một viên đạn chết lảng nhách thì uổng đời nên cô lại chui xuống gầm bàn ngồi co ro ở đó chứ cũng không chịu chui xuống hầm trú ẩn chung với mọi người. Súng nổ đầu cỡ 15 phút thì ngưng. Sau lần đụng trận đó, người chồng du kích ít khi dám về nhà nên cô cũng bớt phải tính toán để nghĩ cách lánh né chuyện vợ chồng nữa. Đứa con vừa dứt thôi nôi cô cũng không còn cho con bú nữa! Bà nội đứa nhỏ nấu com nhão, trộn đồ ăn bỏ vô miệng mình nhai cho mềm rồi nhả ra mớm cho đứa nhỏ ăn, cô nhìn thấy mà phát buồn nôn. Ghê quá! Thiệt là mất vệ sinh, vậy mà đứa nhỏ ăn ngon lành, mập mạp và lớn như thổi.

Khi đứa nhỏ vừa bập bẹ kêu được tiếng ba đầu tiên thì tiá nó, là anh chồng du kích của cô. Sau một đêm đụng trận, sáng ra người ta tìm thấy xác của hắn bị lính quốc Gia bắn chết nằm vắt vẻo trên cầu khi bắt ngang qua một con rạch. Sau khi người chồng được mò yên mã đẹp, cô cũng lặng

lễ chuồn êm khỏi làng. Nghĩ đến đứa con, tuy cô không có ý định đem nó theo (mà có đem cũng không làm sao được với lũ người bên chồng của cô). Nhưng cô cũng cảm thấy khơi động chút tình mẫu tử trong lòng. Cô chép miệng thở dài: “Thôi kệ! Mai sau mình khá giả sẽ trở về thăm nó, chừng đó nó lớn rồi. Nếu người ta cho nó theo thì mình dẫn nó đi, còn không thì mình giúp đỡ tiền bạc cho nó cũng được. Rồi cô lại lắc đầu nghĩ thầm: Mà cũng chưa chắc nó ở lại đã khô, họ cung nó quá trời mà! Đi theo mình giờ chưa biết tương lai sẽ ra làm sao, thôi thì phó mặc cho số trời vậy! Cô thì thầm: "Tha thứ cho má nghe con!"

Cô trốn khỏi gia đình chồng nhưng không dám trở về nhà cha mẹ để ở Vũng Tàu, cô sợ cha mẹ cô lại bắt cô đem trả lại cho bên chồng nên cô tìm lên Sài Gòn, may gặp được anh lính nhảy dù đóng ở làng bên chồng của cô được về phép, gặp cô ở bến xe đồ, liền giới thiệu cô đến làm con sen trong một gia đình người chị họ của anh cũng khá giả ngay tại trung tâm thành phố Sài Gòn. Tại đây, con tim cô đã rung động bởi anh lính nhảy dù này. Còn anh Lai (tên anh lính nhảy dù) dĩ nhiên là chịu hết mình, ở miệt quê anh đã hết lời tán tỉnh cô mà chưa được. Bây giờ được cô đáp lại anh mừng hết lớn. Anh đi lính đã hơn 10 năm mà binh nhì vẫn hoàn binh nhì bởi cái tánh ba gai bắt cản đời của anh. Nay anh được gần 29 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ từ nhỏ, lại chẳng có anh em ruột thịt gì cả. Được một người chị họ nuôi cho đến bây giờ. Người chị họ lúc bấy giờ cũng còn lam lũ, khó khăn lại đông con chứ chưa có được khá giả như bây giờ để mà mướn con sen. Thấy mình học hành chẳng khá gì nên năm 16 tuổi anh thoát ly khỏi gia đình đi bụi

đời tự nuôi sống mình bằng đủ mọi nghề. Từ đồ rác đến đi đánh giày, làm thuê vác mướn...v...v... Năm 18 tuổi, biết suy nghĩ một chút, anh thấy uống phí cho sức trai “đầu đội trời chân đạp đất” nên anh đăng lính nhảy dù để khỏi làm phiền người chị họ tốt bụng đã cứu mang anh từ tấm bé. Dem sức trai vẫy vùng ngang dọc cho thỏa chí tang bồng.

Vì chỉ một thân một mình chẳng để thương để nhớ cho ai, mà cũng chẳng có ai để mình thương mình nhớ cho nên anh bắt cản đời. Đánh giấc thì rất hăng say nhưng lại quá ba gai, vì phạm kỷ luật quá nhiều nên chẳng được lên lon. Giờ đây có được tình yêu của cô Ba, anh bỗng dưng đổi tính. Biết tính toán, suy nghĩ lo toang cho tương lai, ngoan ngoãn tuân theo kỷ luật nhà binh nên được lên lon vù vù. Ngày anh được thăng chức Trung Sĩ cũng là ngày anh chánh thức cưới cô Ba ra khỏi nhà người chị họ nhờ sau này buôn bán, làm ăn khá giả đã “mướn” cô Ba làm người giúp việc. Cô Ba theo anh Lai về trại gia binh nhảy dù “Hoàng Hoa Thám” ở đầu ngã ba Ông Tạ gì đó. Sau khi sinh được một đứa con trai với anh lính nhảy dù, cô dẫn chồng con về ra mắt và tạ tội với cha mẹ ruột ở Vũng tàu. Anh Lai không dám theo vào nhà, đứng lấp ló sau bụi dâm bụt ngoài bờ rào “chờ lệnh” cô Ba. Sau khi trình bày đầu đuôi câu chuyện với cha mẹ về cuộc đời mình khi bị gả ra khỏi gia đình, cô Ba kết luận:

- Bây giờ con cảm thấy rất là hạnh phúc với người chồng Quốc Gia này, con mong ba má hãy tha lỗi và chấp nhận cho chúng con được vào gia đình.

Cha mẹ cô nhìn thấy đứa cháu ngoại trên tay cô Ba đang gương cặp mắt ngây thơ vô tội, sáng long lanh nhìn ông bà ngoại

Nhớ Quên Quên Nhớ

*Em tôi quên, nhớ... dễ thương!
Khi quên, lúc nhớ bình thường giống ai.
Nhớ cha mẹ tháng năm dài!
Xóm làng quê cũ nhớ hoài, nghĩa sâu.
Làm sao quên mối duyên đầu!
Gặp tôi là nhớ nói câu hẹn thề.
Cầm tay nhớ lúc đam mê,
Cho nhau quên cả lối về, tương tư.
Hồi xưa nhớ bức tình thư...
Thẹn thùng em nhớ, hình như quên rồi!
Nhớ, quên... yêu lắm em tôi!
Đừng quên nữa nhé, trọn đời nhớ nhung!*

Nguyễn Phú Long.

April 2017

như chờ đợi một sự bao dung, che chở và thứ tha. Con gái đứt ruột để ra gả đi lấy chồng, cha mẹ nào lại chẳng mong muốn con mình được bình an, hạnh phúc? Thôi thì chuyện đã dĩ lỡ, và lại chính miệng con gái ông bà thú nhận là nó rất đang hạnh phúc. Ông bà nở lòng nào lại đang tay bẻ gãy cuộc đời con một lần nữa? Nên ông Tích (tên của cha cô), nhìn ra ngoài hàng rào kẽm gai gọi lớn:

- Thăng Ba! Đã là người trong gia đình rồi sao còn đứng ngoài đó làm gì? Không vào chào ba má cho lũ em bay biết mặt coi.

Chỉ chờ có thế, anh Lai phóng ngay vào cúi đầu miệng tiá lia:

- Dạ xin chào ba má! Con tên Lai, là chồng của em Ba. Tụi con xin lỗi ba má đã ăn ở với nhau khi chưa được sự đồng ý của

ba má. Xin ba má nhận con một lạy, xin tha thứ cho con và nhận con làm rể. Con hứa sẽ tận hiếu với ba má và thương yêu em Ba suốt đời.

Nói rồi anh quì mọp xuống lạy một lạy, Cha mẹ cô Ba hài lòng với chàng rể lém lỉnh này nên lật đặt đỡ anh đứng dậy trong khi lũ em cô che miệng quay đi cười lén với nhau. Anh Lai đỏ mặt đứng dậy nhưng không giận, anh còn thân thiện nói:

- Mấy em cười anh hả? Rồi mai một tới mấy em anh cười lại cho mà coi.

Mấy đứa em cô Ba thấy người anh rể vui vẻ và dễ làm thân nên cũng nhào tới chuyện trò vui vẻ. Cha mẹ cô Ba đã mở rộng vòng tay đón họ vào nhà, thế là anh Lai có được một gia đình vợ với đầy đủ cha mẹ và anh em. Lần đầu tiên trong đời anh cảm nhận được cái không khí ấm cúng của một gia đình hoàn chỉnh, tuy chẳng giàu có gì nhưng được đầy tình người chân chất. Lũ em vợ ban ngày phụ giúp với cha mẹ lo cái quán cơm tấm bên hiên nhà, là nguồn sống duy nhất để nuôi từng ngân ấy miệng ăn. Gánh chèo đậu xanh giao lại cho cô em kế phụ trách, nhưng cô em cũng vừa mới lấy chồng mấy tháng nay, lại được nhà chồng khá giả nên cũng thôi không bán chèo nữa. Họ ở chơi với cha mẹ một ngày, ngày hôm sau họ phải trở về cái tổ ấm của họ ở trong trại gia binh “Hoàng Hoa Thám”. Cha mẹ anh em bên vợ quyến luyến, yêu cầu hai vợ chồng ở thêm vài ngày nữa, nhưng anh Lai cáo biệt. Anh nói vì anh còn trách nhiệm người lính trên vai, anh có thể đi hành quân bất chợt lúc nào nên không thể ở lâu được.

Thằng cu Tề được hơn một tuổi, cô Ba lại có mang đứa con thứ nhì. Anh Lai lúc này vắng nhà nhiều hơn, mỗi chuyến hành quân dài dằng dặc cả mấy tháng liền. Lá thư của cô Ba đến tay anh để báo tin thằng

cu Tề sắp có em trong lúc anh đang hành quân ngoài Quảng Tín. Đòi lính mà, hành quân liên miên rày đây mai đó, thơ đến anh cũng lâu mà thơ về cũng chẳng chóng. Nhưng anh cũng nhận được đề biết mình sắp có đứa con thứ nhì, cũng viết vội được vài hàng đề chia sẻ niềm vui với vợ và dặn dò cô Ba những điều cần thiết của một người đàn bà khi có mang chứ cũng chưa một lần được về thăm để xoa lên cái bụng người vợ thân yêu giờ đã lúm lúp thì anh nằm xuống. Tội nghiệp cho cô Ba bụng mang dạ chửa, tay bồng con dại, ngày nào cũng chạy lên chạy xuống nhà xác Biên hoà chờ đón xác chồng. Hơn 10 ngày sau người ta mới đưa anh Lai về bằng hòm kẽm hàn xì kín mít, cô Ba cứ đòi cạy nắp hòm ra để cô được nhìn lại người chồng đầu ấp tay gối, mà khi ra đi thì nguyên vẹn hình hài, khi trở về thì sao lại thế này? Trời ơi!... Cô cứ ôm lấy cái quan tài mà gào lên như thế khiến mọi người chung quanh ai cũng mũi lòng khóc theo cô.

Tang ma anh Lai xong xuôi, cô Ba ở lại trong trại gia binh chờ sanh để cho cứng cáp, và hoàn tất thủ tục giấy tờ để lãnh tiền trợ cấp cho cô nhi quả phụ xong, cô ôm hai đứa con quay về Vũng Tàu nương tựa nhờ cha mẹ ruột. Cô trở lại với gánh chè đậu xanh, cuộc sống vất vả chẳng đủ ăn, đủ mặc. Từ ngày lính Mỹ vào tham chiến ở Việt Nam thì vật giá bắt đầu leo thang vùn vụt, dọc theo bờ biển Vũng tàu mọc lên những quán “bar” đầy người Mỹ. Phong trào gái bán bar bắt đầu rầm rộ, nhà nào có con gái “dính líu” chút xíu đến Mỹ là nhà đó bắt đầu “phất” lên. Cô thấy vậy cũng quảng gánh chè đậu xanh đi, nhảy ra theo bạn bè đi “bán bar”. Cha mẹ cô lúc đầu cũng la mắng, khuyên lơn cô dữ lắm! Về

sau thấy càng ngày cô càng đem tiền về nhiều, cuộc sống gia đình được cải thiện. Rồi từ từ cô cất nhà lầu cho cha mẹ ở, ông bà không còn phải vất vả thức khuya, dậy sớm bán cơm tấm nữa! Các em của cô được cơm no áo ấm, học hành tử tế nên cũng nhắm mắt làm ngơ để cô muốn làm gì thì làm. Cô cũng cất riêng cho mình một căn nhà hai tầng, gắn máy lạnh với đầy đủ tiện nghi trên miếng đất mua được ngay sát bên cạnh nhà cha mẹ ruột để tiện việc “làm ăn”. Hai đứa con cô gởi bên nhà cha mẹ để rảnh tay kiếm tiền nuôi sống cả gia đình.

Bán bar được một thời gian, cô đẻ được một thằng con lai tóc vàng hoe, mắt xanh mũi lõ. Cô bây giờ là một “me Mỹ” chính hiệu con nai chứ không còn nói vào đâu được nữa! Sỡ dĩ và nói tiếng Mỹ như gió, nhưng cô chỉ giỏi tài đàm thoại vì tiếp xúc nhiều với Mỹ hằng ngày chứ viết thì cô chẳng biết. Những người có học, trình độ sinh ngữ thuộc loại khá cũng chưa chắc nói mà Mỹ hiểu được như cô. Không hiểu cô học đâu được những danh từ thuộc giới hàng tôm hàng cá để rồi khi máu sư tử nổi lên, cô cứ phun phèo phèo vào mặt nầy anh lính Mỹ tính ăn gian tưởng cô khờ khạo. Định chơi trò “hội đồng” mà chỉ trả tiền có “một lần” khiến mấy anh chàng “G.I” mặt cứ ngẩn tò te, không ngờ chỉ là một con điếm thôi mà sao nó chươi “chuẩn” thế không biết.

Ấy vậy chứ cô là người kiếm ra tiền nhiều nhất trong giới “chị em ta” lúc bấy giờ. Bởi họ thấy cô thật thà, thẳng thắn, dễ thương lại biết Anh văn lưu loát nên ai cũng thích “đi” với cô. Cái gì cũng chỉ được một thời, lợi dụng lúc tuổi còn trẻ lại có chút nhan sắc nên cô khai thác triệt để, chụp giật được lúc nào là cô chụp tối đa.

Trong nhà cô không thiếu một món gì người ta có mà cô không có. Nhất là hàng của cô lấy thẳng từ “PX” Mỹ ra chứ chẳng phải là mua đi bán lại ở chợ trời Huỳnh Thúc Kháng tha về đâu mà sợ lắm phải đồ dẫm. Còn vàng thì thôi khỏi phải nói, cô trữ được một hộp thiếc nhỏ, loại hộp đựng bánh ngọt của Mỹ. Cô gói cái hộp lại cẩn thận, cho nó xuống nền nhà dưới gầm giường phòng ngủ của cô, phía bên trên được nguy trang bằng một viên gạch bông thật khéo léo, nhìn không hề thấy dấu vết nổi. Quả nhiên đến đầu năm 1973, sau hiệp định Paris, quân đội Mỹ từ từ rút quân về nước hết, cô “thất nghiệp”, chẳng biết làm gì sống cứ bán dần vàng đi mà ăn. Bởi cô không muốn lẫn lộn trong giới buôn hương bán phấn mà tiền chẳng kiếm được bao nhiêu khi không còn Mỹ nữa. Các em cô giờ đã lớn, em trai học xong Tú Tài thì trình diện Thủ Đức nhập vào cuộc chiến hết. Các em gái cũng có đứa học ra cô giáo đang hoàng, cũng có đứa bỏ ngang đi lấy chồng nên cô không cần phải lo lắng gì nữa ngoài việc chăm sóc miếng ăn, giấc ngủ cho cha mẹ già.

Ngồi không mà ăn núi cũng phải lở, cô nóng ruột nên mở lại quán cơm tấm ngày xưa của cha mẹ ruột. Lần này thì sang hơn, không phải che dù bán xập xệ bên vỉa hè như hồi đó, mà cô mở hẳn cửa nhà cô ở ngay phòng khách làm nơi cho khách ngồi ăn. Ngoài cơm tấm cô còn bán thêm nước giải khát, cà phê nên quán cô càng ngày càng trở nên phát đạt. Cuộc sống cô bắt đầu ổn định trở lại thì mất nước. Bọn cộng sản “đi” cô hết cỡ, chúng không cho cô làm ăn buôn bán gì cả. Chúng chửi cô là đồ phản động, có chồng theo cách mạng bị “ngụy” bắn chết không biết trả thù mà lại còn đi lấy

“Mỹ ngụy”. Chúng bắt cô phải đi vùng kinh tế mới lao động để chuộc tội.

Cô cũng chẳng phải tay vừa, lúc đầu cô cũng nhún nhường, khép nép, cố tránh nói nhiều chùng nào hay chùng nấy. Sợ gây sự chú ý với “cách mạng” là không tốt. Nhưng càng nhịn chúng càng làm tới, có tên thấy cô vẫn còn nhan sắc mặn mòi, theo rù rì bảo cô “ngủ” với nó thì nó sẽ lo hết mọi chuyện. Cô Ba kể cũng lạ, Quốc Gia, cộng sản, đồng minh gì cô cũng “cân” ráo hết, vậy mà bây giờ quân giải phóng thì cô lại “đếch” chơi. Cô bắt đầu không nhịn nữa, cô cũng chả làm gì được chúng cả, cô chỉ biết chửi mà thôi:

- “Bà” không đi đâu hết, bà ở lì đây “tụi bây” làm gì được bà? Đồ quân ăn cướp. Mỹ đây bà còn chửi nát nước, tụi bây là cái thá gì mà bà phải sợ? Biết điều thì bà đây còn nể nang, cà chớn thì bà “tới” luôn làm gì nhau? Giải phóng cái chó gì chó? Chúng tao đang sống cơm no áo ấm, chúng mày vào đòi “giải phóng” làm cho mọi người đói nghèo đi mà gọi là giải phóng đây hả? Nhà bà đang ở, chúng mày đòi đuổi bà đi để lấy nhà mà cũng gọi là giải phóng đây hở? Đó là ăn cướp của dân đây biết chưa?

Chúng kéo cô ra giữa sân, lên cò rôm rốp, hăm he bắn chết để mong bịt bớt cái mồm của cô lại. Nhưng cô lại càng làm dữ hơn, cô xách cái thùng dầu lửa tươi đầy nhà, đẩy vào người cô và mấy đứa nhỏ rồi lăn ra đất kêu gào:

- Ôi làng nước ơi! Ôi bà con cô bác ơi! Ra mà xem quân giải phóng này! Chúng muốn ép chết mẹ con tôi này! Rồi cô mồm loa mép dài: Tụi bây có giỏi thì bắn đi, mẹ con tao không đi đâu hết. Ai mà đòi lấy căn nhà này, tao sẽ nổi lửa thiêu sống hết mấy mẹ con tao cho mà xem.

Mấy tên giải phóng “sợ” quá! Không biết giải quyết làm sao. Thấy dân chúng bu quanh bàn tán xầm xì, bọn họ lúng túng một lát rồi rút êm nói: “Để xin chỉ thị của cấp trên”. Rồi không biết có được “chỉ thị” của cấp trên hay không thì không biết, chỉ thấy chúng gọi cô là mụ điên và chẳng thèm đá động gì đến cô nữa cả. Thế là từ đó cô được yên thân, biết là không thể “thọ” được với bọn chúng, cô đào số vàng lên lo cho những đứa em còn độc thân kèm theo hai đứa con Việt của cô với người chồng lính Quốc Gia vượt biên để sau này làm nguồn tài chánh cho gia đình giống như những gia đình có thân nhân đi Mỹ, giờ cứ ngồi không mà lãnh quà Mỹ sướng quá chừng, cô thấy mà bắt ham. Nhưng rồi cũng phải trải da tróc vẩy năm lần bảy lượt, tốn biết bao nhiêu là vàng đám em và hai đứa con của cô mới đến được bến bờ tự do. Vừa ăn trợ cấp để đi học nghề, vừa đi làm chui kiếm thêm tiền, nỗ lực tối đa gởi tiền về trợ cấp cho cô và cha mẹ. Hai đứa con bên Mỹ của cô được vào trường học tử tế.

Thế là nhà cô bắt đầu “phát” lên trở lại, trước khi nghĩ đến chuyện mang đứa con lai vượt biên tiếp, cô quay trở lại quê người chồng du kích ngày xưa để thăm lại thằng con đầu lòng của cô mới hay họ còn nghèo đói hơn bao giờ hết. Cha mẹ chồng cô đã qua đời, thằng con nay đã lớn, tiếng là con liệt sĩ mà chẳng được giúp đỡ, trợ cấp gì cả. Chẳng có nghề nghề gì trong tay, học hành chẳng ra gì, chỉ đủ biết đọc và biết viết. Lam lũ với ruộng vườn suốt ngày mà vẫn nghèo xơ, nghèo xác. Cô mũi lòng chu cấp tiền bạc cho cát được một ngôi nhà ngói khang trang, đám bà con bên chồng bu lại “cảm tạ” cô hết lời và mặt sát “cách mạng” không còn một chỗ.

Số cô hậu vận lại may mắn, giữ lại đứa con lai sau này mà lại hoa hay. Cô chưa kịp toan tính tìm đường vượt biên cho mấy mẹ con thì phong trào đi Mỹ theo diện con lai trỗi dậy. Trước khi rời bỏ quê hương, cô đã giỏi tính toán chạy chọt để lại căn nhà cho vợ chồng đứa con trai đầu lòng của người chồng du kích ngày xưa nay đã lập gia đình và có con được yên nơi yên chỗ rồi cô mới ung dung dắt đứa con lai lên máy bay cười hỉ hả. Cuộc đời chẳng biết đầu mà ngờ, người ta bảo: “Phận gái 12 bến nước, trong nhờ đục chịu”. Cô Ba đã trải qua không biết bao nhiêu là bến nước, cô có “chịu” cũng chẳng được với quy luật của tạo hoá. Tuổi cô giờ đã về chiều, quanh quẩn trong nhà, tìm vui bên đàn cháu nội ngoại. Tối tối cô hay thấp nhang thì thầm trước bàn thờ duy nhất chỉ có một tấm hình của người chồng lính Quốc Gia mà khấn vái:

- Ba sắp nhỏ, hãy thông cảm và tha thứ cho tôi những việc làm sau ngày ông mất đi. Cô sụt sịt: Một thân một mình khổ lắm ông ơi! Tôi không biết làm sao có tiền để nuôi con nên đã làm những chuyện không tốt, mang tai mang tiếng cho gia đình. Giờ tôi rất mãn nguyện vì đã lo lắng và gây dựng được cho hai đứa con của chúng ta đã nên người. Tôi rất mong tới ngày, tới giờ để được đi theo ông “đoàn tụ” dưới suối vàng. Chừng đó tôi sẽ quỳ trước mặt ông để mà chịu tội.

Thì ra cô Ba “chịu” bến nước Quốc Gia. Chúc cô tuổi về chiều luôn khoẻ mạnh, như ý cho đến ngày gặp lại được người chồng bên kia thế giới. Lúc ấy, “bến nước” của cô chắc hẳn không còn phong ba bão táp vì đã được neo vào nơi cội Vĩnh Hằng.

TÔN NỮ MẠC GIAO

CA TRÙ MỘT THỜI VANG BÓNG

Trần Nhật Kim

Ca trù là một hình thức âm nhạc trình diễn, đã xuất hiện hàng nhiều thế kỷ tại Việt Nam. Như nhiều bộ môn nghệ thuật văn hóa trình diễn khác của âm nhạc, ca trù cũng chịu chung số phận thăng trầm của lịch sử dân tộc, mặc dù đây là một loại văn hóa bác học, một nghệ thuật độc đáo, phối hợp giữa ca từ và giọng hát cùng với các nhạc cụ riêng biệt.

Nghệ thuật hát Ca trù coi như chấm dứt tại miền Bắc, khi chính phủ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” ra đời ngày 2-9-1945. Thăng Long vốn được coi như cái nôi của văn hóa ca trù, nhưng các nhà hát đã bị ngưng hoạt động sau lời hiệu triệu “Toàn dân kháng chiến”. Khu Khâm thiên bị đóng cửa, không còn cảnh tập nập “dập dìu tài tử giai nhân” như trước kia.

Kể từ ngày chia đôi đất nước, 20-7-1954, nghệ thuật hát ca trù, vốn là một loại văn hóa tao nhã, trang trọng trước đây, đã bị cho là thiếu lành mạnh, tàn dư của chế độ cũ, bị loại ra khỏi sinh hoạt văn hóa của xã hội.

Trở lại với Ca Trù, một loại văn hóa trình diễn rất được ưa chuộng và

thịnh hành tại Bắc và Bắc Trung phần Việt Nam, vốn là thú tiêu dao của những bậc túc nho, thức giả, văn nhân tài tử, một thú chơi sang trọng ghi đậm nét văn hóa dân tộc.

Trong ca trù, Á Đào (Ca nương) giữ vai trò quan trọng, như người ta thường nói, không có ca nương sẽ không có ca trù. Thoạt đầu, ca nương trước khi được cho là thành nghề phải đi hát tại một đình thờ rồi mới ra mắt quần chúng, gọi là Hát cửa Đình. Sau đó có thể hát cho người trong làng thì gọi là Hát Chơi. Nếu nhà các quan mời hát thì gọi là Hát cửa Quyền...

Ca Trù còn được hiểu là “hát cô đầu, hát ả đào”, xuất hiện từ thế kỷ 11 dưới thời vua Lý Thái Tổ (1010), nhưng phải đợi đến thế kỷ 15 mới trở thành một nghệ thuật trình diễn nơi cung đình. Ca trù còn gọi là “Hát Nói”, đã thoát khỏi tư tưởng gò bó của Khổng học, mang tính phóng khoáng do ảnh hưởng bởi tư tưởng Lão Trang của giới nho gia, là nơi gửi gắm những nhận định về xã hội và tình cảm của con người, đã mở ra đường hướng mới về tư tưởng trong văn học vào cuối thế kỷ 18.

Dù xuất hiện rất sớm nhưng ca trù chỉ phát triển mạnh vào đầu thế kỷ 19 với tác phẩm hát nói của các văn nhân

như Nguyễn Công Trứ, Cao bá Quát, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Bà Huyện Thanh Quan... đã xâm nhập vào đời sống xã hội và ảnh hưởng sâu đậm tới tầng lớp thanh niên. Hát nói là sự phối hợp giữa thơ và nhạc nên kén chọn khách thưởng ngoạn, một loại nghệ thuật trình diễn mang tính chất thính phòng.

Ca trù dùng nhiều thể văn chương như: Phú, Truyện, Ngâm... nhưng thịnh hành nhất là thể Hát Nói. Hát nói mang tính cách phóng khoáng, niêm luật không câu lệ, không hạn định về số câu, số chữ. Mặc dù không khắt khe và chấp nhận ngoại lệ, nhưng hát nói cũng có những quy luật chặt chẽ, rõ ràng.

Hát nói là các bài gồm những câu có từ 4 chữ đến 7 chữ hay 9 chữ, nhưng có khi số chữ trong một câu lên tới 12 hay 13 chữ, trường hợp này gọi là “gối hạc”. Thông thường một bài hát nói có 11 câu, gọi là “đủ khổ”, nhưng có khi dài quá 11 câu thì gọi là “dôi khổ”. Dù đủ khổ hay dôi khổ, nhiều chữ hay ít chữ, nhưng khi hát lên phải hợp với phách theo quy tắc nhất định.

Một bài hát nói gồm hai phần chính: Muỗi và Nói. Muỗi để tóm tắt tư tưởng của bài hát nói. Muỗi thường thấy là những câu thơ lục bát, nếu có 2 câu gọi là “muỗi đơn”, có 4 câu là “muỗi kép”. Muỗi không đi riêng mà thường để mở đầu cho bài hát nói gọi là “Muỗi Tiên” và để kết thúc bài hát gọi là “Muỗi Hậu”.

Ngoài những câu Muỗi, một bài Hát Nói thường gồm có 11 câu, chia làm 3 khổ với bố cục: hai khổ trên mỗi

khổ có 4 câu, khổ dưới có 3 câu. Mỗi khổ được định nghĩa rõ rệt:

- Khổ đầu: gồm 4 câu. Hai câu 1, 2 là *Tổng mao* (lá đầu), và hai câu 3, 4 là *Thừa đề* (xuyên thừa).

- Khổ giữa: gồm 4 câu. Hai Câu 5, 6 dùng thơ thất ngôn, ngũ ngôn hay chữ Nôm, là hai câu chính ở giữa bài để nói lên ý nghĩa của bài hát nói, thường là hai câu đối nhau. Hai câu 7, 8 là ‘xuyên mau’.

- Khổ xiết: gồm 3 câu 9, 10, 11. Câu 9 là *câu dôn*, câu 10 là *câu xếp*, câu 11 là *câu keo*.

Câu thứ 11 tổng kết ý nghĩa toàn bài, là câu thơ có 6 chữ.

Các câu từ 1 đến 10 đều đi đôi với nhau, riêng câu 11 đứng riêng, vì theo bố cục của bài hát nói phách đến đó mới hết nhịp, nếu không thì câu ca đã chấm dứt mà nhịp phách vẫn còn.

Cách gieo vần trong bài hát nói cũng theo quy luật “Bằng, Trắc”. Bài hát nói dùng cả hai vần, một câu đang vần ‘bằng’ đôi qua vần ‘trắc’ hay ngược lại, đều có hai vần ‘*yêu vận*’ và ‘*cước vận*’, trừ câu thứ 6 là câu thơ nên chỉ có ‘*cước vận*’. Trong mỗi khổ, cước vận của câu đầu và câu cuối phải là vần trắc, cước vận hai câu giữa phải là vần bằng. Yêu vận của câu thứ 2 phải dùng ‘vần trắc’, câu thứ 4 phải dùng ‘vần bằng’.

*

Để thực hiện buổi trình diễn một bài hát nói cần có hai diễn viên, Ca Nương và Kép Đàn. Ca nương vừa ca vừa gõ phách còn kép đàn sử dụng đàn đáy. Ngoài ra còn có một người đánh trống

chầu, thường là một vị khách (quan viên), tham gia vào buổi hát để chấm câu hay phê phán câu ca, nhịp phách, tiếng đàn và cũng giúp cho người thường ngoạn biết chỗ nào hay, chỗ nào dở bằng tiếng trống “tom, chát”.

Về nguồn gốc của “Ả Đào” có nhiều truyền thuyết:

- Vào đời vua Lý Thái Tổ (1010-1028), một ca nương tên Đào thị hát hay đàn giỏi được nhà vua ban thưởng, nên tất cả những Ca nương hát hay đều gọi là Ả Đào.

- Một truyền thuyết khác được giới Ả Đào (Cô Dầu) xưng tụng là Tổ sáng lập và lấy ngày 11 tháng Chạp là ngày giỗ “Tổ Cô Dầu”. Hàng năm vào ngày này các đào kép khắp nơi về họp mặt tại đền thờ các tỉnh Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định.

- Theo tài liệu, “Đàn Đáy” xuất hiện vào thời nhà Lê, thế kỷ 15 với truyền thuyết, Đinh Lễ tự là Nguyễn Sinh, ở làng Cổ Đàm - Nghi Xuân, Hà Tĩnh, vốn là con nhà gia thế song tính tình phóng khoáng, thích đàn hát, được tiên cho khúc gỗ Ngô Đồng và mẫu vẽ cây đàn để làm đàn đáy, với lời dặn, tiếng đàn sẽ giúp dân làng vui sống và trị lành các bệnh tật.

Từ đây Đinh Lễ thường mang đàn ngao du khắp nơi. Tiếng đàn của Đinh Lễ làm người nghe đang buồn hóa vui, đang bệnh thấy khỏe lại. Tiếng đàn đã chữa khỏi bệnh câm từ hồi còn nhỏ của Bạch Hoa tiểu thư con quan Châu ở Thường Xuân, Thanh Hóa. Hai người trở lên vợ chồng và về Cổ Đàm (Nghi

Xuân, Hà Tĩnh) lập nghiệp. Chồng dạy đàn vợ dạy hát, đệ tử trong làng đến học rất đông. Bạch Hoa đã dùng tiếng hát giúp dân làng giải tỏa nỗi buồn. Sau khi Đinh Lễ theo tiên ông về trời, hóa thành con chim xanh, Bạch Hoa bị bệnh chết, hóa thành cây đào đỏ. Vì vậy, vua Lê phong cho Đinh Lễ là “Thanh Xà Đại vương” và Bạch Hoa là “Mãn Đà Hoa công chúa”. Dân làng Cổ Đàm lập đền thờ, lấy ngày 11 tháng chạp là ngày giỗ Tổ Cô Dầu. Tại các tỉnh Hưng Yên, Hà Đông, Nam Định, Hà Nội đều lập đền thờ hai vị này.

Hát “Ca Trù” cũng được giải thích là hát lấy “Thẻ” (*theo chữ Hán, Trù là thẻ*), một thanh tre nhỏ trên có ghi số tiền, dùng để thay tiền thưởng. Sau khi hát sẽ đổi thẻ ra tiền vì các quan viên không thưởng trực tiếp bằng tiền mặt. Ca trù được tổ chức thành Phường và Giáo phường, các tổ chức này được cai quản chặt chẽ bởi Trùm phường và Quản giáp.

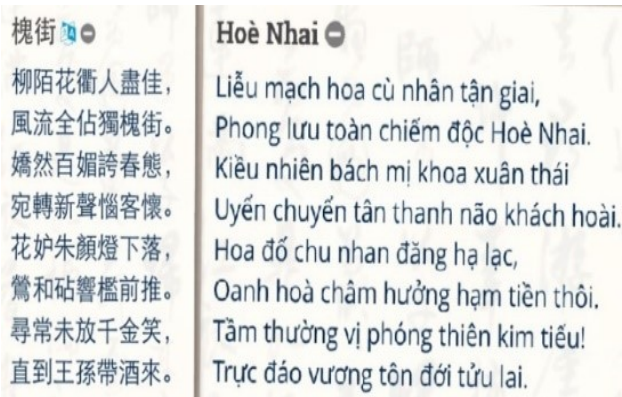
Đến cuối đời Nhà Lê, Hòe Nhai là giáo phường rất nổi tiếng với nhiều nhà hát ả đào. Đời Lê Cảnh Hưng (1740-1786), Tiến sĩ Ninh Tồn (1743-1795) đã ca ngợi phường Hòe Nhai qua bài thơ **Hòe Nhai**:

Hòe Nhai

*Bờ liễu, đường hoa, ai cũng đẹp,
Phong lưu bậc nhất, phố Hòe Nhai.
Yêu kiều trăm vẻ phô xuân sắc,
Uyển chuyển thanh âm náo dạ người.
Hoa rụng trước đèn ghen má phấn,
Oanh ca phách điểm rộn hiên ngoài.*

*Mua cười ai bỏ nghìn vàng nhĩ!
Chờ rượu vương tôn chở tới đây.
(Bản dịch: Ngô Văn Phú)*

*



Thật ra, muốn trở thành Á Đào phải trải qua nhiều giai đoạn tuyển chọn và học tập khó khăn. Theo truyền thống, mỗi ca nương đã thành nghệ có nhiều năm kinh nghiệm, thường truyền dạy nghệ thuật ca trù cho con cháu trong gia đình mà không dạy người ngoài. Người ngoài muốn học nghệ phải là người có năng khiếu ca hát, có nhiệt tâm và nhất là có đức hạnh, đến xin làm con nuôi mới được truyền nghệ. Thời gian học kéo dài ít nhất là 3, 4 năm về giọng ca và gõ phách, mới được thầy nhận xét là đã nắm vững nghệ thuật ca ngâm và gõ phách.

Trước khi biểu diễn cho quần chúng thưởng thức, ca nương phải hát cho một số người trong làng và người cầm chầu, một người am hiểu về ca trù. Sau khi cử tọa, nhất là người cầm chầu, nhìn nhận ca nương có giọng hát hay và nắm vững những nguyên tắc về gõ phách, nhất là phải có đức hạnh tốt, người thầy

mới cho ca nương “mặc áo nhà nghề”. Trước hết, ca nương phải biểu diễn tại Đình làng, gọi là Hát Cửa Đình, để tạ ơn Thần Thánh, Tổ nghiệp rồi mới được biểu diễn trước khán giả. Khi đó, gia đình của ca nương phải có bữa tiệc đãi khách. Bữa tiệc này gọi là “Lễ mở xiêm áo”.

Như vậy, Ca nương phải là những nghệ sĩ có tài đức vẹn toàn, chấp nhận đem cả sức lực, trau dồi tài đức, gìn giữ nghệ thuật ca trù của ông cha truyền lại, vượt qua những thử thách của thời gian và hoàn cảnh đổi thay của xã hội. Ngoài ra, các giáo phường đều có kỷ luật nghiêm khắc, phường nào cũng có quản giáp, cán sự phường để gìn giữ danh giá cho nhau. Cũng theo truyền thống, Kép đàn phải biết rõ ca nương để lời ca và tiếng đàn có thể kết hợp nhuần nhuyễn, cũng như để tránh tình ý giữa ca nương và kép đàn. Ngày xưa, thường anh đàn em ca, cha đàn con ca hoặc chồng đàn vợ ca, nhưng tục lệ này hiện nay không còn được giữ gìn chặt chẽ.

Hát nói cũng có quy luật, khi hát ca nương không há miệng, nhìn cứ như mím môi, không đẩy mạnh hơi mà phải “ém hơi” trong cổ, phải biết “âm ự” mà lời ca nghe vẫn rõ ràng. Hát phải rõ chữ, giọng ngân lúc dài khi ngắn, luyện láy theo âm hưởng lời ca. Khi chuyển âm ngân lên cao hay xuống

thấp, thường dùng “*i* hay *u*” để thay cho âm chính.

Ca nương vừa hát vừa gõ phách. Âm thanh của phách thể hiện như giọng ca thứ hai của ca nương, để giữ cho giọng ca đúng nhịp. Cổ Phách là nhạc cụ dùng riêng cho ca nương, với tên gọi:

* Phách gồm 3 phần:

- *Bàn phách* làm bằng tre hay gỗ, dài khoảng 30cm, rộng khoảng 5cm, cao 2,5 – 3cm. Nếu làm bằng tre, hai đầu mấu tre dùng làm chân cho bàn phách.

- *Cặp phách*: là một cặp dùi tròn làm bằng gỗ quý, một đầu to và một đầu nhỏ, dài từ 20 – 25 cm, một trong hai chiếc dùi được chẻ làm đôi (cầm chập vào nhau khi gõ). Chiếc dùi tròn gọi là Dương (có âm thanh cao, nặng và đục), còn dùi chẻ hai gọi là Âm (có âm thanh thấp, nhẹ). Tay trái cầm dùi tròn (Dương), tay phải cầm cặp dùi chẻ hai (Âm).



Phách nhìn thật đơn giản nhưng kỹ thuật sử dụng rất phong phú, gồm các cách chính dưới đây:

- ***Ngón rục***: Phách tròn (tay trái) gõ nhẹ, nảy nhanh trên bàn phách hai tiếng, tiếp theo sau là phách hai lá (tay phải) gõ xuống bàn phách một tiếng. Ba âm thanh gần nhau gọi là *ngón rục*.

- ***Ngón chát***: Phách tròn (tay trái) và phách 2 lá (tay Phải) cùng gõ xuống

bàn phách (phách 2 lá gõ hơi nhanh hơn một chút). Gõ xong không nhắc lên ngay nên âm thanh *chát và thó*.

Khi ca nương gõ phách, hai dùi Âm và Dương có hai tiếng khác nhau, một tiếng tròn một tiếng dẹp, một tiếng cao một tiếng thấp, một tiếng trong một tiếng đục, một tiếng nặng một tiếng nhẹ. Khi gõ cùng một lúc, hai âm thanh pha trộn chen lẫn nhau, làm cho tiết tấu có nhịp mà nghe như không có nhịp, thực mà hư. Có chỗ tiếng phách bao trùm tiếng hát, lúc điểm chấm câu, gõ cùng lúc với tiếng đàn. Tiếng phách có lúc ròn rã, dồn dập như tiếng pháo, có lúc róc rách, êm đềm như tiếng nước reo. Phách không những gõ nhịp mà còn luyến láy như tiếng hát để diễn tả cảm xúc của nội dung bài hát. Tiếng phách hòa quyện với lời ca một cách uyển chuyển hài hòa, đã làm người nghe thêm hứng thú, lắng hồn trong lời ca, điệu hát.

Ca trù được truyền lại trong môi trường gia đình do các nghệ sĩ đã thành danh, nên ca nương được giáo dục từ khi còn nhỏ trong khuôn khổ cũng như chịu kỷ luật theo truyền thống của gia đình. Ca trù là một loại âm nhạc trình diễn đặc biệt, không có ký âm pháp ghi sẵn theo nốt nhạc trên khuông giấy như âm nhạc hiện thời, nên ca nương phải học thuộc lòng. Vì vậy, nghệ thuật trình diễn trong ca trù hay dở, cao thấp tùy theo khả năng thiên bẩm của mỗi ca nương.

Khi trình diễn, ca nương ngồi yên như bất động, lưng thẳng, xếp bằng tròn trên chiếu hoa cạp điều với vẻ mặt bình thản, đoan trang, phục sức trang trọng kín đáo, làm tăng sự kính trọng của người thường lẫn. Ca nương đối thoại với quan khách bằng giọng hát và tiếng phách, đã gợi cảm hứng cho các văn nhân sáng tác tại chỗ hàng ngàn bài ca trù bằng chữ nôm, lưu lại cho hậu thế một kho tàng đồ sộ về văn chương bác học của nước nhà. Trong các tác phẩm đề đời của các tác giả Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh, Phan Bội Châu, Tản Đà... đã gửi gắm tâm huyết qua những sự kiện lịch sử trải dài nhiều thế kỷ.

* Song song với giọng ca và tiếng phách của Đào nương, “Đàn Đáy” là một nhạc cụ không thể thiếu trong các buổi trình diễn ca trù và chỉ xữ dụng trong ca trù.

Đàn Đáy với tên gọi chính là “đàn không đáy” tức “Vô Để Cầm”, một loại đàn không đáy, đã gọi tắt là đàn đáy. Đàn đáy cũng được gọi là *Đới cầm* (đàn được buộc giây đeo trên vai /đới = giây). Thùng đàn có hình dáng chữ nhật hay hình thang không có hậu, mặt đàn bằng gỗ cây Ngô Đồng. Đàn đáy thường được dùng để đệm cho giọng nữ cao hoặc phối hợp với các dụng cụ gỗ có âm thanh khô, ít vang. Điều thức của cây đàn đáy rất đặc biệt, tiết tấu cũng khác hẳn một số nhạc cụ khác.

Thi sĩ Nguyễn Hải Phương vịnh cây đàn đáy với những vần thơ:



*Tên em như có mà không
Ba dây dẫn sóng trăm sông về nguồn
Ca trù đồ hột phách giòn
Tuổi phai xanh, chạm tiếng đàn lại xanh.*

Thang âm của đàn đáy rất đặc biệt, hệ thống gắn phím 7 cung chia đều nhau, giúp cho nghệ sĩ không phải lên giây đàn khi tiếng hát lên cao hay xuống thấp, mà chỉ cần đổi vị trí ngón tay bấm. Đôi khi kẹp đàn phải nhấn sâu giữa hai phím để giây đàn căng, khiến âm thanh tiếng đàn cao vút hòa quyện với tiếng phách. Điểm này chứng tỏ tài nghệ khác biệt của kẹp đàn. Đàn đáy có 3 dây lớn nhỏ khác nhau bằng tơ se rất đặc biệt, phím đàn thật cao. Tiếng



đàn và giọng hát luôn quyện với nhau. Tuy khác âm nhưng khi đánh, tiếng đàn và nhịp phách vẫn đồng điệu.

Ca trù là loại nhạc thính phòng, đã trở thành một nghệ thuật riêng biệt của dân tộc Việt Nam, với những quy luật chặt chẽ, rõ ràng trong thơ và nhạc. Mỗi loại thơ đều có nét nhạc và tiết tấu đặc biệt tạo ra nhiều thể trong ca trù. Khi nghe một bài ca trù, người nghe như thưởng thức được nét văn chương bóng bẩy của câu thơ qua giọng ca, tiết tấu rộn ràng của tiếng phách, hòa lẫn thang âm dỗi dào, âm hưởng luyến láy, bay bướm của tiếng đàn.

*

Ngoài ca nương và kếp đàn còn có một người đánh trống châu ngồi về phía bên phải của ca nương. Người đánh trống châu gọi là “cầm châu”, một quan viên tới thưởng thức buổi hát ca trù, vì không thuộc nhóm ca trù nên thường ngồi một ghế riêng. Nếu ngồi chung chiếu, thường ngồi cách xa ca nương. Người cầm châu phải am hiểu nghệ thuật ca trù, vừa có trình độ văn hóa, thấu hiểu văn chương cũng như quy luật đánh trống châu. Người cầm châu đảm nhận việc ngắt mạch câu văn, khổ phách, khen tặng giọng ca hay, tiếng phách giòn hay nét đặc biệt luyến láy của tiếng đàn. Trên thực tế, ngoài việc nhận định kỹ thuật trình diễn, người cầm châu là người sẽ thưởng tiền cho ca nương và kếp đàn.

Cách đánh trống châu cũng được quy định chặt chẽ. Trống châu là một

trống nhỏ có hai mặt. Dùi trống gọi là “roi châu”, dài hơn dùi trống thường. Dùng roi châu đánh vào mặt trống phát ra âm “tom” và gõ vào “tang” trống (*tang=cạnh trống*) phát ra tiếng “chát”. Trống châu để chếch về phía bên trái người cầm châu, cách đầu gối trái chừng 20cm. Trước khi đánh trống, người cầm châu dè một phần bàn tay trái lên trên mặt trống để biết độ căng của mặt trống. Không dùng roi đánh thử trên mặt trống. Khi đánh trống, người cầm châu tay phải cầm roi, giữ bàn tay cầm roi giơ lên rồi úp bài tay đập roi xuống mặt trống. Tiếng trống đánh phải thật khoan thai, không hấp tấp vội vàng. Vì vậy, nghệ thuật thưởng thức hát cô đầu còn được gọi là “thú tom, chát”.

Cách khen thưởng câu hát và tiếng đàn cũng được ghi rõ. Khi ca nương hát có chữ hay trong câu hát, người cầm châu sẽ gõ “cắc” vào *tang* trống để thưởng chữ. Gặp chữ hay mà đánh “cắc” vào chữ ấy thì gọi là “đánh kịp”, đánh sau chữ hay gọi là “đánh chậm”, sắp đến chữ hay đã đoán trước mà gõ “cắc” gọi là “đánh gấp”. Khi người cầm châu đánh ngay vào tiếng hát, lấp tiếng hát khiến khán giả không nghe rõ câu hát, trường hợp này gọi là “trống lấp khẩu”. Trong bài hát có chữ hay nhưng câu hát đang liên tục, không có chỗ cách nhau mà điểm trống, chỉ gõ “cắc” hai, ba tiếng vào chữ ấy thì gọi là “cắc lèo”.

Trong khung cảnh hát ca trù, các văn nhân thường quyền luyện trước tài sắc vẹn toàn, thông hiểu văn chương thi phú của ca nương, cũng như ca nương cảm phục về tài thi phú và khẩu khí của văn nhân qua lời thơ, đã không tránh khỏi tình cảm nảy sinh giữa tài tử và giai nhân. Mặc dù là chuyện riêng tư hoặc ngẫu hứng, cũng ghi đậm nét son trong văn học của dân tộc.

Trong kho tàng ca trù, có nhiều bài thơ lưu lại chuyện tình cảm giữa văn nhân và ca nương, đã để lại những chuyện tình văn chương bất hủ còn lưu lại đến ngày nay.

Cụ Nguyễn Công Trứ (1778-1858) khi chưa thành đạt, lại ham thích hát ả đào mà không có tiền. Cụ muốn gài một ca nương nổi danh tài sắc nhưng tính rất kiêu kỳ, nên cụ không được toại nguyện. Cụ là người đánh đàn hay nên đến xin làm kép đàn. Khi cô đi hát thì cụ quẩy gánh và một thằng nhỏ xách đàn đi theo. Một hôm đi tới chỗ vắng cụ giật mình nói quên giấy đàn ở nhà. Cô bèn sai đứa nhỏ về lấy giấy đàn. Khi còn hai người, cụ muốn sao được vậy. Khi cụ làm Tổng Đốc, nhân ngày sinh nhật bèn cho gọi ả đào tới hát giúp vui. Khi vào hát, một cô trong nhóm ca nương ứng khẩu:

*Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyền ứ hự, anh hùng nhớ chăng?*

Cụ chợt nghĩ ra chuyện cũ, hỏi ra mới biết nàng chưa lấy ai, bèn lấy làm thứ thiếp. Nhưng xét cho cùng, mặc dù là chuyện đàn diu tình ái, nhưng tài tử phải tài tử như thế, giai nhân phải giai

nhân như thế, nhờ đó mới có những câu thơ tuyệt diệu, một chuyện tình đẹp lưu lại đến sau này.

Trong kho tàng văn học cụ Nguyễn Công Trứ đã để lại hàng trăm bài hát nói và thi phú, trong đó nổi bật những lời khuyên về quan niệm nhân sinh, như chữ Nhân:

*Tri túc tiện túc, dãi túc, hà thời túc /
Tri nhân tiện nhân, dãi nhân, hà thời nhân.*

Biết đủ là đủ, biết nhân là nhân. Không thể mong đợi, vì biết thế nào là nhân là đủ.

Với “Chí làm trai” cụ nhấn nhủ:

*Nhân sinh tự cổ thù vô tử / Lưu thủ
đan tâm chiếu hân thanh*

Hàm ý: Người ở đời ai mà không chết, phải lưu lại tấm lòng son trong sử sách.

Kể đến, như chuyện nhà nho Nguyễn Danh Kế và ca nương Nhữ Thị Nghiêm tại nhà hát phố Hàng Thao, tỉnh Nam Định, đã trở thành một chuyện tình đẹp. Họ thành vợ chồng và sinh ra Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, một thi sĩ tài hoa nổi danh trong văn học Việt Nam. Em gái của Tân Đà cũng là một ca nương tài sắc vẹn toàn.

Sang một khía cạnh khác, chuyện của Cụ Dương Khuê đã ghi lại tâm sự của mình về một giai đoạn lịch sử cam go dưới thời Vua Tự Đức. Cụ sinh năm Kỷ Hợi (1839) tại Vân Đình, Hà Đông, đỗ tiến sĩ năm Mậu Thìn (1868) và được bổ nhiệm Tri phủ Bình Giang, Hải Dương. Cụ dâng sớ lên vua Tự Đức phải quyết liệt với người Pháp, nhưng cụ bị chê là “bất thức thời vụ - không hiểu thời cuộc”. Nhà vua cho cụ

còn trẻ chưa trải việc đời. (Khi vua Tự Đức lên ngôi năm 19 tuổi (1847), cụ Dương Khuê mới lên 8). Vua Tự Đức băng hà ngày 16-6-1883 và Hòa ước ký kết giữa Triều Nguyễn và Pháp năm 1883, chấp nhận Nam Bộ thuộc quyền bảo hộ của Pháp và cho Pháp đặt công sứ tại các tỉnh thuộc bắc kỳ. Trong 15 năm đầu của cuộc đời làm quan, cụ hết lòng phò nước, trải qua những thăng trầm, nên cụ gửi gắm tâm sự của mình qua bài hát nói “*Hồng Hồng Tuyết Tuyết*”, với 4 câu mưỡu:

*Ngày xưa Tuyết muốn lấy ông
Ông chê Tuyết bé, Tuyết không biết gì*

*Bây giờ Tuyết đã đến thì
Ông muốn lấy Tuyết, Tuyết chê ông già*

...

Kể đến 2 câu chữ Hán 5 và 6 trong bài hát nói đã diễn tả ý chính của toàn bài cũng như nhận định của tác giả về hiện trạng đất nước lúc bấy giờ:

Ngã lãng du thời quân thượng thiếu

Quân kim hứa giả ngã thành ông

Với hàm ý: *Lúc ta đi chơi nàng còn nhỏ/*

Nay nàng sắp lấy chồng ta đã thành ông già.

(Xin xem tiếp trong số sau)

Trần Nhật Kim

(Virginia)

HOANG SƠ

Xa chốn thị thành lắm nhiều nhưong
Ta tìm nơi vắng lặng tha phương
Không vào huyên náo, ra chen chúc
Hoang đảo sơ khai giữa đại dương.

Sáng dậy vườn mình với rạng đông
Sau vườn đỉnh núi loé mây hồng
Trước hiên sương khói mờ nhân ảnh
Lạc cảnh thiên thai giữa cõi không.

Bóng mát ta ngồi mộng dưới trưa
Nắng vàng đổ xuống lá xanh thưa
Mây trôi lãng đãng về phương ấy
Người cũ còn ai qua bến xưa

Nước ẩm, trời êm, cát trắng ngàn
San hô, vỏ ốc trải bên chân
Tóc bay hương gió khơi nồng hạ
Tình tứ thơ lòng phơi phới ngân.

Chiều xuống mệnh mông tím cuối trời
Ngân hà lấp lánh cánh sao rơi
Thế gian nào thiết gì đâu nữa
Mà ước ao thêm ở cuộc đời.

Sóng vỗ ru vào giấc mộng em
Dù cho mưa bão nổi trong đêm
Tay anh say đắm vòng ôm ấp
Ngày mới đảo hoang rất dịu hiền.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Treasure Beach, Jamaica 10/1999

HOÀI NIỆM CHO MỘT QUÊ HƯƠNG QUA THI CA

Thi ca là thể giới của đại chúng, tìm về nơi đây là tìm về cội nguồn của dân tộc. Trong cung đình thơ và nhạc ấy có muôn vàn đóa hoa đầy thi vị và hương sắc tỏa lan trong môi trường rộng lớn của vũ trụ nhân sinh và trong tâm hồn mỗi người chúng ta.

Nếu những cuốn sách hoặc những áng văn xuôi dành cho người biết đọc thì thi ca dành cho mọi người, mọi giới như đã thực tiễn diễn ra trong xã hội Việt Nam ta từ xưa. Khi những bậc khoa bảng ngồi rung đùi bên tách trà, đọc sách, ngâm thơ, thì trên đồng ruộng, trên con đê về làng, dưới khóm trúc, ngõ tre v.v. cũng vang vọng những câu vè, câu ví, những áng phong dao, khúc ca đối đáp của những trai gái làng quê chỉ biết đến ruộng đồng, cây trái quanh mùa mà thôi.

Thi ca là thể loại mang tính du dương, nhịp điệu, dễ thuộc, dễ nhớ, dễ đi vào đời sống vì nó phát xuất từ tâm hồn, nó là của ta, và là ta. Ai mà chẳng có trong đời mình ít nhiều mơ mộng và kỷ niệm. Tất cả những gì đó chính là quê hương vậy.

Nói về tình tự dân tộc qua thi ca thật không cùng. Những khúc hát dân ca hay gần đây những nhạc bản mang hình ảnh đồng quê, thôn trang cũng rất nhiều và

rất phổ thông. Điển hình như ta nghe KHÚC CA NGÀY MÙA của Lam Phương:

*“Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát,
ánh trăng thanh chiếu qua làng man mác,
chiêu hồn quê bao khúc ca yêu đời...”*

Những ngày thanh bình là thế... sau lũy tre xanh là làng mạc với những chiều khói sương vương trên mái lá. rồi những ngày khởi sự chiến tranh, đạn bom, chia ly, tan tác, và lạc loài lưu vong, thi ca vẫn vương vীu quện vào thời cuộc cho ta vô vàn những áng thơ văn và khúc ca thời chiến. Ai mà đã chẳng từng nghe nhạc bản mang dấu tình buồn ĐÔI MẮT NGƯỜI SƠN TÂY mà nhạc sỹ Phạm Đình Chương đã ghép cánh nhạc cho lời thơ Quang Dũng; rồi bên cạnh nhạc khúc CỜ BAY ghi dấu chiến công oai hùng, tái chiếm cổ thành Quảng Trị, của QLVNCH., còn có biết bao nhiêu nhạc thời chiến như: NGƯỜI Ở LẠI CHARLIE, RỪNG LÁ THẤP, MỘNG THƯỜNG v.v. của Trần Thiện Thanh chẳng hạn.

Quê hương rộng lớn có những khoảng trời thu hẹp như thành phố, làng mạc, thôn xóm v.v., mỗi khi nhắc tới hay qua dòng nhạc, qua những vần thơ, lại gọi lên trong tâm tư người Việt ly hương

những bồi hồi, nhớ nhung, thương tiếc đến độ như muốn gào lên: “*Hà Nội ơi! Nào biết ra sao bây giờ...!*” hoặc “*Huế bây giờ...!*” Đọc thơ Nguyễn Sa

- *Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát*
- *bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông...*

hay những lời thiết tha của nhà thơ Cao Đồng Khánh trong UÂN TÌNH KẼ XA XỨ:

- *Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế*
- *nắng rọi trong đầu những trắng bao la*
- *còn đôi mắt tôi ở Nhà Bè ở Gia Định*
- *ở Ngã Tư Bảy Hiền ly nước mía, má, môi*
- *em đạp xe mini trời gió mềm trong áo*
- *thành phố bập bênh trôi giữa nắng*
mênh mông
- *sợi tóc chẻ hai gần đường xích đạo*
- *vạt áo sau lưng khép hờ Sài Gòn*
- *tôi một bữa đợi em mòn con mắt*
- *từ Suối Máu em về xanh như lá cây!*

bỗng nhiên hình ảnh và kỷ niệm của Sài Gòn một thuở tung bừng hoa lệ, những chiều đón đưa dập diu phố xá v.v., lại bùng lên trong tâm tưởng với muôn vàn nhớ thương.

Những biến cố thời cuộc đã là những động lực cho các văn nghệ sỹ tạo thành những áng văn thơ và nhạc khúc. Những hoài niệm ấy đã kéo dài non nửa thế kỷ và có thể tuổi đời chúng còn dài hơn tuổi thọ của các tác giả. Bởi mỗi khi nghe lại những lời thơ hay ca khúc mang âm hưởng tình quê hương ấy, lòng mỗi người Việt ly hương lại như sòng lại một quá khứ đầy ắp vẩn vương.

Không chỉ ở hải ngoại nỗi buồn nhớ quê mới thôi thúc cho ta những áng thi ca hoài niệm mà ngay trong nước, những người mang tâm trạng “kẻ xa lạ”, lưu đây trên quê hương, vẫn cho chúng ta những tiếng gọi tên thiết tha trong niềm đau mắt mát mà nay ta vẫn còn nghe đó là NƯỚC MẮT CHO SÀI GÒN, viết từ khi tác giả còn kẹt lại ở trong nước:

*“Sài Gòn ơi! Ta mất người như người
đã mất tên,
như dòng sông nước quấn quanh buồn...
như người đi cách mặt xa lòng.
Ta hỏi thăm em có nhớ không.
Sài Gòn ơi! Đến những ngày ôi hè phố
xôn xao,
trong niềm vui tiếng hỏi câu chào.
Sáng đời tươi thắm vạn sắc màu... nay
còn đâu!”.*

Những chủ đề cho quê hương niềm nhớ bâng bạc khắp đó đây! SÀI GÒN NIỀM NHỚ KHÔNG TÊN của Nguyễn Đình Toàn, ĐÊM NHỚ VỀ SÀI GÒN của Trầm Tử Thiêng, SÀI GÒN ƠI VĨNH BIỆT, NGƯỜI DI TẢN BUỒN của Nam Lộc, CHO MỘT THÀNH PHỐ MẤT TÊN (thơ Hoàng Ngọc Ẩn, nhạc Phạm Đình Chương)v.v.

Trong thi ca hoài niệm một quê hương đầy nhớ nhung thương tiếc, đôi khi ta còn bắt gặp những khoảng trống im lặng, buông lơi. Điển hình như nhà thơ Đỗ Trung Quân trong BÀI HỌC ĐẦU CHO CON, sau Giáp Văn Thạch phổ nhạc đổi thành QUÊ HƯƠNG, sau khi trả lời câu hỏi “*Quê hương là gì hả*

mẹ?”, cũng bằng thể thơ Trường Thiên Tứ Tuyệt song đoạn cuối chỉ có ba câu và riêng cuối câu thứ ba là ba chấm bỏ lửng. Sự buông lửng nằm ở đây như “một im lặng lớn vang trời rộng”, mỗi người chúng ta kể cả giới độc tài tham ô đang nắm quyền buôn dân bán nước tại quốc nội có thể tự tìm ra câu trả lời cho ba chấm buông lửng cuối bài thơ.

Quê hương mỗi người chỉ một

như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ...

Rồi những lời thơ nhắn nhủ lứa tuổi học trò sau 1975, ví như bài NÓI VỚI EM LỚP SÁU của Trần Bích Tiên, đang tuổi hoa niên, tuy có vẻ hồn nhiên song vẫn như phảng phất chút u hoài, mất mát của tuổi thơ. Bài thơ như một tín hiệu báo trước những tuổi đời của thế hệ; những đau buồn mất mát lòng trong những câu nói nhẹ nhàng êm tai nhưng đầy ẩn dụ xót xa như những tiếc thương đang chờn vờn trước ngõ vào tương lai.

-Sách trên tay chị nghe chừng nặng

-Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh

-Thôi nhé em về con phố dưới

-Giữ hoài cho chị tuổi hoa niên

-Hương cau vườn chị xa như tuổi

-Ba má chị nằm dưới mộ sâu

-Vườn cũ nhà xưa tàn với lửa

-Chị đi về hai buổi âm u!

Cuộc chiến trở nên khốc liệt từ 1960 cho đến 1975 biết bao vận nạn nảy sinh trong tâm tư thế hệ trẻ đã cống hiến

máu xương cho cuộc chiến vì lý tưởng Tự Do để rồi sau cùng lại phải đón nhận biết bao tang tóc, điêu tàn và mất mát bởi sự phản bội của đồng minh trên bàn cờ quốc tế. Những ước mơ và lý tưởng của lớp trẻ sau 1975 tan vỡ là như thế đó. Mất mát, hy sinh, chia ly, đau đớn và tủi nhục đã thành thương tích trong hồn mỗi người, đặc biệt là đối với những người mang nhiều nghề sỹ và thi tính. Bởi lớp người này luôn phản kháng những gì đe dọa hủy diệt quyền sống và tình người, họ yêu tự do và tình cảm con người, họ là những người chiến sỹ bảo vệ nền văn hóa nhân bản của dân tộc. Thế hệ trước 1945, một Quang Dũng, một Hoàng Cầm, một Hữu Loan v.v. đã nói lên điều này trong thi ca.

Quê hương là một giải sầu dài, từ lớp người *chưa hề biết đến nụ cười từ lúc chào đời* cho đến *thế hệ không có tuổi trẻ*, đã lần lượt chia tay chúng ta trên cõi đời này hoặc sẽ ra đi để trở về lòng đất trong ngậm ngùi thương cho quê hương, **nhưng hồn dân tộc của họ còn lưu lại ngàn đời qua những áng thi ca.** Michel Piclin đã có lần nhận định “*Con người rồi sẽ mất đi, còn tác phẩm thì sẽ trường tồn.*” Quả vậy, ta đã chẳng từng nghe trong nhạc bản của Trần Thiện Thanh viết về lính, viết cho lính và viết vì lính “*Anh không chết đâu anh....*”.

Trường Thy

BÀ VI

Diệm Trân

Bà Vi ngồi tư lự. Hôm nay thứ sáu ngày nhộn nhịp chó mèo nhưng chúng nó không dám đến gần bà, mà bà cũng không muốn bị quấy rầy. Bà đang suy tưởng tới một con chó khác, một con chó lai, lông đen tuyền lẫn với vằn trắng ở giữa mặt và trước ngực, cộng một chút nâu nhạt trên chân. Bà nghe nói nó nửa Border Collie và nửa German Shepherd, nhưng bà nghĩ nó phải có một chút Greyhound nữa. Bà không rõ bà đoán có đúng không, có thể nó lai nhiều phần hơn, hay có thể nó không có Greyhound như bà nghĩ, vì cô chủ của nó cũng không rõ lắm. Cô chủ đã bắt đến nơi bà cư ngụ, một viện dưỡng lão trong thành phố nhỏ này. Bà đã khuyến khích cô đi làm ban ngày từ khi con chó qua đời, nên cô không còn nhiều thì giờ đến thăm viện dưỡng lão nữa. Nhưng bà nhớ cô chủ. Một Yumiko nhỏ bé, xinh xinh, tuy đã là một người mẹ. Bà cũng nhớ con chó. Một Lulu thân dài, mảnh khảnh, trông như một greyhound, nhưng lại có màu sắc của một collie.

Từ lâu lắm rồi bà không yêu thích chó mèo. Lúc bà chỉ mới lên sáu tuổi, bà đã bị một con chó dữ, nhả răng nạt nộ, gần cắn bà nên từ đó bà sợ và không thích chó, rồi sinh ra bà không thích thú vật, nên cũng không thích mèo. Thật ra

bà cũng chẳng yêu loài người cho lắm trừ những người rất thân trong nhóm bạn bè hay gia đình. Mà bạn bè hay gia đình bà cũng đâu có nhiều. Nhưng tính bà thích cô lập nên bà không màng con số người thân ít ỏi. Bà ghét những thành phần bà cho là tồi tệ trong xã hội, mà bà càng ghét những kẻ vô công rồi nghề, làm việc ruồi bu, không nên tích sự. Thế mà bà cũng phải va chạm với những thành phần này trong viện dưỡng lão bà đang ở. Bà đã ở đây hơn năm năm. Năm đầu bà phải vào vì tai nạn xe hơi, tay chân chưa cử động lại được nên cần tập luyện cách dùng tay chân dưới sự chăm sóc chu đáo của những người chuyên môn trong ngành y khoa. Bà góa bụa, không có con, nên đã ủy quyền cho ông em để ông ta quyết định những vấn đề sức khỏe, pháp lý, và tài chánh cho bà. Bà vẫn tưởng sẽ chỉ ở trong viện một hai năm là cùng, nhưng ông em chưa cho phép bà ra. Bà có cảm tưởng ông em muốn bà ở trong đây vĩnh viễn nên bà hơi buồn, thất vọng, và nghĩ chuyện ủy quyền cho ông em là một việc làm đáng tiếc. Tuy nhiên bà vẫn chưa mất hết hy vọng, bà vẫn đang vận động tìm cách ra khỏi đây, vì bà không hòa hợp được với đời sống trong này. Một phần vì bà là con nhà danh giá nên bà hơi coi thường những người sống trong viện dưỡng lão. Phần thứ hai là tuy bà cần ngồi xe lăn, nhưng tâm trí bà rất minh mẫn, khác với đa số người đã phải vào sống trong viện. Có nhiều người hoặc bán thân bất toại hoặc

không còn cảm hứng sống, chỉ nằm trong phòng suốt ngày. Còn trong những người đi đứng hay ngồi xe lăn có thể ra ngoài phòng, rất ít ai còn đầu óc minh mẫn như bà. Bà chỉ cảm thông và nói chuyện được với một vài cô y tá. Phần đông thì các cô y tá hay những người phụ việc không ưa bà vì bà nóng tính và đòi hỏi. Còn trong số những người sống ở viện dưỡng lão này bà chỉ có mỗi một người bà có thể coi là bạn. Đó là ông Bob, trước từng là luật sư. Bà cũng cần nói chuyện với ông Bob về tình cảnh của bà để xem có xoay sở cách nào ra khỏi viện dưỡng lão. Bản tính bà vẫn quý những người có địa vị trong xã hội. Bà trọng sự thông minh, sự đẹp, sự sang, sự giàu có, sự trung bày. Bà là chủ một căn nhà gạch, trang trí sang trọng với nhiều đồ cổ rất quý giá mà bà đã bỏ công sưu tầm mua sắm. Bà mong ông em chăm sóc nhà cửa chu đáo cho bà. Bà vẫn mơ ước được trở lại sống trong căn nhà của bà dù phải ở một mình trong xe lăn. Bà đã suy nghĩ nhiều về vấn đề này. Bà sẽ cho xây một cầu thang máy để bà lên xuống ba tầng nhà dễ dàng. Bà sẽ mượn một người đến giúp bà com nước, dọn dẹp nhà cửa. Bà mong thuyết phục được ông em đồng ý với bà về việc bà về nhà sống để mọi sự được ổn thỏa tốt đẹp.

Cách đây bốn năm, viện dưỡng lão chấp nhận một chương trình nhằm mục đích giúp người già mở rộng sự liên hệ với bên ngoài và nâng cao tâm thần của họ. Chương trình “Pets on Wheels” này

làm bà rất bất mãn, tuy phần đông những người già trong viện có vẻ hài lòng. Những kẻ ăn không ngồi rồi, phần đông là phụ nữ rồi nghề, không có gì khác làm, đem theo chó hay mèo đến diễn hành trong những hành lang của viện. Phần đông thì họ đem theo chó nên bà càng ghét. Bà rùng mình mỗi sáng thứ sáu vì ngày ấy cái chương trình Pets on Wheels rầm rộ nhất. Cả đoàn, dám đến hơn chục mụ rồi nghề, mỗi mụ một con chó hay con mèo, cùng nhau tập nập mười giờ sáng trở ra, đi ngang các hành lang và gõ cửa các phòng. Bà sợ lắm. Tuy họ nói những con vật này đã thông qua những mục thử thách và rất hiền lành, bà không thể nào tin họ hoàn toàn được. Bà đã có kinh nghiệm bản thân. Bà cũng đã đọc nhiều trong báo chí về chuyện những con chó, trước đây vẫn hiền lành, bỗng nổi máu điên hay máu ghen tuông khi gia đình có thêm em bé. Biết bao nhiêu con chó đã phải bị tiêu diệt khi chúng nó không còn hiền lành, ngoan ngoãn vì một lý do nào đó? Năm đầu bà trốn trong phòng bà, nhưng vẫn không yên. Đám ăn không ngồi rồi này nằng nặc đòi gõ cửa vào các phòng cơ chứ! Mỗi lần họ mở hé cửa thò đầu vào chào bà, những gì bà nhìn thấy đầu tiên là cái lưỡi dài thông lòng và những cái răng nhọn hoắt của con vật đang đi cùng với họ, trông như nó đang chờ cơ hội ăn sống bà. Bà hét lên, “Không! Đóng cửa lại. Đừng vào phòng.” Nếu bà khóa được cửa thì bà cũng đã khóa rồi. Suốt

buổi sáng thứ sáu, bà hồi hộp, lo âu, không biết sẽ còn ai gõ cửa đòi vào. Bà ra yết thị là bà không muốn gia nhập chương trình quái quỷ này, nhưng lâu lâu vẫn có một kẻ quên đi hay một kẻ mới gia nhập chương trình chưa được biết yết thị nên bà vẫn không hoàn toàn an tâm.

Năm thứ hai của chương trình bà thay đổi chính sách. Thay vì đóng cửa ngò lo lắng trong phòng, bà ra ngay phòng công cộng ngò, nơi bà quan sát được những kẻ qua lại. Bà chửi đồng nếu bà nhìn thấy người nào đem theo thú vật, nhất là nếu thú vật đó là một con chó. Bà tấn công bằng mồm từ khi họ còn đằng xa nên chẳng ai dám đến gần. Bà thích chính sách này hơn vì bà không bị giật mình. Chương trình Pets on Wheels sau này cũng có vẻ quy mô hơn. Những kẻ mới gia nhập mà muốn đem thú vật đến thăm người già đều phải trải qua một buổi hướng dẫn. Bà biết là người điều khiển buổi hướng dẫn này có báo cho những người mới gia nhập chương trình biết về bà và nhất là tài chửi đồng của bà. Bởi vậy, nhiều khi bà mệt hay chưa kịp chửi đồng, thiên hạ cũng vẫn né tránh bà. Bà hài lòng với sự dãn xếp này. Bà không bị trói buộc trong phòng khi họ tới. Bà dùng thì giờ này để đọc báo và trông coi cái hồ cá nơi bà ngò. Những người sống trong viện dưỡng lão cũng chẳng thích bà nên họ không đến ngò gần bà, cho nên bà coi như bồn cá là của riêng bà. Bà tự cho cá ăn và đó thành thông lệ. Những

người làm trong viện dưỡng lão coi như việc đó là của bà. Viện dưỡng lão cung cấp thực phẩm và những gì cần thiết cho bồn. Bà cho cá ăn và giữ cho bồn sạch. Ngoài việc chửi đồng, bà không mấy để ý đến những mục đàn bà không chịu ở nhà trông nom nhà cửa hay đi làm ra tiền, mà ăn bám chồng và cứ xách đít đến đây. Bà coi thường họ. Tuy bà sinh ra trong gia đình danh giá, bà cũng đã đi làm ra tiền sau khi có bằng đại học. Sau khi chồng bà mất sớm, bà không tái giá và vẫn đi làm cho đến tuổi về hưu. Bà trọng trí thức, sự cần lao, và những tiện nghi đồng tiền đem tới.

Năm ngoái bà thấy một khuôn mặt mới trong đám ăn không ngò rồi. Nhưng khuôn mặt này khác với những khuôn mặt bà vẫn thấy từ xưa đến nay. Làn da mịn màng. Mái tóc đen xõa dài. Đôi môi đỏ thắm với nụ cười tươi. Cặp mắt xéch một cách dễ thương chi lạ. Đi cùng với khuôn mặt khác lạ này là một con chó có vóc dáng uyển chuyển nhưng mạnh mẽ của một greyhound. Tuy ghét và sợ chó, bà xếp hàng Greyhound vào loại chó sang. Thấy đôi mắt xéch nhìn bà như trên ghẹo mà không có vẻ muốn tránh né, tâm thần bà hơi bị lung lay. Bà thầm nghĩ mình cần phải tấn công trước. Bà la lên, “Đi đi. Đừng tới gần tao. Tao không có gì cho lũ ăn không ngò rồi của tụi bây đâu. Tao không cần đưa nào đến viếng. Đem chó không tích sự gì đi biệt đi.” Đôi môi đỏ thắm không trả lời, nhưng nụ cười chẳng tắt. Con chó nhìn bà như

muốn được về, nhưng nó quay đi theo chủ. Bà chưa hết sợ chó. Bà mừng thầm nó đã ngoan ngoãn biến đi với cô chủ của nó.

Cô chủ con chó trở lại viện dưỡng lão đều đặn, bình thường một buổi sáng trong tuần. Đầu tiên cô không dừng lại chỗ bà nhưng lúc nào cô cũng ban cho bà một nụ cười. Thật ra thì bà không chắc là cô cười với bà, nhưng khác với những người kia, cô không có vẻ né tránh bà. Cô vẫn nhìn bà với cặp mắt xéch có vẻ khiêu khích và trêu ghẹo. Riết rồi bà cũng thôi chửi đổng, và bà ngạc nhiên khi bà cảm thấy bà bắt đầu có cảm tình với cặp chủ/chó này. Nhưng bà không phải là người diễn đạt tư tưởng mình nên bà chỉ giữ cảm tình trong âm thầm mà thôi.

Rồi một hôm, bà cũng chẳng biết hôm nào, cô ngừng lại chỗ bà ngồi. Cô cẩn thận để con chó ngồi xa bà. Con chó rất ngoan. Cô bảo nó nằm thì nó nằm xuống, không đòi hỏi, không kèo nèo, không buồn phiền. Cô tự giới thiệu và làm quen với bà. Bà bằng lòng nói chuyện vì trong tâm bà đã có chút gì thay đổi. Bà không hẳn học nữa. Bà hết khinh cô không có việc làm, ăn không ngồi rồi. Càng ngày bà càng mến cô và con chó. Nó nằm xa bà nên bà không sợ. Cô tiếp tục ghé thăm bà. Bà bắt đầu trông ngóng ngày cô đến. Tên cô là Yumiko. Cô có một cậu con trai. Cô đã từng đi làm nhưng tạm nghỉ ở nhà trông con khi cậu con trai còn bé. Nay cậu con trai đã đi học. Cô dùng thời giờ

rảnh trong khi cậu ở trường để tham gia chương trình Pets on Wheels thăm người già trong viện dưỡng lão. Cô kể chuyện cô đã đến một nông trại cách nhà một tiếng để đón con chó Lulu về khi nó mới sáu tuần. Trước đó cô không có nuôi chó nên cô cũng không rành về những loại chó khác nhau. Đến nông trại, cô không nhìn thấy chó mẹ hay chó cha, mà cô cũng không đòi hỏi phải biết tường tận, nên cô cũng không rõ cha mẹ con chó của cô có lai hay không. Cô chọn Lulu trong một lứa chó con vì nó có vẻ lanh lẹn tuy nhỏ con hơn anh chị em của nó. Từ ngày đầu, nó đã thích đi ra ngoài và thích ngồi xe hơi. Nó gặp ai cũng vẫy đuôi mừng nên cô nghĩ nó sẽ hòa hợp với chương trình Pets on Wheels. Mà đúng như vậy, phần đông ai cũng muốn cô ngừng lại nói chuyện để họ ngắm hay vuốt ve Lulu. Ngay cả bà Vi cũng động lòng, tuy bà không nói ra. Có hôm trường đóng cửa, học sinh được nghỉ, cô đem cậu con trai đến viện dưỡng lão với cô. Chẳng bé kháu khỉnh gớm. Bà ước bà có một thằng cháu như vậy. Dần dần bà coi cô như người trong gia đình. Nếu cô tâm sự, bà lắng nghe và có khi cho ý kiến. Ngoài thăm viếng bà, cô cũng thường xuyên thăm một số người cô ưa thích trong viện dưỡng lão. Qua cô, bà cảm thấy lòng bà nhẹ nhàng hơn trước. Chẳng hiểu tại sao, bà bớt khinh đời, bớt cẩu kính, bớt thành kiến. Bà ăn ngon, ngủ ngon hơn trước. Bà bắt đầu giao tiếp với những người làm việc trong viện thường xuyên hơn. Nhiều

người rất dễ thương, vậy mà sao từ trước đến nay bà không nhận ra điều ấy? Tuy nhiên, ngoài Lulu, bà vẫn sợ và tránh những con chó trong chương trình Pets on Wheels.

Bà cũng biết cô Yumiko đã gần một năm. Tuy con Lulu không nằm ngay cạnh bà, bà cũng hết sợ nó rồi. Bỗng một hôm cô không bắt nó nằm xa nữa mà đem nó đến gần bà. Nó nằm ngay dưới chân bà. Bà cảm thấy ấm áp. Không bao lâu sau, cô nói với bà là nó bị ung thư. Bà buồn cho nó. Ngày cuối cùng bà nhìn thấy Lulu, cô khuyến khích bà vuốt lông nó. Bà chần chừ. Bà cũng muốn, nhưng bà không quen diễn đạt tư tưởng. Bà lại bắt đầu sợ, không dám. Cô nắm bàn tay khẳng khiu của bà, rồi từ từ đặt bàn tay của bà lên mình cho chó. Bà không rút tay về, mà để cô dùng tay bà vuốt lông Lulu.

Cô trở lại một vài lần sau khi Lulu đã ra đi. Bà khuyến khích cô đi làm lại. Cô cũng đã muốn thế. Cô mừng cho bà khi bà nói ông em đã bằng lòng giúp bà rời viện dưỡng lão để trở về ngôi nhà của bà. Cô hứa sẽ đem thằng con đến thăm bà.

Hôm nay là ngày cuối ở viện dưỡng lão của bà. Ngày hôm sau ông em sẽ đến đón bà về căn nhà cũ của bà. Bà mừng cho cô Yumiko có việc làm tốt, nhưng bà hiểu cô không cần có việc làm mới có thể là một người gương mẫu, nhân từ, đức hạnh, đáng yêu. Trong thời gian quen biết cô, bà đã học hỏi được nhiều. Bà cảm thấy tâm hồn thanh thản

hơn khi bà không nhìn đời bằng cặp mắt thù oán hay khinh khi. Qua cô Yumiko, bà đã dành cảm tình cho một con thú bà vẫn hằng ghét và sợ từ xưa, và bà tin tưởng rằng Lulu cũng đã dành một phần con tim nó cho bà. Bà nhớ đến cặp mắt Lulu khi tay bà vuốt lông nó. Đầu tiên nó nhìn bà với ánh mắt đầy tình thương. Hẳn nó muốn có tình thương của bà ban cho nó, mà tim nó cũng áp ủ hình ảnh bà, bà nghĩ vậy. Khi tay bà vuốt lông nó, thì nó bắt đầu nhắm mắt lại. Mắt nó lim dim. Dường như nó đã chấp nhận những gì sẽ xảy tới. Trông nó thật bình an. Ôi sao bà nhớ nó ra riết. Thật quái lạ. Bà đâu ngờ hôm nay ngày cuối bà ở đây mà bà lại không hý hửng như bà hằng nghĩ. Bà mong cô Yumiko sẽ đến thăm bà như lời hứa. Bà không còn ham muốn có nhà cao cửa rộng với đồ đạc trang hoàng sang trọng mà không có người để chia sẻ.

Nước mắt bà rơi từ lúc nào bà chẳng hay. Bà lầm bầm, “Cám ơn Chúa. Ngày mai là một ngày mới.”



Diệm Trần

Nhân đọc

HOA TƯƠNG TƯ

Của Hồng Thủy

Mùa Thu bảy năm trước, 2010, Hồng Thủy trình làng tuyển tập “Những Cánh Hoa Dại Màu Vàng” hình bìa vẽ hoa dại màu vàng, bên trong gói ghém 416 trang gồm đủ thể loại từ truyện ngắn, hồi ký, phiếm, tùy bút, thơ, nhạc, bát... với Đồi Dòng Tâm Sự mở đầu, khiêm tốn, trang nhã:

“Khi có ý định mang những sáng tác của mình góp mặt trong vườn hoa văn chương, tôi có ý nghĩ: tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ khác là những bông hoa quý muôn màu muôn sắc. Riêng tác phẩm của tôi, tôi chỉ muốn ví nó như những bông hoa dại màu vàng mọc ở đám cỏ bên đường. Hoài bão của nó là tô điểm một chút màu sắc cho bức tranh đời bớt khô khan..”

Cuối tháng Ba 2017 chúng ta lại nhận được Thư Mời tham dự buổi ra mắt sách mới của Hồng Thủy ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn với nhan đề: “Hoa Tương Tư.”

Thấm thoát gần bảy năm. Bảy năm nước chảy qua cầu. Nhưng đừng thấy vậy mà nghĩ rằng khoảng thời gian hơi xa cách. Sự hoạt động tích cực trên nhiều lãnh vực của tác giả khẳng định, chứng minh điều đó, mới lại dù chậm mà chắc còn hơn. Ngoài chuyện viết văn

làm thơ ta biết Hồng Thủy vẫn hăng hái luôn chung sức lo việc Nhà Việt Nam; Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ; Gia đình Trung Vương Hải Ngoại...

Nội dung tuyển tập “Hoa Tương Tư” gần như “Những Cánh Hoa Dại Màu Vàng” nghĩa là đủ văn, thơ, bát... Nhìn vào nhan sách “Hoa Tương Tư” thật mơ mộng, thật hấp dẫn. In ấn trang nhã.

Thực tế ta thấy nhiều nhan đề sách của các tác giả khác cũng vô cùng đặc địa. Ngắn mà đầy đủ như “Yêu” của Chu Tử (1917-1975) dài như Trần Văn Lệ với “Bay Về Đâu Đó Ở Quê Hương” lại vô cùng nghĩa lý. Rải rác nơi “Hoa Tương Tư” có nhiều tiểu mục thấp thoáng gần xa chủ đề tương tư. Hồng Thủy còn cẩn thận viết một bài nói rõ về hoa tương tư. (Trg 27). Vậy là đẹp quá rồi..

Ngoài chuyện hoa tương tư, mà Tương Tư là gì nhỉ? Có phải sự việc nhớ nhau chăng? Nói chung cần ít nhất hai vật thể ngược chiều, về người thì hai người trở lên mới phản ánh qua lại được, mới “tương” được; Tư là sự suy nghĩ tha thiết nơi tim, ý tưởng vương vấn trong lòng. Đó là định nghĩa thông thường. Song nếu trường hợp có hai người bạn trai xa cách, nói nhớ nhau là đủ, đừng bảo họ tương tư có thể làm người nghe hiểu lầm.

Tương tư phần lớn là tuổi trẻ và nó có hàm ý pha trộn thêm chút tình khác giới tính nữa. Như thế suy ra thời gian tương tư chẳng bao giờ mong kéo dài. Tương tư là xa cách. Nó như muốn rút

ngắn cả không gian cả thời gian để chuyển sang một trạng thái khác, khi cũ, khi mới... thí dụ gần nhau, yêu nhau chẳng hạn.

Ngày xưa, có vị tướng giỏi được cử đến trị nhậm nơi nguy hiểm, vì thế không tiện mang theo gia đình, chiều chiều khi rảnh việc, quan lớn thường leo lên ngọn đồi cao, lặng ngó về cô hương, mà chỉ thấy đám mây trắng lững lờ... nhớ người nâng khăn sửa túi, chẳng biết giờ này đang làm gì, bèn than rằng “hiên thê xá tại kỳ hạ!”.

Vị phu nhân ‘xá tại kỳ hạ’ nhiều lúc vắng vẻ, nhìn căn phòng êm ấm xưa, chắc cũng cảm thấy cô đơn, cứ vợ vẫn tưởng tới bao kỷ niệm, nhưng chỉ âm thầm giữ kín trong tâm, “nỗi lòng biết ngó cùng ai, Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây...”, hồi đó chưa có cell phone tương tư mà muốn dù chỉ chuyện trò, thăm hỏi nhau cũng không được!

Lại thấy có trường hợp chả cần hai bên mà chỉ một cũng tương tư. Tương tư một chiều rất nguy hiểm, không tốt, các cụ ta xưa coi đó là cái bệnh có thể dẫn đến tình trạng “Ôm lẩn, ôm lóc, trọc đầu”. Vậy định nghĩa tương tư lại đã linh động thay đổi một chút rồi:

Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ôm tương tư...
Ca dao.

Trong một vài truyện ngắn nơi cuốn Hoa Tương Tư ta gặp gỡ lối viết bình dị dễ dàng, khiến tạo thành mấy nụ cười dí dỏm và kín đáo như “Mùa Thu Những

Chiếc Khăn Quàng Của Mẹ” với “con bé lỗi tỳ, dinh tề, giọng hát ông bơ rĩ...” Nhiều người cho rằng đây không hẳn là văn chương, văn chương cần viết cho thật nghiêm túc! Đúng! Văn chương đâu phải chuyện tầm thường!

“Văn chương cao thượng, ‘cứu rồi’ thì xin cứ việc, nhưng cũng đừng quên rằng, nhiều lúc nó còn có một chức năng khiêm tốn khác là tạo vài tiếng cười đôi khi rất cần thiết cho cuộc đời mà không phải lúc nào cũng sẵn.” Trần Kh. bảo thế! Ý kiến này theo tôi rất xây dựng! Cuộc đời đã bề khổ trăm năm rồi! Thiên chức của mọi người nhất là kẻ cầm bút thì phải và nên làm cho nó thêm đẹp, “cho bức tranh đời bớt khô khan.”

Viết cẩn thận, chừng chạc là khó. Rất khó. Song viết dễ đọc giả thấy vui, hấp dẫn, nhớ mãi cũng chẳng dễ gì. Trong Văn Học Sử Việt Nam đã ai bằng nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772-1822) chưa? Hơn nữa bây giờ, ngay cả mai sau, cũng khó có người nào làm như vậy được.

Tôi thích những bài văn lan man chuyện nọ chuyện kia Hồng Thủy viết lời cuốn, thí dụ trong truyện ngắn “Ván Vương” từ mấy món ăn, casino đỏ đen, đến trai gái gặp nhau, Nha Trang...

Nói về thơ Hồng thủy thì nhớ trong cuốn sách của Nguyễn Hưng Quốc “THƠ V. V...và V. V...” Văn Nghệ 1966 có trích lời Trần Nguyên Đán (1325-1390) khoe là tại Việt Nam hầu như ai cũng biết làm thơ. Nhận xét này đúng mà cũng không đúng!

Trường hợp trong Hoa Tương Tư thấy điểm xuyên mấy bài thật là “Thi ngôn kỳ chí dã”. Tôi đọc nhiều lần bài “Về Lại Chôn Xưa” cứ tơ tưởng quãng đời cũ, man mác hoài: “Anh về lại chôn xưa, Em không còn đó nữa...(trang 354). Thơ Hồng Thủy nhẹ nhàng, đầy tình yêu tha nhân, kỷ niệm. Du Tử Lê nhận xét “Tôi thấy đáng trân quý” là chính xác. Quan trọng của thơ là cái hồn, cái nhạc điệu. Thơ của Hồng Thủy nhiều nhạc điệu. Nếu không nhìn thấy nhạc điệu thì làm sao Nhật Bằng, Văn Sơn Trường, Nguyễn Ánh 9, Vĩnh Điện phổ nhạc được.

Khách quan phải nhận rằng ngày ra mắt tuyển tập Hoa Tương Tư đông thật là đông. Xe Ô-tô đậu đầy sân. Có những kẻ từ xa, có người gần, Hoàng Song Liêm, Nguyễn Thị Nhị, Uyên Thao, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Vũ Hối, Phan Khâm,... phần lớn khách mời đều là “danh trần giang hồ” cả.

Anh chị em một vùng ngoại vi Hoa Thịnh Đốn về phía Nam, ở thủ phủ Virginia is for lovers cũng có đại diện hăng hái đi dự. Trần Quốc Bảo bạn, Phan Anh Dũng & Tâm Hảo bạn. Thì còn Hoa Văn và tôi, cả con chim họa my Thái Ninh nữa...chúng tôi tạm rời rừng hoa Dogwood muôn màu rực rỡ, có mặt tham dự Hoa Tương Tư để bắt tay. Cổ nhân ngộ cổ nhân. Lâu quá mới gặp. Sao khỏe không? Cười cười nói nói, chuyện trò... rất vui.

Nói chung, bằng hữu thân quen thì dù xa cách thường xuyên vẫn nhớ đến

nhau song có dịp mới cất công tri ngộ. Xin Cảm ơn Hoa Tương Tư. Cảm ơn Hồng Thủy. Tổ chức rất chu đáo tiếp đón ân cần hậu hỹ, âm thanh giàn nhạc tuyệt vời. Kim Tước hát vẫn hay như thuở nào. việc ra mắt sách này đã một phen gom được bạn bè đông đủ tung bừng. Nhiều người nghĩ thực hiện xong Tuyển Tập Hoa Tương Tư, nào in ấn, kiếm nơi tập hợp, gửi thiệp mời, chương trình tiếp đón... chắc chắn tác giả rất bận rộn cả từ nhiều tháng trước, những ngày sau...

Hình như trong cuộc gặp gỡ trên đài truyền hình SBTN tuần lễ cuối tháng Ba 2017 Hồng Thủy bày tỏ, đại ý, Hoa Tương Tư có lẽ là cuốn sách cuối cùng, nhiều chuyện khó khăn lắm mới thực hiện được! Không còn công sức làm nữa đâu!

Dù thông cảm với công lao, nhọc nhằn, tôi mạn phép chẳng nghĩ thế, vẫn hy vọng có ngày Hồng Thủy lại báo tin vui ra mắt sách mới. Viết lách là cái nghiệp.”Đã mang lấy nghiệp vào thân” Đến đây chắc còn thiếu vài điều mà vì đầu óc mất mũi bây giờ chẳng còn như trước (Biết rồi! Khổ lắm nói mãi!) lúc nhớ khi quên, lóng ngóng sơ sót. Vây tạm kết thúc bằng bốn câu ngẫu hứng làm kỷ niệm:

“Hoa Tương Tư Hội” tháng Ba
Văn nhân, thi sĩ gần xa tung bừng,
Tôi cư ngụ cách lưng chừng,
Dăm câu để lại chúc mừng thể thôi!

Nguyễn Phú long.

BẰNG LÒNG LÀ HẠNH PHÚC

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Huê vừa nấu bếp vừa lắng tai nghe tin tức.

Chiều nào cũng thế, khoảng năm giờ là có tin tức. Không đi làm, chỉ giúp cho bà cụ gần sát bên nhà hai tiếng mỗi ngày, cho phần nấu cơm tối và giúp bà ăn uống, dọn dẹp vì bà ngồi xe lăn... Đến gần năm giờ thì con bà về... Huê lãnh hai chục đồng tiền mặt, có nhiều thì giờ dư thừa để muốn làm gì thì làm.

Nghe đài Mỹ chán chê, Huê đổi qua đài Việt Nam.

Ba đứa con của Huê đã lớn. Chúng tung cánh bay đi bốn phương trời sau khi ra trường. Ông chồng Huê thì tối ngày đi làm, ăn cơm xong là biến ngay vào phòng làm việc, ngồi với cái máy computer cho đến khi đi ngủ. Có khi ở luôn trong phòng đó!

Mà ông muốn ngủ đâu thì tùy, Huê cũng chẳng thắc mắc! Sự việc như vậy đã quen rồi! Huê còn thấy thoải mái nữa là đàn ông khác! Lớn tuổi một chút, tuy Huê mới bốn mươi tám, còn chồng năm mươi lăm, mà chẳng ai nghĩ đến chuyện sex xiếc gì nữa...

Thật ra Huê nghĩ như vậy là do phần nàng. Cả năm nay, ít khi đụng đến nhau... Càng khỏe! Không biết mấy bà khác thì sao? Riêng Huê, nàng không

thích vấn đề “sex” chút nào! Mỗi lần chồng đòi hỏi thể xác, thì Huê lại mệt mỏi, kiếm cớ từ chối!

Sau thì chồng Huê cũng ít khi tỏ ý muốn gần gũi vợ! Càng tốt! Huê biết mình làm vậy là không đúng, nhưng mà “ngủ” với đàn ông, dù là chồng mình, Huê cũng “mệt” khó chịu! Không hứng thú!

Tình trạng giữa hai vợ chồng gần như là sống chung nhà, ăn chung mâm... nhưng mạnh ai nấy lo, nấy làm, nấy chơi... Chơi là chồng Huê ngồi trước máy Computer, còn Huê thì ra vườn...

Tiền lương đem về, chia ra ba bảy. Huê giữ phần bảy để lo thanh toán điện nước, thức ăn, xăng nhớt, tiệc mừng... Phần chồng giữ ba, muốn làm gì thì làm, Huê không cần biết đến. Cũng may là cái nhà đã trả hết nợ mấy năm nay.

Huê cũng thế. Chồng đưa tiền, chi tiêu khéo léo, còn thừa bao nhiêu cất bấy nhiêu. Riêng tiền Huê đi làm thêm cho bà cụ, thường là gần cả ngàn một tháng, bởi vì những ngày cuối tuần, con bà đi chơi, cần người thay thế, thì Huê lại nhận lời, vì tiền tăng lên gấp ba, bốn lần... mà Huê ở nhà cũng chẳng làm gì!

Có tiền, Huê không la cà shopping, cũng chẳng chơi bài bạc, không rượu chè thuốc lá... nhiều người bạn

cho rằng như vậy là đời sống chẳng đáng sống!

Có thật như vậy không?

Huê là người đàn bà nề nếp, người nội trợ đảm đang, có tướng vượng phu ích tử, lo thu vén nhà cửa, có bữa cơm canh nóng sốt cho chồng, nuôi con cái ăn học thành tài... Quá tốt rồi còn gì? Nhưng không, nghe qua cuộc sống của nàng, ai cũng cho là nhàm chán!

Tại sao vậy?

Huê đề ý những khi đi dự tiệc, bất cứ tiệc gì, mọi người, kể cả nàng đều hứng thú khi nghe chuyện bà kia ngoại tình, dặt nhau hẹn hò nơi đâu, bị chồng bắt gặp ở đâu?

- Bà có gì lạ không?

Huê lắc đầu:

- Thì cũng vậy thôi... ở nhà nấu cơm, chiều đi làm giúp bà cụ, tối về dọn dẹp nhà cửa... một ngày như mọi ngày...

- Không đi đâu chơi à?

- Đi đâu? Tôi thích trồng cây, nấu nướng xong thì ra vườn...

Chưa nói hết câu, Huê đã thấy người bạn ngoáy đầu sang bên cạnh:

- Sao, bà nói con mụ Thanh lên chồng đi với thằng cha Nhân hả?

- Chứ còn gì nữa... con mụ đó cái tính làm cao, tưởng mình là ngon lành, công dung ngôn hạnh lắm... Xí, tôi nói thật, con mề ngôn với dung thì tạm, còn công và hạnh thì đốt đuốc mười năm tìm cũng không thấy!

- Ủ, có lần tui cũng thấy bà với ông Nhân cặp kè đi chơi ở biển Camel đó...

Bà Tám tỏ ra rành rẽ:

- Như vậy là mấy người đó rủ nhau đi ăn nem ăn chả nhiều lần rồi... Không biết chồng bà Thanh với vợ ông Nhân có biết không ta?

Bà Thu đáp ngay:

- Mấy người đó đã làm được chuyện tôi bại thì xá gì chuyện ông chồng hay là vợ của họ! Có khi họ nghĩ cặp kè như vậy là hay, còn hắt mặt lên trời...

Bà Tám cắt cớ:

- Hay là sao?

- Thì con mụ thằng cha đó nghĩ cướp vợ hay chồng người, tức ta đây còn ngon! Thời nay mấy mụ hay ra đường đá lông nheo đàn ông khác, để coi mình có còn ngon không...

- Làm vậy để chi?

- Thì đàn bà mà... có đàn ông theo rất tự đắc, khoái chí... nghĩ là mình còn đẹp, mình hay... nhưng thật ra... thì hời ôi! đều bị lợi dụng!

Huê hỏi tới:

- Sao mà hời ôi? Ai lợi dụng ai? Có của lạ sướng muốn chết hời ôi gì?

- Mấy bà nên nhớ rằng, con mụ hay thằng cha nào thích của lạ, hay săn tìm đàn ông để lợi dụng, thì thế nào cũng bị quả báo... Trong cộng đồng mình có cha kia léng phéng gạt vợ, cặp với một em đáng tuổi con cháu, chả đang đòi ly dị “máy bay bà già”, thì khám phá ra đã bị em bé truyền cho bệnh Sida... mà đa số mấy ông đi ăn chả bên ngoài, cuối cùng cũng về với vợ...

- Tôi biết có một mụ tài sắc không bằng ai, đeo dính anh nhà văn nổi tiếng

kia, bắt chắp vợ con người ta và chồng của mình... mục đích được nổi ké...

- Rồi sao? Có nổi không?

Bà Tám hạ độc thủ:

- Nổi, nổi lênh bênh như... mấy cục c... trôi trên sông Hương...

- Giời ôi... lại còn ví von sông Hương... mấy thứ đó sông nào nó chẳng trôi... Thời buổi này đừng có tin người ngoài, đàn bà có chồng mà còn liếc mắt đưa tình với trai, đàn ông có vợ mà còn lăng nhăng... những thứ này thế nào cũng bị Trời phạt!

- Tui thấy hình như ông Trời bây giờ cũng chán ngán chuyện thế gian, ông hay nhắm mắt làm ngơ!

Bà Đình xoay câu chuyện qua hướng khác:

- Ủ... thời bây giờ sao nhiều người bày bạ quá, lợi dụng lòng thương người, đặt ra những phe nhóm lấy tên các nạn nhân, nhất là lợi dụng các trẻ em... rồi đi quyên tiền thiên hạ bỏ vào túi mình! đem về Việt Nam mua nhà mua đất đầu tư... Ăn ở như vậy thật là thất đức!

- Tụi nó đã dám làm thì đâu có sợ đức với diếc gì nữa!

- Mà làm được vài lần thế nào cũng lòi mặt chuột ra!

- Còn phải nói, cộng đồng hải ngoại quá rành về bọn chúng... Đâu có phải ngây thơ bị lường gạt, cúng tiền cho bọn chúng xài hoài!

- Tui nhìn mấy đứa lạm dụng xin xỏ, tui chỉ muốn tống cho vài quả vào mặt!

- Thôi thôi, xin can... tôi sợ số này hơi bị nhiều, bà tống chúng nó thì vẹo tay bà thôi!

- Tui hồng ư mấy đứa mặt dày mày dạn, mượn tên người đi cướp cơm chim... Tui nói vậy mà ai tức, thì coi như “có tật giật mình”! không thì mắc mớ gì mà nhột!

Câu chuyện xoay quanh những con mẹ nạ dòng, những thằng cha dê cụ, đánh ghen, chửi bới, giết chóc... hấp dẫn người nghe thật!

Chưa hết, thế gian ngày nay còn có những chuyện kinh khiếp như ăn thịt bào thai, ăn thịt người... cũng rộ lên trong mỗi lần gặp:

- Trời ơi gớm quá... tôi nhìn hình, thấy thằng cha đang xẻ thịt con gái ăn mà khiếp vía! Tay một nẻo, chân một nơi...

- Nó làm photoshop đó bà! Làm gì mà có vụ ăn thịt người!

- Bà nói thế là sao? Không có thật à?

- Thì tôi nghĩ vậy... vì khi nhìn vào tấm hình, tôi nghĩ đây là một con heo bị chọc huyết, rồi mấy tên vô công rồi nghề, thay đổi tứ chi con heo bằng con người... lại còn kiểm thân hình của gái đẹp bỏ vào cho hấp dẫn...

- Hấp dẫn mục nội người ta ấy! coi kinh bỏ cha!

Lần này thì bà Huê xen vào:

- Tui nghĩ vụ ăn thịt người có thật, có lâu rồi...

- Sao, bà thấy tận mắt à?

- Không, nhưng hồi xưa mình vẫn nghe nói tụi mọi nó ăn thịt người đó

thôi! Tụi nó cột người ta rồi luộc hay nướng, có phải không?

Mấy bà im lặng suy nghĩ... Cũng có lý. Tụi mọi ăn thịt người là có... “May be” hồi xưa chưa có Cell phon để quay hình dễ dàng, ngày nay thì cái gì “kỳ lạ” diễn ra cũng thành “chứng nhân” được, vì người ta hay lưu lại hình ảnh đã thấy vào máy...

- Ủ, đúng... nhưng trong hình tụi nó ăn mặc đâu phải là mọi!

- Cái gì giả thì hay lòi ra xạo! Giá tụi nó tung lên hình mọi trong rừng ăn thịt người thì người ta dễ tin hơn!

- Máy thăng phá thì không biết tính toán, chỉ biết phá cho đã...

- Bộ bà tưởng máy đưa biết tính toán không phá chắc! Tụi nó mà phá còn quá cha là đàng khác!

Chuyện xoay lại xoay quanh vụ đa tình, lưỡng gạt, giết chóc... nói hoài vẫn hứng thú... thế gian là thế... Chuyện của Huê, nó nhảm chán như cơm nguội... chẳng có gì để thích nghe!

Mỗi lần gặp bạn ở đám tiệc, chồng Huê theo các ông ngồi coi đá banh trên TV nếu đang mùa ở phòng khách, Huê vào phòng ăn với mấy bà, im lặng nghe thiên hạ đưa chuyện ra tha hồ đầu!

Nhiều chuyện nghe cũng hấp dẫn chưa từng thấy!

Coi TV chán, Huê với tay lấy một tờ báo, đọc một bản tin khác hấp dẫn như sau:

Chết vì trúng độc đặc () (* bản tin có thật, chuyện đã xảy ra trong cộng đồng Việt hải ngoại tại California)*

Theo tin của đài KTLA, một người đàn ông gốc Việt tên là Bùi Ngọc Chi, cư ngụ tại thành phố Westminster đã trúng độc đặc (jackpot) ở một sòng bài có tên là Hawaiian Gardens, và anh Chi đã lãnh khoảng vài ngàn đô la tiền mặt.

Sau đó, anh cùng người bạn gái hân hoan ra về, vui mừng vì được trúng số... mà không hề phòng có hai người đang theo dõi anh ta.

Trên đường đi về Santa Ana vào lúc 4:30 sáng, hai người này đã lái xe ép xe anh Chi khiến anh phải dừng xe lại.

Sau đó cả hai dùng dao tấn công anh Chi, và khi anh Bùi Ngọc Chi ngã xuống đường, thì hai tên này đã cướp hết tiền của anh, rồi chạy trở lại xe chạy trốn. Trong trốn chạy, đã cán qua phần trên người của anh Chi, khiến anh bị chết tại chỗ. Chuyện xảy ra theo lời kể của cảnh sát viên điều tra tên là Anthony Bertagna.

Trong lúc việc cướp của giết người đang diễn ra, thì bạn gái của anh Chi chứng kiến mọi việc ngay tại hiện trường, và cô ta đã hét lớn kêu cứu liên tục... Có người nghe thấy đã gọi điện thoại cấp cứu 911. Thế nhưng khi cảnh sát đến, thì anh Chi đã bị giết, cướp đã chạy, xung quanh xác chết của anh Chi, còn để lại một con dao và hàng chục tờ giấy bạc 20 Mỹ kim bay tung toé.

Người bạn gái của anh Chi không bị tấn công, là nhân chứng còn lại ngay tại hiện trường. Cảnh sát đang điều tra vụ này.

Thoạt tiên, cảnh sát điều tra nghĩ rằng nạn nhân bị đâm cho đến chết, thế nhưng sau đó suy đoán rằng nạn nhân đã bị cướp dùng dao dọa, và anh chết khi bị xe cán qua phần trên cơ thể trên người. Không biết thật sự anh ta bị cướp đi bao nhiêu tiền.

Theo cảnh sát cho biết, thì nghi can đã tẩu thoát bằng chiếc xe màu xám, nhỏ, kính xe được “tinted” để người ngoài không thể nhìn bên trong xe.

Người anh trai của anh Bùi Ngọc Chi cho biết anh Chi năm nay 55 tuổi, tuổi mùi, đã vượt biên đến Hoa Kỳ năm 1982. Cho đến lúc chết, anh Chi vẫn còn độc thân và chuyên về buôn bán làm ăn ở Nam Cali.

Chuyện giữ tiền mặt trong người thật sự nguy hiểm, vì rất dễ bị cướp và giết. Đây là một trường hợp bi kịch cần biết, cần rút kinh nghiệm trong cộng đồng Việt Nam.

Câu chuyện này làm chúng ta gọi nhớ lại chuyện “phú ông thất mã”, có nghĩa là “Trong cái hên có khi có cả cái xui”...

Ghê thật! Bà Huê đọc xong bản tin không biết do hai thằng ăn cướp thật sự, hay là do đâu mà anh Chi chết? Tại sao nó biết anh Chi đã lãnh vài ngàn trong túi? Nếu anh chết rồi, thì số tiền trúng thưởng có tiếp tục phát ra cho người thân của anh hay không? Hay anh đã “ngủm” thì số tiền sẽ không phát ra nữa!

Thật khó hiểu!

Mà nghĩ ăn tiền sòng bài cũng không phải dễ! Ai đến chơi sòng bài cũng cho

là hên xui, thua vài trăm không thành vấn đề, vì là đi chơi, chấp nhận mất tiền.

Nhưng có người mê bài, thua nhiều hơn ăn, số tiền có khi lên đến cả mấy trăm ngàn, mấy triệu... rồi đâm ra nợ nần, tài sản mất dần...

Ông vua Donut người Cambodia là một ví dụ điển hình. Ông là chủ mấy chục cửa tiệm Donut ở Mỹ, vì ham mê bài bạc... đến nỗi về nhà gây gổ với vợ, khi xưa là con gái một quan chức lớn trong nước, một người mà khi còn trẻ ông từng khổ sở lúc chinh phục, lắm phong trần mới lấy được bà...

Bà thấy ông mất dần tiền bạc, khuyên bảo mãi cũng không nghe, vì con ma bài nó vận vào người, nên nhất quyết ly dị ông, để may ra còn giữ được một nửa tài sản...

Sau khi ly dị vợ, chia đôi tài sản, rồi cuối cùng ông đã vào sòng bài để nướng hết, trắng tay... bán tất cả những gì ông có, để mang vào sòng bài với hy vọng gỡ gạc... Ông thật sự không còn một cái gì!

Ông phải đi ở trọ ở nhà một người bạn nghèo tốt bụng, cho ông ngủ tạm dưới mái hiên của căn nhà Mobile home.

Bà Huê bần thần khi đọc bản tin này.

Con người có lúc lên như điều, có lúc thì xuống tận bùn đen. Mà khi đã thất thế thì ít ai muốn giao tiếp! kể cả thân nhân bạn bè! Cũng phải thôi, vì giao tiếp với người thất bại không có lợi lộc gì, còn bị mượn tiền và xin giúp đỡ!

Nhớ lại bà Đình có lần rủ bà Huê đi sửa sắc đẹp, mục đích để hâm nóng tình

yêu... Bà Huê đã suy nghĩ mãi về câu nói này. Bà nhìn vào gương, thấy nhan sắc mình dạo này có mờ đi xuống dốc! Nhất là những đốm tàn nhan trên trán, hai bên đuôi mắt có vài vết chân chim!

- Bà nên làm đẹp, ăn diện đi ra ngoài cho thiên hạ lé mắt... Bà cứ ăn mặc xuề xòa, chỉ biết đi họp mặt bạn bè thế này thì chán chết!

- Tôi phải đi đâu bây giờ... Tối họp mặt thế này đối với tôi là cũng vui lắm rồi!

- Bà này, còn trẻ mà cứ làm như sáu mươi không bằng... Bà thấy mấy bà ca sĩ không? gần bảy mươi mà bà nào bà nấy tươi rói, nhin ăn xẹp lép mặc áo dài trông như là con gái ấy thôi...

- Chuyện... bà nói hay, họ leo lên sân khấu thì phải nhin ăn nhin uống, phải chưng diện... Còn tôi diện cho... mấy thằng Mẽ nó coi à!

- Làm gì mà nản vậy bà! Tôi nhớ hồi xưa bà đi chơi xinh xắn lắm... Sao tự nhiên bà lại không đánh phấn nữa vậy?

- Bởi vì thấy lớn tuổi, con cái ra trường, mình như già đi...

- Bà còn thua tôi hai tuổi... đàn bà dù đi làm hay ở nhà cũng phải coi cho được một chút! Cứ lười xùi lam lũ riết rồi thành thói quen... À, cuối tuần này, Macy's nó sale 50% off, bà đi với tôi nghe...

- Lâu rồi tôi có shopping gì đâu... với lại mấy cái một miếc bây giờ, tôi thấy không hợp!

Bà Đình gắt:

- Thì vô mấy tiệm mặc tiền mà sắm, độ tuổi nào cũng có hết. Tuy mặc,

nhưng mặc vô thì thấy sang trọng chứ không rẻ tiền!

- Mà tôi có đi đâu đâu!

- Bà quên rồi hả? Đám cưới con bà Thu sắp đến, buổi hấp hôn ba mươi năm của anh chị Lạp, còn nữa, sau đó là ngày các bà trong nhóm tổ chức cuộc khéo tay hay làm... Bà là thư ký buổi họp...

- Ồ há... vậy mà tôi có để ý đâu... Thảo nào lúc nào nhìn bà cũng trẻ trung, xinh đẹp...

- Có gì đâu... vì tôi hay sửa soạn cho mình nhìn tươm tất... và quan trọng là cho ông chồng khỏi chán...

Nghe bà Đình nói, bà Huê chau mày:

- Bà làm gì cho chồng khỏi chán?

- Để tôi nói bà nghe... đàn bà con gái thời này ghê lắm... dù chồng bà xấu trai, hay gì gì đi chăng nữa, nhưng họ vẫn xáp vô vì chỉ cần ông chồng bà đi làm, có tiền là xong ngay... Mình sửa soạn để cho chồng mình khỏi nghe theo mấy con hồ ly tinh đó... bởi họ nể mình... có đi ra ngoài bị dụ dỗ, nhưng cũng chỉ là chơi vui qua đường rồi bỏ... họ phải nghĩ rằng vợ của họ cũng có thứ như ai...

- Bà nói cũng đúng... ăn thua là thiên hạ nhìn vào, thấy mình hơn hẳn con hồ ly tinh là được...

- Dĩ nhiên, chứ nếu như bà lùm xùm quá, thì ông cũng đâu có hãnh diện... Nhưng với tôi, một mặt thì tôi ăn diện cho đẹp hơn, một mặt cho ông ra đường tha hồ rửa mắt, tha hồ “địa” đàn bà con gái khác... có mất mát gì đâu mà sợ... ông lại còn cho rằng vợ mình thoải mái...

- Ủa, bà không ghen sao?

- Có gì đâu mà ghen! Già rồi bà ơi... thả lỏng cho ông hưởng không khí tự do cũng chẳng thiệt gì đâu, có món mỗi gì!!! Có khi vì thế mà ông lại còn chịu mình hơn...

Nghe bà Đình nói, bà Huê nghiêng đầu suy nghĩ. Thật ra thì trong nhà bà, chưa bao giờ bà trông thấy tận mắt cảnh ông chồng bà ái mộ người khác. Nếu có, thì chắc ông giấu giếm, lén lút không để cho bà thấy! Dù sao thì ông cũng phải tôn trọng bà chứ!

Nhưng suy cho cùng thì bà biết tính chồng mình! Ông không phải là loại tham sắc. Ra đường gặp bà nào đồng đành, chanh chua, lợi dụng... ông biết rảo trội.

Ông cứ im lặng mỉm cười, không ồn ào góp chuyện như những ông bạn “rượu vào lời ra, ba hoa chích chòe”! Có lẽ vì thế mà dù không phải thuộc loại đẹp trai, nhưng con người ông lại toát ra cái vẻ người đàn ông điềm đạm, làm cho một số bà khoái!

Về nhà, khi ngồi ăn cơm, ông mới phán một câu, nếu như bà Huê nhắc đến người đó. Một câu nói từ cửa miệng của ông, bà thấy đúng phong phóc!

- Tội nghiệp cho con mụ Cẩm Thúy Thanh, nó mà nghe anh phê bình, chắc là độn thổ! Sao lúc đó em thấy anh có vẻ tử tế với nó lắm mà...

- Anh có làm gì đâu... Người ta hỏi giúp thì anh giúp, chỉ vậy thôi.

Huê được dịp dò xét chồng:

- Mấy mụ ưa lê la đầu ngõ bây giờ thường bắt chước nhau, hay ăn diện ra đường, gặp đàn ông là nhảy vào chài mồi để sai khiến và lợi dụng... anh thấy báo chí nói vậy đúng hay sai?

- Em tưởng mấy thằng nhà báo đang hoang lắm chắc? Trong mười tên thì có vài người trung thực, còn lại cũng “tham sân si” như người khác thôi! Nhiều khi chính cái tên viết bài này bị bỏ đá, bị đàn bà lợi dụng rồi bỏ rơi, khiến hấn ta nổi sùng, nhìn đời bằng con mắt tối tăm, đen thui lui... sau đó trả thù bỏ, trả thù đời bằng cách viết bài châm biếm...

- Anh nói có lẽ đúng...

- Đúng chắc chứ không phải có lẽ... Anh biết có tên nhà văn kia, chuyên môn lên báo đăng “tìm bạn bốn phương”, dù đã có vợ và nhan sắc hấn xếp vào diện Chí Phèo... nhưng cái miệng thì khỏi nói, thuộc loại “đéo còn hơn kẹo mạch nha”! Thế nên cũng có những bà tâm hồn lãng mạn nghe theo, kết bạn..., rồi thời gian sau đó thì tan hàng, bắt đầu chửi nhau trên email, trên nét, Facebook... làm ồn tai, xốn mắt người nghe và xem... Thế giới này suy ra thì cũng tròn, nhỏ bé... cuối cùng cũng gom vô một mồi, người ta đung đầu nhau là chả, vạch mặt nhau là rầm... Thế cho nên...

Chồng bà Huê ngừng lại, gắp một miếng dưa leo đưa lên miệng...

- Thế nên làm sao?

- Đừng có nghĩ là mình làm những việc sai quấy, giấu giếm mà không ai

biết... Cây kim trong bọc có ngày tự nó cũng thò ra... Phải sống làm sao cho đúng... Nếu mình làm tốt, làm đúng thì chẳng sợ gì cả...

- Phải, nếu mình ăn ở đúng, thì sợ gì chứ!

- Ở đời kỳ lắm, cuộc sống giờ nó đủ rồi, nên có những người thích nổi, coi danh vọng là trọng, muốn qua mặt người khác bằng những hành động, việc làm sai trái, rồi lại hay lên mặt bắt bẻ, tấn công những người lương thiện... bằng cách mua chuộc những người chung quanh...

- Mua chuộc bằng cách nào?

- Thiếu gì cách, biếu xén, ăn nhậu, đưa tiền... bè đảng... rủ nhau xúm vào nói để làm cho người khác tin... nhưng chỉ được một thời gian đầu thôi, rồi sau đó đồng hương cũng biết!

- Có người giấu kỹ nên cũng đâu ai biết!

Chồng bà Huê cười mỉm:

- Ai bảo em là không ai biết? Chính tư cách, lời ăn tiếng nói của người đó tự tố cáo họ... bản năng của một người dối trá thì không bao giờ họ cư xử tử tế với người khác được... Căn bản là vậy...

Bây giờ bà Huê lại mỉm cười. Bà nghĩ đến lời bà Đinh rủ bà đi sửa sắc đẹp, để cho chồng khỏi chán, nể nang hơn... chắc không cần nữa...

- Anh có muốn em làm đẹp để anh hãnh diện có bà vợ yêu kiều không?

Bà Huê hỏi thẳng thừng. Ông chồng đáp:

- Người ta đã nói “nghèo cho sạch, rách cho thơm”... lâu nay anh quen

nhìn em bình thường, lo lắng việc nhà, không dư dả... như vậy là hạnh phúc rồi... Đi đâu với nhau, em chỉ cần trang điểm nhẹ nhàng một chút là tốt rồi... với lại...

- Với lại làm sao?

- Em có thấy bà già nào sửa sắc đẹp, ăn diện lầy lùm mà người ta khen là đẹp như con gái đâu! người ta chỉ nghĩ thầm... “bà này già còn diện quá”... dù họ chỉ nghĩ mà không dám nói ra... Em cũng nghĩ vậy thôi... đúng không?

- Đúng... nhưng sửa những khuyết điểm nhỏ thì cũng nên, phải không anh!

Bà Huê nói mà không cần chồng trả lời...

Bà nghĩ ngày mai sẽ rủ bà Đinh đi tới thẩm mỹ viện, để xâm hàng lông mày mọc lộn xộn, để lấy những cái mụn cám, tàn nhang, để... Nhưng không bao giờ có chuyện bom ngực, độn mông... những thứ này ở tuổi bà, có chồng mấy mươi năm... không cần thiết nữa!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



LỖI HẸN

Phong Thu

Sau mười hai năm chờ đợi và nuôi dưỡng chồng học tập cải tạo, mẹ Hân đã nhận được giấy báo tử của chồng. Mọi niềm hy vọng của gia đình bỗng chốc tan vỡ. Mẹ nàng khóc ngất, và từ đó nàng không bao giờ còn thấy nụ cười nở trên môi mẹ. Khi nghe phong phanh gia đình Hân làm giấy đi Mỹ, những người hàng xóm xúm nhau cười.

Có người cho rằng gia đình Hân đang mơ chuyện lên cung trăng. Có nghĩa mĩa mai gia đình Hân sẽ được đi “Mỹ Tho”, có người còn cá độ với nhau nếu gia đình nàng đi Mỹ họ sẽ mất một triệu đồng. Hân chỉ im lặng cười và không nói gì. Miệng đời mà. Khi người ta nhìn kẻ khác không thân thể, không tiền bạc thì kẻ đó mãi mãi không bao giờ dám mơ ước điều gì tốt cho mình. Giấy tờ gia đình chạy rất nhanh. Chỉ trong vòng một năm, gia đình Hân đã rời khỏi Việt Nam không một chút nuối tiếc và buồn.

Ngày đó, lòng Hân lạnh giá và tâm tư trống rỗng đến nỗi mọi cảm xúc sơ cứng, chán chường. Mẹ nàng khóc ngất trên sân bay. Em gái nàng nhỏ lệ, còn nàng trở ra như một tảng băng. Quê hương mà nàng yêu dấu không còn là chốn bình yên và đã giết chết cảm xúc,

mơ ước đầu đời và niềm yêu thương mà nàng nung nấu trong tim suốt bao năm. Chỉ có vài người bạn tiễn đưa nàng đi trong đó có Trương Nhật Nam. Người bạn trai duy nhất và nhóm “Tứ Quái”. Nhưng nhóm Tứ Quái đã vắng mặt Thủy vì Thủy đã rời Việt Nam trước Hân một tuần. Nàng biết Thủy giận vì nàng không đưa Thủy ra sân bay. Suốt nhiều năm sau đó, nàng tìm mọi cách liên lạc Thủy mà không được. Thư gửi đi không một dòng hồi âm. Con nhỏ hờn mát, giận dai như đĩa. Nhưng cuối cùng, Thủy cũng nhớ tình Xưa nghĩa cũ mà tha thứ cho nàng.

Trong nhóm Tứ Quái, Thủy là con nhỏ bạn hiền, biết điều và tốt bụng nhất. Nó sống đơn giản, nhút nhát như chính vóc dáng tươi mát và nụ cười vô tư nở trên khuôn mặt đầy đặn. Còn cái đám kia thì phá phách xí xọn không ai chịu nổi. Tất cả các nàng đã lần lượt lên xe bông. Riêng Thủy thì vẫn phòng không chiếc bóng. Thủy gửi thư với những dòng tâm sự thật cô đơn và buồn. Ngày xưa vì muốn rời khỏi Việt Nam nên Thủy không dám yêu ai. Khi sang Úc, tuổi đã ngoài ba mươi, cộng thêm cái tính nhút nhát nên Thủy vẫn sống cô đơn. Năm vừa qua, Thủy có báo tin cho Hân biết rằng Thủy quen với một người. Anh ta học chung trường tại Việt Nam và đang sống tại California. Hân hỏi thăm nhiều lần về người bạn trai của Thủy. Nhưng cô nàng không nói và hẹn ngày sang Mỹ thăm nàng và sẽ cho nàng biết. Ngày đó đã đến...

Sáng nay, Hân ra sân bay đón Thủy. Sân bay rất đông người. Tiếng người gọi nhau í ới, tiếng loa phóng thanh hòa lẫn tiếng động cơ của xe cộ và tiếng máy bay cất cánh. Hân vừa bước đến nơi nhận hành lý đã thấy Thủy đang đứng chờ. Hân hấp tấp chạy lại gọi bạn:

“Xin lỗi nhà người ta đến trễ.”

“Không sao. Ta chờ có dài cổ cũng được.”

“Đưa vali đây ta xách cho.”

“Ta xách được mà. Bộ mi tưởng ta ốm yếu lắm sao.”

Thủy nheo mắt cười tinh nghịch. Hân phì cười vì cả hai tuổi đã trên bốn mươi mà còn mập-tao như thuở còn đi học. Thủy vẫn trẻ trung, hồn nhiên và vô tư như ngày xưa. Hân đưa bạn ra xe. Vừa lái xe vừa trêu chọc:

“Chà! Nhờ có chàng mà ta gặp lại bạn hiền. Không biết cái anh chàng mặt mũi ra sao mà làm cho mi phải lặn lội sang đây đến nửa vòng trái đất.”

Thủy nhìn Hân cười ý nhị:

“Mi có nghĩ rằng chàng ta có quen biết với bọn mình không?”

Hân nhú mày hỏi:

“Nhưng là ai mới được.”

“Về nhà ta sẽ kể cho mi nghe.”

Hân vừa mở cửa là đã thấy hai nhóc tí của nàng chạy ào đến ôm chân nàng và reo lên:

“Mẹ về rồi. Mẹ ơi con nhớ mẹ lắm

Hân cúi xuống hôn lên má hai con và ẵm bé Nga lên:

“Xạo quá. Mẹ đi có 2 tiếng đồng hồ mà nhớ mẹ. Hai con chào dì Thủy đi.”

“Hai con chào dì mới đến chơi.” – Hai đứa lễ phép chào.

Thủy nhìn hai đứa bé như hai búp hoa trắng tươi, xinh xắn, dễ yêu khiến Thủy buột miệng khen:

“Hai con ngoan quá! Dì có chút quà cho hai con đây.”

Thủy đặt vali xuống nền nhà và lấy quà trao cho hai đứa. Bé Tiên và Nga mở to đôi mắt hao hao nhìn. Khi đã nhận quà thì ôm hôn Thủy và biến mất. Thủy nhìn theo chúng cười vui vẻ”

“Trời ơi! Trong đám “Tứ Quái” mi là đứa hạnh phúc nhất. Cứ nhìn hai đứa đẹp như búp hoa đã mê rồi. À! Còn ông xã của mi đâu. Cho ta diện kiến dung nhan của chàng coi.”

“Anh ấy đi công tác rồi. Tuần sau mới về. Ta phải nhờ dì Tâm đến để giúp đỡ trông nom hai đứa khi ta vắng nhà.”

“Mi thật hạnh phúc. Ta ghen với mi đó nhỏ ơi!”

“Làm sao mình biết được ngày mai. Ngày xưa, khi còn ở Việt Nam, ta nghĩ đời mình sẽ chôn vùi trong bóng đêm của chế độ cộng sản. Tất cả bạn bè sau khi ra trường đã bỏ nước ra đi. Thầy Quang dạy Vật Lý và thầy Khánh dạy toán đã vượt biên. Cô Đào dạy Hoá Học cũng bỏ chồng sau khi đám cưới vừa tròn một năm. Sau đó, thầy Chánh cũng ở tù vì vượt biên. Còn thầy Chu An dạy Văn thì nghèo ơi là nghèo. Hàng ngày, thầy đạp xe từ Sài Gòn về Bình Dương dạy học và còn chở đàng sau mấy chục ký khí đá để bán kiếm tiền sống qua

ngày. Cuộc sống của thầy cô tan tác lắm nhỏ ơi!”

“Ta cũng biết tất cả những chuyện xảy ra sau khi chúng mình ra trường. Ta với mi đã bay sang Tây. Nhỏ Ngân thì có chồng giàu nhưng nghe nói thằng chồng bây giờ trở quẻ nên keo kiệt và tính với vợ con từng đồng. Nhỏ Ngân khóc hoài.” – Giọng Thủy lúc vui, lúc buồn khi kể chuyện thầy cô, bạn bè – “Nhỏ Lan bây giờ làm bé cho thằng kiểm lâm. Nghe nói hần làm ra khối tiền nên nhậu nhẹt say sưa và sài tiền như nước. Nhỏ Lan ôm hai đứa con và thỉnh thoảng hần mới về thăm.”

Thủy có vẻ buồn trong giây lát rồi cô nằng cũng vui trở lại. Hần nhắc khéo

“Còn người tình không chân dung của mi thì sao?”

“Ta cũng không biết mặt. Chỉ quen nhau trên Website. Bây giờ, người ta yêu nhau trên không gian ảo. Hẹn nhau trên đó và yêu nhau trên đó. Nhiều người cũng cưới nhau trên liên mạng luôn.”

“Sao mi biết anh ta học chung trường với tụi mình?”

“Anh chàng viết email và kể chuyện xưa. Anh chàng nhắc đến Sài Gòn, chợ Bến Thành, bến Chương Dương, cư xá Thanh Đa, đại lộ Lê Lợi, Ngã Sáu Cộng Hòa... làm ta chú ý. Chàng biết làm thơ và có thơ đăng báo. Ta thích thơ anh chàng và cũng mơ một lần gặp mặt. Ta được giấy mời tham dự ngày ra mắt tập thơ “Tình Như Mây Khói” của chàng tại thủ đô Washington D.C. Do đó, ta mới bay sang đây và cũng có dịp thăm mi.”

“Chà ghê quá hén. Mi làm tim ta cũng rộn ràng vui. Vậy thì mấy giờ chương trình bắt đầu.”

“2:30 tại Viginia.”

* * *

Hội trường chật ních người. Cả hai đến muộn nên phải đứng bên cửa ra vào. Sau nghi lễ chào cờ và phút mặc niệm. Giáo sư Hoàng Hà lên giới thiệu tác phẩm và tác giả. Nhà thơ Nguyễn Lê xuất hiện trong bộ vest màu xám tro. Mái tóc cắt ngắn, khuôn mặt điềm đạm được bao phủ bởi cặp kính trắng. Tim Hần xao động và đập liên hồi khi nghe tiếng chàng cất lên trong máy ghi âm

“Kính thưa giáo sư Hoàng Hà và tất cả Ban Tổ Chức và quý quan khách đến tham dự buổi ra mắt sách hôm nay. Tôi chân thành cảm tạ sự giúp đỡ và quan tâm của quý vị. Tập thơ “Tình Như Mây Khói” ra đời sau mười lăm năm miệt mài sáng tác. Nó gom lại bao nhiêu suy tư, thăng trầm của một kiếp người. Nó là trái tim thổn thức của kiếp sống lưu vong. Và tình yêu quê hương gói trọn trong những vần thơ dành cho quê mẹ, cho người thân, bạn bè và cho người tôi yêu...”

Thủy bầu vào tay Hần nói nhỏ:

“Trời đất ơi! Hóa ra là Nam. Anh ta chính là nhà thơ Nguyễn Lê.”

Hần nhìn như không còn nghe Thủy đang nói những gì với nàng. Hần đang bị cuốn hút bởi những lời thơ quen thuộc:

CHIA LY

*Người ơi tình đã chia phôi
Hẹn thề chi nữa như dòng nước trôi
Hồn tôi chết lặng đơn côi
Ưa tàn như chiếc lá rơi cuối mùa
Tình yêu như ngọn gió đùa
Mang theo giọt đắng, giọt thương cuối trời
Về đâu cánh nhạn mù khơi
Nhớ thương rồi cũng chôn vùi cõi mơ
Xa nhau đã mấy mùa mưa
Khóc thương cho mối tình xưa lỡ làng
Chiều nay ngắm ánh hoàng hôn
Nhớ người tri kỷ nỗi buồn xót xa*

Hân cúi mặt bước vội ra ngoài.
Thủy chạy theo nắm tay nàng hỏi:

“Thơ anh ấy buồn quá nhỏ ơi! Hình như anh ta làm thơ cho mi. Làm sao ta quên được ngày xưa Nam đã một thời yêu mi...”

Hân thần thờ không đáp. Ngày xưa yêu dấu của một thời cặp sách đến trường, một thời mộng mị với mối tình đầu tiên trong sáng, thánh thiện như pha lê. Hình ảnh xưa vụt hiện về trong tâm trí Hân...

...Nhóm Tứ-Quái gồm có Hân, Thủy, Kim Loan và Bích Ngọc. Hân là trưởng ban văn nghệ lớp 12D. Nhóm Tứ Quái nổi tiếng khắp trường sau khi đoạt giải nhất trong đêm hội diễn văn nghệ Tết Niên.

Nhóm Ngũ-Quỷ ở lớp 12C lần này đứng hạng nhì. Cả nhóm tức lắm nên mỗi lần thấy nhóm Hân đi ngang lớp là

tha hồ trêu chọc. Tên Lộc-Lác cứ eo éo hát “*Yêu em không biết để đâu. Để trong túi áo lâu lâu anh dòm.*” Tên Lương (mà nhóm Hân gọi là Bất Lương) còn ác ôn hơn. Hắn la lên cho cả lớp nghe “*Yêu em chẳng biết để đâu. Để trong cặp táp lâu lâu anh rò.*” Nhỏ Kim Loan nhanh mồm nhất trả đũa:

“Ê! Ăn nói cho đàng hoàng đó ghen.”

Tên Tuấn cho miệng vô cãi:

“Nói vậy có gì không đàng hoàng. Nói nghe thử coi?”

“Làm cao quá đi. Tưởng mình là hoa khôi ấy.” – Tiếng của tên Lâm dậm vô.

“Hoa hồng có gai đã đành. Hoa giấy mà đòi có gai.” – Giọng nói chua như dấm của Hưng-Lùn làm cho cả nhóm đứng lại.

Nhỏ Ngọc tức lắm. Đôi mắt cô nàng liếc có đuôi. Nhỏ cất giọng chanh chua:

“Bộ người ta là đồ chơi hay sao mà đòi bỏ túi. Còn đòi rò nữa chứ. Ê! Mấy tên nhóc tì kia. Tụi này có là hoa gì cũng được. Nhưng mấy cái bản mặt của mấy người hồng ai thèm. Hứ!” – Cô nàng hứ nghe cái “cốc”.

“Còn đòi bỏ vô cặp táp rò chơi nữa. Cà chớn quá.” – Thu Thủy luôn ngậm bồ hòn mà hôm đó cũng lên tiếng. Hân biết chiến tranh mồm có vẻ căng thẳng nên xoa dịu:

“Thôi bỏ đi tụi bây. Gây sự với họ không ích lợi chi. Học chung trường, có chung một thầy đi ra, đi vô thấy mặt nên cư xử với nhau cho tốt đẹp.”

Loan còn ầm ức:

“Mi có nghe mấy tên đó ăn nói vô duyên không chứ. Bất lịch sự như vậy ai chịu nổi.”

Ngày đó Trương Nhật Nam là lớp trưởng lớp 12C. Nam nghe ồn ào nên bước ra. Nam biết bạn bè chọc ghẹo mấy “Quái-Nữ” nên kéo cả nhóm vào trong nói nhỏ và vội vàng xin lỗi:

“Các bạn đừng giận. Tại các bạn tôi hơi phá một chút chứ không có ác ý gì đâu.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.” – Hân cũng đỡ lời và giải hoà – “Từ nay gặp nhau cứ xem như bạn. Đừng có chọc ghẹo tùm lum làm rách lòng nhau.”

Mấy cái miệng con trai đeo queo đồng thanh la lên:

“Xin lỗi các cô. Xin lỗi.” –Lộc-Lác bồi rồi

“Bỏ qua đi nhé! Chúng ta hoà bình là tốt.” – Lương năn nỉ.

“Không có chi.” Nhỏ Ngọc cười mỉm chỉ cộp nhưng mắt thì liếc xéo đám “Ngũ- Quỷ” dài mấy cây số.”

Gần cuối năm, tất cả học sinh lớp 12 bận rộn thi ra trường. Hân vui đầu vào bài vở và bỏ ngoài tai lời thì thầm của bạn bè. Nhỏ Loan vào giờ học viết vào tờ giấy nhỏ, cuộn tròn quăng sang bàn Hân. Hân lấy chân gấp lên và lén thầy mở ra xem: “*Tên Nam lớp 12C trông cây si mi rồi Hân ơi! Mi nghĩ sao?*” – Hân viết ngệch ngoạch cho nó mấy chữ “*Mi là đứa ngớ ngẩn. Đừng có tưởng tượng quá!*” Một lúc sau, Hân lại lượm được một mảnh giấy của nhỏ Ngọc quăng dưới gầm bàn: “*Tao thấy ngày nào Nam cũng đứng trước cổng trường,*

dưới hang cây phượng vĩ để nhìn trộm mi. Đừng có giả bộ ngây thơ cù nàng ơi!”. Nhỏ Thủy thì lí lắc hơn viết lên miếng giấy mấy chữ đẩy sang bàn Hân “*Nam yêu Hân lắm! Nam muốn thành cái đuôi chuột của Hân. Nàng ơi là nàng ơi!...*” Có ngày các nàng viết tên Nam thật to rồi cột sau vạt áo của Hân làm trò cười cho cả lớp. Hân chỉ còn biết cười trừ. Đúng là “nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò.” Có hôm các thầy bắt gặp chỉ lắc đầu cười hết ý kiến luôn.

Những ngày thi toán bắt đầu. Hân học toán không giỏi lắm nên rất lo lắng. Một vài bài toán nhà trường cho thi thử đã làm nàng bối rối. Khi bài phát ra, nàng rất buồn vì nhiều bài toán nàng đáp số sai. Ngay cả những bạn giỏi nhất cũng không tìm ra đáp số. Cuối tuần, lúc ra chơi, Hân đi mua nước chanh ở quán cô Lý thì gặp Nam đứng ở cầu thang. Nam chào nàng và hỏi rất tự nhiên:

“Hân có giải được mấy bài toán đại số không? Nghe nói khó lắm!”

“Thật lòng Hân cũng không biết giải những bài toán đó. Kiểu này có thể sẽ rớt tốt nghiệp.” – Hân thành thật đáp.

Nam chia cho Hân một tờ giấy học trò có ghi chép những công thức toán học chẳng chịt và giải thích rõ ràng. Cuối cùng Nam khuyến khích:

“Nếu Hân không hiểu gì cứ hỏi tôi. Tôi là dân học toán nên dĩ nhiên là hiểu con số hơn Hân.”

“Cảm ơn Nam.”

Khi nàng vào lớp thì cả đám con gái vây quanh chọc ghẹo “*Yêu là chết trong*

lòng một ít”, “Yêu là khổ mà không yêu là lỗi.” Con nhỏ Loan bắt đầu ca bài ca con cá “Từ thuở nào ta đã yêu em. Con tìm anh rung lên bồi hồi. Ta yêu em đam mê một đời. Mỗi chiều về nhìn lá rụng rơi... Từ thuở nào em nói yêu tôi. Một vùng trời mơ ước chưa vui. Người yêu ơi tình ta đã xa rồi. Ngày chia ly sao bỗng ngậm ngùi. Một thời yêu thương, một thời áo trắng. Nắng sân trường đâu rồi cánh phượng năm xưa...”

Hân mê mẩn với đám “Quái Nữ” và chỉ còn lắc đầu cười trừ.

Cuối cùng, cả nhóm cũng qua cửa ải của mười hai năm đèn sách. Thủy mở tiệc ăn mừng và có mời cả Nam. Nam dẫn theo nhóm “Ngũ-Quỷ” đến chơi. Đêm đó, tiệc tàn và Hân ra về thì Nam đi theo sau.

“Chúc mừng Hân tốt nghiệp.”

“Hân cũng chúc mừng Nam. Cảm ơn đã giúp Hân.” – Hân lung tung đáp

“Hân có định thi vào đại học không?”

“Hân cũng mơ như vậy nhưng lý lịch gia đình không được nhà trường phê duyệt. Hân không thể tiếp tục đâu Nam. Ba Hân đi học tập cải tạo không biết bao giờ được thả về” – Giọng Hân buồn vui.

“Ba Hân sẽ về trong thời gian tới.”

“Hân không còn tin và hy vọng gì nữa.” – Hân lắc đầu nhìn Nam

“Tôi xin phép được đưa Hân về đêm nay.”

“Cảm ơn Nam.”

Khi gần đến nhà, Hân từ biệt Nam. Nàng nghe chàng nhắc khẽ:

“Đừng quên tôi nhé Hân.”

Nàng đã đi xa. Nhưng khi nàng nhìn lại vẫn thấy Nam đứng ở gốc phổ nhìn theo. Vóc dáng thư sinh của Nam in xuống mặt đường.

Mấy năm sau, nhóm “Ngũ-Quỷ” đã vượt biên đi hết. Chỉ còn lại một mình Nam. Nam tốt nghiệp Đại Học Tổng Hợp và làm phóng viên cho một tờ báo tại Sài Gòn.

Khi gặp lại Nam, Hân có hỏi vì sao chàng còn ở lại Việt Nam. Chàng chỉ cười và trả lời rằng khi nào Hân đi thì Nam sẽ đi. Nam đến thăm Hân thường xuyên hơn. Mỗi khi chàng đi công tác xa trở về, chàng thường tặng cho nàng những giò phong lan rừng và những bài thơ chàng sáng tác.

Một buổi chiều mưa, Nam mời nàng đi uống nước ở quán Diễm và chàng đã tỏ tình:

“Hân à! Có phải Hân vô tình với tôi không?” – Thấy nàng im lặng Nam tiếp – “Hân không bao giờ nghĩ rằng tôi yêu Hân từ khi còn học lớp mười hay sao?”

Nàng gật đầu:

“Hân biết nhưng Hân không hình dung được là mình sống ở đây có hạnh phúc không? Khổ quá làm sao còn nghĩ tới yêu?”

“Hân muốn ra đi?”

“Vâng. Nhưng không phải bằng con đường vượt biên.”

“Nếu không vì Hân tôi đã đi từ lâu.”

“Anh nên ra đi như các bạn của anh. Đừng ở đây.”

“Tôi muốn chờ Hân.”

NẮNG HẠ BUỒN

Hạ nồng ươm sợi nắng vàng
Hai hàng phượng trở mơ màng trường xưa
Trưa về bóng nhỏ dưới mưa
Dù che tóc ướt cho vừa nét thương

Má em thoáng nhẹ phần hường
Anh theo lặng lẽ vấn vương tháng ngày
Ngại ngần ôm mối tình say
Lá thư phong kín bàn tay chưa cầm

Bài thơ đêm viết âm thầm
Sao em sớm vội trăm năm qua cầu
Tâm tư chôn dấu tình sâu
Thời gian nhòa nhạt mộng đầu chưa phai

Bây giờ vẫn nhớ dáng ai
Hai tà áo trắng tóc dài nên thơ
Mong em tròn đẹp ước mơ
Tơ duyên đắm ấm bên bờ xuân xanh.

Đỗ Thị Minh Giang

“Đừng sống cho Hân và vì Hân.
Hãy lo cho bản thân anh trước.”

Nam thần thờ nắm tay nàng.

Ngày tháng qua mau, Nam và Hân càng ngày càng quấn quít bên nhau. Và cuối cùng gia đình nàng đã có giấy xuất cảnh. Nam đau đớn chia tay và chỉ nói lời từ biệt:

“Nam sẽ đi tìm Hân. Chờ Nam nhé Hân. Anh yêu em.”

Nam hôn lên má nàng. Hân cứ để mặc cho dòng lệ tuông rơi.

* * *

Tiếng chuông cửa reo inh ỏi. Hân từ lầu chạy xuống, mái tóc nàng mới gội xong còn ướt chưa kịp chảy. Hân mở cửa và sững sờ nhìn người khách không mời mà đến. Chiếc lược chải tóc rơi trên sàn nhà. Mắt người đàn ông mờ to, ngổ ngang qua cặp kính trắng. Hân cố trấn tĩnh hỏi:

“Ông đi tìm ai?”

“Thưa tôi muốn tìm cô Thủy. Cô ấy từ Úc sang có cho tôi biết cô đang ở trọ nhà người bạn... nên tôi đến thăm.”

“Mời ông vào nhà.”

Khi khách đã ngồi, Hân vội vã lấy nước mời và nói:

“Tôi đã đến xem buổi ra mắt sách của ông. Thật là thành công. Thủy có nói về ông cho tôi biết. Thật hân hạnh được làm quen với ông. Ông có cần tôi gọi Thủy không? Cô ấy vừa mới đi ra ngoài công viên.”

Hân nói huyền thuyên, nhưng Nguyên Lê vẫn chưa trả lời nàng. Chàng chưa hết bàng hoàng vì người phụ nữ trước mặt chàng là người con gái mà chàng mãi đi tìm. Nàng đã thay đổi quá nhiều nhưng đôi mắt người xưa vẫn gợi lại trong hôn chàng một thông điệp, dấu vết của bao yêu thương triu mến. Hân vẫn chưa trấn tĩnh khi thấy người đàn ông nhìn mình trân trối. Nàng lại hỏi:

“Ông có cần tôi gọi Thủy về không?”

Chàng vẫn không trả lời câu hỏi của nàng. Chàng hỏi:

“Có phải Hân đó không? Sao Hân không nhận ra tôi.”

Nước mắt Hân trào ra khi nghe lời trách móc của chàng. Hân run giọng nói:

“Vâng, tôi là Hân. Ông vẫn còn nhớ đến tôi sao? Mười lăm năm trôi qua rồi. Tôi nhận ra ông trong buổi ra mắt sách nhưng tôi không dám nhìn. Dù sao, ông cũng là một nhà thơ tên tuổi.”

Nam buồn rầu nói:

“Nhà thơ thì có gì ghê gớm đâu. Đâu phải cứ làm thơ là trở thành vĩ nhân, thiên tài. Tôi buồn nên phải làm thơ giải sầu đó thôi.”

Hân nói như phân trần:

“Hân mất liên lạc với Nam từ khi bị một cơn lốc ở tiểu bang Texas. Nhà cửa sụp đổ, gia đình Hân đã chết hết, chỉ còn một mình Hân sống sót. Tuân, chồng Hân đã cứu Hân trong những ngày Hân bơ vơ, trợ trợ một mình. Mọi thư từ liên lạc với Nam đã gián đoạn. Hân có tìm cách hỏi thăm bạn bè nhưng họ nói Nam đã vượt biên và chết trên biển.”

Nam nói:

“Khi Hân đi độ một năm, tôi buồn không chịu nổi nên đã vượt biên. Còn tàu lênh đênh trên biển gần một tháng vì lạc hướng. Tôi bất tỉnh tưởng mình đã chết trên đại dương. May có tàu của Phi đi ngang và cứu vào bờ. Tôi sống trên đảo gần bốn năm trước khi được Mỹ nhận cho tị nạn.”

Giọng chàng nghẹn ngào. Hân nhận ra những giọt lệ đang rơi trên má chàng.

Chàng quay đi và lau nhanh. Bao nhiêu năm chàng chờ đợi, khao khát, nhưng nhớ đi tìm nàng. Giờ nàng đã yên bề gia thất. Mười lăm năm đi tìm nàng giờ gặp lại bề bàng, chua xót. Người xưa đây, nhưng tình yêu mong manh đã đứt đoạn.

Hân im lặng nhìn Nam. Tâm trạng nàng cũng xót xa khi biết mình là người đã phụ tình chàng. Con sóng tình yêu với nỗi chờ mong khắc khoải từng ngày đã dịu xuống từ lâu. Nàng không còn nhớ thương Nam như những ngày tháng đầu tiên xa nhau. Sau khi có chồng và có con, Hân chỉ còn lo cho con và yêu thương kính trọng chồng. Người đã cứu nàng thoát chết trong cơn bão dữ. Chồng nàng đã nâng đỡ cuộc sống khó khăn của nàng trong những ngày bơ vơ trên xứ lạ quê người. Giờ gặp lại Nam, trong tim Hân chỉ còn là những kỷ niệm đẹp cần gìn giữ, trân trọng. Hân phá tan sự im lặng:

“Nam qua Mỹ vào năm nào.”

“Năm 1995. Như một sự may mắn. Chồng Hân và các con đều rồi. Nam muốn chào anh ấy. Còn Thủy nữa.”

“Anh ấy đi công tác xa chưa về. Còn Thủy đã đưa hai cháu ra công viên rồi. Nam làm thơ buồn quá.”

“Buồn nên thơ phải buồn. Thơ bây giờ không ai muốn đọc và bán cũng chẳng ai mua. Thơ chỉ làm dáng cho đời.”

“Hân vẫn còn thích đọc thơ của Nam.”

“Vì Hân hiểu về Nam. Thế thôi.”

Đôi mắt Nam vẫn nhìn nàng nồng ấm. Hân cố gắng lẫn tránh cái nhìn hút hồn của Nam. Chàng biết nàng bối rối

nên đứng dậy nhìn ra ngoài sân. Nâng rắc những tia sáng cuối cùng trên hành cây thông cao ngất. Trên nhánh dogwood, một đôi chim có bộ lông xám, cái ức và cái đuôi màu đỏ óng ả đang đứng rìa lông cho nhau. Nam chợt buồn cho mỗi tình lỡ làng, ngang trái của mình. Làm sao níu léo lại quá khứ để được nâng niu, yêu thương người xưa ơi! Em đã sang ngang và sống trong hạnh phúc. Ta không thể trách nàng. Ta xa quá! Xa cả không gian và cả thời gian. Ta đã giúp gì cho người con gái bất hạnh và yếu đuối này. Chỉ còn biết ngậm ngùi thương cho mỗi tình tan vỡ. Nam tự an ủi mình và cuối cùng chàng nói:

“Biết Hân hạnh phúc là Nam mừng lắm rồi. Chúng ta gặp được nhau xem như nguyện ước của Nam đã thành sự thật. Hân đừng bận tâm nữa.”

“Hân không yên tâm khi Nam chưa lập gia đình. Có phải vì Hân không?”

“Không phải vì Hân đâu. Đừng tự trách mình. Vì hoàn cảnh, số phận. Nếu quê hương mình không có chiến tranh. Cộng sản đừng nuôi dưỡng lòng thù hận, và làm những điều tồi tệ thì Hân đâu có bỏ nước ra đi. Có thể mình đã được sống bên nhau. Sinh ra những đứa con xinh đẹp và chúng mình thật sự hạnh phúc phải không?”

Cánh cửa chợt mở rộng. Thủy và hai con của Hân chạy ào vào. Chúng bi bô khoe:

“Mẹ ơi! Con chơi cầu trượt vui quá!”

“Con có bạn mới nữa nè!”

Hân hôn hai con và chỉ Nam:

“Hai con chào bác Nam rồi đi vào trong chơi đi.”

Hai đứa lễ phép cúi chàng rồi biến mất. Nam khen:

“Hai cháu đẹp quá.”

Hân nắm tay Thủy kéo xuống ngồi gần Nam và nói:

“Nam có nhận ra Thủy không?”

Nam cười và gật đầu:

“Khi đọc email, Nam chỉ biết là người học chung trường. Nhưng không biết rõ là ai. Bây giờ thì nhận ra Thủy thì Nam càng quý mến. Thật bất ngờ nhưng cũng thật vui.”

Đôi má Thủy đỏ bừng. Thủy nhìn Nam rồi nhìn Hân nói:

“Khi đọc email của nhà thơ Nguyên Lê, Thủy không thể hình dung ra anh là ai. Thủy không biết rằng anh chính là Trương Nhật Nam. Thủy ngạc nhiên và vui mừng lắm. Vì từ lâu chúng ta không gặp lại nhau. Mỗi người một cảnh làm sao có dịp để tương phùng.”

“Hân không giận tôi phải không?” – Nam hỏi Thủy.

“Tại sao lại giận?”

“Những cái email trên mạng.”

“Nó làm tôi lãng mạng một chút khi nghĩ về “một người tình không chân dung”. Phải chi tôi hỏi hình của anh và nhận ra anh sớm một chút. Còn bây giờ... thật khó nghĩ..”

Hân hỏi Thủy:

“Có gì khó nghĩ đâu Thủy. Trai chưa vợ, gái chưa chồng thì đâu có gì trở ngại.”

Thủy thành thật đáp:

“Trái tim Nam không bao giờ thuộc về ta. Nam đến đây vì tò mò thôi...”

Nam khéo léo lái sang chuyện khác:

“Bao giờ Thủy trở về Úc?”

“Thứ Sáu này.”

“Nếu không có gì trở ngại, tôi sẽ đến đưa Thủy ra sân bay. Tôi sẽ liên lạc với Thủy sau nhé!” – Nam nhìn đồng hồ rồi từ biệt – “Tôi phải về vì tối nay có hẹn với vài người bạn.”

Khi Nam đã đi, Thủy vẫn còn đứng bên cửa sổ nhìn theo. Thủy không biết vui hay buồn trước hoàn cảnh trở trêu này. Thủy quen nhà thơ Nguyên Lê trên liên mạng. Cả hai cách nhau cả đại dương và Thủy mong ngày gặp được người trong mộng. Nhưng mộng của nàng đã theo gió bay đi. Nguyên Lê chính là Nam. Người thanh niên thông minh, điển trai là thủ khoa của trường Hoàng Hoa Sài Gòn. Người một thời làm điên đảo bao trái tim của những người con gái cùng trường. Và cũng là người yêu Hân say đắm. Từ khi mới lớn đến, Thủy chưa hề yêu ai. Nàng nhút nhát và ít giao tiếp nên cuộc sống khép kín trong công sở và gia đình. Rồi bạn bè hướng dẫn nàng phiêu lưu trên internet để tìm bạn bốn phương. Email gửi đi trao đổi với nhiều người và cuối cùng Thủy chọn Nguyên Lê. Chàng gửi cho nàng nhiều bài thơ đã được cái website đăng tải khắp thế giới. Những bài thơ mà Thủy nghĩ rằng chàng tỏ tình, và tâm sự. Thủy yêu nhà thơ Nguyên Lê qua trí tưởng tượng, và dệt cho mình một giấc mộng yêu thương. Giờ đây, người đàn

ông trong mộng của nàng lại chính là người yêu cũ của Hân. Nam vẫn còn yêu Hân. Nam có còn muốn liên lạc với nàng nữa hay không hay từ đây chấm dứt. Người ta nói “tình cũ không rủ cũng đến”, gặp nhau làm chi cho bẽ bàng. Thà Thủy đừng đến Hoa Kỳ tham dự ngày ra mắt sách của Nam để Thủy không đau xót khi biết rõ sự thật. Bàn tay Hân đặt lên vai Thủy vỗ về:

“Thủy đang suy nghĩ nhiều lắm phải không?”

Thủy bối rối quay mặt đi không nhìn Hân. Hân xoay người Thủy lại và ôm chầm lấy bạn:

“Thủy à! Đừng giấu Hân. Chúng mình làm bạn nhau trên ba mươi năm. Hân hiểu và thương Thủy như ruột thịt. Hân biết Thủy đang phân vân.”

Mắt Thủy ngân ngấn những giọt lệ:

“Thủy cảm ơn Hân. Nhưng Thủy không thể...”

“Không thể yêu Nam phải không? Khờ quá đi. Hân bây giờ đã có chồng. Hân mong ước Thủy thay Hân chăm sóc cho Nam. Đó là cách Thủy giúp Hân giải toả được nỗi lo lắng.”

“Nam vẫn còn yêu Hân. Thủy biết rõ như vậy. Nếu Thủy đến với Nam chắc gì Thủy có thể lấp đầy tình yêu trong trái tim Nam.”

Hân vuốt ve vai bạn:

“Thủy không bao giờ tự tin về mình nên mãi mãi sẽ sống cô đơn. Thủy không xinh đẹp nhưng duyên dáng, giỏi, có trái tim bằng vàng. Người đàn ông mê sắc đẹp một thời gian thôi. Cái

họ cần là tư cách, đức hạnh. Thủy có đủ hai yếu tố đó. Nam mến Thủy và Hân biết rõ như vậy qua cử chỉ của Nam. Đừng rụt rè, e ngại. Thủy nên tiến về phía trước. Tình yêu sẽ đến nếu ta biết kiên nhẫn, chờ đợi bằng tấm lòng chân thật. Thủy hãy tin Hân.

Thủy ôm chặt Hân và mỉm cười:

“Hân có chắc như vậy không?”

“Chắc như bấp.” – Hân nheo mắt cười.

“Hân nghĩ gì về Nam?”

“Chỉ còn là tình bạn. Có khi tình bạn vĩnh cửu, bền vững hơn cả tình yêu” – Ngừng lại một lát Hân tiếp – “Nếu một ngày nào đó thấy Thủy hạnh phúc, Hân sẽ rất mừng. Hân mong Thủy thay Hân chăm sóc cho Nam. Cố gắng sang Hoa Kỳ sống để chúng mình còn có dịp thăm nhau.”

Thủy ôm Hân và thì thầm lời cảm ơn:

“Cảm ơn Hân đã nói những lời chân thành. Tình bạn mãi mãi vĩnh cửu phải không Hân”

Cuối tuần Thủy đã trở lại Úc. Hân cũng nhận được một lá thư của Nam và một bài thơ chia tay:

California, Ngày...tháng...năm...

...Khi gặp lại Hân, Nam bắt đầu cảm xúc và dòng thơ cứ tuôn trào. Nam xin gửi Hân bài thơ sau cùng:

ĐỪNG TRÁCH

*Người ơi đừng tự trách mình
Chuyện ngày xưa ấy mỗi tình dở dang
Muội lăm năm vẫn lang thang
Tìm quên kỷ niệm bóng nàng ngày xưa*

*Cô đơn nhìn những cơn mưa
Nhìn trăng quanh quẩn nhìn sao phai mờ
Ta về dệt mộng thành thơ
Chôn vùi hư ảnh hững hờ tình xưa.*

Hân áp lá thư vào ngực. Nỗi buồn mênh mang tràn ngập hồn nàng. Nàng thì thầm với chính mình “Ta đã lỗi hẹn rồi. Hãy chờ nhau kiếp sau Nam nhé.”



PHONG THU

(Maryland)

TẠP CHÍ CỎ THƠM
Có bán tại
WASHINGTON MUSIC
EDEN CENTER
6795 WILSON BLVD. #26
FALLS CHURCH, VA 22044
TEL. (703) 538-4979

COURNONTERRAL VÀ NGÀY LỄ HỘI PAILHASSES

Cournonterral là một xã thuộc tỉnh Hérault ở miền Nam nước Pháp nằm trong vùng Languedoc-Roussillon, cách thành phố Montpellier 15 cây số, cách biển Địa Trung Hải (bờ biển Aresquiers Frontignan) khoảng 15 cây số và cách thành phố du lịch nổi tiếng Sète khoảng 20 cây số.



Cournonterral là một ngôi làng rất xưa đã có từ thời Trung cổ, bao bọc chung quanh những mái nhà người dân cư ngụ là những thành lũy và những lâu đài phong kiến do các giám mục và các lãnh chúa trông coi.

Về ngữ nguyên học, danh từ địa phương của **Cournonterral** là **Cornonterralh** thành lập từ tiếp-đầu-ngữ (préfixe): **Cornon** (phát âm là Cournon) và tiếp-vĩ-ngữ (suffixe): **terralh**. Theo tiếng địa phương cổ (ancien occitan), **Corn** - có nguồn gốc từ tiếng bas-latin: **Cornu** - nghĩa là sừng (corne), mũi (pointe), nhưng cũng có nghĩa là đồi (colline). **Teralh** - tiếng địa phương gọi là nền đất cao

(terre-plein), theo tiếng Pháp cổ (ancien français) nghĩa là hào lũy, phòng tuyến (retranchement en terre, rempart) và theo bối cảnh cũng có thể được chỉ định là đất bùn (boue).

Khi đi vào làng Cournonterral, người ta nhận ra tháp chuông cao của nhà thờ Saint Pierre xây năm 1819 trên nền cũ của một ngôi nhà thờ cổ thuộc kiểu roman đã có từ thế kỷ thứ 14. Hai ngọn tháp Sarraisine xây cất khoảng giữa thế kỷ thứ 11 và thế kỷ thứ 13 có kích thước không bằng nhau là vết tích cuối cùng của tòa lâu đài cổ. Dưới chân tháp với tường thành bao quanh là dòng sông Coulazou, vào mùa thu qua mùa đông mưa nhiều, nước dâng tràn nhưng đến mùa hè nước cạn tới đáy, người dân có thể đi xuống dễ dàng để tìm thấy suối nước ngầm “L'Arche de Noé”, hang động “Puits de l'Aven” hay “Beaumette” v.v.

Trường tiểu học địa phương thành lập vào tháng sáu năm 1859 dành cho các nam sinh theo Công giáo và Tin lành. Đến năm 1879, trường được mở rộng xây cất để tiếp nhận thêm các học sinh, ở giữa trung tâm tòa nhà dành cho lớp mẫu giáo, bên cánh phải dành cho các nam sinh và bên cánh trái dành cho các nữ sinh. Sân chơi cho các trẻ em rất khoáng đạt. Phía bên ngoài hàng rào của trường là một bãi đất trống rộng rãi dùng làm chợ phiên. Nơi đây, ba chợ phiên đã được tạo ra bởi vua François 1er, năm 1521: ngày 1 tháng 5 vào dịp lễ các Thánh Jacques và Philippe, ngày 14 tháng 9 vào dịp lễ Suy tôn Thánh Giá, ngày 21 tháng 12

vào dịp lễ Thánh Thomas. Từ năm 1850 đến 1860, các chợ phiên diễn ra ở Cournonterral là một tiếng vang vinh dự cho con số 1800 cư dân sống vào thời điểm đó. Tất cả các hàng hóa thiết yếu từ các nơi đổ về để mua bán, trao đổi, định giá cho suốt cả năm, rồi người ta giăng biểu ngữ, đánh trống, múa hát, làm trò xiếc vui chơi đến chiều, đến tối liên tiếp bốn ngày rông rã. Ngày nay bãi đất trống ấy chỉ còn là một nhóm chợ nhỏ họp rải rác vài gian hàng thô sơ vào ngày thứ tư và thứ bảy trong tuần, không phải để mua bán theo nhu cầu vì đã có các siêu thị gần bên, nhưng cốt yếu là để có dịp gặp gỡ, trò chuyện cùng nhau, những câu chuyện trên trời dưới đất giữa người mua, kẻ bán, người hàng xóm láng giềng.

Trong những năm từ 1880 đến 1920, nghề trồng dâu nuôi tằm ở Cournonterral là sinh hoạt chính, mỗi gia đình làm việc tại nhà đều nhận được tiền thưởng của chính phủ tùy theo số thu hoạch nhiều hay ít. Nghề này không còn tồn tại nữa, chỉ còn thấy dấu vết là những cây dâu tằm mọc rải rác trong làng hay dọc theo bờ sông Coulazou.

Vào thế kỷ thứ 19, ngành nông nghiệp phát triển mạnh ở nước Pháp nhất là nghề trồng nho. Cournonterral cũng là một vùng chuyên trồng nho để lấy rượu vang rất quan trọng. Những cánh đồng nho rộng mênh mông dần trải ra hàng hàng lớp lớp. Các chủ vườn nho làm giàu và xây cất kiểu nhà rất đặc biệt mà hầu như người ta tìm thấy khắp cùng trong toàn vùng miền Nam nước Pháp. Kiểu nhà này được xây cất vào khoảng năm 1850, tầng lầu phía trên là nhà ở, tầng trệt phía dưới là nhà kho để cất giữ các dụng cụ đồng áng, thùng rượu v.v. cho nên cửa chính ra vào rất cao và rộng để xe bò, xe ngựa có thể ra vào. Ngoài ra đa số cửa ngõ để lên

tầng lầu phía trên thường đặt thêm một cầu thang lộ thiên ở bên ngoài khu nhà, bao quanh là một khoảng sân vườn.

Trong làng còn có một tòa nhà Hợp tác xã về rượu (Cave Coopérative) xây dựng vào năm 1947 với các thùng chứa đáng kể để các chủ vườn nho có thể trao đổi, chế biến từ những hàm rượu nổi tiếng của mình. Rượu vang ở Cournonterral đã được huy chương vàng năm 1885 tại hội chợ nông nghiệp Montpellier và huy chương bạc trong cuộc triển lãm ở Melbourne năm 1888.



Đài Thập giá “Croix de la Mission” (Kỷ niệm sứ mệnh truyền giáo) ở ngã ba đường ngay đầu bãi đất trống, do các cha dòng Capucins xây dựng vào ngày 30 tháng 11 năm 1671. Về sau qua cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, nơi đây dân làng dựng lại một thập giá khác và được ban phước lành bởi Đức Giám Mục Marie Nicolas Fournier vào ngày 8 tháng 9 năm 1818. Bắt đầu từ Đài Thập giá này, người dân Cournonterral (gọi tắt là Cournon) tổ chức “lễ hội Pailhasses” diễn ra mỗi năm vào ngày thứ tư Lễ Tro (ngày thứ tư tiếp sau ngày Mardi Gras) vì họ cho rằng vào ngày lễ này tại Cournonterral không bao giờ trời mưa, để

tưởng niệm một khoảng thời gian rất xưa vào năm 1346, người dân Cournon được phép đi cắt và lấy gỗ sồi khô trong rừng liền kề bên làng Aumelas mà không bị bách hại. Nguyên theo truyền kể người dân Aumelas có nguồn lợi gỗ thiên nhiên kém hơn, cho nên để bảo vệ tài nguyên của mình họ bèn ngăn chặn không cho dân làng Cournon vào rừng của họ lấy gỗ. Mỗi khi người dân Cournon đi lấy gỗ thường trở về nhà với những vết thương gây ra do ná nỏ cung tên đầy dẫy máu. Các lãnh sự và lãnh chúa ra lệnh phải chấm dứt tình trạng tranh chấp này và dưới sự chỉ huy của Pailhas, một đoàn người gồm 90 đàn ông, 10 đàn bà hóa trang thành người nộm, trang bị đôi giày đinh, ống quần bằng da cáo nhồi vỏ trấu lúa mạch, áo giáp lưới sắt mặc bên trên một áo sơ mi vải đỏ, ngoài cùng khoát một túi đựng thóc chỉ chứa đầu và hai cánh tay thò ra ngoài, túi được nhồi rom đắng trước và đắng sau, thắt một sợi dây quanh bụng, đầu đội nón len nhiều màu gắn một cành liễu mềm cong vòng xoắn xuýt. Họ đeo trên gương mặt một mảnh da chồn, tất cả được trang trí bằng lông gà tây và nhánh cây hoàng dương (buis) tượng trưng cho “sự chống cự”. Những người đàn bà mang theo hộp thuốc cho những người bị thương. Chuẩn bị đầy đủ, họ lên đường nhắm tới làng Aumelas. Trong khu rừng cây ô liu, nhận ra đám người Aumelas đang vết sạch tàn phá cả khu rừng, họ liền phân tán ra rồi vừa xông tới vừa la hét như bầy chó sói. Bị áp đảo bất ngờ làm khiếp sợ bằng khung cảnh huyền hoặc hư ảo tủa ra từ mọi nẻo, người Aumelas hoảng chạy tứ phía. (Phải nói rằng vào thời Trung cổ đa số người ta đều sợ những điều ma quái coi như bùa phép của phù thủy). Người Aumelas bị bắt

đem về làng Cournonterral giao cho các lãnh sự và lãnh chúa xét xử. Họ bị khiển trách, được săn sóc vết thương, cho ngủ qua đêm dưới hầm đá Fort-viel và chỉ trả tự do sau khi họ tuyên thệ trước quyển sách Phúc Âm là trong tương lai phải biết tôn trọng người và hiện vật của Cournonterral. Armeniars, vợ của Pailhas cùng tất cả các “chiến sĩ” đều được khen thưởng.

Lãnh chúa “Guillaume de Cournon” cho đặt ở bốn phía cửa thành các thùng rượu để mọi người có thể ăn mừng và uống rượu tùy thích. Ngày hôm đó thật là một cảnh hoan lạc trác táng, lính gác say mềm, họ đập các thùng rượu ra, lăn mình trong rượu đang đổ tràn dưới đất, những người khác liên tiếp tưới rượu lên mình họ. Từ đó, tên Pailhas được lưu truyền cho tới đời sau.

Trở thành một truyền thống, ngày lễ hội Pailhasses là linh hồn và bản sắc riêng của người dân Cournonterral, không xảy ra ở bất cứ đâu.

Bắt đầu từ chủ nhật lễ Ba Vua (lễ Hiền Linh), hai người nộm, một là Pailhasse (người mặc áo nhồi rom) tượng trưng cho người Cournonterral, một là Blanc (người mặc áo trắng) tượng trưng cho người Aumelas được treo lên cao trước tòa thị trường để “xét xử” sau đó được hạ xuống để thiêu hủy. Cho đến ngày thứ tư Lễ Tro, ngay từ sáng sớm trên những con đường nhỏ hẹp uốn khúc quanh co trong làng, các vách tường hai bên dãy nhà đều được che lại bằng những tấm bạt to lớn, các lớp xe hơi cũ đem gắn vào những cọc chắn dành cho người đi bộ để tránh bị thương khi rượt đuổi xô lấn nhau, các ngõ rẽ vào làng đều được để rào cản không cho xe cộ thông thương từ 15 giờ đến 18 giờ chiều, những thùng gỗ đựng cần rượu (lie de vin) đặt rải

rác trước tòa thị trường, trên vỉa hè dọc hai bên đường, có gì đựng nấy, họ đổ cặn rượu vào cả bốn tấm phế thải để lâu không xài, họ dự tiệc ăn uống râm ran. Rồi trong gian nhà kho, ngoài sân rộng của làng, những ai tình nguyện làm người Blanc mang đôi giày trắng, mặc quần tây, áo sơ mi trắng. Đầu bịt một dải dây đỏ, mang cà-vạt đỏ và thắt dây lưng đỏ. Những người đàn ông tình nguyện làm người Pailhasse cũng mặc quần áo và mang giày trắng nhưng tròng thêm túi vải bố qua khỏi đầu và tay, tuấn tực nằm xấp xuống để người ta nhồi rom vào phía lưng, lại nằm ngửa ra để được nhồi rom vào phía



bụng, nhồi cho thật nhiều thật chặt ở cả hai bên sườn, xong đầu đó một sợi dây kẽm ràng lại quanh bụng cho rom khỏi rớt ra. Đầu đội một chiếc nón đen rộng vành và cao trên gắn mấy cọng lông gà tây. Hai bên vai cài hai nhánh cây hoàng dương. Mặt che lại bằng một miếng da chồn màu nâu đen chỉ chừa hai mắt để nhìn. Hai tay cầm miếng vải bố gọi là “Peilhe”. Trông họ giống như quỷ quái yêu tinh, người khổng lồ, người sói, hay loài bò sát, chim, cá, v.v.. cốt để làm cho sợ.

Đàn bà và các cô gái trẻ hóa trang tô son phấn lòe loẹt, áo quần luộm thuộm,

dùng xe đẩy tay hay xe đựng hàng hóa trong các siêu thị che lại bằng một đoạn vải trên chất đầy nước uống, thức ăn. Sáu người thanh niên đa số họ uống rượu say sưa từ mấy hôm trước, mỗi người chui đầu vào một khung thang gỗ, đoạn vải trắng lem lấm màu rượu vang che quanh khung thang từ đầu tới chân, mặt họ dính đầy bột và tô màu vằn vện, đầu đội nón (kiểu nón để ngủ cho ấm thời xưa), họ nhích tới nhích lui mà không đi được tới đâu, nhiệm vụ của họ là đưa qua lại cái thang gỗ để cản đường không cho người lạ vào.

Đến trưa, đoàn người tụ họp nối đuôi nhau để diễn hành trong tiếng nhạc tung bùng, nhạc công trang phục theo thời Trung cổ dùng đủ loại nhạc khí xưa, người Blanc cũng như người Pailhasse cùng tiến về phía trung tâm của làng. Sau khi quay vòng tròn nhảy múa, chờ hồi chuông báo hiệu giống lên vào lúc ba giờ, người Pailhasse dầm mình trong các thùng gỗ đựng cặn rượu, chắt cặn bã màu tím thâm tràn ra đầy đường dày cả tấc, xông lên mùi hèm nồng nặc, họ trườn mình trong đồng bùn rượu hôi hám đó, lướt đi như bay, rồi đứng dậy, vẩy bắn vào tất cả những ai họ bắt gặp, dùng miếng khăn vuông vải bố gọi là “Peilhe” nhúng vào cặn rượu tìm người Blanc để bôi lên bề mặt trên quần áo, nắm bắt họ và tẩm tưới đổ cả thùng cặn rượu vào từ đầu tới chân, cho nên người Blanc chỉ có nước chạy, len lách trong các con đường làng nhỏ hẹp và không được vượt ra khỏi ranh giới của làng hay lẫn trốn vào các nhà thường dân. Cuộc đuổi bắt không ngừng như mèo vờn chuột, vừa chạy vừa nói: “Sarra, Sarra”, tiếng địa phương phát âm là Sarro, có nghĩa “ôm chặt lại, nắm chặt lại”, “Sare” là tiếng kêu của người

Pailhasse ngày xưa. Nếu mệt và khát thì tìm đến xe đẩy tay hóa trang của các bà, các cô để lấy thức ăn, nước uống. Những người này được ngoại lệ không bị rượt đuổi, ngoài ra người Pailhasse không thương hại, không chừa một ai, những kẻ hiếu kỳ, nhiếp ảnh gia, ký giả, đạo diễn phim, những người vô ý lỡ đi vào làng hay ngay cả những người từ trong nhà thờ đầu ra ngoài cửa sổ. Không ai được quyền tò mò quan sát vì đây là trò chơi của riêng dân làng Cournonterral, người Pailhasse đuổi bắt người Blanc, vào ngày thứ tư Lễ Tro bắt đầu từ ba giờ chiều.



Đến sáu giờ chiều, hồi chuông vang lên báo hiệu cuộc rượt đuổi chấm dứt. Tháng hai, tháng ba, cuối mùa đông đầu mùa xuân, trời vẫn còn xâm xẩm tối, mệt mỏi và dơ bẩn, chia tay ai về nhà nấy, cần tắm gội, nhưng mỗi lần nhớ lại họ đều cảm thấy rùng mình kinh sợ vì trong lúc nhập cuộc chơi quá hào hứng, rượu ngà ngà say đôi khi họ ăn uống luôn cả phân người, xác chết của mèo, chó... các thứ hỗn tạp trộn lẫn trong cặn rượu và họ lại quan niệm rằng cặn rượu cũng là một thứ phế thải giống như phân có hằng tạ, hằng tấn trong làng.

Ngày xưa cặn rượu lấy từ hợp tác xã, từ các hầm chứa rượu của làng, chở đi bằng xe

bò xe ngựa đựng trong các thùng gỗ. Ngày nay để có nhiều cặn rượu cho ngày lễ hội đôi khi người tổ chức phải chuyên chở bằng cam nhông-xi tẹt lấy từ nhà chưng cất rượu ở các làng xa nhiều nhất là ở Pézenas cách Cournonterral khoảng trên 30 cây số. Ngày nay với văn minh hiện đại, kinh tế, thương mại, kỹ nghệ, máy móc tối tân phát triển, phần lớn người dân bỏ thôn quê ra thành thị tìm việc làm mang nhiều lợi tức và ít nặng nhọc hơn công việc đồng áng. Dân số ngày càng gia tăng, những cánh đồng nho phi nhiều từng hàng từng luống xanh rờn tới chân trời, phản chiếu ánh nắng sáng rực của miền Nam nước Pháp, dần dần thu hẹp lại nhường chỗ cho những ngôi nhà khang trang, những khu chung cư bệ vệ mọc lên như nấm...

Ngày xưa một bãi đất rộng lớn của lãnh chúa nằm giữa tường thành và sông Coulazou trồng nhiều loại cây thơm để lấy tinh dầu, nay trở thành một công viên. Nơi đây, các người thừa hành của lãnh chúa đến đọc bản tuyên bố chẳng hạn như: *“celui qui pour la troisième fois blasphémerait le saint nom de Dieu aurait la langue percée avec un fer chaud”* - (ai ba lần nguyên rủa phỉ báng tên thánh Đức Chúa Trời sẽ bị đục lưỡi với một thanh sắt nóng) - Năm 1656, tường thành cho khoét một lỗ hổng làm cửa cho người dân qua lại lấy nước uống ở giếng Théron. Nguồn nước này nằm trên một mô đất nơi nhà thờ Saint Pierre xây dựng lên, Đức Giám Mục thường hay tới công viên cắt một bông hồng, nhúng vào nước giếng, rồi quay lại ban phước lành cho dân chúng và tín đồ đang quỳ mọp xuống chờ đợi. Nước giếng Théron còn chảy mãi không ngừng cho tới hôm nay...

Ngoài ra còn phải nhắc đến hồ Ramassol, nhà nguyện của hội “Pénitents Blancs”, nhà thờ Tin Lành, đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ chết vì nước Pháp trong đệ nhất thế chiến 1914-1918, v.v. Nhắc chuyện ngày xưa để nhớ chuyện ngày nay. Mỗi con đường, mỗi góc phố là một dấu tích ghi lại công trình xây dựng của tiền nhân, với thời gian và nhịp sống của con người thay đổi, không biết rồi đây trong tương lai, ngày lễ hội Pailhasses của người dân Cournonterral có còn được tồn tại nữa không? Họ vẫn giữ theo truyền thống sẵn có vì lòng kiêu hãnh với tính cách riêng biệt của mình hay là phải ngậm ngùi tưởng tiếc cái mùi hèm của cặn rượu hôi hám khó chịu cứ bám vào từng con đường, từng ngõ ngách, bám vào mỗi viên

gạch, viên đá trong làng mà sau mấy ngày chùi rửa của đội lính cứu hỏa vẫn không biến mất. Phải đợi một cơn mưa lớn mới mong quên hết được hơi thở ngọt ngào và mùi của cặn rượu không ngừng bốc lên từ các cống rãnh đang lan dần trong không khí.

Nguyễn Mây Thu

(Cournonterral, 09-05-2017)

Chú thích: Pailhasse còn được viết là Paillasse.

Tài liệu tham khảo:

- Les Paillasses (Carnaval à Cournonterral), Texte de Yves Rouquette.
- Si Cournon m'était conté... de Marie-Louise et Annik Reliaud.

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

CHỢ BẾN THÀNH

Chợ Bến Thành ra đời nhằm mục đích thay thế khu nhà lồng chợ đã lỗi thời nằm cạnh đại lộ Charner. Việc chọn lựa địa điểm xây dựng ngôi chợ mới đã thành công về phương diện thiết kế đô thị, mở thêm nhiều đường phố thương mại, phát triển hệ thống giao thông, lập bến xe, ga xe điện, ga xe lửa...

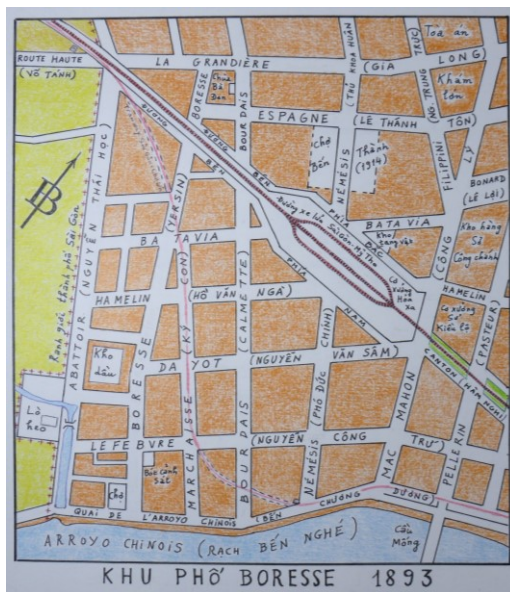
Lễ khai tân thị

Hoàn tất sau 15 tháng xây dựng kể từ lễ đặt viên đá đầu tiên, chợ Bến Thành được khánh thành long trọng vào ngày 28 tháng 3 năm 1914, chấm dứt một giai đoạn trong



chương trình cải thiện vệ sinh và làm đẹp đô thị Sài Gòn.

Qua bài diễn văn mở đầu buổi lễ khánh thành, thị trưởng Cuniac đã gọi lại quá khứ đầy thăng trầm của thành phố, bắt đầu từ thời đại úy Boressse giữ chức tham biện qua đến đời các toàn quyền, đặc biệt là toàn quyền De Lanessan, người đã cho khởi công lấp cạn vùng đầm lầy ẩm thấp và cho sửa sang khu phố dành thực hiện dự án xây dựng chợ Bến Thành.



Trong bài diễn văn tiếp theo, ông hội đồng Hồ Văn Kính đã phát biểu đại khái rằng «Đồng bào tôi thừa nhận là nhà nước Lang Sa có những nỗ lực nhằm nâng cao mức sống của dân bản xứ».

Sau cùng, để đáp lại các bài diễn văn trên, quyền thống đốc Le Gallen, thay mặt thống đốc Gourbeil lúc ấy đang nghỉ phép tại Pháp, đã hết lời tán dương những đóng góp của các thị trưởng tiền nhiệm (Paul Blanchy, Foray,...) và cả thị trưởng Cuniac đang tại chức. Nhân cơ hội này, ông ta nhấn mạnh: «Vì quyền lợi tối thượng của nước Pháp, chính phủ không thiên vị đảng phái chính trị nào». Có lẽ ông ta muốn xoa dịu nỗi bất bình của Cuniac, bởi vì viên thị trưởng này đã phàn nàn về những chỉ trích bắt nguồn từ phía đảng phái nào đó tại chính quốc nhằm vào các khoản chi công

cộng của chính quyền Nam Kỳ, trong đó có kinh phí dành xây chợ Bến Thành.

Sau nghi thức đọc diễn văn, các quan chức viếng thăm ngôi chợ mới. Vì là ngày khai trương, cách tổ chức các gian hàng và cách trưng bày hàng hóa tương tự trong một



hội chợ. Nhiều nhà buôn Pháp nhân cơ hội này quảng cáo các sản phẩm mới lạ. Các hội từ thiện hoặc tư nhân cũng mở quầy bán vé cho ai muốn dự những trò chơi có trúng thưởng như ném banh, quay số, bắn súng hơi, thả vòng vịt... Phần nhiều các gian hàng đều do các bà người Pháp đứng trông coi, có cả gian hàng của người Hoa và người Việt, nhưng ít hơn.

Bên ngoài chợ, cờ xí giăng mắc trên nhiều đường phố, đông đảo người tề tựu tham gia «lễ khai tân thị», bắt đầu cuộc liên hoan kéo dài trong ba ngày. Đây đó dập dìu người đi xem múa lân, biểu diễn võ thuật, trình diễn hát bội, hòa tấu quân nhạc Pháp, hòa đàn nhạc ngũ cung, v.v. Nếu so sánh với những cuộc giải trí ngày nay thì thú vui thời ấy quá giản dị tầm thường, nhưng người xưa ví lễ khánh thành này như một «Tân vương hội». Theo báo chí thời đó, số người tham dự lên tới 200.000, trong khi bình thường dân số Sài Gòn chỉ vào khoảng 70.000. Từ nhiều ngày trước, các khách

sạn, nhà trọ đã hết phòng cho thuê. Những người từ xa đến đành tá túc tại bất cứ nơi nào họ có thể đặt lưng nghỉ qua đêm như lề đường, thêm quán, nền chợ, ga xe lửa...

Mỗi đêm đều có đám rước xe hoa, từng đoàn xe trang trí lộng lẫy nối đuôi nhau chạy hằng giờ mới dứt. Dẫn đầu đám rước là đội kỵ binh, trong số ấy có người sử dụng kèn trống, theo sau là đội bộ binh bồng súng diễu hành. Các xe hoa người Pháp đi đầu, tiếp theo là đoàn xe hoa người Việt, rồi mới đến người Hoa, người Ấn, dẫn đầu mỗi nhóm có đoàn học sinh cầm cờ và xách đèn. Xe hoa của Khách Trú được nhiều người trầm trồ vì tinh xảo và khéo léo hơn cả, cách trang trí thường theo chủ đề truyền thần thoại hoặc điển tích lịch sử Trung Hoa.

Đoàn xe hoa vừa chấm dứt, đám đông lũ lượt kéo nhau đi xem hát bội trình diễn ngoài trời, người rủ nhau xuống bến tàu xem bắn pháo bông, người chen lấn vào trong chợ xem triển lãm hàng hóa bài trí dưới ánh đèn rực rỡ, đặc biệt các cô các bà bị thu hút bởi những gian hàng vải lụa nhiều màu sắc sỡ.



Chợ Bến Thành Không như ngôi chợ cũ bị vây hãm giữa khu phố đông dân và chật hẹp, chợ mới Bến Thành tọa lạc trên một vùng khoảng thoáng, mặt tiền nhìn ra bùng

binh rộng thênh thang nơi các đại lộ từ nhiều hướng đổ về. Hằng ngày khi di chuyển trong thành phố, hầu như lần nào ta cũng có dịp đi qua bùng binh này. Hình ảnh chiếc tháp đồng hồ trên cửa chính phía Nam đã trở thành quen thuộc, từ lâu được nhiều người xem như biểu tượng của Sài Gòn.

Chợ xây trên nền vuông vức, lúc mới xây diện tích đo được 11.136 mét vuông. Chợ rất thoáng, người đi ra vào dễ dàng vì chợ có 32 cửa, trong đó có 4 cửa chính. Từ



mỗi cửa chính có lối đi rộng vào trung tâm, các lối đi này ngăn chợ ra làm bốn khu vực, mỗi khu vực chuyên bán một nhóm thực phẩm: khu Đông Nam (góc bùng binh – Phan Bội Châu) chuyên bán thịt, khu Tây Nam (góc bùng binh – Phan Châu Trinh) chuyên bán cá, khu Tây Bắc (góc Phan Châu Trinh - Lê Thánh Tôn) chuyên bán trái cây nhập cảng, khu Đông Bắc (góc Lê Thánh Tôn - Phan Bội Châu) chuyên bán trứng và gia cầm. Dọc theo hai bên lối đi chính trong chợ là các sạp hàng chuyên bán rau cải và trái cây. Xung quanh chợ, dưới các mái che nhô ra ngoài đường còn có những sạp bán đủ loại hàng hóa như: đồ vật cũ, nữ trang, vải vóc, giày dép, sách báo, rượu trà, hủ tiếu, mì, v.v. Bên trong chợ có phòng thí nghiệm và văn phòng của thú y sĩ

đảm trách việc kiểm tra phẩm chất thực phẩm. Phía sau chợ, dọc theo đường Espagne có hai dãy nhà vệ sinh công cộng.

Chợ Bến Thành được xây theo kiểu mẫu của các chợ chuyên bán thực phẩm tại châu Âu mà người Pháp gọi là «Halles». Riêng chợ tại Sài Gòn vừa là chợ thông thường, cung cấp đủ loại thực phẩm cho khách hàng mua về nấu nướng các món Việt, Tây, Tàu, Ấn, vừa được xem như chợ bán tạp hóa vì có cả những món tiêu dùng cần thiết hằng ngày như: giày dép, vải vóc, guốc, dù, chén đĩa, ly tách, rổ rá, đồ hàng xén, giấy bút, nữ trang, thuốc hút, thuốc trị bệnh, v.v. Trị giá những mặt hàng này chiếm ít nhất một phần tư trị giá tổng số hàng hóa buôn bán tại chợ.

Chợ Bến Thành là một trung tâm thương mại tấp nập, sinh hoạt như một thành phố nhỏ, từ sáng sớm đã có người quay gánh, người khuôn vác, kẻ kéo xe ba gác, kẻ đánh xe ngựa chở hàng đến chợ. Vào giữa năm 1925, vì nhu cầu mua bán gia tăng nên chợ hoạt động cả về đêm, từ 6 giờ chiều đến 12 giờ khuya, sang năm 1928, chợ đêm kéo dài đến 5 giờ sáng. Số khách hàng đông đúc cộng với số lượng khổng lồ của hàng hóa tạo ra nhiều khó khăn trong việc đảm bảo vệ sinh và quét dọn sau mỗi phiên chợ. Hơn nữa, nhiều người bán hàng sống ngay tại chỗ trong chợ hoặc trong các sạp hàng phía ngoài đường khiến chợ dần dần trở nên chật chội. Vào những năm 1940, mỗi ngày có khoảng 30.000 người đến chợ để mua sắm. Số liệu này chứng tỏ từ lâu mức cung cầu tại chợ Bến Thành đã tăng cao.

Sài Gòn thuộc vùng khí hậu nóng và ẩm nên các thức ăn như thịt, cá, rau cải mau hư hỏng. Vào thời tử lạnh chưa thịnh hành (trước thập niên 1950), các bà nội trợ phải đi

chợ mỗi ngày để có thức ăn tươi, do đó chợ bán quanh năm, chỉ trừ ngày mùng một Tết.

Chợ Bến Thành nằm tại địa điểm quy tụ các đường giao thông chính nên thuận lợi về mặt vận chuyển hàng hóa và tổ chức giao thông công cộng. Chợ nằm cách gang Cầu Ông Lãnh khoảng hai cây số, nơi cập bến của thuyền bè chuyên chở hàng hóa từ Lục Tỉnh. Chợ chỉ cách ga chót đường sắt Xuyên Đông Dương vài trăm mét, nơi những chuyến tàu hỏa chở về những rau cải từ Bắc Việt và Đà Lạt, sò ốc từ Tuy Hòa, cá tươi lẫn cá khô từ Phan Thiết. Ga xe điện cũng nằm cách chợ không bao xa, chở về các sản phẩm của Gò Vấp, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một. Ngoài ra còn các bến xe đò đậu dọc hai bên chợ: xe đi các tỉnh miền Tây đậu dọc theo đường Schroeder (Phan Châu

Trinh), xe đi các tỉnh miền Đông đậu phía đường Viénot (Phan Bội Châu). Các bến xe này tồn tại đến khoảng năm 1940.

Các quyển chỉ nam du lịch xuất bản từ thập niên 1920 đã liệt kê chợ Bến Thành vào danh sách các địa điểm du lịch không thể bỏ qua. Ngoài việc ngắm nhìn kiến trúc đồ sộ của ngôi chợ vây quanh bởi phố xá sầm uất, du khách vào thăm chợ còn được khám phá vô số sản vật đến từ khắp các tỉnh. Hàng hóa phong phú, khách hàng tấp nập, mãi lâu về sau chợ Bến Thành vẫn là trung tâm mậu dịch thịnh vượng của Sài Gòn.

Mỹ Phước Nguyễn Thanh
(France)



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA
4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

DẦU LÀ NGÓ Ý...

TIỂU-THU

Huệ Khanh làm xong món cánh gà chiên bơ, nhìn đồng hồ thấy đã ba giờ. Vội vàng tắm rửa, thay quần áo, trang điểm là đúng bốn giờ. Nàng cẩn thận để thau cánh gà vào cốc xe rồi cho xe ra khỏi garage. Định đến nhà Kim mới bày ra đĩa. Tuy hai nhà cách nhau chỉ hăm lăm phút lái xe, nhưng phải quẹo tới hai ba xa lộ. Có lần nàng đi loanh quanh, phone tới phone lui... mất cả tiếng đồng hồ mới tới được nhà Kim. May mà thiên hạ vừa nhập tiệc, nên món ăn của nàng mang tới không bị ế! Vì thế Huệ Khanh luôn luôn đi sớm và nhìn đường thật kỹ. Kim là cô bạn nhỏ, kém Khanh cả chục tuổi. Nhưng Kim rất dễ thương, tính tình cởi mở và tinh tế trong giao thiệp. Huệ Khanh quen Kim qua một người bạn làm cùng sở. Hằng và Kim có sở thích ca hát giống nhau, vì thế họ rất thân. Nhà Kim ở ngoại ô nên rất rộng rãi. Dưới basement, vợ chồng Kim trang trí đầy đủ như một phòng trà với âm thanh và sân khấu, đèn màu... Có dịp là vợ chồng Kim mời chừng 15, 20 cặp là đã đủ cho một party thân mật. Mỗi cặp mang lại một món ăn là xong. Ca sĩ và nhạc sĩ đánh đàn chỉ có... dư chứ chưa bao giờ thiếu. Trong nhóm này, từ khi Trung, ông xã Huệ Khanh qua đời thì nàng trở thành người độc thân duy nhất. May mà Huệ Khanh không biết hát, nhưng những "thính sĩ" như nàng rất được quý trọng. Bình thường Huệ Khanh tìm một chỗ ngồi khuất, thả hồn lâng lâng theo từng lời ca tiếng nhạc của bạn bè trình diễn trên sân khấu. Nàng ý tứ tránh những lời mời mọc ra sân nhảy, dù trước đây

Trung và Huệ Khanh là một cặp khiêu vũ thuộc hàng điêu luyện.

...Cách đây năm năm, căn bệnh mất trí nhớ của Trung càng ngày càng trở nên nặng hơn. Nhiều lần chàng lái xe ra đường để đi siêu thị mua món gì đó, rồi không nhớ đường về nhà, cứ lái loanh quanh hết đường nọ đến đường kia. Đi làm về không thấy chồng đâu, Huệ Khanh lo lắng gọi điện thoại di động cho Trung. May mà chàng có đem theo trong túi. Khanh dặn chồng đậu xe ở góc đường. Cho Khanh biết tên đường để nàng đến kiểm. Huệ Khanh đi làm mà lòng cứ phập phồng lo sợ. Lâu lâu phải phone về nhà thăm chừng. Có lần, thay vì cho hộp thức ăn vợ làm sẵn để trong tủ lạnh vào lò vi sóng để hâm, Trung cho vào nồi, mở bếp rồi bỏ đó, ra phòng khách ngồi tỉnh bơ xem TV. Cái nồi cháy khét lẹt, khói bay mù mịt làm alarme hú lên inh ỏi. Lúc đó Trung mới sực nhớ và lén quỳnh gọi 911. May mà chưa sao, nhưng Huệ Khanh phải lau chùi nhà bếp ám khói mấy ngày mới hết mùi hôi. Hú hồn là không cháy nhà.

Sau lần đó, Huệ Khanh thuê một bà đứng tuổi đến trông chừng Trung. Nhưng ngày nào đi làm về Huệ Khanh cũng nhưc đầu vì những lời phàn nàn, dĩ nhiên là vô căn cứ, của chồng. Trung buộc bà Lưu cái tội luôn luôn dòm ngó, rình mò chàng, chắc là có ý đồ xấu gì đây. Rồi còn đổ cho bà tội ăn cắp vặt, mắng mỏ bà ta một cách thậm tệ, khiến bà Lưu khóc bù lu bù loa và nhất định xin nghỉ việc. Huệ Khanh đã suy nghĩ nát óc vẫn chưa tìm được cách giải quyết. Trung nghỉ làm mấy năm rồi, bây giờ không lý nàng cũng xin về hưu ở cái tuổi năm mươi lăm? Cả đồng bill phải trả hàng

tháng. Với tiền lương hưu trí ít ỏi so với lương chính thức, cuộc sống của hai vợ chồng nàng chắc chắn sẽ không còn thoải mái! Hai đứa con thì đứa lớn làm việc ở Vancouver xa lắc xa lơ và cô gái út với 2 đứa con còn quá nhỏ cũng chẳng giúp đỡ gì được cho mẹ. Thỉnh thoảng chúng ghé thăm hoặc mời ba mẹ đi ăn. Chỉ tội có lần cả nhà đang ăn uống vui vẻ ở nhà hàng, Trung đứng lên nằng nặc đòi về. Thế là... tan hàng và từ đó Huệ Khanh không dám đưa chồng đi ăn tiệm! Ôi, căn bệnh gì mà quái ác! Cuối cùng thì Huệ Khanh cũng đành xin nghỉ không lương một năm, để ở nhà săn sóc cho Trung. Qua khám nghiệm trong bệnh viện cho thấy những tế bào nằm trước trán của Trung càng ngày càng teo nhỏ, nên căn bệnh chỉ có tăng chứ không giảm. Cho tới một hôm. Cái ngày kinh hoàng mà Huệ Khanh không bao giờ quên được. Nàng đang tắm thì nghe tiếng Trung la bài hãi. Huệ Khanh lật đật khoác cái áo choàng tắm chạy ra xem thì hỡi ơi, Trung đã té lặn xuống cầu thang, đang nằm bất động dưới basement. Huệ Khanh run rẩy bấm số gọi 911 trước khi hồi hả chạy xuống quầy bên cạnh chồng. Trung rên rỉ muốn ngồi dậy, nhưng đau quá lại nằm vật xuống. Huệ Khanh nắm chặt tay chồng, luôn miệng trấn an Trung, trong khi chờ ambulance tới chở đi nhà thương. Lần đó chàng bị nứt xương cổ tay và gãy ống chân, phải bó bột. Không kể nhiều chỗ bầm tím cả tháng sau mới khỏi. Huệ Khanh săn sóc Trung khổ sở vô cùng. Vì từ hồi bệnh nhiều lại bị bó bột cả tay lẫn chân, Trung phải ngồi yên một chỗ. Suốt ngày chỉ có ăn, ngủ và ngồi xem TV nên Trung càng ngày càng mập phì. Mỗi lần vào toilettes là Huệ Khanh phải đánh vật với chồng mướt cả mồ hôi. CLSC (chẩn y viện) trong vùng có cho người đến săn sóc, tắm rửa Trung 3 lần một

tuần nên Huệ Khanh cũng nghỉ xả hơi được chút đỉnh. Bạn bè mỗi lần đến thăm đều xót xa cho nàng. Bởi Trung càng mập ra thì Huệ Khanh càng teo tóp đi. Mặt mày xơ xác, héo úa đến thảm thương! Từ ngày Trung bệnh, mọi người cũng không dám mời Huệ Khanh đến dự tiệc tùng như trước. Mà có mời nàng cũng từ chối. Họa hoằn lắm, những lúc có y tá đến nhà săn sóc cho Trung, thì Huệ Khanh mới dám chạy đi ăn với Kim một tí. Kim cứ rên rí:

- Chị Khanh ơi, chị tính sao đi chứ. Chị còn chịu được đến bao giờ đây hả? Lúc này chị gầy như que củi! Hay chị đưa anh vào trung tâm dành cho người bị bệnh mất trí nhớ đi. Trong đó họ có nhân viên đầy kinh nghiệm, chắc chắn sẽ săn sóc chu đáo hơn mình.

Huệ Khanh cười buồn:

- Chị biết tính sao bây giờ? Thôi thì đợi đến khi nào chị hết sức hần hay. Chị không nỡ đưa anh vào đó. Xa chị, không biết anh sẽ như thế nào?

Kim nhăn mặt:

-Em biết trước sau gì chị cũng sẽ gục cho mà xem!

Huệ Khanh bóp bóp bàn tay Kim, giọng cảm động:

-Đừng lo cho chị. Chị phải báo đáp ân tình của anh dành cho chị trong mấy mươi năm qua. Anh Trung là một người chồng tuyệt vời. Bây giờ anh ấy mắc bệnh, bổn phận chị là phải hết lòng chăm lo cho anh ấy. Số phận đã an bài, chị còn biết làm sao hở em?!

Và Huệ Khanh đã gục như Kim tiên đoán vào đầu mùa thu năm đó. Mùa thu xứ này lạnh và ẩm. Một hôm trời mưa lất phất, Huệ Khanh vội vàng mang thùng rác ra đường vì xe đổ rác sắp trở tới. Quá vội nên nàng không mặc áo mưa, đầu lại để trần. Kết quả là Huệ Khanh bị cúm một trận toi đời. Sốt và ho xé phổi. Lần đó cậu con trai ở

Vancouver phải xin phép về Montréal thay mẹ săn sóc cho bố cả 2 tuần lễ. May mà nó còn độc thân, muốn đi bao lâu cũng được. Lần này về thấy sức khỏe mẹ kém quá, nó bàn với cô em xin chỗ trong một trung tâm dành cho người bị bệnh chronique ở gần nhà. Huệ Khanh suy nghĩ cả mấy ngày trời. Sau cùng nàng đành chịu ý hai con, ký đơn xin chỗ cho chồng. Trung tâm cách nhà nàng chỉ 10 phút lái xe nên cũng tiện. May mắn chỉ hơn 2 tháng sau là họ gọi lại báo tin là Trung được nhận. Sờ dĩ có chỗ trống là vì một bệnh nhân vừa mới qua đời!

Ngày đưa Trung vào chỗ ở mới, Huệ Khanh đã khóc như mưa. Nàng có linh cảm như là sẽ có chuyện gì đó không hay, tuy rằng trung tâm này nổi tiếng là nơi chăm sóc bệnh nhân rất kỹ. Trung thì vẫn tỉnh rụi, vì trí nhớ của chàng bây giờ như bị bao phủ bởi một màn sương dày đặc. Trung còn nhận ra vợ, nhưng với những người khác thì rất mơ hồ. Những lúc con gái dẫn 2 cháu ngoại vào thăm, mắt chàng sáng lên, miệng cười cười. Nhưng khi hỏi tên tuổi các cháu thì chẳng nhớ gì cả!!! Trừ khi rất bận, ngày nào Huệ Khanh cũng vào thăm chồng. Nàng thường nấu những món Trung thích mang vào cho chàng. Com tây ban đầu lạ miệng, Trung ăn một cách thích thú. Nhưng sau một thời gian thì đâm ngán. Thấy hôm nào bữa ăn của chồng cũng còn thừa, mà sức khỏe của Trung lại kém đi, Huệ Khanh xin phép trung tâm cho nàng đem thức ăn nấu ở nhà vào. Được ăn cơm Việt Nam Trung sung sướng cười hoài khiến Huệ Khanh thấy thương chồng dạt dào. Cách đó một tháng, Huệ Khanh sang Cali một tuần để ăn cưới con người em họ. Khi về nàng thấy có tin nhắn của trung tâm trong điện thoại. Huệ Khanh vội vàng vào thăm chồng mới hay những ngày vắng nàng, Trung không chịu ăn uống gì cả. Thấy mặt vợ, Trung mừng rỡ ôm

chặt nàng trong tay như vừa tìm lại được một món đồ rất quý giá. Huệ Khanh cảm động bồi hồi, nhủ lòng từ đây về sau sẽ không đi vắng lâu ngày như lần vừa qua. Lúc nàng từ giã ra về, Trung bịn rịn nắm tay vợ không muốn buông khiến Huệ Khanh thấy khóe mắt và đầu mũi cay cay!

Noel năm ấy, con trai từ Vancouver về thăm bố mẹ nên mọi người đồng ý sẽ tổ chức Réveillon ở nhà Huệ Khanh. Trung được vợ con đón về nhà từ sáng. Nhìn hai đứa cháu ngoại vui đùa, cười giòn rộ, nhìn cây thông đặt cạnh lò sưởi được trang hoàng lộng lẫy, đèn màu chớp tắt không ngừng... Trung cũng tỏ vẻ vui vui. Khi thằng cu tí mới lên 2 sà vào lòng ông, miệng bi bô "Ông ngoại, ông ngoại có mua quà cho con không?" thì Trung cũng biết đặt tay lên đầu thằng bé xoa xoa một cách triu mến. Thấy ông không trả lời, thằng bé cứ nắm tay ông lắc lắc và lặp lại câu hỏi thêm mấy lần nữa. Huệ Khanh vội vàng nắm tay cháu ngoại kéo về phía cây thông, chỉ vào 1 gói to tướng, dịu dàng nói:

-Quà của ông ngoại mua cho Cu Tí nè. Đợi ăn xong mình sẽ mở.

Thằng bé sung sướng quay về phía ông ngoại, đang chăm chăm nhìn hai bà cháu, chu môi gửi một chiếc hôn gió. Nhìn cảnh này Huệ Khanh thấy lòng quặn thắt. Hai đứa cháu của nàng không có cái diễm phúc được ông ngoại nắm tay dắt đi chơi ngoài công viên, hoặc thỉnh thoảng mấy ông cháu dẫn nhau vào tiệm Mac Donald, Pizza Hut... Chỉ là những điều rất bình thường mà cả ông lẫn cháu đều không được hưởng. Thương cho ông và tội cho cháu... Lại một tiếng thờ dài! Biết bao tiếng thờ dài đã phát ra trong nỗi cô đơn và tuyệt vọng từ khi Trung mắc bệnh? Lúc Trung mới vào trung tâm, một mình trên chiếc giường rộng thênh thang, Huệ Khanh không tài nào đỡ

giấc ngủ. Càng không ngủ được, đầu óc lại càng suy nghĩ. Mà toàn là những ý tưởng tiêu cực. Rồi những giọt nước mắt buồn tủi rơi tuôn ướt cả gối chăn. Một buổi sáng đánh răng rửa mặt xong, nhìn vào gương, bắt gặp một gương mặt gầy gò, xanh xao trong đó khiến Huệ Khanh giật mình. Nàng tự nhủ "Minh đây sao? Không khéo mình sẽ về bên kia thế giới trước ông chồng tội nghiệp!" Ai cũng biết những người mắc bệnh mất trí nhớ sống rất lâu, vì họ chẳng phải lo lắng gì trong cuộc đời! Từ đó Huệ Khanh tự nhủ mình phải kiên cường, không được để sự chán nản đánh gục. Trung rất cần nàng. Nếu nàng đi trước, ai sẽ lo cho chàng? Đời sống xứ này rất bận rộn, không thể trông cậy vào con cái. Cuộc sống của chúng cũng có quá nhiều lo toan vất vả...

Mùa đông năm ấy rất lạnh và tuyết đổ đầy trời. Tuy vậy Huệ Khanh vẫn vào thăm chồng đều đặn. Sức khỏe Trung tốt, chàng đã xuống cân so với lúc chân còn bó bột. Huệ Khanh khôn khéo lấy lòng nhân viên trong trung tâm bằng cách thỉnh thoảng tặng họ vài chục chiếc chả giò nóng giòn, khi thì chiếc bánh kem thơm phức. Vì thế nhân viên nơi này rất quý mến Huệ Khanh và săn sóc Trung cũng đặc biệt hơn. Mỗi bệnh nhân ở một phòng riêng biệt, có cả toilette riêng. Người nhà tự trang hoàng căn phòng cho bệnh nhân, nên Huệ Khanh lên chùa thỉnh một bức tranh Đức Phật A Di Đà với vàng hào quang sáng ngời trên đầu. Nàng treo tấm tranh Đức Phật trên tường, đối diện giường ngủ của Trung với hy vọng, hằng ngày nằm trên giường ngắm bức tranh, đầu óc chàng sẽ sáng ra được chút nào chăng? Huệ Khanh đã từng dạy Trung niệm Phật, nhưng chàng có nhớ gì đâu? Trung bây giờ còn ngu ngơ hơn cả hai đứa cháu ngoại.

Tháng Năm tới với những luồng hoa Uất kim hương đủ màu, hoa Thủy tiên trắng muốt nhụy vàng thơm ngát, hoa chuông nho nhỏ màu xanh tím rất xinh nở đầy trước sân nhà. Sân sau, cây Mộc Lan đã nở hoa trắng xóa. Những đóa hoa đẹp như làm bằng sứ. Ngày cũng dài hơn và ấm áp dần. Mỗi sáng, tiếng chim đã bắt đầu rộn ràng trên cây cerise trong góc vườn. Cặp chim Áo đỏ cũng đã trở về. Chúng tắt bật đuổi nhau, chuyển từ cành nọ sang cành kia, điệu bộ rất vui vẻ. Mùa Xuân là mùa cây cỏ hồi sinh, không vui sao được. Chính Huệ Khanh cũng cảm thấy như trong người đang chảy một giòng máu mới đầy sinh khí. Nàng định bụng thứ bảy sẽ đón Trung về nhà và gọi gia đình con gái tới chơi. Nàng sẽ làm chả cá Lã Vọng và nấu nồi bún bò Huế, những món mà Trung rất thích ăn. Ngày thứ sáu Huệ Khanh sẽ làm món bánh flan. Món này cả nhà đều thích. Nàng đã làm xong danh sách những thứ cần mua cho bữa ăn cuối tuần.

Thế nhưng, cái câu "người muốn nhưng trời định" sao mà đúng y như rằng. Sáng sớm thứ năm, Huệ Khanh đang còn ngủ thì điện thoại reo. Người y tá trong trung tâm báo tin Trung vừa bị té. Họ đã gọi ambulance. Huệ Khanh vội vàng thay quần áo, quên cả chuyện trang điểm, chạy hộc tốc vào trung tâm. Nàng đến vừa lúc họ sửa soạn đưa Trung xuống ambulance đem vô nhà thương. Thấy vẻ mặt chồng tỏ vẻ rất đau đớn, Huệ Khanh lo quá. Nhưng chỉ biết nắm tay chàng và luôn miệng dỗ dành, an ủi. Theo lời y tá trực của trung tâm thì không hiểu sao sáng nay Trung vừa bước xuống giường thì té nhũn nằm luôn dưới sàn nhà. Có vẻ như chàng muốn vào toilettes. Lúc họ đưa đi, Trung nhất định không chịu buông tay vợ nên Huệ Khanh đành để xe đó và lên ambulance đi với chồng vào nhà thương.

Sau khi chụp quang tuyến, hình ảnh cho thấy Trung bị gãy xương hông và tất nhiên phải làm phẫu thuật. Không hiểu linh tính báo trước thế nào mà khi nghe nói phải mổ, Huệ Khanh bỗng hồi hộp lạ thường. Nổi bất an xâm chiếm trong lòng mạnh đến nỗi nàng phải chạy vào toilette gần đó, vốc nước thật lạnh rửa mặt cho tinh thần tỉnh táo trở lại. Cuối cùng thì Huệ Khanh cũng đành chấp nhận. Chuyện gì tới ắt phải tới. Nàng chỉ còn biết cầu nguyện ơn trên ban phước lành cho Trung tại qua nạn khỏi. Ca mổ thành công tốt đẹp. Huệ Khanh vào với chồng từ sáng đến chiều tối mới về. Hằng ngày Bác sĩ bắt bệnh nhân phải thổi vào một cái ống, đầu kia là những quả banh nhựa nhỏ như viên bi. Thổi hơi ra thật dài cho những viên bi phải nhảy lung tung, rồi hít vào 1 hơi cũng thật dài. Mỗi ngày phải thổi nhiều lần. Mục đích cho 2 lá phổi có đủ oxygène ra vào để không bị xẹp vì nằm nhiều quá. Nhưng với một người mất trí nhớ thì thật là vạ nan. Trung thổi vài ba lần là nhắm mắt ngủ hoặc mím miệng không chịu thổi tiếp! Kết quả thật tệ hại, vì chỉ 2 tuần sau là chàng bị viêm phổi nặng. Nhìn chồng thở khò khè và oằn người bởi những cơn ho xé phổi, Huệ Khanh cảm thấy tâm can mình như bị cào xé. Nhưng đành bất lực, ôm chồng trong lòng tay mà nước mắt lưng tròng! Nàng chỉ còn biết cầu nguyện và cầu nguyện liên miên.

Sau những biến chứng liên tiếp thì các bác sĩ đành bó tay. Trung ra đi sau 1 tháng nằm bệnh viện. Đối với nhiều người, sự ra đi của Trung là một giải thoát cho chàng, mà cũng là một giải thoát cho Huệ Khanh. Nhưng đối với nàng, chàng ra đi để lại một khoảng trống không nhỏ. Cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Huệ Khanh cảm thấy hụt hẫng

một thời gian khá dài mới lấy lại được thăng bằng. Từ khi nàng xin nghỉ không lương cho đến lúc Trung mất chưa đầy 1 năm. Huệ Khanh đã có thì giờ bán căn nhà lớn và dọn vào một condo nhỏ xinh gần nhà con gái. Yên ổn rồi nàng xin trở lại nhiệm sở cũ. Làm việc cho Chính phủ lợi ở chỗ đó. Hằng và Kim là hai người nâng đỡ tinh thần Huệ Khanh rất nhiều trong thời gian qua. Nàng chân thành biết ơn họ. Tình bạn cũng nhờ đó trở nên khấn khít hơn. Sáu tháng sau ngày Trung mất, Hà và Kim rú:

-Tuần tới là sinh nhật của Kim. Chị Khanh tới chơi nha. Tụi em chỉ mời ít thôi. Toàn bạn thân không hà.

Nhưng Huệ Khanh dầy nấy:

-Thôi em ơi. Anh Trung mất mới sáu tháng. Chị đi chơi thiên hạ xầm xì không tốt!

Kim giãy nãy:

-Trời! Chị tới chỉ ngồi nghe bọn em ca hát chứ chị có lên sân khấu đâu mà sợ. Ai nói gì em sẽ cho một trận.

Huệ Khanh phá lên cười:

-Khiếp! Cứ như bà chẳng lửa. Thôi được chị sẽ tới. Muốn chị phụ món gì nói mau.

Kim ôm vai Huệ Khanh, hôn chụt vào má:

- Như vậy mới ngoan chứ. Sinh nhật của em đâu thể vắng mặt chị. Cho em xin món bún tàu xào cua nha. Chị làm món đó là ngon nhất.

Trái với sự lo ngại của Huệ Khanh, bạn bè tỏ ra rất vui khi gặp lại nàng. Thế rồi lần nọ kế tiếp lần kia. Hôm nay là lần thứ mấy Huệ Khanh đến dự party nhà Kim cũng chẳng nhớ rõ... Chỉ nhớ là lần trước cách đây 2 tháng nàng đã gặp vợ chồng người anh ruột của Kim ở bên Úc sang chơi. Hai ông bà ở Victoria. Bà vợ cũng trạc tuổi Huệ Khanh. Ông là dân du học trước 75. Sau khi mất nước thì ở lại luôn và kết hôn với bà là

dân tị nạn giống như Huệ Khanh. Ông đã về hưu nên 2 ông bà sang Montréal thăm em gái. Kim giới thiệu nàng với anh chị và Huệ Khanh mừng rỡ như đã gặp Huyền, chị dâu của Kim, ở đâu rồi thì phải. Khoảng 10 giờ, hai bà rủ nhau lên lầu để tránh cái không khí ồn ào và nóng nực ở dưới basement. Lúc này bà Huyền mới hỏi có phải trước kia Huệ Khanh đã từng học trường Văn Học của thầy Nguyễn Sa? Hỏi ra thì hai người học cùng lớp. Nhưng Huệ Khanh ngồi bàn đầu, còn Huyền ngồi phía sau, cách ba bàn nên Huệ Khanh không nhớ rõ lắm, chỉ mãi mại. Mừng ời là mừng. Những ngày sau đó Huệ Khanh mời vợ chồng Huyền đến nhà dùng cơm và tháp tùng đi chơi với họ khi có thì giờ. Kim đã chụp rất nhiều hình cho Huệ Khanh và vợ chồng Huyền để kỷ niệm. Hai bà bạn như được sống lại những ngày còn cắp sách đến trường. Đã một năm từ ngày Trung mất đi, đây là những giây phút mà Huệ Khanh cảm thấy thật sự rất vui.

Hai tuần sau vợ chồng Huyền sang Cali trước khi trở về lại Úc. Hai bà bạn đã trao đổi email để thường xuyên liên lạc. Cho đến một ngày, cách đây hai tuần, sau bữa cơm tối Huệ Khanh ngồi vào trước máy vi tính xem điện thư như thường lệ. Nàng bỗng chú ý đến một bức thư lạ đề "Thư thăm", tên người gửi là Sơn Trần. Huệ Khanh tò mò mở ra xem. Một tấm ảnh ủa màu hiện ra trên màn hình khiến Huệ Khanh kinh ngạc đến há hốc miện và... bủn rủn tay chân. Nàng ngồi im lặng, mắt đắm đắm nhìn hình ảnh cô gái trẻ trên màn hình, trái tim run lên như muốn ngừng đập. Cô gái trong tấm ảnh ủa màu với nụ cười tươi, chiếc răng khểnh và cặp mắt trong veo đầy nét ngây thơ. Chiếc băng đô màu tím trên

đầu... Đây không phải là mình sao? Huệ Khanh của năm 17 tuổi đây mà. Tấm ảnh này Sơn đã chụp cho nàng trước ngày Sơn lên máy bay sang Úc tu nghiệp và... kẹt lại luôn. Huệ Khanh không ngờ Sơn vẫn còn giữ nó. Sau khi cảm xúc lắng xuống dần, nàng mới đọc hàng chữ bên trên tấm ảnh và không khỏi chớp mắt cảm động: "Công Chúa có nhận ra hình ai đây không?" Trời! Chỉ một hàng chữ thôi mà xiết bao tình ý. Những kỷ niệm tràn về như nước vỡ bờ. Huệ Khanh nhắm mắt lại, hít một hơi dài để trấn áp xúc cảm. Sơn. Sơn của những năm nàng còn là một cô thiếu nữ thơ ngây. Chưa bước chân vào đời, nhưng trong tim đã đầy ấp hình bóng chàng. Những lần Sơn đón nàng từ nội trú để đi ci né, đi ăn và lần đi xa nhất là Thủ Đức. Cũng chính lần đó, trong vườn măng cụt của gia đình chàng, Sơn đã chụp cho nàng tấm ảnh này sau khi đã trao nhau một nụ hôn nồng nàn. Có lẽ nhờ nụ hôn mà đôi môi nàng đỏ thắm và cặp mắt long lanh... long lanh. Hai tuần nữa chàng sẽ lên đường đi tu nghiệp bên Úc và Sơn muốn có tấm ảnh của Huệ Khanh để mang theo. Đúng ra Huệ Khanh cũng có giữ 1 tấm hình của Sơn, nhưng khi kết hôn với Trung thì nàng đã hủy nó rồi. Xem như vĩnh biệt mối tình đầu. Để dĩ vãng ngủ yên. Giờ đây, tấm ảnh cũ và giọng chữ đã khơi dậy tất cả những gì Huệ Khanh muốn quên. Ừ, mà có lẽ mấy ai quên được mối tình đầu? Trái tim lúc đó còn sạch như tờ giấy trắng nên mới in đậm những rung động đầu đời đến như thế. Bỗng dưng Huệ Khanh nhớ tới một câu trong bài hát của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn "Tuờng rằng đã quên, cuộc tình đã yên..." Đúng. Tuờng rằng quên, nhưng nó vẫn còn đó. Hằn sâu trong ký ức, chỉ chờ dịp là trời lên!

Sau rất nhiều đắn đo, cuối cùng Huệ Khanh cũng bấm reply "Chào anh Sơn. Huệ Khanh đây. Anh khỏe không?"

Hầu như ngay tức khắc, thư trả lời của Sơn hiện lên màn hình "Anh còn tưởng Huệ Khanh không thèm trả lời anh nữa chứ. Anh khỏe. Huệ Khanh thế nào?" ...Thư qua thư lại, cuối cùng Huệ Khanh đi ngủ vào lúc 1 giờ sáng. Khó khăn lắm mới viết được câu giã từ, vì ngày mai nàng còn phải đi làm sớm. Qua lời kể của Sơn thì ông xã của Huyền là bạn của chàng từ mấy mươi năm qua. Sau 75, Sơn bị kẹt lại luôn bên Úc. Chàng xin được tị nạn và kiếm việc làm. Trong sở, chàng gặp ông xã của Huyền và họ trở thành bạn thân. Cách đây mười năm, Khi Sơn li dị với cô vợ người bản xứ thì cũng nhờ cặp này an ủi, săn sóc, không để cho Sơn cô đơn buồn bã. Tuy lấy nhau không hẳn là vì tình yêu, nhưng chia tay rồi cũng cảm thấy buồn. Hôm hai người từ Mỹ về có mời Sơn đến nhà ăn cơm và khoe những hình ảnh chụp chuyến viễn du qua xứ Canada và Mỹ. Thấy hình Huệ Khanh, Sơn kinh ngạc tốt độ. Sau khi dò hỏi tên và biết chắc là nàng thì Sơn bèn thành thật kể lại mối tình của hai người cho vợ chồng Huyền nghe. Lúc biết được Huệ Khanh bây giờ đã trở lại tình trạng độc thân, Sơn đã mạnh dạn xin email của nàng. Trước khi từ giã, Sơn muốn hai người liên lạc qua Sky nhưng Huệ Khanh không chịu:

-Em bây giờ già lắm. Gần sáu mươi tuổi rồi còn gì. Nhìn em anh sẽ thất vọng...

- Không đời nào. Huệ Khanh vẫn mãi mãi là công chúa trong lòng anh. Em quên là anh đã xem hình em chụp với vợ chồng Huyền hay sao? Em vẫn rất xinh đẹp. Hơn nữa Huệ Khanh nên nhớ rằng anh bây giờ cũng là cụ ông suýt soát thất tuần rồi đấy

nhé? Anh về hưu hai năm nay rồi đấy. Anh cũng có 2 cháu nội rất dễ thương.

Huệ Khanh bật cười, tự thấy mình ngớ ngẩn. Ủ thì nàng già đi, nhưng Sơn cũng đâu có đứng dặm chân tại chỗ. Chàng cũng phải già đi theo thời gian chứ bộ! Đêm đó Huệ Khanh trần trọc đến 3 giờ sáng mới chìm vào giấc ngủ. Nàng gặp lại Sơn trong mơ. Sơn và Huệ Khanh của những năm trước ngày mất nước. Cả hai dung dăng dung dẻ trong vườn măng cụt Thủ Đức. Nhưng khi họ sắp hôn nhau thì đồng hồ báo thức reo. Huệ Khanh giật mình, ngơ ngác mất mấy giây... mới nhớ lại tất cả những gì xảy ra tối hôm trước. Nàng bước xuống giường với tâm trạng rất vui. Nhưng khi đứng đánh răng, nhìn vào gương Huệ Khanh bỗng cảm thấy băn khoăn. Nàng tự hỏi không biết nàng có lỗi gì với Trung khi nối lại tình xưa với Sơn hay không? Nhưng chắc gì họ sẽ nối lại? Hơn 40 năm trôi qua, biết bao nhiêu vật đổi sao dời... Nhưng thôi, thối mặc làm gì. Tối hôm qua, Sơn nói sẽ thu xếp qua thăm Huệ Khanh một chuyến. Sớm nhất có thể. Vậy để chàng qua rồi xem sao. Nếu có duyên thì... sẽ tính.

Chuyện này Huệ Khanh vẫn còn giữ kín chưa kể cho Hằng và Kim nghe. Nhưng bữa nay nàng cố ý đến sớm. Một là để phụ Kim một tay, hai là để kể cho Hằng và Kim nghe chuyện của nàng và Sơn trước khi khách tới. Huệ Khanh sẽ hỏi ý kiến hai quân sư quạt mo này. Ba cái đầu nhất định sẽ sáng hơn một cái...

Mãi suy nghĩ, Huệ Khanh lại chạy qua khỏi ngã tư quẹo vào nhà Kim.

Nàng chắc lưỡi: đành phải quay lại lần nữa. Ôi, Có lẽ tơ lòng của nàng với Sơn vẫn còn vương nhiều quá!

Tiểu Thu.

BÉ MƯỜI

Hồng Thủy

Tặng Michèle thân yêu

Đạo sau này Thảo ít thích đi shopping, không biết có phải triệu chứng của tuổi già hay không ? Hôm nay vì sắp đi du lịch xa, cần một cái bóp đeo vào người, nhỏ và thật nhẹ, nên Thảo mới đi vào tiệm Macy để tìm mua. Đang ngắm nghía cả chục cái bóp nhỏ treo trước mặt thì nghe có tiếng nói ở sau lưng: bé Mười, mua cái bóp này cho mẹ được không? Thảo giật mình quay phắt người lại khi nghe chữ bé Mười, bởi đó cũng là tên gọi thân mật ở nhà của Thảo những ngày còn thơ ấu. Một người đàn ông khá lớn tuổi đi với một người đàn bà trẻ, chắc là hai bố con đang bàn nhau chọn mua cái bóp làm quà cho vợ. Tính Thảo cởi mở nên thấy hai bố con nhìn Thảo cười, Thảo cũng cười xã giao:

- Chắc ông và cô đi mua quà cho bà nhà phải không ?

- Dạ đúng vậy

Người đàn ông trả lời và chỉ cái bóp hỏi ý kiến Thảo

- Bà thấy cái bóp này có được không ạ?

-Tôi thấy đẹp , nhưng còn tùy theo ý thích của bà nhà.

Cô con gái vội tiếp lời:

- Con nghĩ chắc mẹ thích.

Nghe ông bố cứ gọi con gái là bé Mười, Thảo tò mò hỏi:

- Ông bà đông con nhỉ, có tới 9, 10 người con cơ à ?

- Dạ không , chúng tôi chỉ có một mình cháu thôi .

- Một mình mà sao ông gọi là bé Mười?

Cô gái cướp lời:

- Tên con là Mười Thương. Bố đặt tên con lạ quá phải không cô? Nhưng bố cứ gọi con là bé Mười hoài à.

Ông bố cười:

- Thì tại có 1 nên thương quá, thương gấp 10 lần nên đặt tên là Mười Thương. Nói chơi chứ, Mười thương là tên của bài thơ nói về những nét đẹp cả bên ngoài cũng như tính nết của người con gái Việt Nam thuần túy. Ý nghĩa chữ Mười Thương hay như vậy mà cháu nó cứ than là tên không giống ai, tên phải đặc biệt mới quý chứ. Và lại đó là tên Việt Nam gọi ở nhà thôi, tên trên giấy tờ của cháu là Audrey.

Giữa từ hai bố con, Thảo đi ra quầy trả tiền cái bóp. Trên đường về Thảo cứ nghĩ mãi về cái tên thật lạ Mười Thương của cô gái. Ông bố này cũng hơi gàn, chọn cái tên quá khác thường dù là có ý nghĩa để đặt tên cho cô con gái quý. Nhưng sao ông ta không gọi tên con là Thương mà cứ gọi bé Mười làm Thảo giật mình tưởng ông ta gọi tên mình.

Thảo sinh ra trong gia đình khá đông anh em. Thảo là thứ 9, người Nam thường gọi con lớn là anh Hai hay chị Hai. Thảo là con thứ 9 và là út nên cả nhà vẫn âu yếm gọi là bé Mười.

Nhĩ tới cái tên bé Mười của thời thơ ấu, Thảo bỗng nhớ lại kỷ niệm thật đẹp, thật dễ thương của gần 60 năm về trước, mà Thảo cứ nói đùa với mấy người bạn thân là mối tình đầu.

Ngày đó gia đình Thảo ở căn biệt thự trong Hẻm Cây Diệp, cái hẻm thật lớn nổi hai con đường Phan đình Phùng và Tự Đức. Một ngày của năm 1954, có một gia đình ở ngoài Bắc di cư vào Nam, họ tá túc ở căn nhà đối diện với nhà Thảo. Chiều nào anh chàng Bắc kỳ di cư mới dọn đến cũng vác đàn Guitar ra ngồi hành lang trước nhà, vừa đàn vừa hát bài Về Miền Nam. Giọng anh ta thật hay và thật ấm. Chắc bài hát hợp với tâm trạng anh ta lúc đó, nên anh ta cứ hát hoài. Anh hát mà mắt cứ nhìn qua phía nhà Thảo. Lúc đó cả nhà cứ réo tên nàng là Bé Mười mỗi khi gọi Thảo vào nhà ăn cơm. Thảo khoái nghe anh ta hát và rất thích bài hát này nên mỗi khi anh ta cất tiếng hát là Thảo cứ xẹt tới xẹt lui ra trước cửa để nghe và lẩm nhẩm hát theo... Đi về miền Nam, miền hương thơm bông lúa tràn ngập đầy đồng... Xẹt qua xẹt lại hoài cũng kỳ, Thảo nghĩ ra cách chơi lò cò một mình trước sân để có cơ ở ngoài nghe chàng ta hát. Chắc hẳn dáng nhảy của Thảo duyên và mềm mại lắm nên có hôm chàng ta ngừng hát khen: Bé Mười nhảy lò cò đẹp và dễ thương quá. Được khen bé Mười khoái chí, từ đó mỗi khi nhảy lò cò ở trước nhà, bé Mười lại cố làm điệu, ráng nhảy cho đẹp để chàng ta lé mắt thêm. Một hôm bé Mười phải đi

chữa răng nên không ra trước sân nhảy lò cò để nghe chàng ta hát. Hôm sau thấy bé Mười, chàng ta hỏi liền: Hôm qua bé Mười đi đâu mà không thấy nhảy lò cò. Thì ra anh chàng cũng ghiền xem bé Mười nhảy lò cò, giống như bé Mười ghiền nghe anh ta hát. Từ đó không bao giờ bé Mười bỏ nhảy lò cò và chàng Bắc kỳ cũng không bao giờ quên ôm đàn vừa hát bài Về Miền Nam vừa ngắm cô hàng xóm. Bé Mười thích nghe bài hát Về Miền Nam đến nỗi chả bao giờ thối mặt sao anh ta chỉ đàn và hát độc nhất có một bài này. Một hôm, vừa đi học về, bé Mười nghe tin thật buồn. Gia đình chàng Bắc kỳ dọn đi mất tiêu rồi. Chắc gia đình chàng đã kiếm được chỗ ở mới. Bé Mười buồn suốt cả tuần lễ, cứ ngồi ở bậc cửa ngó sang hành lang căn nhà trước mặt, lẩm nhẩm hát một mình: Đi về miền Nam miền hương thơm bông lúa tràn ngập đầy đồng... Mọi khi bé Mười thích hát bài này lắm, sao bây giờ mới hát một câu bé Mười đã thấy chán rồi. Bé Mười cũng không thích nhảy lò cò nữa, vì nhảy đẹp cũng chẳng ai ngắm. Bé Mười cứ ra ngẩn vào ngơ. Không biết cô bé 12 tuổi nhớ chàng Bắc kỳ hay nhớ tiếng hát của chàng? Chắc hẳn là nhớ tiếng hát nhiều hơn, vì thật ra Thảo chưa bao giờ có dịp nhìn kỹ mặt anh chàng Bắc kỳ. Chỉ thấy anh ta trắng trẻo, cao ráo, vậy thôi. Mặt mũi anh ta ra sao Thảo cũng không nhớ kỹ, vì có bao giờ Thảo dám nhìn thẳng vào mặt anh ta đâu. Hồi đó bé Mười nhát và hay mắc cỡ thấy mồ đi.

Chuyện gặp gỡ hai bố con cô gái có tên Mươi Thương tự nhiên làm Thảo nhớ lại kỷ niệm thật đẹp, thật nhẹ nhàng của thời thơ ấu. Thảo có biết đâu người đàn ông đó chính là chàng Bắc kỳ của thuở nào. Gia đình chàng dọn đi quá bất ngờ, chính chàng cũng không biết trước. Chỉ tại bà chủ nhà là bà con của bố chàng có chuyện bất bình nên hơi nặng lời. Bố chàng tự ái đòi dọn nhà đi ngay tức khắc. Họ đến ở trung tâm tạm trú của người di cư. Chàng phải theo gia đình tức tưởi ra đi, mang theo hình ảnh của mối tình đầu. Bé Mươi xinh xắn dễ thương, có dáng nhẩy lò cò thật đẹp, có đôi mắt long lanh e thẹn hớp hồn chàng.

Xa nhau rồi, chàng mới dò hỏi người em họ cùng xóm về gia thế bé Mươi. Người em lắc đầu nhìn chàng với đôi mắt thương hại: Không với tới đâu, họ giàu lắm, cả dãy phố Cây Diệp là của họ đó. Nghe nói có đồn điền cao su nữa.

Chàng Bắc kỳ biết là vô vọng. Gia đình chàng bỏ hết tài sản di cư vào Nam. Chàng chỉ là cậu học sinh Trung học. Hoàn cảnh hai gia đình quá khác biệt đã đưa đẩy chàng và bé Mươi qua hai ngã rẽ của cuộc đời. Chẳng bao giờ họ còn có cơ hội ở gần nhau. Bé Mươi quên chàng dễ dàng, nhưng chàng lại chẳng thể nào quên. Hình ảnh mối tình đầu cứ nằm mãi trong tim. Giòng đời lặng lẽ trôi ... Chàng lấy vợ thật trẻ, khi có con gái đầu lòng, chàng đặt tên gọi ở nhà cho con là bé Mươi Thương. Vợ chàng phản đối, tên gì nghe kỳ quá. Chàng nhẹ nhàng cắt nghĩa: em có biết bài thơ

Mười thương không? Đó là tất cả nét đẹp toàn vẹn của người con gái Việt Nam. Thật ra cái tên Mươi Thương cũng đúng một phần như chàng nói, nhưng yếu tố chính là chàng muốn được gọi con gái bằng cái tên thật thân yêu của ngày mới lớn. Bé Mươi Thương thì dài quá. Chàng sẽ chỉ gọi con bằng cái tên ngắn gọn bé Mươi. Dù bây giờ con gái đã là người đàn bà trẻ, chàng cũng vẫn không thay đổi cách gọi con. Cái tên bé Mươi trong lòng chàng bất di bất dịch.

Vừa rồi gặp người đàn bà lạ ở Macy, chàng thấy bà ta có nét gì hơi quen nhưng chàng không sao nhớ được đã gặp ở đâu? Về nhà, buổi tối ngồi trước computer, có người bạn chuyển cho cái YOUTUBE bài hát Về Miền Nam do ban Tủ Ca Xuân Diễm hát trong buổi tưởng niệm cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Bài hát đưa chàng về khoảng thời gian đẹp nhất trong đời. Chàng bỗng choáng váng như người bị điện giật. Trời ơi, nàng là bé Mươi chứ còn ai nữa? Sao mình có thể lú lẫn đến nỗi không nhận ra. Sau cơn xúc động, chàng nghĩ thầm. Nhận ra rồi mình làm gì được? Quá trễ rồi, chỉ thêm khổ và thêm buồn. Nhiều khi như vậy mà lại hay. Chàng chỉ tiếc là không nhận ra để mà hỏi thăm xem cuộc sống nàng ra sao. Chàng vẫn mong bé Mươi của chàng được hạnh phúc. Chàng nghĩ đến câu thơ của Thi sĩ Hồ Dzếnh để tự an ủi mình: Tình chỉ đẹp khi còn dang dở. Đời mất vui khi đã vẹn câu thề... **HT.**

GIẢNG KIỀU

Lê Đức

Lê Thanh Tao sững sờ trước vẻ đẹp thần kỳ của cây cầu. Không nén được cảm xúc, Tao la lớn:

- Đẹp quá! Trên thế gian này, không một sắc đẹp nào toàn vẹn và duyên dáng hơn thế!

Cánh cửa khép lại. Tiếng nói của Tao lách qua khe hở lọt ra ngoài. Người ta nghe, mặc họ. Tao chỉ biết cây cầu là thực thể trong lành, cách Tao không xa hơn vài gang tay. Tao chăm chú nhìn từng ngón dài, mềm như măng non, đầu móng trang điểm những cánh hoa sắc màu thanh nhã, lướt bay trên nền trời pha lê trong sáng. Chỉ thế, cũng đủ cho tâm hồn bén nhạy của Tao thẩm định khá chính xác giá trị của cây cầu thuộc nấc thang nào trong thiên nhiên. Như người bị thôi miên, Tao ngoan ngoãn nghe lời chỉ dẫn của cây cầu: Ngó lên. Nhìn xuống. Bên trái. Bên phải. Những vành tai xinh xắn hình trái bầu trắng nõn, tròn đầy, đong đưa dưới giàn hoa vàng, hòa lẫn màu cây xanh lá. Từng cuộn giấy leo cuộn tròn như mái tóc hoàng gia, buông thả trên thành cầu, xõa xuống bờ vai phủ màu lụa trắng. Xa xa những dòng chữ nhỏ to nép mình dưới từng cụm mây, lả lướt bay, như muốn thách đố thị lực của Tao. Mí mắt Tao dương cao, chăm chú nhìn những sợi mây đen ẩn hiện trên bức vách màu ngà, chiếu qua những lăng kính hoa tròn, phát ánh dương quang xuyên suốt từ

một khung trời xa xăm nào. Từng giọt sương đêm trong mát, đến thời khắc này mới có dịp rời khỏi những ngón cành còn tươi màu mạ, rơi xuống cặp mi nhắm nghiền của Tao đang mơ màng chờ đợi một phép màu. Tao nghe văng vẳng từ đâu đó lời lẽ nồng nàn, thân thiết của cây cầu, nhấn nhá:

- Những câu thơ bóng bẩy, cần cặp mắt tinh tường và một con tim thông minh, ôm ấp từng ngày những tư tưởng xa lạ, để lấp đầy nội tâm hoang vu, trống trải.

- Có nghe không những ẩn ý thâm trầm của hư vô, hàm chứa trong từng câu thơ ấy?

- Nghe chứ! Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mà!

- Còn nữa, những trở ngại của thời gian tâm lý?

- Chẳng thời gian nào có thể che khuất, vì tuổi thời gian không hiện thực...

Đây là cây cầu của không gian muôn chiều không lượng số, nối dài từ rặng đông đến hoàng hôn, qua những canh đêm đen đặc, vận chuyển theo bốn mùa không năm tháng. Xuân, Hạ, Thu, Đông, mùa nào cũng tạo cho cây cầu những nét đẹp phi thời gian. Mỗi ngày, Tao đều viếng thăm cây cầu. Cảnh vật và khí hậu biến đổi từng giây theo vòng quay của trái đất. Tao ghi nhận vào bộ nhớ của các giác quan không sai một cự ly, từng màu sắc, từng thanh âm, từng nhiệt độ đổi thay của thời tiết. Một hôm, Tao vừa bước chân lên cầu, lập tức toàn thân cầu tự động chuyển mình, uốn lượn như bay trong không gian, mang theo duy nhất một lữ khách, ngao du khắp nơi trong bầu trời mênh mông. Chưa bao giờ Tao cảm

thấy thích thú bằng lúc này. Suốt chiều dài của cuộc hành trình, Tao không từ bỏ một cảnh quan nào, từ chân mây đến ngọn cỏ, mãi miết say mê với cảnh vật, không còn biết chính mình là ai. Bầu trời xanh, rồi tím, biến dần thành màu sữa đục, thay đổi theo vận tốc phi thường của cây cầu, lao đi vun vút tựa sao băng. Những tầng trời theo khoa thiên văn hữu hình và siêu hình mô tả, cây cầu đều lướt qua. Nào thượng tầng, hạ tầng không gian, nào Dải Ngân Hà, nào Cung Đâu Xuất, nào Núi Tu Di, nào Tứ Đại Hải, nào Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nào cõi Niết Bàn, nào Cõi Cực Lạc, nào cõi Thiên Đàng, nào Ao Trời nước xanh thăm thẳm, thấp nhất là Cõi Bồng Lai, hay Cõi Thiên Thai đầy thơ mộng, tô điểm do những tầng mây năm sắc, Tao đều nhớ nhập tâm không sót một thiên giới và địa giới nào. Cứ như thế, cây cầu lá lướt bay không ngưng nghỉ trong không gian bao la. Một đêm dằng dặc dài, Tao cảm thấy như mình bất tử. Niềm vui của Tao, tưởng như đã đạt đến đỉnh cao chói vót của thời gian và không gian vô tận.

...Chợt tỉnh, Tao nhận ra, đây chỉ là giấc mơ. Nhưng, vẻ đẹp huyền diệu của cuộc hành trình, một đời chẳng có hai lần, vẫn còn ghi những nét đậm trong tâm hồn Tao, kéo dài cho đến hôm nay và ngày mai không tương lai.

“Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu mến thầy”.

Kiều là cầu. Kiều cũng là đẹp, là kiều diễm. Ở đây, Giáng Kiều là danh xưng của mỹ nữ, biểu tượng của cây cầu. Bích Câu là

dòng khe xanh biếc, ngày đêm xuyên suốt chảy, làm bối cảnh tô điểm thêm vẻ đẹp cho cây cầu trong truyền kỳ Bích Câu Kỳ Ngộ. Bằng trực giác, nho sinh Trần Tú Uyên quyết định chọn nơi này dựng lên một gian nhà cỏ làm thư phòng.

Một buổi sáng đầu Xuân, khí hậu ấm áp thỉnh thoảng kèm theo hơi gió se lạnh của độ giao mùa, đã đẩy đưa nho sinh Tú Uyên vào một cuộc tản bộ đầy hứng thú từ vườn Bích Câu đến chùa Ngọc Hồ, nằm giữa lòng thủ đô Thăng-Long - Hà-Nội, bao phủ cùng khắp phố Sinh Từ. Nơi đây, chàng nghe đủ mọi tần số âm thanh: tiếng hót âu yếm của các loài chim, tiếng mời gọi nỉ non của các loài côn trùng, tiếng ong vi vu, tiếng dế rên rĩ, có cả tiếng bướm, tiếng lá, tiếng hoa, những siêu âm được trời đất dành riêng cho thánh giác nhạy bén của chàng. Tú Uyên thơ thẩn men theo cảnh sắc muôn màu của đất trời, trải dài trên một khu đất rộng chừng vài chục mẫu, tràn ngập hoa thơm, cỏ lạ. Ngay trước cửa chùa là một vườn đào đỏ thắm, chen lẫn màu xanh non của những cánh lá mới chào đời. Thoang thoang trong vườn, hương Ngọc Lan hòa nhập với hương hoa Bưởi từ nhiều góc độ vây quanh Tú Uyên, rồi vượt qua cửa Tam Quan lan tỏa đến những phố phường tương cận. Say mê quá! Chàng cảm thấy mình như cánh diều bay bổng trên không. Đang vui thú với cảnh giới thần tiên của thế gian, Tú Uyên thoáng thấy một tấm giấy màu hồng từ trên cao đang đưa rơi xuống chỗ chàng đứng. Bằng phản ứng tự nhiên, Tú Uyên dơ hai tay đón nhận tấm giấy, ghi bốn câu lục bát:

*“Hỡi người quân tử thơ ngây!
Tìm ai ở chốn Bồng Lai hỡi chàng?
Sách đèn bỏ lại ai mang,
Phải chăng Chàng đợi bóng Nàng trên mây”.*

Đọc qua bài thơ chứa đựng những hàng chữ mảnh mai như sợi tơ, gói ghém những ý tình lãng mạn, Tú Uyên nhận ra ngay, người đã buông lời đùa cợt chàng, phải là người khác phái. Qua phản xạ của cảm quan, Tú Uyên ngược mắt nhìn lên để tìm xem, ai đó là ai? Nhưng, chàng chỉ thấy một bầu trời xanh lơ, phát phơ vài cụm lá, lay động theo hướng bay của hương gió đầu mùa. Rồi chàng đảo mắt nhìn quanh, nhưng cũng chẳng tìm được một manh mối nào khác hơn là sự tươi vui của cảnh vật. Một thoáng đi qua, bốn câu thơ trữ tình viết trên tám giấy hoa tiên màu hồng đã để lại trong lòng nho sinh một nhát phai của tình khúc chợt đến, chợt đi, nhẹ nhàng như hơi thở. Tú Uyên lại tiếp tục vui chơi trong khuôn viên chùa đầy hương sắc, hồn nhiên như trẻ thơ, không chú ý đến một sự lạ nào xảy ra chung quanh chàng.

Đang mải mê vui chơi với cảnh vật, Tú Uyên chợt nhớ có truyền thuyết kể rằng, vua Lê Thánh Tôn, một nhà vua bác học đã thành lập Hội Thơ Tao Đàn, gồm 28 nhà thơ nổi tiếng đương thời, được nhà vua tôn vinh như 28 Vì Sao Khuê. Hội Thơ Tao Đàn còn ghi những dòng sử văn chương nước Việt về một giai thoại xảy ra vào một ngày đầu Xuân, khi nhà vua ngự giá đến Chùa Ngọc Hồ, tình cờ vua gặp một thiếu nữ đáng vẻ phi phàm, nghiêng đầu thi lễ, rồi dâng lên vua một

thi tập gồm 28 thi phẩm, ngụ ý tặng cho 28 thi nhân thân cận của vua. Lần đọc từng trang, vua Lê nhận thấy, mỗi thi phẩm đều mang một sắc thái thi tài của mỗi thi nhân đã được vua tuyển chọn để thành lập Hội Thơ. Vua đắc ý lắm! Đọc xong, vua ngược mắt nhìn thì thiếu nữ xinh đẹp kia đã biến mất từ lúc nào. Vua tiếc ngẩn, tiếc ngơ, rồi tự xác minh, mình đã gặp Tiên để tự ban cho mình một huyền thoại:

“ Vì là người Nhà Trời, cho nên bút pháp cũng như thư pháp mới được khai triển tuyệt vời như thế. Đặc biệt nhất là giai nhân biết được nỗi lòng thầm kín của nhà vua đối với thiên tài của từng thi nhân, ngoài thần dân còn là bằng hữu.”

Đề tồ diễm cho huyền thoại thêm phần xác tín, có sử gia dám khẳng quyết, vua Lê Thánh Tôn gặp Tiên Nữ tại chùa Ngọc Hồ là chuyện có thật, được ghi trong thư tịch của cố đô Thăng Long – Hà Nội.

Tú Uyên đang trầm tư, nhớ đến câu chuyện vua Lê gặp Tiên, bỗng nhiên chàng nghe từ đâu đó những thanh âm trong vắt, ngấm lên những lời thơ chàng vừa đọc trên tám giấy hồng đào. Bất giác, Tú Uyên đảo mắt nhìn quanh. Chàng chợt thấy một thiếu nữ áo xiêm tha thướt băng mình như bay từ sân chùa về phía cửa tam quan. Thiếu nữ cười tươi như hoa, nở trên khuôn mặt hình trái soan, với đôi mắt đen láy nhìn chàng. Một hấp lực mạnh như cơn lốc xoáy đã khiến Tú Uyên choáng váng lao mình về phía cổng chùa, rồi tiếp tục đuổi theo người con gái đến Quảng Văn Đình, tức Chợ Cửa Nam ngày nay. Chàng dừng chân, ngơ ngác, nhìn

quanh. Nhưng niềm hy vọng của chàng nho sĩ mong gặp thiếu nữ xinh đẹp, đến đây, chỉ còn là hoài vọng...

Từ đó, lòng ao ước được gặp thiếu nữ ngày càng đè nặng trong tim chàng thư sinh si tình. Và cũng kể từ đó, Tú Uyên bỏ lại sau lưng đèn sách để mỗi ngày lang thang tìm lại hình bóng người tình nhan sắc, chàng chỉ mới thoáng gặp lần đầu. Thế rồi một hôm, nhân dịp đi ngang qua đền Bạch Mã, một ngôi đền nổi tiếng linh thiêng, đến nay còn dấu tích tại phố Hàng Buồm Hà Nội, Tú Uyên bèn vào đền để xin quẻ cầu mộng. Đêm về, trong giấc ngủ, Tú Uyên được thần báo tin:

- Sớm mai, đến đợi tại đầu cầu Đông, thuộc phố Hàng Đường, con sẽ đạt ý nguyện.

Trống mới điểm canh ba, ngoài trời còn tối đen, Tú Uyên đã vội vã lên đường đến điểm hẹn. Bình minh, rồi hoàng hôn, một ngày chờ đợi dài hơn bất cứ ngày nào dài nhất trên thế giới, chàng trai vẫn chẳng thấy một bóng hồng nào lai vãng.

Lặng lặng, từng bước chậm chạp, thời gian trôi qua. Cho đến lúc bầu trời không còn đủ sáng để soi tỏ mặt người, Tú Uyên chán nản định bỏ về thì chàng thấy bóng một lão trượng mặc áo choàng màu trắng, từ xa đang tiến tới. Gặp chàng, lão trượng liền trao một tấm lụa, kèm theo vài lời dặn dò:

- Trải tấm lụa này trên án thư, ngày mai sẽ nhận được tin vui.

Không đợi Tú Uyên hỏi thêm, ông lão ngoảnh từ từ đi, rồi nhẹ bước đi vào bóng đêm.

Về đến nhà, theo lời lão trượng, Tú Uyên trải rộng tấm lụa trên án thư. Nhưng chàng chỉ thấy một màu trắng ngà, phẳng

phát chút hương của mùi lụa mới. Một hôm, Tú Uyên ngả mình thiếp dần trong giấc ngủ đầy mộng mị. Hình dáng người con gái đã lặn sâu vào tâm trí Tú Uyên, đưa chàng đến những cảnh giới thần tiên xa lạ. Cứ như thế, giấc mộng kéo dài cho đến trưa hôm sau, khi ánh nắng Xuân thấp sáng khắp gian nhà cỏ, Tú Uyên giật mình ngồi dậy. Phản ứng tâm lý tự nhiên đã khiến chàng nhìn về phía án thư. Nhưng lạ thay, tấm lụa đã do ai đem treo trên bức tường đối diện, kèm theo hình ảnh của thiếu nữ với những nét vẽ tuyệt vời và sinh động đến thế! Cảm xúc trào dâng, chàng ghé môi hôn thiếu nữ trong tranh, đầu gục trên vai nàng, mắt lim dim ... Tú Uyên tương tư thật rồi !

...Mơ màng, Tú Uyên dời khỏi căn phòng, thơ thần bước trên bờ suối dọc theo phường Bích Câu. Như có ma lực dòn nén, chàng trở gót đi về phía chùa Ngọc Hồ với kỳ vọng được gặp người tình trong mộng. Dưới ánh trăng thượng tuần mờ nhạt, Tú Uyên lác bước đến hữu ngạn Hồ Tây, gần phường Nhật Tân là vùng đất trồng Đào nổi tiếng của kinh đô Thăng Long. Lòng chàng bỗng nhiên nóng bỏng, rạo rực một cách khác thường. Một tín hiệu thần giao thâm báo, chàng phải tức khắc trở về nơi chàng đang đơn độc sống. Càng về khuya, ánh trăng càng tỏ. Hai hàng đèn bỗng nhiên mọc lên từ lòng đất, rực rỡ thấp sáng hai bên đường. Kể mộng du mơ hồ nhận ra ngôi nhà quen thuộc do chính tay mình xây trên bờ suối Bích Câu, cũng vào một mùa Xuân khi chàng thăm viếng cảnh đẹp của vùng đất này.

Vào nhà, Tú Uyên ngỡ ngàng thấy một thiếu nữ kiều diễm, trong xiêm y tiên nữ, từ bức tranh lụa bước ra, e lệ vái chào chàng. Hình tượng của thực và mộng ẩn hiện trong giấy lát, chàng đã xác định được thần sắc đôi mắt, cùng giọng nói của thiếu nữ chàng đã gặp tại chùa Ngọc Hồ. Tú Uyên chăm chú nhìn nàng, lòng vui khôn tả...

Trai tài gái sắc biết nhau từ ngày đầu Xuân, đến nay mới gặp được nhau, thân phận hai người như hai luồng điện cuốn hút lẫn nhau. Con bão nổi lên từ hai cực âm dương dữ dội đổ xuống trạng thái trình nguyên của hai con người tràn đầy sức sống. Ngoài trời, ánh trăng thượng huyền len lỏi khắp nơi làm tăng thêm những cảm xúc riêng tư... Đôi thân nồn nà quần quít, bản năng sinh tồn của kiếp người cuồng nhiệt diễn ra!...

Thời gian ở Cõi Trần thật ngắn. Thấm thoát đã một năm. Nhờ sự chăm sóc của Giáng Kiều, nho sinh Tú Uyên giật được mảnh bằng trong kỳ thi đình, đồng thời, Bé Chân Nhi bị bắt ra đời cùng với những tiếng khóc thế gian đầu tiên. Nhưng bất hạnh thay, Luật Vô Thường không từ bỏ một trừ lệ nào, dù là hạnh phúc của cặp vợ chồng đang trong thời sung mãn. Trần Tú Uyên, từ một con người nho nhã đã biến thành một tửu đồ, ngày đêm rượu chè say sưa. Đèn sách, bút nghiên của chàng một thời là bạn, đã trở thành những món hàng ế ẩm. Không chịu nổi cái phong cách phàm tục của chồng, Giáng Kiều buồn bã ôm con bay về trời.

Xa cách Giáng Kiều, thoát đầu, Tú Uyên còn dùng hơi men làm sinh thú.

Đến khi những cơn say theo thời gian biến thái dần, để lại trong Tú Uyên những mệt mỏi và chán chường. Tỉnh ngộ, chàng nhận ra sự hiện hữu của Giáng Kiều là một cần thiết không thể thiếu vắng. Cho đến một ngày, Tú Uyên bật khóc... Để rồi, trong đêm mưa gió đầy trời, giữa cảnh hoang vu, u tịch của suối rừng Bích Câu, chàng quỳ gối, tha thiết cầu mong vợ con trở về, theo sau những hình ảnh của dĩ vãng, kể từ ngày chàng gặp gỡ và tương tư Giáng Kiều, đến những kỷ niệm trong tháng ngày chung sống với nàng.

Trên Thiên Cung, Giáng Kiều nghe rõ từng tiếng nói, từng hơi thở của Tú Uyên. Từ hờn giận, nàng đã mở lòng khoan dung, vui vẻ đón chồng trở lại vui sống với gia đình trên Cõi Trời an lạc...

Giáng Kiều của Thanh Tao và Giáng Kiều của Tú Uyên là hai Thiên Thể đồng dạng và đồng cảm. Họ xuất hiện ở cõi trần là do tâm tính lãng mạn và hiếu kỳ. Họ dừng lại nơi này là do nhân duyên và thiên duyên. Tình ý giữa họ là góc khuất của ảo tình và ảo ảnh, đẹp như mơ và sáng như trăng. Tình trần phiền não, họ mơ ước cõi tiên để vui sống. Họ gọi đó là Thiên Thai, là Bồng Lai, là Tiên Cảnh... là nguồn an ủi rộng lớn của đời người đầy khổ hạnh!

Với mỗi tình tuyệt đẹp, Nàng Tiên Giáng Kiều của Thanh Tao đã được họa thành chân dung qua những đường nét ước lệ chàng đã nhập tâm từ trường phái nghệ thuật đương đại, nhằm tạo sinh cho mỗi thiên duyên ẩn tượng ở trần gian này. Còn Trần Tú Uyên gặp Tiên Nữ Giáng Kiều trong Bích Câu Kỳ Ngộ của Kinh Thi

Nước Việt, hiện vẫn còn để lại dấu tích hiện thực tại phố Cát Linh, gần Quốc Tử Giám Hà Nội. Nơi đây, người dân hiền hòa đã tự nguyện xây một ngôi miếu nhỏ để thờ người nho sinh may mắn thoát bỏ Cối Trần hiện đang vui sống trên Cối Tiên.

Lịch sử còn ghi thêm, Bích Câu là nơi thi hào Nguyễn Du sinh trưởng, để sáng tác Truyện Kiều trong thời thân phụ Nguyễn Nghiễm còn nhiệm chức Tể Tướng dưới triều vua Lê Hiển Tông, sau khi ông được vua Gia Long cử đi sứ sang Tàu. Dưới ngọn bút tài hoa của Nguyễn Du, cô Kiều đẹp như Tiên Nữ, khiến nhà thơ Chu Mạnh Trinh, một nhân sĩ Bắc Hà, đã sáng tác một lèo trên 20 bài thơ Đường để ca tụng nàng. Đặc biệt hơn thế, thi sĩ còn ghi tên “Vương Thúy Kiều” trên tay áo để ngày đêm mơ tưởng, ôm ấp nàng Kiều ngay bên cạnh mình.

x

Mơ Cối Tiên, mơ Thiên Thai, mơ Bồng Lai, mơ Đào Nguyên, có lẽ không riêng Thanh Tao, Tú Uyên và nhà thơ Chu Mạnh Trinh mà có cả Văn Cao, Tản Đà, Phạm Duy, Thế Lữ, Thôi Hiệu, Đào Tiềm, Tô Đông Pha, Lý Bạch, Đào Minh Uyên, Tào Tuyết Cần, Ngô Thừa Ân vân vân... đã để lại cho đời những tác phẩm văn chương và nghệ thuật trác tuyệt. Họ đều mơ tưởng hão huyền cả sao! Trong số 20 truyện của Truyền Kỳ Mạn Lục do Nguyễn Dữ san định vào thế kỷ 16, truyện Từ Thức Nhập Thiên Thai, có lẽ là truyện thần tiên xuất hiện sớm nhất tại Việt Nam. Trong Lĩnh Nam Chích Quái, cơ man nào truyện thần tiên chắt chũa trong tập sách này. Tên của các bài ca

như Tiên Cung, Đào Nguyên, Bồng Lai, Thiên Thai cũng đã len lỏi vào các làn điệu Dân Ca Quan Họ Bắc Ninh - Kinh Bắc được mệnh danh là cái nôi của nền văn minh, văn hóa đặc thù của đất nước ta kể từ thời Giao Châu, Giao Chi.

Nói về truyện thần tiên ma quái, Trung Hoa có vô số tác phẩm nổi tiếng. Như Tây Du Ký, Liêu Trai Chí Dị, Hồng Lâu Mộng, Hăng Nga, Đường Minh Hoàng Du Nguyệt Điện vân vân... đã làm say mê hàng triệu độc giả. Còn ở Phương Tây, các Fairy Tales đủ loại tràn ngập các hiệu sách và thư viện, trong đó, truyện Thần Thoại Hy Lạp đã chiếm một ngôi vị sáng chói trên diễn đàn văn chương, nghệ thuật và triết học quốc tế. Xã hội hiện nay có Harry Potter do nhà văn người Anh J.K. Rowling viết, là một tiểu thuyết giả tưởng có thể liệt vào loại thần kỳ, ma quái. Trong 24 tiếng đồng hồ, phần cuối của tiểu thuyết gồm 7 tập, ngay sau khi dời khỏi nhà xuất bản, độc giả khắp nơi trên thế giới đã tiêu thụ đến 11 triệu cuốn. Với hiện tượng này, thử hỏi, con người thuộc mọi thế hệ có cảm thấy đam mê và thích thú khi xem phim ảnh hay đọc các loại sách thuộc thể loại này? Thông thường, những chuyện thần tiên được sáng tác với một bút pháp hư ảo, bay bướm và đầy lãng mạng tính. Mạch văn của loại truyện này là phi đạo đưa tâm hồn con người bay bổng đến khung trời phi tưởng, như tiếng Mẹ ru con vào giấc ngủ bình an.

Lê Đức

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người yêu tuyệt vời, R.A.S. của tôi.)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

(Dịch từ những lá thư Anh ngữ cũ)

Sài Gòn 13 tháng 02, 1970

Anh yêu,

Em mới từ VAA về nhà và đọc lá thư thứ 13 của anh chứ không phải thứ 11 như anh nghĩ. Sau khi ăn cơm tối, em ngồi viết cho anh đây. Em buồn, ăn không thấy ngon miệng nữa, chỉ ăn một chút cho khỏi đói thôi.

Em đã gửi bảy thư cho anh. Cái cuối cùng em gửi tới sở của anh. Em mong rằng ít nhất anh cũng nhận được một cái và không buồn vì tưởng em không viết nhiều cho anh.

Em biết anh vẫn còn thương nhớ em nên anh không vui. Anh có thể nghĩ rằng em sẽ chóng quên anh. Anh yêu, đừng lo thế. Dù rằng anh đã để lại cho em một nỗi buồn lớn, nhưng em sẽ không đi tìm một người bạn trai nào nữa. Em sợ rằng sẽ lại ngã vào một tình yêu giai đoạn, và lại mang thêm một nỗi buồn trong cuộc đời.

Tối qua, em đi gặp luật sư và hỏi về giấy thông hành. Ông ta nói giấy thông hành chỉ có tác dụng trong 2 tháng. Nếu muốn ở nước ngoài lâu hơn phải đóng 25 ngàn đồng cho mỗi 2 tháng sau. Các cô gái Việt phải đến tòa đại sứ Mỹ thử tiếng Anh. Họ nghi ngờ rằng các cô Việt Nam kém cỏi đi theo bò Mỹ thì họ không cho

các cô đi. Vì thế các cô thường lấy thông hành đi Canada. Rồi từ đó các cô qua US dễ hơn. Vậy, em nên đợi anh lo việc nhà xong đã rồi em mới tính chuyện lấy giấy thông hành.

Trong thư mới nhất của anh mà em vừa nhận được, anh nói rằng anh có thể gặp lại em trong 4 hay 5 tháng nữa ở Hoa Kỳ hay Việt Nam hoặc ở một nước nào khác. Nếu anh chỉ muốn em sang Hoa Kỳ thăm anh, hay anh ghé qua Sài Gòn gặp em trên đường công tác hoặc nghỉ phép, thì em sẽ không muốn gặp anh đâu. Em không muốn phải nói lời giã biệt với anh như chúng ta chỉ là bồ bịch. Và rồi em lại bị mang tiếng gặp khách qua đường.

Em muốn anh viết cho em bằng chữ viết tay thân thương hơn và gửi về sở em thì em nhận được chóng. Nếu lâu anh không nhận được thư em thì đừng nghĩ em đã quên anh. Khi buồn quá, em không muốn viết nữa mà thôi.

Yêu anh. - D.

Sài Gòn 16 tháng 02, 1970

Anh yêu,

Em rất vui anh nhận được thư thứ hai của em. Em mong rằng anh sẽ nhận được tất cả thư em đã viết.

Thỉnh thoảng, thấy em đọc thư anh, con trai lớn của em hỏi: "Thư của Ông B. hả mẹ? Bây giờ ông ấy ở đâu? Bao giờ ông B. trở lại?" Em nói: "Ông ấy sẽ trở lại 4 hay 5 tháng nữa." Nó nói: "Ồ, lâu quá!" Anh thấy không, con em cũng mong anh trở lại, không riêng gì em.

Việc ở sở của em vẫn như thường lệ. Chẳng có gì đáng kể. Em không muốn thay đổi. Nhưng nếu em bị nghỉ, em sẽ xin việc ở Hãng Shell.

Mẹ em đến chơi tối qua, nhưng không ở lâu vì em phải đi một cái tiệc đã nhận lời với mấy người bạn gái trong xóm. Tiệc của một ông đại tá Việt Nam vừa được lên cấp bậc. Nhưng ở tiệc đó có rất nhiều người Mỹ làm ở MACV. Em về nhà cùng xe với mấy cô bạn.

Em buồn thì đi chơi với nhóm bạn gái. Anh cũng không muốn em buồn phải không? Thời gian 4, 5 tháng chờ đợi rất dài đối với kẻ xa người yêu. Mà biết đâu người ấy sẽ trở lại?

Yêu anh như bao giờ. - D.

Sài Gòn 27 tháng 02, 1970

Trong hai ngày, em không nhận được thư anh. Cuộc sống thật trống vắng. Thời gian trôi thật chậm. Thế rồi một thư của anh đã đến với em tại sở sáng nay. Em rất vui mừng nhưng em không đọc thư ngay được vì em có nhiều việc phải làm. Em càng mừng hơn vì mọi chuyện đã tiến triển bên ấy. Em mong rằng anh không gặp khó khăn và mọi sự êm xuôi cho người yêu của em.

Đêm qua em ngủ ngon, 6 giờ 30 sáng mới dậy. Em không kịp chải đầu, (đến sở em mới chải) nhưng may không bị trễ.

Chúng ta cần gặp nhau không phải vì chúng ta không tin nhau, mà vì chúng ta cần có nhau trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta không muốn sống cô đơn. Em mong chúng ta sẽ được sống với nhau một ngày thật gần. Anh biết rằng em nhớ anh nhiều, phải không?

Tối hôm kia, em và các con sang nhà bà ngoại chúng ăn giỗ ông ngoại. Em gặp đông đủ chị em trong gia đình. Anh vẫn khuyên em nên về thăm mẹ luôn để được an ủi. Anh cũng nên về thăm ba mẹ anh khi có dịp nhé.

Một lần, mấy cô bạn trong xóm rủ em đi đến một cái tiệc trên sân thượng của một chung cư cao gần Dinh Gia Long để ngắm Sài Gòn ban đêm. Họ cũng rủ em cùng với mấy cặp khác đi thuyền trên Sông Sài Gòn. Một người bảo em: "Cô cần một người đàn ông để nói chuyện trong chuyến du ngoạn này chứ?" Em nói: "Tôi không cần một người đàn ông nào hết. Tôi muốn được tự do nghĩ tới người bạn trai của tôi." Em nghĩ rằng em nói như vậy thì người ta để em yên một mình tưởng nhớ tới anh.

Gửi kèm theo đây là một tấm hình của em chụp với mấy cô bạn.

Hẹn gặp anh ở thư sau.

Yêu anh. - D.

Sài Gòn 03 tháng 03, 1970

Anh yêu,

Tối qua em có giấc mộng kỳ quặc trong đó "mẹ em thúc đẩy em lấy một

người đàn ông mà em không biết bao giờ. Em viết thư hỏi anh có thực sự định cưới em không thì em đợi. Đám cưới với người đàn ông đó sẽ trong một tuần nữa, nhưng thư đi, phải ba tuần anh mới nhận được. Em lo quá, khóc quá" cho đến khi chị giúp việc đánh thức em dậy đi làm em mới tỉnh và vui mừng đó là không là sự thực. Em cảm thấy thật may mắn như vừa thoát một tai nạn.

Anh yêu, em sẽ cưới anh dù anh đau yếu hay, tàn tật. Nếu tình trạng tài chánh của anh lo được cho năm mẹ con em thì chúng ta về Mỹ ở. Nếu không, chúng ta sẽ ở lại Việt Nam thì em mới đi làm được. Đó là trường hợp anh đau yếu. Còn nếu em tàn tật hay đau yếu anh có cưới em và săn sóc em không? Con ác mộng làm em nghĩ tới những chuyện không hay. Em cầu nguyện chúng ta sẽ sống khỏe mạnh bên nhau lâu dài.

Thời tiết Sài Gòn đã nóng. Nhưng em luôn luôn lạnh. Mỗi đêm, em phải tắt quạt trần, đóng cửa sổ và quấn quanh người với cái khăn trải giường mà chúng ta vẫn dùng. Em ôm gối của anh và cảm thấy hơi ấm của anh còn vương trong phòng và quện quanh người em. Thật là lâu phải đợi anh năm hay sáu tháng nữa.

Tối qua Cúc đến rủ em đi *movie*, em từ chối dù rằng từ khi anh rời Sài Gòn em chưa đi xem một phim nào. Cô ấy thay đổi nhiều. Em không thích lối ăn mặc của Cúc. Em không tin nhiệm cô ấy nữa. Chuyện gì Cúc nói, em cũng thấy là không thật, là nói ngoa, không thể tin được. Có lần Cúc rủ em đi *party* với cô

ta và ông bỏ, em cũng tránh không đi với cô ấy nữa.

Chủ nhật trước em đi một *party* với mấy cô bạn trong xóm, từ 5 đến 9 giờ tối thôi. Các cô nhảy nhót đã luôn, chân còn đau đến ngày hôm sau. Dù thế, em chẳng thấy có nam kỳ binh nào nhẩy giỏi hôm đó.

Cô thư ký của ông giám đốc RMK nói với em rằng trước đây ông xếp của cô và anh thường gặp nhau về công việc.

Cô bạn ở Indonesia viết thư cho em và hỏi thăm anh. Kim mong anh sẽ trở lại Sài Gòn hay sang Indonesia làm việc thì hai đứa em có dịp gặp nhau luôn. Nếu là vợ anh, em sẽ đi theo anh bất cứ xứ nào.

Yêu anh và nhớ anh. - D.

Sài Gòn 07 tháng 03, 1970

Anh yêu,

Em nhận được thư anh chiều nay khi em về tới nhà sau Hội Việt Mỹ. Em đã chờ cái thư này của anh từ hai ngày nay vì thư trước anh nói anh đã gửi một thư về địa chỉ nhà em.

Trước khi ăn cơm tối, em đọc thư anh, sau khi ăn em đọc lại và trước khi đi ngủ em đọc một lần nữa. Trong giấc ngủ em mơ thấy anh trong bộ đồ ngủ và mang đôi dép đi trong nhà. Em cởi bộ khuy áo và hôn lên bộ ngực "*monkey*" của anh. Nhưng đó là mơ. Em ước mong đó sẽ không là mơ, mà sẽ là sự thật.

Tối nay mấy cô bạn hàng xóm qua chơi và nói với em về cuộc du thuyền vào tuần sau, 15-03. Họ nói rằng nếu anh

còn ở đây họ sẽ mời anh cùng đi nữa. Máy cô vừa rời nhà em lúc 10 giờ 30.

Hôm nọ, khi ngồi cyclo về nhà cùng với một cô bạn. Cô ta hỏi em, nếu em gặp một người đàn ông khác hơn anh và yêu em, em có bỏ anh không? Em trả lời, em sẽ không bao giờ bỏ anh, nếu anh không bỏ em. Anh có biết rằng em yêu anh hơn bao giờ không? Em cô đơn vì anh và anh cũng đang cô đơn vì em phải không?

Em không nghe tin tức gì về H. Nhưng em nghe Thủ đô Lào Luang Prabang bị Cộng Sản Lào bao vây. Mọi người không ra hay vào được ngoại trừ bằng máy bay. Ông ta không thể xuống Lào trước khi đến Sài Gòn.

Bây giờ đến bài học tiếng Việt cho anh nhé:

My wife – VỢ TÔI. Nhưng người ta thường gọi "my wife" là "BÀ XÃ TÔI".

My husband - CHỒNG TÔI – ÔNG XÃ TÔI

My lovely student – HỌC TRÒ ĐÁNG YÊU CỦA TÔI.

Đủ bài học tiếng Việt cho anh hôm nay rồi. Hẹn gặp anh lại ở bài học sau. Hôn anh nhiều cái. - D.

Sài Gòn 08 tháng 03, 1970

Anh yêu quý của em,

Em đọc thư anh nhiều lần mà em nhận được hôm qua.

Hôm nay, thứ bảy, em ở nhà cả ngày. Đêm qua em đi ngủ muộn vì xem một phim tình cảm trên đài truyền hình Mỹ, kết thúc lúc 12 giờ 30. Truyện phim về một người con gái Nhật thương một sỹ

quan Hoa Kỳ trong chiến tranh thứ hai và là một truyện buồn. Cô ta là cô giáo dạy tiếng Nhật cho người sỹ quan đó và hai người yêu nhau. Nhưng về sau cô ta chết. Người sỹ quan nói với người yêu rằng: "Anh sẽ yêu em suốt đời" ở cuối phim.

Em muốn được anh ôm em và hôn em như người sỹ quan ôm và hôn người yêu Nhật Bản trong phim. Em nhớ anh thật nhiều.

Bây giờ em viết thư cho anh trên bàn có cái máy khâu bằng, đang phát ra những bài ca buồn, có cái máy chữ, bên cạnh cái radio và cái máy ảnh là những kỷ vật anh để lại. Trên bàn cũng để cái TV mà em vẫn thường xem những phim Mỹ và tưởng nhớ tới anh. Em vẫn còn bao nhiêu thứ cần dùng hằng ngày mà anh mua cho em trước khi về nước, em dùng cả năm nữa cũng không hết.

Chiều nay em mở cái tape anh khâu tại căn biệt thự Đường Nguyễn Đình Chiểu mà bây giờ Jerry đang ở. Trong tape có nhiều tiếng cười của anh và em. Em muốn khóc khi nghe tiếng anh. Em sẽ gửi anh cái tape có tiếng nói của em, anh có muốn nghe không?

Em nghĩ tới anh hoài, không biết làm gì giúp anh, chỉ biết yêu anh và nhớ anh mà thôi. Em muốn được anh ôm và hôn nhiều.

Yêu anh. - D.

Sài Gòn 10 tháng 03, 1970

Ông Xã của em,

Anh ở thật xa để có thể nói chuyện với anh. Em định rằng sẽ nói với bố chúng đến lượt ông ta phải trông nom hai

cậu con lớn. Em sẽ chỉ giữ hai cô cậu nhỏ. Ông ấy sẽ không phiền hà khi em yêu cầu. Giữ bốn đứa con thật khó khăn cho em và cho cả chúng.

Nếu anh có việc làm ở Á Đông hay ở Việt Nam và chưa cưới em thì chúng ta cũng không tiện sống với nhau. Em cũng sẽ chỉ nhận lời đi theo anh về Mỹ nếu anh có việc làm trong nước và nếu anh đã cưới em. Anh không nên bỏ việc làm với Bộ Ngoại Giao, nơi sẽ có tài chánh bảo đảm sau khi anh về hưu. Như thế em yên tâm cho anh và cho cả em nếu chúng ta cưới nhau. Nếu cần em cũng có thể đi làm việc nhỏ. Em biết là công chức ở xứ nào đời sống cũng sẽ không giàu như đời sống công chức của bố em trước đây khi có nhiều con cái.

Em không sợ phải đi nước này nước nọ khi mà em có anh và em mong được như thế. Anh tử tế, dịu dàng với em. Em biết anh yêu em và thương các con em thực tình. Em biết anh sẽ là người chồng tốt, người cha tốt cho các con em. Em sẽ yêu anh và săn sóc anh suốt đời. Chúng ta đều có kinh nghiệm vợ, chồng cũ. Chúng ta sẽ biết sống hạnh phúc với nhau hơn. Đúng thế không "my monkey", người yêu của em.

Hôn anh. - D.

Sài Gòn 10 tháng 03, 1970

11 giờ 30 sáng nay, khi em vừa viết xong cái thư trước cho anh thì nhận được thư khác của anh. Bây giờ là 2 giờ 30 chiều. Em rất vui mừng tình trạng phía anh tiến triển. Cảm ơn anh đã nghĩ tới các con em. Đúng, em sẽ buồn và nhớ

chúng lắm nếu em phải xa chúng lâu. Chúng ta sẽ chỉ xa chúng một thời gian ngắn nếu phải rời xứ sở của em và về Hoa Kỳ hay đi nước ngoài sau khi chúng ta cưới nhau. Chúng ta sẽ giữ hai đứa nhỏ. Em sẽ gửi hai đứa lớn về ba của chúng và trả lại căn nhà cho họ ở. Em sẽ viết thư thường xuyên thăm con em và mong rằng chúng sẽ hiểu sức lực của mẹ và không trách móc mẹ. Nhưng khi tương lai sáng sủa và vững vàng em sẽ yêu cầu ông bỏ cho hai cậu lớn đi Mỹ ở với chúng ta. Em nghĩ rằng ông ấy cũng sẽ đồng ý.

Em quên không nói với anh rằng, người muốn thi về Computer Programmer phải có bằng cử nhân đại học mà em thì không. Trong sổ em bây giờ chẳng người nào được lên lương, lên cấp cả. Trái lại mọi người lo bị sa thải, vì không còn nhiều việc nữa. Nhưng ông *boss* của em luôn luôn nói với *boss* lớn rằng phòng của ông cần người làm việc, ông không muốn ai phải nghỉ việc cả. Em nên ngồi yên một chỗ, đợi cơ hội khác và nghĩ rằng sau khi anh cưới em, em vẫn muốn đi làm nếu có thể. Cảm ơn anh đã hứa rằng dù chúng ta chỉ giữ hai đứa nhỏ, anh vẫn sẽ lo cho cả bốn. Nhưng em chưa già để về hưu và vẫn cảm thấy có an ninh cho cuộc đời còn dài khi có việc làm. Anh sẽ chiều ý em nhé?

Yêu anh. - D.

Sài Gòn 12 tháng 03, 1970

Anh yêu,

Em đang viết cho anh tuy rằng hai ngày nay không nhận được thư anh. Em quên không nói với anh, chị em ở Biên

Hòa sinh con trai. Khi nào rảnh anh viết vài chữ thăm anh chị ấy. Kim, bạn em ở Indonesia viết thư cho em và mong rằng một là anh được đổi về Sài Gòn, hai là đi Indonesia để vợ chồng Kim có thể gặp chúng ta luôn.

9 giờ đêm tại nhà em - Một thư của anh tới sở em lúc 5 giờ chiều. Tội nghiệp anh, không nhận được thư em để đọc ngày cuối tuần. Em rất tiếc, em muốn viết cho anh nhiều hơn, nhưng anh biết không, mỗi thư viết cho anh em phải viết nháp trước rồi viết lại cho sạch hơn mà vẫn phải sửa chữa và chắc chắn vẫn còn lỗi dù em phải tra tự điển rất nhiều chữ không thường dùng. Nên em phải mất nhiều thời giờ viết cho anh hơn là anh viết cho em.

Anh là người ưa làm việc mà chưa có việc gì thích thú để làm thì buồn lắm. Thôi thì anh dành thời giờ rảnh viết thư cho em vậy. Em cũng cố gắng viết cho anh nhiều hơn.

Bây giờ em thường mặc váy đi làm vì em đã hơi mập để mặc áo dài. Em sợ rằng nếu em mập, khi trông thấy em, anh sẽ chạy đi, không cưới em nữa. Nói giỡn chơi thôi. Em mập hay ốm anh vẫn thương em, phải không?

Em đã trở lại lớp Hội Việt Mỹ tuần trước, sau 3 tuần lễ biểu tình của sinh viên. Nhà trường bắt phải học thêm 3 giờ để bù lại những ngày nghỉ.

Bắt đầu mùa mưa tại Sài Gòn. Thật là bực bội khi phải lội bộ dưới mưa với đôi giày cao gót qua cái ngõ dài ra đường chờ đợi xe thật lâu để đến sở. Hoặc đứng bên đường, che ô lướt thướt mưa rơi cả

nửa giờ để đón xe về nhà sau khi tan sở. Em ước gì có anh ở đây đưa đón em thì đỡ quá.

Em được mời đi thuyền nữa nhưng em từ chối. Nếu có anh, em sẽ không chán đi như thế.

Em mong rằng anh không buồn lắm khi rời Chicago và anh sẽ thích việc làm ở Washington.

Bây giờ thì tạm biệt anh. - D.

Sài Gòn 13 tháng 3, 1970

Anh yêu,

Chiều nay, sau khi tan sở em lên phố tìm mua vài thứ tặng anh để anh luôn nhớ tới em, nhưng không biết chọn gì.

Em gửi anh một lá thư sáng nay mà anh có thể nhận được trước thư này. Em lên ký và cảm thấy khỏe ra. Đừng lo cho em. Hãy cẩn thận lo sức khỏe cho chính anh. Đừng uống nhiều rượu và hãy đi ngủ sớm. Các bạn em nói rằng anh là người tốt, anh lo cho em dù anh không ở đây. Em nói, đúng vậy. Em hãnh diện về anh, anh là người dễ thương và đáng tin cậy. Em thương anh và không bao giờ bỏ anh. Họ nói rằng em may mắn gặp anh. Em nói, em cũng biết vậy và đồng ý với họ. Em không biết nói gì hơn là yêu anh và chờ đợi anh. Hôn anh. - D.

Sài Gòn 14 tháng 03, 1970

Anh yêu,

Bây giờ là 1:30 thứ bảy. 2 giờ nữa em sẽ có lương. Em còn tiền, nhưng vẫn vui như bao giờ vì là tiền em làm ra.

Hôm qua em đi ra phố mua tặng anh cái tàu bằng ngà. Em nhờ H. đem sang cho anh tối qua. Em chọn cái tàu vì em biết anh hút *cigar*. Nghĩ rằng, mỗi khi anh ngậm tàu anh sẽ tưởng nhớ em đang hôn anh, em cảm thấy một sự ấm áp ôm vậy.

H. rời Sài Gòn sáng nay. Em mong rằng H. sẽ dừng ở Chicago trước khi đi Washington, anh sẽ nhận được món quà nhỏ bé của em.

Bộ Nội Vụ Việt Nam có thông báo không phát thông hành cho người nào cả, trừ người đi du học, đi chữa bệnh, đi thăm người nhà và có công vụ. Họ không phát thông hành cho người đi du lịch. Bởi vì người đi du lịch, dù quanh vùng Đông Nam Á, là đem Mỹ kim ra nước ngoài.

Cô bạn tên Kim của em bên Indonesia (du học Úc trước kia), nói rằng, sống ở nước Úc rất tốt và dễ dàng tìm việc làm. Nhiều sinh viên Việt Nam làm việc ở Sydney. Kim ở đó và làm việc hai năm. Người Úc đối xử rất tốt với Người Việt và các người Á Đông khác. Nhưng mọi người cũng đều phải tốt, không dối trá. Cũng có một giáo sư Đại Học người Úc hỏi cưới Kim, nhưng ông ta không cùng một tôn giáo, nên bạn em từ chối. Kim có đạo Thiên Chúa. - D.

Sài Gòn 15 tháng 03, 1970

Hôm nay em đi thuyền trên Sông Sài Gòn, Đồng Nai với mấy người bạn gái và bạn Hoa Kỳ của họ trong đó có Ch. quen anh. Thuyền khởi hành lúc 9 giờ và trở về lúc 6 giờ. Rất nhiều người Mỹ và Việt

Nam bơi lội, trượt nước trên Sông Đồng Nai, Biên Hòa. Phong cảnh rất đẹp. Nước sông trong và sạch. Thuyền ngừng ở đây một giờ. Ch. và một cô nhảy xuống sông bơi. Những người bạn Mỹ chụp nhiều hình cho các cô bạn và em. Ch. nói với em rằng sẽ gửi cho em vài hình để em gửi cho anh. Anh nhìn thấy hình, anh sẽ trở lại Sài Gòn ngay. Em cũng mong như thế. Vì vậy, anh mới nhận được hình này. Ch. hỏi chuyện về anh và em. Em cũng nói về tình trạng hiện tại của chúng ta. Ch. cũng tâm sự đã ly thân với vợ một năm rồi. Ch. nói khi nào anh sang lại Sài Gòn, Ch. sẽ mời chúng ta đi thuyền nữa. Nhóm này lại rủ em đi Vũng Tàu tuần sau. Anh sẽ không phiền nếu em nhận lời nhỉ? Họ biết anh nên rất lịch sự với em. Họ không có ý định giới thiệu em với ai cả. Bạn gái thì cũng muốn cùng nhau đi cho vui và "bảo vệ" nhau.

Anh yêu, thời gian chờ đợi thật dài và chậm. Em ước gì nó rút ngắn lại. Nên em phải đi ra ngoài chơi cùng với với nhóm bạn gái đồng đảo. Đừng buồn, em yêu anh và nhớ anh hoài. Ráng trở lại chóng với em nhé, rồi chúng mình cùng đi chơi.

Hôn anh. - D.

Sài Gòn 18 tháng 03, 1970

Anh yêu,

Bốn ngày rồi, em không nhận được thư anh. Đường thư đi lại thật là chậm. Em buồn và lo không biết có chuyện gì cho anh, anh bệnh hay thư em viết có điều gì làm anh buồn giận?

Em gửi anh một thư ngày Thứ bảy, một thư Thứ hai. Hôm nay là Thứ tư. Thứ tư sau em sẽ có thi ở Hội Việt Mỹ. Em đang học ôn bài vở, nhưng thực là khó vì cứ nghĩ tới anh. Không biết anh còn thương em không, có muốn trở lại Sài Gòn không? Có muốn em là vợ của anh không?

Bây giờ là 10:30 sáng tại sở em. Một giờ nữa, một cô sẽ đem thư tới phòng của em. Không biết em sẽ có thư của anh không? Nhưng thật vui mừng, 10:33 em đã nhận được một thư, và 11:20 em nhận được 2 thư nữa của anh. Một cô ngồi cạnh, chế giễu em rằng nhận được 3 cái thư một lúc, em sẽ no và không phải ăn trưa. Người trong RMK biết chuyện của chúng ta. Họ đều mến và lịch sự với em. Họ biết em là người tốt, em có boy friend là một nhà ngoại giao. Em không đi chơi với ai như *"girl friend and boy friend"* khác.

Qua thư, anh nói rằng anh ít nói, ít cười ở nhà từ trước đến nay. Nhưng từ khi gặp em anh được nói chuyện vui, anh được cười nhiều. Bạn em cũng nói về anh như vậy. Họ nói, việc của anh là ngoại giao mà. Về khía cạnh riêng tư, em hiểu rằng khi không thương nhau nữa thì không còn hợp khẩu và không còn gì để nói với nhau nên chỉ còn sự im lặng và buồn mà thôi.

Em thông cảm, anh bận làm thuế và trả thuế rất nhiều. Vậy thì trong tương lai, nếu chúng ta là vợ chồng, em sẽ giúp anh tận tụy. Em đồng ý với anh, dù anh không có công việc tại Á châu, anh cũng không nên bỏ việc làm tại Bộ Ngoại Giao. Nghĩ tới chỉ còn hai tháng nữa sẽ

biết anh được đổi đi đâu, chúng ta sẽ gặp nhau ở chỗ nào, em rất nôn nóng. Em sẽ một mình theo anh bất cứ anh đi nước nào trong vài tháng đầu. Nếu nước đó tốt cho trẻ con, chúng ta sẽ đem các con em đi sau.

Em gửi kèm theo thư 2 tấm ảnh của em chụp tại phòng làm việc và trên Sông Sài Gòn. Em sẽ gửi thêm ảnh em để chúng ta có cảm tưởng đang ở gần bên nhau và có nhau hoài.

Ở Tân cảng đang có đình công của công nhân Hãng RMK. Công nhân muốn được tăng lương. Chính phủ Việt Nam tăng thuế. Vật giá leo cao khủng khiếp. Người ta đoán RMK Trung Ương Sài Gòn và những nơi khác cũng sẽ ủng hộ và đình công theo sau.

Mùa này trời Sài Gòn nắng và nóng hơn. Không khí bụi bặm. Em biết thời tiết hôm nay ở Chicago là 36 độ và mây u ám. Có phải không anh? Đài AFTV nói như vậy. Em chỉ nhớ thời tiết Chicago mà không nhớ người ta nói thời tiết ở các tiểu bang khác ở nước Mỹ hay Nhật Bản ra sao.

Yêu anh. - D.

Sài Gòn, thứ bảy 21 tháng 03, 1970

Anh yêu dấu,

Cuộc đình công đã lan tới RMK Trung Ương Sài Gòn nơi em làm việc. Không nhân viên Việt Nam được vào sở. Ba Đại diện công nhân Việt Nam và ba Đại diện CVT (em không nhớ tên, có thể anh biết họ) có họp hai lần tại phòng giám đốc RMK. Em không biết họ đã có sự đồng ý nào chưa? Cuộc đình công bắt

đầu từ thứ hai ở Tân Cảng rồi lan tới Thủ Đức, Long Bình, Tân Sơn Nhất, cuối cùng là Sài Gòn. RMK ở Đồng Tâm, Mỹ Tho cũng hưởng ứng.

Các cô bạn của em ở sở rất vui mừng, được nghỉ không phải xin phép. Thật là tuyệt vời nếu cuối tuần này nhóm bạn và em được mời đi Vũng Tàu. Nhưng Ch. quyết định sẽ đi tuần sau.

Sáng qua, sau khi phải rời sở, em đi phố ăn sáng với một người bạn rồi đi mua đồ trang điểm, một xấp vải màu tím tươi để may váy và một bộ áo tắm hai mảnh. Hôm nay, em ở nhà cả ngày, sửa quần áo cho các con em và dọn dẹp nhà cửa.

Chủ Nhật 22 tháng 03, 1970

Tối qua, một cô bạn trong xóm ghé nhà em nói chuyện đến 11 giờ đêm. Em buồn ngủ không viết tiếp cho anh được.

Hôm nay em cũng ở nhà cả ngày. Em vẫn nghe một băng nhạc trẻ Mỹ mà em rề của em mới thu cho. Em để nhạc lớn và nằm dài trên giường nghe suốt buổi sáng. Em nghĩ tới anh, không biết giờ đó anh đang làm gì? Anh vui hay ai làm cho anh buồn. "My monkey" bị sứt hay lên cân? Em yêu anh dù anh mập hay ốm. Anh cảm thấy khỏe và không buồn là em mừng rồi.

Ngoài trời đang mưa, trận mưa đầu mùa cũng chẳng làm cho thời tiết mát hơn. Hơi nóng bốc lên từ mái nhà, vách tường và đường phố. Xa anh trong mùa mưa em lại càng cảm thấy buồn và cô đơn. Trời mưa làm những người yêu nhau nhớ nhau hơn. Trời như cùng khóc với những kẻ buồn. Tuyệt còn rơi ở Chicago không anh? Nếu anh không thích tuyết, tim em nóng lắm với tình yêu

anh và có thể làm tuyết tan cho anh được, anh biết không?

Bây giờ là 10 giờ đêm Chủ nhật. Em ngồi ở bàn viết trong phòng em. Em vừa thu vài bài hát Việt Nam từ trong TV, âm thanh không tốt bằng thu từ radio. Em để nhạc cả ngày dù em không có trong phòng, để phòng bớt trống vắng khi không có anh.

Một vở kịch Việt Nam, không phải là cải lương, vừa chiếu hết trên TV. 11:30 rồi. Thôi em đi ngủ nhé. Em ước gì được một cái hôn của anh bây giờ.

Em yêu anh. - D.

Sài Gòn 26 tháng 3, 1970

Người yêu của em,

Hôm nay là ngày nghỉ tại Việt Nam. Buổi sáng em dẫn các con em đi nhà thờ, rồi ăn kem trên phố. Sau đó em và trẻ con đi quanh các rạp chiếu bóng Rex, Eden và Casino. Không thấy phim nào thích hợp với trẻ con, nên em đưa chúng đến một rạp ở Tân Định. Thật tức cười, năm mẹ con ngồi lên một cái xe kéo, người đạp xe ngồi trên yên đằng trước. Nếu anh có ở đây với cái máy quay phim, anh sẽ thu được những hình ảnh khôi hài nhất.

12 giờ 30 phim bắt đầu. Đó là phim Tàu, các tài tử đánh nhau với kiếm và mã tấu. Họ bay như chim và bướm. Các con em say mê xem phim, em cũng thích loại phim này. Em nghĩ truyện phim dạy trẻ con, những kẻ xấu sẽ gặp điều xấu và thất bại, người làm điều tốt cuối cùng sẽ gặp chuyện tốt và sẽ thành công.

Anh khỏe không? Cả tuần nay em không nhận được thư anh. Em buồn và cảm thấy cô đơn. Em mong cuộc đình

công của bưu điện bên US chóng qua để khi em đi làm sẽ nhận được thư anh. Anh có biết rằng đó là điều tuyệt vời nhất đối với em khi đọc thư anh không?

Em quên không hỏi anh, bộ râu Elvis Presley hai bên tai của anh ra sao rồi? Chúng đã dài chưa? Anh phải giữ chúng và đem chúng sang đây cho em coi ít nhất là một lần nhé. Nếu chúng không làm anh thoải mái thì cứ cạo chúng đi. Em thương anh không vì anh có bộ râu đó hay không. Anh đẹp trai đủ rồi. Anh biết không, mỗi lần nói yêu anh, em ước gì cũng được anh thưởng một cái hôn và nói lại với em như thế.

Em mong rằng cuộc đình công của bưu điện US sẽ qua mau, không làm cản

trở thư từ của chúng ta trong lúc này.

Sáng mai em sẽ đến sở, nhưng không biết có vào làm việc được không? Sinh viên vẫn còn biểu tình ở gần đó. Nếu không phải làm việc, em và mấy cô bạn sẽ rủ nhau đi xem phim "Histoires Extraordinaires". Alain Delon, Brigitte Bardot, Jane Fonda... trong phim đó.

Em quên không có bài học tiếng Việt cho anh ở thư trước. Bây giờ mình học với nhau vài câu nhé.

Hãy săn sóc sức khỏe của anh nhé. Em yêu anh mãi mãi. D.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

PRINCIPAL BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

PHÁT HÀNH BÁO CỎ THƠM 77

02/05/2017

Hình ảnh: **Phạm Bá**



Ý Anh, Ngọc Dung,
Ỗ Nguyên, Tâm Hảo,
Thúy Liên, Thu Thủy,
Diễm Trân,
Lan Hương.

Đỗ Phú,
Nguyễn Lâm,
Phan Khâm,
Huy Lâm,
Vũ An Thanh,
Phạm Bá,
Phan Anh Dũng.





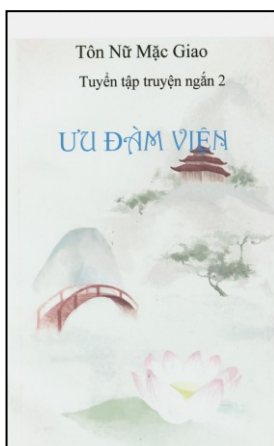
Diễm Hoa, Ý Nguyên, Chị Giao, Nguyệt Hằng, Tâm Đạt, Ngọc Thanh.



Hàng ngồi: Diễm Hoa, Ngọc Dung, Ý Nguyên, Lan Hương. Hàng đứng: Tâm Hảo, Thu Thủy, Trinh Phan, chị Giao, Minh Châu, Ngọc Thanh, Diễm Trân, Nguyệt Hằng, Ý Anh.







Trân trọng cảm tạ

Nhà văn
TÔN NỮ MẶC GIAO

đã tặng
Tập Chí Cỏ Thơm
các tác phẩm quý.

Xin giới thiệu
cùng độc giả.
Liên lạc tác giả:
tnmacgiao@yahoo.com





7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Phạm Hữu Bính,
Ô. Đỗ Bình, ÔB. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Nguyễn Bông,
ÔB. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, B. Diễm Châu, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Senser,
Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại,
B. Dương Tâm Đạt, B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, Ô.B. BS Hoàng Giang,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Lê Hồng,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng,
ÔB. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, ÔB. Đinh Kỷ, ÔB. Nguyễn Lân,
ÔB. Nguyễn Khoa Lân, ÔB. Nguyễn Huy Linh, ÔB. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam,
ÔB. Nguyễn Phú Long, ÔB. Phạm Bá Luân, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA),
B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,
B. Phan Thị Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
ÔB. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, ÔB. Đỗ Ngọc Phú,
Ô. Lê Quang Phùng, ÔB. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phụng,
B. Lý Ngọc Quyên, ÔB. Đào Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn,
Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm, ÔB. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu,
B. Tuyết Nguyễn, ÔB. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, ÔB. Nguyễn Văn Thành,
ÔB. BS Nguyễn Văn Thành. ÔB. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Nguyễn Toàn,
B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke,
Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Lê Thúy Trúc, B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn,
BS Phan Khắc Tường, ÔB. Phạm Minh Xuân, Ô. Đoàn Ngọc Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, BS. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

TỦ SÁCH CỎ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRẮNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VẦN KHẢO (2000) - Trần Bích San; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THỂ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BỀN DÒNG THẠCH HÂN (2002) - Thơ Phan Khâm; SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lâm;
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LÊ (2004) -Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng
PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SAI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THUỞNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VẦN CHUỖNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRẮNG RẼM (2007) - Bút khảo - Hồ Trường An về các tác giả
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013)
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC &
TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn
MƯA XUÂN-SPRING RAIN-Thơ song ngữ: Tâm Minh Ngô Tăng Giao
MONG MANH – Thơ: Ý Anh; BƯỚC LẠ QUÊ HUƠNG – Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên Khảo của Nguyễn Văn Thành
TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC - Ý Nguyên

GIÁ BẢO: \$US 7:00



IMAGINAIRES: Tranh sơn dầu của HS LIÊN PHƯƠNG